

Sưu tầm, biên soạn: Hằng Nga

Truyện CỔ TÍCH VIỆT NAM



Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin

HÀNG NGA

Sưu tầm biên soạn

Truyện Cổ Tích Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – THÔNG TIN
Hà Nội – 2004

Tấm Cám

Ngày xưa, ngày xưa ở một làng nhỏ ven sông có hai vợ chồng người nông dân hiền lành chăm chỉ sống vui vẻ hạnh phúc cùng với người con gái nhỏ tên là Tấm.

Người cha ngày ngày ra đồng cày cấy, chăm bón ruộng đồng. Mẹ Tấm ở nhà chăm sóc mảnh vườn, ao cá lo cơm nước cho cả nhà. Tấm ngày ngày giúp bố mẹ chăn trâu, cắt cỏ, mò cua, bắt ốc, giúp mẹ việc nhà và vui chơi với bạn bè cùng trang lứa. Cuộc sống cứ thế êm đềm trôi qua. Một ngày kia, tai họa ập tới, mẹ Tấm ốm nặng rồi qua đời. Ngôi nhà trở nên trống vắng, hai cha con lặng lẽ sống qua ngày. Nỗi buồn mất người vợ yêu quý làm cha Tấm già đi nhanh chóng. Nhớ mẹ, Tấm thường khóc thầm mỗi ngày bên bàn thờ mẹ! Thương con thất lòng, người cha đi đến quyết định tìm cho Tấm một người mẹ mới, để cô có người chăm sóc, bầu bạn.

Qua bao đắn đo suy nghĩ, cha Tấm đành tái giá với người đàn bà goá chồng và có một người con gái riêng tên là Cám.

Gia đình mới của bố con Tấm với mẹ con Cám chẳng mấy đầm ấm. Rồi một ngày kia cha Tấm qua đời. Trong ngôi nhà xưa, nhưng Tấm chẳng còn cha còn mẹ nữa!. Cô phải ở với mẹ dì ghẻ ngày một nanh ác, luôn ghẻ lạnh hành hạ cô. Cám

cũng hòa theo mẹ chẳng để cô được yên. Một hôm mẹ Cám sai Tấm và Cám ra đồng làng bắt cua và nói: “Đứa nào bắt được nhiều cua về sẽ được thưởng một cái yếm đỏ!”

Hai chị em đeo giỏ cùng đi ra cánh đồng ven đê bắt cua. Trong khi Tấm chăm chỉ mò cua bắt ốc, thì Cám nhón nhơ hái hoa, bắt bướm hết bờ này bụi nọ. Mặt trời đã lên cao, nhìn thấy Tấm bắt được một giỏ đầy cua ốc, mà giỏ của mình thì rỗng không, Cám bèn nói với Tấm:

- Chị Tấm ơi ! đầu chị lấm chị hãy đi tắm, chị ngụy cho sâu kéo về mẹ mắng!

Tấm tưởng là thật vội để giỏ cua nhờ Cám trông hộ, để ra chỗ sông khuất tắm gội cho sạch. Sau khi tắm gội sạch sẽ, Tấm lên bờ thì chẳng thấy Cám đâu! chỉ thấy chiếc giỏ của mình nằm chổng trơ trên bờ ruộng. Tấm nhặt lên thì thấy trong giỏ chẳng còn con cua, ốc nào cả! Tấm chợt hiểu ra là Cám đã lừa mình. Người cô như hẫng hụt, buồn chán, tủi thân cô ngồi thụp xuống bờ ruộng bụng mặt khóc nức nở. Bỗng cô nghe thấy tiếng nói hiền từ như vọng từ trên trời xuống:

- Làm sao con khóc?

Tấm vội lau nước mắt ngẩng mặt lên nhìn. Cô thấy trước mặt mình là một ông Bụt râu tóc bạc phơ đang nhìn cô thương cảm. Cô vội quỳ lạy và kể hết sự tình cho Bụt nghe. Bụt bảo:

- Con xem trong giỏ còn gì không ?

Tấm nhìn vào đáy giỏ chỉ thấy còn một con cá bống bé tí bé tẹo, liền vội thưa:

- Thưa Bụt, chỉ còn một con cá bống thôi ạ!

Bụt bảo:

- Dừng buồn khóc nữa! Con hãy đem con cá bống này về thả xuống giếng sau nhà. Mỗi bữa đáng ăn ba bát thì con chỉ ăn hai bát, con một bát con để nuôi bống. Mỗi khi cho Bống ăn, con hãy nói:

“Bống bống bang bang lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người” và đổ cơm xuống giếng, Bống sẽ nổi lên ăn.

Nói xong Bụt biến mất.

Tám về đến nhà thì mẹ con Cám đã đi chơi xa. Cô liền thả Bống xuống giếng và cho Bống ăn theo lời Bụt dặn.

Ngày ngày sau mỗi bữa cơm, cô đều ra bờ giếng khê gọi:

- “Bống bống bang bang lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người”.

Tám vừa dứt lời, Bống liền nổi lên mặt nước ăn cơm.

Mẹ con Cám ngày ngày ăn trắng mặc trơn, suốt ngày rong chơi. Tất cả việc nhà, việc đồng áng đều trút lên vai Tám. Tám chẳng phàn nàn kêu ca, cô luôn chăm chỉ làm hết mọi việc, suốt ngày từ sáng đến tối mệt chẳng được ngơi tay. Cô chẳng khác gì người làm không công cho mẹ con nhà Cám. Nhưng cô không buồn cô luôn lấy công việc làm nguồn vui, có Bống bầu bạn cô cảm thấy như được an ủi và vơi bớt nỗi cô đơn.

Cám thấy Tám ngày nào sau mỗi bữa cơm lại ra bờ giếng, nó sinh nghi. Một hôm Cám lên ra sau vườn rình, thấy Tám cho Bống ăn, nó liền học thuộc câu : “*Bống bống bang bang lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người*”.

Cám bàn với mẹ, hôm sau mẹ Cám liền gọi Tấm vào bảo:

- Con ơi! Hôm nay chẵn Trâu thì chẵn đồng xa, chớ chẵn đồng nhà họ bắt mất trâu! Tấm vừa dắt trâu ra khỏi nhà, mẹ con Cám vội ra bờ giếng gọi

“Bống bống bang bang lên ăn com vàng com bạc nhà ta, chớ ăn com hẩm cháo hoà nhà người”.

Bống nghe tiếng gọi nổi lên mặt nước, Cám vội bắt lấy Bống làm thịt ăn và đem xương vùi vào đồng tro bếp. Chiều đi chăn trâu về, như thường lệ Tấm mang com ra bờ giếng gọi Bống. Tấm gọi mãi chẳng thấy Bống đâu, chỉ thấy một cục máu nổi lên mặt nước. Biết Bống không còn, Tấm òa khóc tức tưởi. Bụt hiện lên hỏi:

- Làm sao con khóc?

Tấm sụt sùi kể hết sự tình cho Bụt nghe. Bụt bảo:

- Con hãy tìm xương cá Bống, rồi đem cho vào bốn cái lọ, chôn ở bốn chân giường.

Nói xong Bụt biến mất. Tấm theo lời Bụt dặn đi tìm xương cá Bống nhưng tìm khắp nhà mà không thấy! Con gà mái thấy vậy kêu:

- Cục ta, cục tác cho ta nắm thóc ta bới xương cho!

Tấm vội lấy nắm thóc vãi ra sân cho gà ăn. Mỏ hết thóc, gà liền vào bếp bới tung góc bếp, một lúc sau xương Bống phơi trên mặt tro. Tấm ngậm ngùi nhặt xương Bống cho vào bốn cái lọ, chôn ở bốn chân giường ngủ của mình. Cô nghĩ như thế cô vẫn có bạn Bống bên mình, cô sẽ đỡ buồn tủi hơn.

Ngày tháng trôi qua, Tấm đã mười sáu tuổi, cô trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, nét na, hiền thực, thạo mọi công việc.

Tuy chỉ được mặc quần áo thừa, rách cũ, nhưng Tấm khéo vá khéo mặc nên trông cô vẫn luôn kín đáo, sạch sẽ.

Năm ấy được mùa, nhà Vua cho mở hội mừng và cho phép già, trẻ, gái, trai khắp nước được đến dự Hội. Biết được tin này, mẹ con Cám suốt ngày lo chuẩn bị quần áo đẹp để đi dự Hội và càng bắt Tấm làm nhiều việc hơn.

Đến ngày hội, từ sáng sớm mẹ con Cám đã chải đầu vấn khăn, quần là áo lượt, xúng xính ra vào. Trước lúc đi hội, dì ghẻ gọi Tấm tới và bảo:

- Con chịu khó ở nhà nhặt hết bồ thóc lẫn gạo đầy kia, cho đến khi thóc riêng ra thóc, gạo riêng ta gạo mới được đi dự Hội nghe không!

Nói xong hai mẹ con Cám vội vã lên đường đi Hội.

Tấm nhìn bồ thóc trộn lẫn gạo đầy có ngon, tủi thân òa khóc.

Bỗng một vùng sáng loá trước mặt, Bụt hiện lên hỏi:

- Làm sao con khóc?

Nghe Tấm kể rõ sự tình, Bụt bảo:

- Ta sẽ cho một đàn chim sẻ xuống giúp con nhặt thóc riêng ra thóc, gạo riêng ra gạo. Con đừng buồn nữa.

Dứt lời, Bụt biến mất. Ngay lúc đó một đàn chim sẻ đông đúc bay xà xuống. Chỉ một lúc sau chúng đã nhặt riêng thóc ra thóc, gạo ra gạo. Tấm vui quá vội cám ơn chim, rồi nhanh tay thu dọn gọn gàng nhà cửa để đi xem hội. Từ khi cha mẹ mất, cô chưa bao giờ được may quần áo mới. Nhìn bộ quần áo rách vá chằng vá đụp của mình Tấm lại tủi thân tủi phận khóc thầm. Bỗng một vầng hào quang lan toả khắp không

gian, Bụt hiện lên hỏi:

- Làm sao con khóc?

Tấm thưa:

- Thưa! Con muốn đi xem hội, nhưng con không có quần áo đẹp để đi.

Bụt bảo:

- Con hãy đào bốn cái lọ ở bốn chân giường lên, con sẽ có quần áo.

Làm theo lời Bụt, Tấm đào bốn cái lọ ở bốn chân giường và đặt lên sàn nhà. Cô vô cùng hồi hộp mở lọ thứ nhất, Tấm không tin vào mắt mình nữa. Đây yếm đào, này áo tứ thân màu nồn chuối, này thắt lưng xanh hoa lý, váy lĩnh đen mới tinh đẹp đẽ. Tấm soi gương reo lên, cô mở tiếp lọ thứ hai: Ôi một chiếc khăn nhiễu Tam Giang tuyệt đẹp bay vào tay cô. Nắp lọ thứ ba vừa mở, đôi hài xinh xắn hiện ra đẹp như trong mơ, Tấm không thể tin được đó là sự thật. Vừa sờ tay vào lọ thứ tư, chiếc nắp bật mở, một chú ngựa nhỏ xíu có đủ yên cương hiện ra. Khi Tấm vừa đặt ngựa xuống đất thì nó hí vang và trở thành cao lớn như ngựa bình thường. Vui sướng quá Tấm vội tắm rửa và mặc quần áo, chải đầu vấn khăn, đi hài mới, rồi lên ngựa đi chầy hội. Khi ngựa đi qua cầu, một chiếc hài của Tấm bị rơi xuống sông, Tấm lội xuống mò mãi mà không thấy đâu! Cô đành tháo một chiếc hài còn lại cất đi và tiếp tục lên đường. Giữa dòng người đông vui, Tấm thấy mình thật hạnh phúc. Khi ngựa của nhà Vua vừa đến giữa cầu thì nó dừng lại giơ hai chân trước lên hí vang. Vua thấy lạ bèn sai lính hầu xuống sông mò xem có gì khác thường.

Một lúc sau lính của nhà Vua mò được một chiếc hài xinh xắn
thêu rất đẹp. Vua ngắm chiếc hài cảm thấy vui lòng vừa ý
liền truyền:

- Trong đám đàn bà con gái đi chẩy hội, ai đi vừa chiếc hài,
Vua sẽ phong làm hoàng hậu.

Lễ hội đang tung bừng náo nhiệt lại càng náo nhiệt hơn,
tất cả các cô gái đi chẩy hội đều nô nức đến thử hài. Mẹ con
Cám cũng chen vào để thử vận may! Nhưng đôi chân thô kệch
của Cám chẳng thể nào ních vừa chiếc hài. Vừa lúc đó Tấm
tới nơi, Cám nhìn thấy liền nói với mẹ:

- Mẹ ơi! Trông ai như chị Tấm nhà ta!

Mẹ Cám liền bấu môi:

- Chuông khánh còn chưa ăn ai, nữa là mảnh chính vứt
ngoài bờ ao!

Chiếc hài đặt trên khay phủ vải đỏ, được sứ giả mang tới.
Tấm nhẹ nhàng xỏ chân vào hài, mọi cặp mắt đều đổ dồn về
phía Tấm và cùng thốt lên.

- Ôi ! vừa như in!

Tấm nhẹ nhàng lấy chiếc hài còn lại đi vào chân kia. Với
vẻ ngời ngàng sung sướng, trông Tấm thật duyên dáng, dịu
hiền và xinh đẹp như một nàng tiên giáng trần. Mẹ con Cám
vội vàng xán đến và nhận ra đúng là Tấm! Họ không hiểu sao
Tấm lại có ngựa, quần áo đẹp để đi chẩy hội. Trong tiếng
trống hội vang lừng, kiệu rồng của nhà Vua đón Tấm về cung.

Tuy được sống trong cung sung sướng đầy đủ, nhưng lòng
Tấm luôn nhớ về cái làng nhỏ ven sông, nơi đó có ngôi nhà
thân thương gắn với tuổi thơ với bao kỷ niệm buồn vui! Một

hôm tới ngày giỗ bố, Tấm xin phép vua được về thăm nhà. Thấy Tấm giờ càng xinh đẹp hơn xưa, lại là hoàng hậu cao sang, mẹ con Cám càng sinh lòng ghen ghét. Ngoài mặt thì niềm nở đón chào, nhưng trong lòng hai mẹ con Cám đang ngầm ngầm nghĩ cách hại Tấm. Mụ dì ghẻ ngọt ngào nói với Tấm:

- Con ơi! Hôm nay là ngày giỗ bố con, con hãy treo lên cây cau, hái một buồng cau xuống để thắp hương.

Tấm vâng lời dì ghẻ trèo lên cây cau bên bờ ao. Đúng lúc tấm leo tới ngọn cây chuẩn bị hái buồng cau đẹp nhất, thì mụ dì ghẻ ở dưới gốc dùng dao chặt gãy cây cau. Tấm ngã xuống ao chết đuối. Mẹ con Cám vui mừng, vội lột hết quần áo của Tấm mặc vào cho Cám rồi dẫn Cám vào cung. Mụ dì ghẻ thua với nhà Vua:

Chẳng may Tấm đã chết, xin Đức vua cho em nó được thay chị hầu hạ Đức vua. Từ đó Cám dọn vào trong cung ở. Nhà Vua rất buồn nhớ Tấm và chẳng ngó ngàng gì đến Cám. Vua thường đi dạo trong vườn, một hôm có chú chim vàng anh bay theo, Vua liền nói: *"Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo!"*. Chú vàng anh chui ngay vào áo vua. Hàng ngày Cám ra ao giặt áo cho Vua chim vàng anh đậu ở trên cành cao nói:

- "Giặt áo chồng tao thì giặt cho sạch, phơi áo chồng tao thì phơi bằng sao, chớ phơi hàng rào, rách áo chồng tao". Cám sợ quá sờn cả tóc gáy, nó về kể cho mẹ nghe! mẹ Cám nói "Con hãy bắt con chim bóp chế rồi chôn xác ở ngoài vườn. Cám làm theo lời mẹ. Chẳng bao lâu, nơi Cám chôn chim vàng anh mọc lên một cây xoan đào. Vua thấy cây xoan đào rất đẹp

liền mắc vòng nằm nghỉ. Mỗi lúc nằm vòng Vua đều thấy lòng mình rất thanh thản và mỗi khi chợp mắt Vua đều thấy Tấm hiện về. Vốn đã không ưa Cám, bây giờ nhà Vua lại càng xa lánh Cám hơn và ngày lại ngày nhà Vua luôn quán quít bên cây xoan đào. Thấy thế Cám càng tức tối, Cám về kể cho mẹ nghe, mẹ nó nói:

- “Con hãy chặt lấy cành xoan đào đi, rồi sai người lấy gỗ xoan đào đóng thành một cái khung cửi”. Cám làm theo lời mẹ. Chẳng bao lâu khung cửi đã đóng xong. Cám ngồi vào dệt vải, mong được Vua để ý đến mình. Xong mỗi khi dệt vải, Cám đều nghe thấy tiếng khung cửi kêu:

- Cót ca, cót két lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra!

Cám sợ quá bỏ chạy và chẳng dám đến gần khung cửi nữa. Cám lại về nói với mẹ, mẹ Cám bảo:

- Con hãy đem đốt khung cửi đi, rồi mang tro vớt ra xa.

Cám về làm đúng như lời mẹ dặn, nó sai người đem tro của khung cửi chôn ở một làng quê xa kinh thành. Cám yên trí từ nay sẽ thoát khỏi nỗi ám ảnh về tội lỗi của mình. Nó hí hửng tìm mọi cách để được Vua yêu, nhưng nhà Vua vẫn chẳng thèm để ý đến Cám và luôn tưởng nhớ tới Tấm, người vợ hiền thực nết na giờ đã không còn.

Đông qua xuân tới, tại nơi Cám chôn tro của khung cửi mọc lên một cây thị to, cành lá xum xuê. Mùa thu đến, cây chỉ đậu một quả thị vừa to vừa đẹp, vừa vàng và thơm ngát. Đầu làng có bà cụ bán nước hiền lành đã ngót 80 tuổi mà chẳng có con cái đỡ đần. Một hôm đi chợ qua, bà thấy quả thị thật thơm, thật đẹp liền gơ bị ra và nói:

- Thị ơi! thị rụng bị bà, thị thơm bà ngửi chứ bà không ăn!

Vừa dứt lời, quả thị rơi tọt vào bị của bà cụ. Bà vui mừng mang thị về nhà nâng niu đặt lên một chiếc khay gỗ và để vào trong buồng ngủ của bà. Ngày ngày đi chợ bà đều nói:

- “Thị ngoan thị ở trông nhà để bà đi chợ mua quà thị ăn”. Bà vừa đi khỏi, thì quả thị khê nứt làm đôi, một cô gái bé tí tìu trong quả thị bước ra. Chỉ trong nháy mắt cô đã cao lớn như người bình thường. Thật là kỳ lạ chẳng phải tiên giáng trần mà đó chính là Cô Tấm ngày nào! Trông Tấm càng dịu dàng xinh đẹp hơn xưa. Cô nhìn ngôi nhà đơn xơ, trong lòng trào lên một niềm thương cảm với bà lão đơn côi! Cô nghĩ: “Mình sẽ giúp bà để bà được vui”. Nghĩ rồi cô liền xắn tay thu dọn nhà cửa cho sạch sẽ gọn gàng rồi vào bếp nấu cơm, xong việc cô lại ngồi tằm trầu. Khi bà lão đi chợ vừa về tới nhà, thì Tấm lại vội vàng chui vào quả thị. Bà lão về nhà thấy nhà cửa gọn gàng sạch sẽ, có mâm cơm dẻo canh ngọt đặt ngay ngắn giữa nhà, lại có cơi trầu cánh phượng ai tằm thật khéo. Bà lão vừa ngạc nhiên, vừa ngỡ ngàng, sung sướng! Từ đó mỗi hôm trước khi đi chợ bà đều dặn thị:

- “Thị ngoan thị ở trông nhà

Để bà đi chợ mua quà thị ăn!”

Và ngày nào bà đi chợ về cũng thấy nhà cửa sạch sẽ, cơm nước tinh tươm, trầu tằm cánh phượng. Bà nghĩ: “Chắc trời thương ta ăn ở hiền lành, cho tiên xuống giúp”. Bà rất muốn biết nàng tiên đó như thế nào, bà đã có cách.

Một hôm bà giả vờ xách bị đi chợ, nhưng đi được một quãng thì bà quay trở về nhà. Tới nhà bà khê khàng mở cửa vào trong. bà không thể tin được trước mắt bà là một cô gái vô cùng xinh đẹp đang quét dọn nhà cửa. Không nén được lòng

mình bà vội vàng ôm chầm lấy cô gái! Giây lâu xúc động, Tấm kể hết thân phận của mình cho bà lão nghe và xin được ở lại làm con gái bà. Bà lão mừng như trẻ lại và luôn cảm ơn Trời Phật đã ban cho bà người con gái hiền thực, nét na. Một hôm Vua đi vi hành, thấy bên đường có quán nước mát mẻ, sạch sẽ, liền vào nghỉ chân. bà lão cung kính bê khay trầu ra mời đức vua. Cầm miếng trầu tẩm cánh phượng thật khéo, Vua nghĩ: “Đây đúng là miếng trầu cánh phượng mà Tấm vẫn thường tẩm khi còn sống”. Vua liền ân cần hỏi bà lão.

- Thưa cụ! Trầu này ai tẩm

Bà lão cung kính thưa:

- Trầu này con gái già tẩm

Vua ngỡ ý muốn được gặp con gái bà cụ! Bà cụ vào nhà dẫn Tấm ra. Vừa nhìn thấy Tấm, Vua đã nhận đúng là vợ mình. Vua xin bà lão cho đón Tấm về cung và mời bà lão cùng về cung hưởng phúc.

Nhìn cảnh vợ chồng mừng mừng, tủi tủi sau bao ngày xa cách mới được gặp nhau, thật cảm động, bà lão vui lòng để Tấm về cung.

Còn về phần mình bà xin được ở lại ngôi nhà quen thân, bởi bà đã gắn bó với làng xóm quê hương và ngôi nhà mình cả đời rồi, bà không thể xa được.

Thấy Tấm trở về lại còn xinh đẹp, tươi gòn hơn xưa Cám càng đem lòng ghen ghét. Cám về nhà cùng mẹ bàn xem có cách gì để hại Tấm. Đang trên đường thì trời nổi cơn mưa sấm chớp ầm ầm. Cám bị sét đánh chết. Nghe được tin này mẹ dì ghẻ cũng liền chết theo. Âu cũng là quy luật ở đời, ác giả ác

báo, ở hiền gặp lành.

Từ đó Tắm sống hạnh phúc bên đức Vua, cùng lo cho muôn dân được thái bình no ấm. Mỗi dịp cùng Vua đi vi hành, Tắm và nhà Vua đều đến thăm bà lão mà Tắm luôn coi là mẹ mình. Họ cùng nhau tới thăm cây thị năm xưa, giờ cây thị đã trở thành cây cổ thụ sai cành trĩu quả, ước gì trong mỗi quả thị đều có một cô Tắm hiền thực nết na.

Sự tích bánh dày, bánh chưng

N gày đó, vua Hùng thứ sáu trị vì đất nước đã nhiều năm. Thấy mình đã già, sức khỏe ngày một suy yếu, nhà Vua có ý định chọn người nối ngôi. Các bà vợ của nhà vua sinh được cả thảy hai mươi hai người con trai gọi là Quan Lang. Họ đều đã khôn lớn cả. Nhà Vua nghĩ:

- Kể về tài, cũng có nhiều Quan Lang hoàng tử nổi trội, khó phân biệt hơn kém, chính vì thế mà cần phải chọn lựa thật cẩn thận công bằng, để người kế vị phải thật xứng đáng.

Đây là điều nhà Vua bận tâm nhất. Cuối cùng nhờ có viên quan lạc tướng bày kế, nhà Vua quyết định mở một cuộc thi để kén chọn người nối ngôi.

Vua Hùng bèn cho hội họp tất cả các Quan Lang lại. Khi họ đã về đông đủ, nhà Vua bảo:

- Cha biết mình đã gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con hãy kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon, vừa ý ta nhất thì ta sẽ chọn người đó.

Nghe vua cha phán bảo, các Quan Lang thi nhau cho người

đi khắp mọi nơi để tìm các sơn hào, hải vị quý hiếm. Họ lần mò khắp trên ngàn dưới biển không sót nơi nào. Bất kỳ thứ nào nghe nói là ngon và lạ, họ đều cố tìm cho bằng được.

Trong số đó chỉ có Lang Liêu là người con trai thứ mười tám. Vì thuở nhỏ mồ côi mẹ, nên Lang Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Trong khi các anh, em khác chạy vạy đi tìm vật lạ, thì Lang Liêu vẫn ở nhà, chẳng có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến hạn mà Lang Liêu vẫn chưa có gì để đem dâng Vua cha. Đêm ấy Lang Liêu nằm gác tay trên trán nhớ lại tất cả những bữa ăn ngon xưa nay mà chàng đã từng được tham dự. Lang Liêu suy nghĩ và mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi một anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có một gian nhà nhỏ mà Vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Lang Liêu chưa biết bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị nữ thần từ trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo:

- To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của quý báu nhất trần gian không gì bằng gạo. Đừng làm nhiều, chỉ cần hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhật hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi một ít đậu.

Lang Liêu thấy nữ thần lần lượt bày ra những tàu lá rộng và xanh. Nữ thần vừa gói vừa giảng giải:

- Bánh này tượng trưng cho Đất. Đất có cây cỏ, đồng ruộng, núi rừng thì màu cũng phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh cũng phải có thịt, có đỗ để lấy ý nghĩa Đất chở cầm thú, cỏ cây... Hãy đặt tên cho thứ bánh này là bánh chưng. Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trưng cho Trời. Thứ bánh này màu phải trắng, hình

tròn và khum khum như vòm trời... Hãy đặt tên cho nó là bánh dày.

Tỉnh dậy, Lang Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dâng nhà Vua là một ngày náo nhiệt nhất ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Dân chúng mọi miền đều náo nức về dự cái Tết tung búng chưa từng có. Mở đầu bằng một cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ dâng quang của nhà vua mới.

Đúng vào lúc mặt trời mọc thì Vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống, cờ quạt tung búng, rộn rã. Tất cả đều ngong ngóng trông chờ lúc nhà Vua đánh giá các món ăn mà các hoàng tử dâng lên!

Và giờ phút mong đợi đã đến. Tất cả những món “Nem công, chả phượng, tay gấu, gan tằm” của các con trai, được các đầu bếp tài giỏi nấu nướng cầu kỳ dâng lên Vua cha, trong đó có hai thứ bánh giản dị của Lang Liêu. Khi thoát nhìn thấy cổ của chàng. Một số vị lạc hầu, lạc tướng được Nhà vua chọn ném thử trước khi dâng lên, đều lắc đầu, vẻ chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi ném xong, họ đều gật gù tán thưởng. Một vị tướng tâu lên Đức Vua:

- Đây là thứ bánh có hương vị khác thường làm từ những sản phẩm dân dã của quê hương. Sau khi thưởng thức, Vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên và hết sức thích thú về thứ bánh của người con trai thứ 18 dâng lên. Nhà Vua ngắm kỹ những tấm bánh khác chưa bóc và cho gọi Lang Liêu lên điện, hỏi cách thức làm bánh. Hoàng tử Lang Liêu cứ thực thà tâu lên. Không quên nhắc lại giấc mộng kỳ lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trình trọng tuyên bố với các con: Lang Liêu được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Nhà vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và nói rõ cái cơ khiến cho mình chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Nhà vua nói:

- Nó chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: Nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn cha mẹ như đất trời; nó chứa đầy hình ảnh của quê hương đồng ruộng. Nó được làm từ những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc quý của Trời Đất. Đó là hạt lúa. Phải là một người có hiếu, có tài mới nghĩ ra loại bánh đó...

Từ đó thành tục lệ, hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó mà gọi là bánh chưng, bánh dày để thờ cúng gia tiên. Lang Liêu sau khi lên ngôi mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ bảy.

Cây khế

Một nhà kia có hai anh em, cha mẹ đều chết cả. Hai anh em chăm lo làm lụng, nên trong nhà cũng đủ ăn. Muốn cho vui cửa vui nhà, hai người cùng lấy vợ. Nhưng từ khi có vợ, người anh sinh ra lòng biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cả cho hai vợ chồng người em.

Hai vợ chồng người em thức khuya dậy sớm, lại cố gắng cày cấy, làm cỏ bỏ phân, lúa tốt hơn trước, nên đến mùa được bội thu. Thấy thế, sợ người em kể công chiếm lấy phần hơn, người anh vội bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.

Người anh chia cho hai vợ chồng người em có một căn nhà lá lụp xụp, trước nhà có một cây khế ngọt. Hai vợ chồng người em không phân nan một lời, hết vào rừng đốn củi, lại đi gánh mướn, làm thuê lẫn hồi kiếm sống qua ngày.

Còn người anh có bao nhiêu ruộng nương cha mẹ để lại đều cho người khác làm rẽ để ngồi không hưởng sung sướng với vợ. Thấy em không ca thán, người anh cho là em ngu si, không thèm để ý gì tới cuộc sống của đứa em ra sao.

Những ngày sung sướng nhất của vợ chồng người em là những ngày khế chín. Cây khế được chăm sóc chu đáo nên xanh mơn mẫm, bóng rợp khắp cả mảnh vườn nhỏ bé, quả trái

mọc trĩu đã giúp cho họ có tiền, đỡ cảnh đói khó triển miên.

Một buổi sáng, hai vợ chồng người em định trèo lên hái khế đem ra chợ bán thì thấy trên ngọn cây rung động rất mạnh, như có người đang trèo, nhìn lên thì thấy có một con chim rất lớn đang ăn những quả khế chín vàng. Hai vợ chồng đợi chim bay đi rồi mới trèo lên cây hái quả. Từ đấy, cứ mỗi buổi sáng tinh mơ, dù thấy có bóng hai vợ chồng người em nó vẫn ung dung ăn đến no bụng, rồi mới vỗ cánh bay đi. Ròng rã ngót một tháng trời, cây khế vơi hẳn quả.

Một hôm, đứng đợi cho chim ăn xong, người vợ nói với chim:

- Chim ơi! Cây khế là nguồn sống của vợ chồng tôi, chim ăn như thế thì chúng tôi biết sống bằng gì?

Nghe lời than vãn của người vợ, con chim bỗng đáp lại:

Ta ăn một quả, ta trả cục vàng! May túi ba gang đem theo mà đựng.

Chim nhắc đi nhắc lại câu ấy ba lần, rồi vỗ cánh bay đi.

Hai vợ chồng thấy chim biết nói đã lấy làm lạ, lại thấy chim nhắc đến ba lần, nghe rõ môn một, nên lại càng suy nghĩ, phân vân.

Nhưng rồi vì túng bán quá, hai vợ chồng cũng thử làm theo. Người vợ lấy vài vuông vải nâu may cho chồng một cái túi, ngang dọc đúng ba gang.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng vừa thức dậy, thì thấy một luồng gió mạnh cuốn cả cát bụi trước sân nhà, rồi trong chớp mắt, một con chim cực kỳ lớn đáp xuống giữa sân, quay đầu

vào nhà kêu lên mấy tiếng như chào hỏi. Người chồng xách cái túi ba gang ra sân, chim nằm rạp xuống, quay cổ ra hiệu cho anh ngồi lên lưng mình. Chim đứng dậy vươn cổ, vỗ cánh bay bổng lên trời xanh. Chim lúc bay cao lẫn vào mây bạc; lúc bay thấp, là là trên rừng xanh, đôi núi chập chùng. Rồi chim bay ra biển cả mênh mông, sóng biếc cao ngất vạt vào sườn những hòn đảo nhỏ, làm tung lên những bọt trắng xoá. Anh ngồi trên lưng chim thấy biển mịt mù, không biết đâu là bờ...

Đến một hòn đảo toàn đá các màu sắc sỡ, phản chiếu ánh sáng rực rỡ, anh chưa từng thấy bao giờ, chim bay một vòng rộng xung quanh đảo rồi từ từ hạ cánh trước một cái hang rộng và sâu.

Chim ra hiệu bảo anh vào hang, muốn lấy gì thì lấy. Ở ngay cửa hang, anh đã thấy toàn những thứ đá trong như thủy tinh và hồ phách đủ các màu; có thứ xanh như mắt mèo, có thứ đỏ ối như mặt trời, còn vàng bạc thì nhiều như sỏi đá. Anh nhặt một ít vàng bỏ vào túi ba gang, rồi trèo lên lưng chim, ra hiệu cho chim bay về.

Chim tỏ vẻ vui mừng, rồi vỗ cánh bay lên trời xanh. Mặt trời vừa mới đứng bóng, chim đã hạ cánh xuống cái vườn nhỏ có cây khế ngọt. Người vợ thấy chồng về bình yên, mừng rỡ vô cùng chạy ra vuốt lông chim, tỏ ý cảm ơn rồi ra hiệu mời chim bay lên cây khế ăn quả. Chim bay lên cây khế ăn một lúc, rồi kêu lên ba tiếng như chào vợ chồng người nông dân rồi bay đi.

Tiếng đồn hai vợ chồng người em bỗng nhiên giàu có đến tai hai vợ chồng người anh. Bán tín, bán nghi, người anh

nghe ra kể dùng một cái đấu, dưới đất có quết nhựa sang nhà người em vay gạo. Vô tình, người em mang đấu vào ruộng xúc gạo cho anh. Về nhà, quả nhiên dưới đất đấu còn dính mấy mảnh vàng. Hai vợ chồng người anh vội vã đến chơi nhà người em. Nghe em thật thà kể chuyện, người anh gạ đổi hết tài sản để lấy túp lều tranh và cây khế. Vật nài mãi, người em mới chịu đổi vì không muốn làm anh buồn.

Vui mừng như mở cờ trong bụng, sáng hôm sau vợ chồng người anh đã dọn ngay đến ở túp lều tranh trên mảnh vườn nhỏ có cây khế ngọt, suốt ngày chỉ nằm khểnh nhìn lên cây khế, chờ chim thần bay đến. Một buổi sáng quả nhiên có một làn gió mạnh tạt vào nhà, rồi hai vợ chồng thấy ngọn cây khế rung chuyển. Hai người vội vã chạy ra sân, nhìn lên cây thì quả nhiên thấy một con chim lớn đang ăn khế.

Chim mới ăn vài quả, người vợ chồng đã tru tréo lên:

- Cả nhà chúng tôi trông vào cây khế, bây giờ chim ăn tào ản huyết như thế, thì chúng tôi chết đói à?

Chim liền đáp:

Ta ăn một quả, ta trả cục vàng. May túi ba gang mang theo mà đựng.

Rồi chim bay vụt đi.

Hai vợ chồng người anh mừng quá, cuống quýt vái theo chim, rồi bàn nhau may túi. Mới đầu, hai người định may thật nhiều túi, nhưng lại sợ chim không đưa đi, sau một hồi cãi vã om sòm rút cục họ may một cái túi, nhưng mỗi chiều tới chín gang, thành một cái tay nải lớn.

Sáng hôm sau, chim vừa hạ cánh xuống trước sân túp lều tranh. Người anh hấp tấp chạy ra, tay xách cái túi lớn treo tốt lên lưng chim, còn người vợ vái lấy vái để chim thần. Chim cất cánh bay bổng lên mây xanh, qua núi, qua biển cả, rồi cũng hạ cánh xuống cái đảo khi trước.

Trên lưng chim bước xuống, người anh hoa cả mắt về những ánh ngũ sắc ở kim cương và ngọc quý chiếu ra. Đến khi vào hang, người anh lại càng mê mẩn tâm thần, quên cả đói, cả khát, cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải, lại buộc đầu ống quần, tay áo cho thật chặt rồi nhét đầy vàng, đến nổi nặng quá, anh ta phải kéo lê từng bước mà vẫn chưa ra được khỏi hang.

Chim đợi lâu quá, chốc chốc lại kêu lên vài tiếng vang tỏ vẻ sốt ruột. Mãi đến gần chiều anh chàng mới kéo được cái tay nải đầy vàng và kim cương đến chỗ chim đang đợi. Muốn cho khỏi rơi, anh ta lấy dây thừng buộc chặt tay nải vào lưng chim và cổ mình.

Chim vỗ cánh bay lên, anh chàng ngồi trên lưng chim khắp khởi mừng thầm: chỉ trong giây phút nữa mình sẽ về đến nhà, sẽ có nhà cao cửa rộng, vườn ruộng khắp nơi, tiêu pha đến hết đời thật hoang toàng cũng không hết của.

Lúc ấy, chim đã bay trên biển cả. Trời trở gió, những con sóng xám xịt cất cao lên bằng mấy nóc nhà. Chim bay ngược gió rất là nhọc mệt, lại thêm những túi vàng quá nặng khiến hai cánh mỗi lúc một yếu dần. Túi vàng lớn bỗng nhiên bị gió hất mạnh chiếc dây thừng tuột khỏi lưng chim. Chim buông xuôi hai cánh, rơi từ lưng trời xuống biển. Chỉ trong chớp mắt, người anh bị cái túi lớn và những ống quần, tay

áo chứa đầy vàng và châu báu buộc chặt vào cổ đã chìm anh ta xuống đáy biển.

Còn chim chỉ bị ướt lông, ướt cánh một lúc, rồi lại vùng lên khỏi mặt nước, bay về núi, về rừng.

Từ đấy, trong mảnh vườn nhỏ, có một người đàn bà suốt ngày đứng dưới cây khế, ngóng trông người chồng tham lam mang vàng ngọc trở về.

Thánh Gióng

Vào thời Hùng Vương có một người đàn bà đã luống tuổi nhưng vẫn sống một mình. Một buổi sáng, bà ra thăm vườn, bỗng nhìn thấy một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên:

- Ô! Chân ai mà to thế này!

Bỗng bà cảm thấy rung mình khi đưa chân ướm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày tháng, bà sinh được đứa con trai bụ bẫm đặt tên là Gióng. Nhưng thằng bé lên ba tuổi rồi mà vẫn nằm ngửa đòi ăn, không biết lẫy, biết ngồi, cũng không biết nói biết cười gì cả.

Ngày ấy có giặc Ân kéo vào cướp nước ta. Giặc Ân rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi là Ân Vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp mọi nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm, sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng rao nói đến việc nhà vua cầu người tài, bà mẹ Gióng đang ru con liền bảo đùa con rằng:

- Con ơi! Con của mẹ chậm đi, chậm nói làm vậy thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây?

Tự nhiên Gióng nhìn mẹ bật lên thành tiếng:

- Mẹ gọi sứ giả vào đây cho con!

Nói xong lại im bặt. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy đều cho là một sự lạ. Sau cùng, một người nói:

- Ta cứ đi mời sứ giả đến xem nó muốn cái gì.

Khi sứ giả của nhà vua bước vào nhà nhìn thấy chú bé Gióng, liền hỏi rằng:

- May là đứa trẻ lên ba mới học nói, mày định mời ta đến để làm gì?

Gióng mở miệng trả lời chững chạc:

- Về bảo với nhà vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một áo giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!

Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé. Mọi thứ rèn xong nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mó vào mà thanh gươm không nhúc nhích. Vua Hùng phải cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Gióng.

Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Gióng sợ hãi chạy về bảo con:

- Con ơi! Việc nhà vua đâu phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo đến ầm ầm ngoài bãi, biết làm thế nào?

Nghe nói, Gióng vụt ngồi dậy, nói:

- Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được.

Mẹ vội thổi cơm cho Gióng ăn, nhưng nấu được nồi nào thì Gióng ngốn hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn xong một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho ăn thì Gióng càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khoẻ mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo khoai, trâu rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy một sân. Nhưng đưa bao nhiêu, Gióng ăn với hết bấy nhiêu mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó, Gióng lại bảo tiếp:

- Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta đua nhau mang vải lụa đến may quần áo cho Gióng mặc, nhưng thân thể Gióng vượt lớn một cách kỳ lạ, áo quần vừa may xong đã thấy chật, thấy ngắn, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Không mấy chốc, đầu Gióng đã chạm nóc nhà. Ai nấy chưa hết kinh ngạc thì vừa lúc quân sĩ đã hì hục khiêng được ngựa, gươm, áo giáp và nón sắt tới. Gióng bước ra khỏi nhà, vươn vai một cái, người bỗng cao to sừng sững, chân dài hơn trượng, hét lên một tiếng như sấm:

- Ta là tướng nhà Trời!

Thế rồi Gióng mặc áo giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên, phi thẳng ra phía trước, miệng phát ra một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt, ngựa đã xông đến đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu

rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giạt. Quân giặc tiến ra chùng nào chết chùng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói mịt mù, tiếng giặc la thét kêu khóc như ri.

Nhưng tướng giặc Ân Vương vẫn cố gào thét hô quân xông tới. Gióng càng đánh càng khoẻ, thân giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gươm gãy. Không bối rối, Gióng thuận tay nhỏ lấy mấy bụi tre hai bên đường quật tới tấp vào quân giặc đang cố gắng trụ lại theo lệnh chủ tướng.

Chẳng mấy chốc quân giặc đã bị đánh tan tác. Ân Vương bị quật chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lay lục xin hàng. Quân đội của vua Hùng Vương cũng như dân các làng chỉ còn việc xông ra trời nghiêng chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước.

Lúc bấy giờ ngựa Gióng đã tiến đến chân núi Sóc Sơn (nay ở ngoại thành Hà Nội). Đến đây, Gióng bèn cởi giáp bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa phi thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong làm Phù Đồng thiên vương.

Ngày nay chúng ta còn thấy dấu vết những dãy ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim Anh, Đa Phúc cho đến Sóc Sơn, người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang tên là làng Cháy. Những cây tre mà Gióng nhổ quật vào giặc bị lửa đốt ngả thành màu vàng và có những vết cháy lốm đốm, ngày nay giống tre ấy vẫn còn, người ta gọi là tre ngà (hay đằng ngà).

Sự tích Loa Thành

Cách đây khoảng 2000 năm, đất nước Việt Nam có tên là Âu Lạc. Nhà Vua trị vì Âu Lạc là Thục Phán, tức An Dương Vương.

Vua là người biết chăm lo củng cố vương triều. Từ khi bờ cõi mở rộng, Vua đã nghĩ đến việc phòng thủ đất nước phòng họa ngoại xâm. “Phải có một toà thành kiên cố thì mới giữ được giang san xã tắc lâu dài”.

Nghĩ vậy, Vua đã chọn Cổ Loa đặt làm kinh đô và lệnh cho tráng đinh cả nước phải lần lượt về phục dịch việc xây thành. Nhưng điều làm cho mọi người ngạc nhiên là thành hề xây lên cao quá đầu người, thì chỉ trong một đêm tự nhiên đổ sụp. Xây đi xây lại đã mấy mươi lần, lớp dân phu này về có lớp khác đến, ấy thế mà thành vẫn không xong.

Cho là do ý trời, vua nghe lời các quan bèn sai lập đàn rồi tự mình trai giới cầu cúng suốt mấy ngày đêm. Một buổi sáng, bỗng thấy một cụ già từ biển đi vào báo cho vua biết sẽ có Thần Kim Quy là sứ giả của Thần Thanh Giang đến giúp vua xây thành. Quả nhiên sáng hôm sau, trong khi mọi người chầu chực ở cửa Đông, thì trên mặt nước, bỗng xuất hiện một con rùa vàng to lớn rực rỡ. Đặt chân lên đất, rùa liền tự xưng là

Kim Quy sứ giả của Thần Thanh Giang. Thị vệ đã chực sẵn bên đưa đến một chiếc mâm vàng cho Rùa trèo lên. Gặp Vua, thần Kim Quy cho biết:

- Thành sở dĩ xây lên đổ xuống là vì có nhiều yêu quái phá phách. Chúng nó biến hóa thiên hình vạn trạng. Thấy nhà vua có lòng thành, tôi sẽ vì nhà vua tìm cách diệt trừ.

Chẳng bao lâu, nhờ phép thần thông của thần Kim Quy, yêu quái bị tiêu diệt, không còn một mống. Thần còn ngày đêm bảo cách cho nhà vua xây thành. Để bảo vệ hoàng cung, thành được đắp nhiều lớp vòng quanh theo lối tròn ốc chưa đầu có. Vì thế người ta gọi là Loa Thành (thành ốc). Kẻ địch dù có vượt qua cửa thành này cũng phải trả giá đắt, nếu muốn lọt vào tận cung vua. Chỉ trong vòng nửa tháng, toà thành đồ sộ xây xong. An Dương Vương mừng rỡ, đãi thần rất mực cung kính. Trước khi thần từ biệt ra về, Vua nói:

- Cảm tạ thần linh đã giúp cho việc diệt trừ yêu quái, xây dựng xong toà thành vững vàng này. Dân Âu Lạc đời đời không dám quên ơn. Nhưng một mai nếu có giặc ngoài đến vây đánh thì lấy gì mà chống?

Thần Kim Quy bèn rút một cái vuốt của mình trao cho Vua và nói:

- Ta biếu nhà vua cái này, dùng nó làm lẫy nỏ thì không còn lo gì nữa.

Thấy vua vẫn còn tỏ vẻ lưu luyến, Thần lại dặn tiếp:

Hãy làm một chiếc nỏ Thần như ta dặn. Nếu một mai có việc gì cần, thì cứ gọi “Sứ giả Thanh Giang” ba lần, ta sẽ đến giúp!

Nói đoạn Thần đi thẳng xuống biển. An Dương Vương sai viên tướng Cao Lỗ làm một chiếc nỏ, lấy vuốt của Thần Kim Quy làm Lưỡi như lời dặn của Thần. Nỏ làm xong được gọi là nỏ Thần, mỗi lần bắn có hàng ngàn mũi tên tua tua bay vút ra, kẻ địch dù đông cũng khó lòng sống sót.

Hồi bấy giờ, ở phía Bắc nước Âu Lạc có nước Nam Việt của Triệu Đà, là một nước cường thịnh. Cậy có đất rộng dân đông, lại thiện chiến, Triệu Đà mấy lần tiến quân sang tiến đánh, định xâm chiếm nước Âu Lạc. Mỗi lần chúng vượt cỏi tiến sát Loa Thành liền bị An Dương Vương sai đem nỏ ra bắn. Mỗi phát bắn ra, tên bay rào rào, quân Triệu Đà chết như rạ. Triệu Đà biết An Dương Vương có nỏ Thần nên đành phải rút quân. Tuy vậy, hấn vẫn còn căm tức, ngày đêm trù mưu tính kế để chiếm cho được Âu Lạc mới thoả dạ.

Nghe nói An Dương Vương có cô con gái tên là My Châu rất xinh đẹp và chưa có chồng. Vua chỉ có một mình nàng là con gái nên rất yêu thương chiều chuộng. Triệu Đà mượn cơ giảng hoà, cho sứ giả sang cầu hôn My Châu cho con trai mình là Trọng Thủy. Mục đích của hấn không phải là thắt chặt tình giao hiếu giữa hai nước mà để dò xét tình hình Âu Lạc. Thấy kẻ địch muốn chuyện cầu thân, đổi bụng hấn thù ra đường tình nghĩa, An Dương Vương vui lòng nhận lời. Cuộc hôn nhân không mấy chốc đã thành. Theo phong tục, chàng rể phải sang ở nhà bố vợ một thời gian, gọi là gửi rể. Hôm động phòng, trai tài gái sắc gặp nhau, không gì đẹp lòng hơn thế nữa.

Lấy được My Châu rồi, Trọng Thủy lân la hỏi vợ về nội tình Âu Lạc như lời bố mình dặn dò trước lúc đi làm rể. Chàng

tử tề gạn vợ:

- Tại sao dân Âu Lạc không đông, nhưng mỗi lần ra quân đều thu được thắng lợi?

My Châu trước chỉ mỉm cười không đáp. Nhưng ngày một ngày hai, thấy chồng thật lòng yêu đương, và nghĩ rằng hai nước trở nên một nhà, nên nàng không còn nghi ngờ gì. Dần dần nàng cho chồng biết nào là việc yêu quái phá thành, việc cầu được thần Kim Quy diệt trừ yêu quái, nào Thần dạy cho cách xây thành, việc tặng cho vuốt thần để làm lẫy nỏ... Trong cơn say đắm, My Châu không giấu chồng cả việc cơ mật của Vua cha. Nàng còn giấu cha mình dẫn chồng đến xem trộm nỏ thần ở một ngôi đền cấm cạnh cung vua. Khi đã dò la biết được sự tình, một hôm Trọng Thủy tìm cách lấy trộm lẫy nỏ Thần rồi đánh tráo vào một cái lẫy nỏ giả.

Sau đó mấy hôm, Trọng Thủy tâu với An Dương Vương, rằng mình xa cha xa mẹ đã lâu, xin phép được về thăm cho thoả lòng mong nhớ, rồi ít lâu sau lại xin trở lại. Được An Dương Vương cho phép, Trọng Thủy bèn từ biệt vợ trở về quê hương, hẹn ngày tái ngộ.

Lúc xa vợ, Trọng Thủy tử tề:

- Chuyến đi này làm tôi nhớ nàng khôn xiết. Trong khi tôi về quê nhà, ngộ nhớ hai nước lại có chuyện bất hoà, Nam Bắc cách biệt, tôi muốn đi tìm nàng thì biết làm thế nào để được gặp nhau?

My Châu đáp:

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, lông nó sáng rực khác thường, thiếp sẽ mặc vào người, đi đến đâu rút lông bỏ dọc đường.

Chàng cứ theo dấu ấy mà tìm thì gặp.

Lại nói chuyện Triệu Đà vừa nắm được lấy nỗ thần vào tay, lập tức kéo quân xâm lăng Âu Lạc. Nghe tin biên giới báo về gấp, vua An Dương Vương cười ha hả mà rằng:

- Giặc Đà hết sợ nỗ Thần của ta rồi hay sao?

Quá tin vào chiếc nỗ Thần, An Dương Vương và các triều thần cứ ăn no, ngủ say không lo lắng gì cả. Cho đến khi quân địch đã tiến sát chân thành, Vua mới sai đem nỗ thần ra bắn, thì ôi thôi, lẫy nỗ đã bị đánh tráo, không màu nhiệm như trước nữa.

Thấy quân địch đông như kiến cỏ ào ào xông tới vây thành, An Dương Vương vội vã nhảy lên mình ngựa, bảo My Châu ngồi sau lưng rồi nhân tối trời thoát ra khỏi thành, cho phi một mạch về phương Nam.

Trong khi quân Triệu Đà chưa biết An Dương Vương chạy về hướng nào để mà đuổi, thì Trọng Thủy đã lần ra dấu lông ngỗng của vợ, bèn thúc ngựa bám theo. Phía trước, con ngựa chở cha con An Dương Vương cứ theo dọc bờ biển phi miết, luôn mấy ngày đêm. Một buổi sớm, ngựa đến sát dưới chân một hòn núi, xung quanh là làng xóm đông đúc. Vua hỏi một bô lão gặp ở bên đường:

- Núi này là núi nào?

Bô lão đáp:

- Tâu bệ hạ, đây là núi Mộ Dạ, đã sắp đến vùng Nam Giới.

Thấy đã tới lúc cùng đường, Vua sực nhớ tới lời dặn của thần Kim Quy, bèn ngựa cổ kêu lên mấy lần:

- Hồi sứ giả Thanh Giang, mau mau trừ giặc giúp ta!

Bỗng nhiên từ biển cả, thần Kim Quy hiện lên sừng sững khỏi mặt nước, nói to:

- Người sau lưng nhà Vua chính là giặc đó! Mất nỏ Thần cũng là người này, mất nước cũng do sự nhẹ dạ của người này!

Vua An Dương Vương quay lại nhìn không thấy ai, chỉ thấy My Châu liến hiếu ra nông nổi. Con giận bốc lên dữ dội, vua bèn tuốt kiếm chém chết con gái yêu. Đoạn vua tìm lại thần Kim Quy thì thấy thần đang rẽ nước cho mình đi xuống biển cả.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đến núi Mộ Dạ thì chỉ thấy xác My Châu. Vừa thương vợ, vừa hối hận về việc mình làm, Trọng Thủy bèn ôm xác vợ than khóc hồi lâu, rồi cũng nhảy xuống một cái giếng tự tử.

Người ta nói máu My Châu chảy xuống nước, những con trai, con hén ăn vào đều hóa thành ngọc. Ai bắt được ngọc ấy đem đến rửa ở giếng Trọng Thủy trầm mình, thì sắc ngọc tự nhiên sáng rực lên.

Sự tích chú Cuội

Mỗi buổi trăng sáng, người ta thường nhìn thấy trên mặt trăng hình ảnh một cây đa và một người mà ta vẫn gọi là Chú Cuội. Vì sao mà Cuội lại lên ngồi dưới gốc cây đa trên cung trăng?

Xưa kia, ở mặt đất Cuội làm nghề đốn củi. Tất cả tài sản của Cuội chỉ có một chiếc rìu. Một hôm như lệ thường, Cuội vác rìu đi vào rừng sâu tìm cây. Khi lội qua một con suối nhỏ, Cuội bỗng giật mình trông thấy một cái hang hỏ. Nhìn trước nhìn sau, chỉ thấy có bốn con hổ con đang vờn nhau trước hang, Cuội liền xông đến, vung rìu bổ cho mỗi con một nhát lăn quay ra đất. Nhưng vừa lúc đó, con hổ mẹ cũng về tới nơi. Nghe một tiếng gầm kinh khủng ở sau lưng, Cuội chỉ kịp quăng rìu leo thoăn thoắt lên một ngọn cây cao. Từ trên cây nhìn xuống, Cuội thấy hổ mẹ lồng lộn trước trước đàn con đã tắt thở. Nhưng chỉ một lát sau, hổ mẹ bỗng bỏ con nằm đấy, lẳng lặng chạy đến một gốc cây gần chỗ Cuội ẩn, miệng đớp lấy một ít lá cây rồi trở về nhai móm cho đàn con. Khoảng giáp bã trâu, bốn con hổ con tự nhiên cựa quậy, vẫy đuôi, rồi sau đó đi đứng, chạy nhảy như thường. Biết đấy là cây thuốc thần, Cuội chờ cho hổ mẹ tha con đi nơi khác, mới lần xuống tìm đến cây thuốc kia, đào gốc vác về.

Dọc đường, Cuội gặp một ông lão nằm vật trên bãi cỏ. Cuội ghé lại xem thì ra ông lão đã chết. Chàng đón củi liền đặt gánh xuống, không ngần ngại rút mấy lá cây thuốc quý rồi cúi xuống nhai mớm vào miệng ông lão. Mầu nhiệm làm sao, vừa mớm xong ông lão đã bừng mắt tỉnh dậy. Ông hết lời cảm ơn chàng trai cứu mạng và hỏi chuyện. Cuội thực tình kể lại tất cả. Nghe xong, ông lão kêu lên:

-Trời ơi! Lão từng nghe nói cây này vốn tên là cây đa có phép "Cải tử hoàn sinh". Thật là có phúc lão mới gặp được con. Con hãy chăm vun bón cho nó để cứu thiên hạ. Nhưng nhớ là đừng có tưới bằng nước bẩn mà cây bay lên trời đó.

Nói rồi, ông lão chống gậy ra đi. Còn Cuội thì gánh cây về trồng ở góc vườn để tiện chăm sóc hằng ngày. Nhớ lời ông lão dặn, ngày nào Cuội cũng tưới cây bằng nước giếng trong.

Từ ngày có được cây thuốc quý, Cuội cứu sống rất nhiều người. Hễ nghe nói có ai vừa nhắm mắt tắt thở là Cuội lập tức mang lá cây đa đến tận nơi cứu chữa. Tiếng đồn Cuội có phép lạ lan đi khắp nơi.

Một hôm, Cuội lội qua sông thấy xác một con chó chết trôi. Thương tình Cuội vớt lên, rồi giã lá giắt trong mình ra cứu chữa cho chó sống lại. Con chó quẩn quít theo Cuội tỏ lòng biết ơn. Từ đấy Cuội có thêm một con vật tinh khôn làm bạn.

Một lần khác, có một phú hộ ở làng bên hốt hải chạy đến tìm Cuội, van nài xin Cuội cứu cho con gái mình vừa sẩy chân chết đuối. Cuội vui lòng theo về nhà và đưa lá đa ra cứu chữa. Chỉ một lát sau, mặt cô gái đang tái nhợt bỗng hồng hào hẳn lên. Rồi nàng mở bừng mắt ra, vươn vai ngồi dậy. Lão phú

ông xiết bao mừng rỡ, bảo Cuội muốn lấy thứ gì thì cứ việc chọn tùy thích. Cuội ngỡ ý chỉ muốn lấy cô gái làm vợ. Biết Cuội là ân nhân của mình, cô gái thuận làm vợ chàng. Lão phú ông cũng bằng lòng gả con cho Cuội.

Vợ chồng Cuội sống với nhau thật vui vẻ, êm ấm. Nhưng trong vùng có một bọn con trai hồi trước vẫn ngấp nghé cô gái của phú ông, nay thấy bông hoa thơm tự nhiên lọt vào tay anh chàng đồn cũi thì ngấm ngấm ghen ty và cố tìm cách làm hại cho bồ ghét. Một hôm, chờ lúc Cuội lên rừng, chúng xông đến định bắt lấy vợ Cuội. Không ngờ vợ Cuội chống cự quyết liệt, chúng bèn giết chết. Biết Cuội có phép chữa cho người ta sống lại, nên chúng lại moi ruột người đàn bà vứt xuống sông, rồi mới kéo nhau đi. Khi Cuội gánh củi trở về thì thấy vợ đã chết lạnh từ bao giờ rồi. Cuội vội bứt lá đa để mớm, nhưng mớm bao nhiêu cũng không công hiệu, vì không có ruột thì làm sao mà sống lại được.

Thấy chủ khóc lóc thảm thiết, con chó lại gần xin biểu bộ ruột của mình để thế vào bộ ruột của cô chủ. Cuội chưa từng làm thế bao giờ nhưng cũng liều nhắm mắt mượn bộ ruột chó thử cứu cho vợ mình xem sao. Quả nhiên sau khi lấp ruột vào, vợ Cuội sống lại như trước. Thương con chó vì chủ mà chết. Cuội bèn nắn thử một bộ ruột bằng đất lấp vào bụng chó rồi nhai lá thuốc rịt vào, tự nhiên chó cũng đứng dậy vẫy đuôi liếm vào tay Cuội. Vợ với chồng, người với vật từ đây lại quấn quýt hơn trước.

Nhưng Cuội cũng không ngờ rằng cũng từ đây tính nết của vợ mình có phần thay đổi. Người đàn bà ấy dường như lú ruột lú gan, bảo một đàng làm quàng một nẻo. Cuội rất lo, vì

không biết bao nhiêu lần chàng dẫn vợ: “Có đáì thì đáì bên tây, chớ đáì bên đông, cây đông lên trời” mà chỉ sợ vợ quên lời dẫn quan trọng ấy.

Một buổi chiều, chồng còn kiếm củi chưa về, vợ Cuội đang hái rau ở vườn phía đông bỗng thấy mót, bèn chạy vội lại gốc cây quý của chồng, chẳng còn nhớ gì tới lời căn dặn, cứ thế vén váy đáì. Không ngờ vừa đáì xong, tự nhiên cả một vùng đất chuyển động, cây cối xung quanh rung lên và gió thổi ào ào. Được một chốc, cây đa long gốc bật rễ rồi lừng lững bay lên trời.

Giữa khi ấy, Cuội cũng về đến cổng. Thoáng thấy cây quý sắp bay mất, bên cạnh ấy có cả người vợ đang kêu la om sòm. Cuội đoán ra nông nỗi, lập tức vút ngay gánh củi, nhảy bổ đến, toan níu cây lại. Nhưng cây lúc ấy đã rời khỏi mặt đất lên quá đầu người. Cuội chỉ còn kịp móc rìu vào rễ cây cốt để kéo cây xuống, nhưng sức người làm sao có thể ngăn lại được. Về phía Cuội, chàng cũng nhất định không chịu buông rìu, thành thử cây đa thần kéo cả Cuội bay lên mãi, lên mãi, cuối cùng đến tận cung trăng.

Từ đấy, Cuội ở luôn tại cung trăng với cây đa của mình. Người ta kể rằng, mỗi năm cây đa chỉ rụng có một lá mà thôi. Ai nhặt được lá cây ấy thì có thể dùng để cứu chữa người chết sống lại.

Cây tre trăm đốt

N gày xưa có một anh chàng thợ cày hiền lành, khoẻ mạnh đi ở cho một lão nhà giàu. Anh rất chăm chỉ lại thạo việc đồng áng nên lão nhà giàu muốn lợi dụng anh làm lợi thật nhiều cho lão. Một hôm, lão gọi anh đến và ngon ngọt dỗ dành:

- Con chịu khó làm lụng thức khuya dậy sớm giúp ta, chớ quản nhọc nhằn, ba năm nữa ta sẽ gả con gái ta cho.

Anh trai cày tưởng lão nói thật, cứ thế quần quật làm giàu cho lão. Ba năm sau, nhờ công sức anh, lão chủ có thêm nhà ngói, sân gạch, tậu thêm được ruộng, được vườn. Đến lúc này thì cô gái cũng đã cảm tình với anh trai cày tốt bụng. Nhưng lão nhà giàu chẳng giữ lời hứa năm xưa. Lão đã ngấm ngầm nhận lời gả con gái cho con trai một nhà giàu khác trong vùng. Một hôm, lão ra vẻ thân mật bảo anh trai cày:

- Con thật có công với gia đình ta. Con đã chịu khó ba năm, trồng cây sắp đến ngày ăn quả. Cơ ngơi nhà ta chỉ còn thiếu cây tre trăm đốt, con gắng lên rừng tìm cho được đem về, ta sẽ gả con gái cho.

Anh trai cày mừng rỡ xách dao lên rừng. Anh không biết ở nhà hai lão nhà giàu đã sắp sẵn cỗ bàn để làm lễ cưới cho con trai, con gái họ. Lão chủ nhà hí hửng bảo với lão thông gia:

“Ông đừng lo, cái thằng ngốc ấy có đi quanh năm, suốt tháng cũng đổ mà tìm được cây tre dài đủ trăm đốt! Thế nào rồi cũng bị không rắn chắc, thì cũng hỏng bỏ mạng ở rừng sâu. Ta cứ yên tâm làm đám cưới cho đôi trẻ”.

Về phần anh trai cày đình ninh về lời hứa của lão chủ, không quản vất vả, anh trèo đèo lội suối luôn hết bụi này, bờ khác cố tìm kiếm cây tre trăm đốt, nhưng vẫn không thấy. Có lần anh vô cùng mừng rỡ thấy một cây tre cao vút, vội vàng dùng dao ngã xuống, nhưng đếm đi, đếm lại cũng chưa được năm chục đốt. Anh buồn quá ngồi bưng mặt khóc.

Bỗng có tiếng nói hiền từ:

- Làm sao con khóc?

Anh trai cày ngẩng mặt lên thì thấy trước mắt hiện ra một ông bụt, râu tóc bạc phơ. Anh vội thưa rõ đầu đuôi câu chuyện. Bụt cười và bảo:

- Khó gì việc ấy! Con hãy chặt đủ một trăm đốt tre, đem xếp nối với nhau rồi hô: “Khắc nhập, khắc nhập” thì có ngay cây tre trăm đốt.

Nói xong, Bụt biến mất. Anh trai cày làm đúng lời Bụt bảo, quả nhiên cả trăm đốt tre dính liền nối nhau thành một cây tre dài đủ trăm đốt. Anh sung sướng nâng lên vai vác về. Nhưng cây tre dài quá, vướng bờ, vướng bụi, không sao đưa ra khỏi rừng được. Anh lại ngồi xuống khóc, Bụt lại hiện lên hỏi:

- Cây tre trăm đốt có rồi, sao con còn khóc?

Anh nói tre dài quá không vác về nhà được. Bụt liền bảo:

- Con hãy hô: “Khắc xuất, khắc xuất”, những đốt tre ấy sẽ

rời ra!

Anh làm theo lời Bụt, tự nhiên cây tre rời ra trăm đốt, anh kiếm dây rừng buộc làm hai bó, mừng rỡ gánh về.

Lúc về tới nơi, thấy hai họ đang ăn uống linh đình và sửa soạn đón dâu, anh mới biết lão nhà giàu đã lừa anh và lén lút đem con gái gả cho người khác mặc cho cô gái khóc lóc một mực không chịu. Anh giận lắm nhưng không nói năng gì, lẳng lặng xếp một trăm đốt tre nối nhau và hô: “Khắc nhập, khắc nhập”. Một cây tre đúng một trăm đốt tươi xanh óng ả hiện ra trước mặt mọi người. Lão chủ thấy lạ, chạy lại gần xem, anh đọc luôn: “Khắc nhập, khắc nhập”. Lão ta dính liền ngay vào cây tre, không tài nào rút ra được. Lão thông gia thấy vậy, chạy lại tính gỡ cho nhà chủ. Anh đợi cho hắn tới gần, rồi lại đọc: “Khắc nhập, khắc nhập”.

Thế là lão ta cũng dính chặt luôn vào cây tre. Hai lão nhà giàu kêu khóc thảm thiết, van lạy anh trai cày xin anh gỡ ra cho và hứa trước hai họ sẽ gả con gái cho anh ngay hôm đó. Theo lời van xin của cô gái, lúc bấy giờ anh mới khoan thai đọc: “Khắc xuất, khắc xuất”. Tức thì cả hai lão kia rời khỏi cây tre và cây tre cũng chia thành trăm đốt. Lần này thì lão nhà giàu không dám thất hứa, phải gả cô con gái cho anh trai cày. Hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc suốt đời.

Sơn Tinh Thủy Tinh

Hùng Vương thứ mười tám, có một người con gái tên là My Nương được vua cha thương yêu rất mực. Nhà vua muốn kén cho nàng một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm, có hai chàng trai đến xin ra mắt nhà vua để cầu hôn. Một người ở núi Ba Vì, tuấn tú và tài giỏi khác thường: chỉ tay về phía Đông, phía Đông biến thành đồng lúa xanh, chỉ tay về phía Tây, phía Tây mọc lên hàng dãy núi. Nhân dân trong vùng gọi chàng là Sơn Tinh. Còn một người ở mãi tận miền biển Đông, tài giỏi cũng không kém: gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa tới. Chàng này tên gọi là Thủy Tinh. Một người là chúa của miền non cao, một người chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.

Hùng Vương băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai. Nhà vua cho mời các quan Lạc Hầu vào bàn mà vẫn không tìm được kế hay. Cuối cùng Hùng Vương phán rằng:

- Hai người đều vừa ý ta cả, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Ngày mai, hễ ai đem đồ sinh lễ đến đây trước, đủ một trăm ván cơm nếp, hai trăm nếp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao thì được rước dâu về.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến

trước (vì những sản vật này thuộc vùng cai quản của Sơn Tinh) và được phép đưa dâu về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo một hai đời cướp lại My Châu.

Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão rung chuyển cả trời đất, dâng nước sông lên cuộn cuộn tìm đánh Sơn Tinh. Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà ngập cửa.

Sơn Tinh không hề nao núng, dùng phép màu bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn đứng dòng nước lại. Nước dâng cao lên bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi núi mọc lên cao bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mất mấy tháng trời liền. Cuối cùng Thủy Tinh đuối sức, phải rút quân về.

Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù càng thêm sâu, không năm nào Thủy Tinh không làm mưa bão, dâng nước lên đánh Sơn Tinh gây bao thảm họa cho con người, làng mạc bị nước cuốn trôi, mùa màng bị thất bát. Nhưng lần nào đội quân của Sơn Tinh cũng chống lại rất kiên cường và mỗi năm thêm kinh nghiệm chặn đứng âm mưu tàn ác của Thủy Tinh, khiến cho đội quân thủy quái của ông chúa vùng nước thẳm phải bỏ chạy.

Truyện đẻ trăm trứng

Cách đây lâu lắm rồi có tới hơn bốn ngàn năm, ở Lĩnh Nam có một thủ lĩnh tên là Lộc Tục, hiệu là Kinh Dương Vương sức khoẻ tuyệt quần, lại có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Một hôm Kinh Dương Vương đi chơi hồ Động Đình, gặp Long Nữ là con gái Long Vương, hai người kết thành vợ chồng và ít lâu sau sinh được một trai, đặt tên là Sùng Lãm.

Lớn lên Sùng Lãm rất khoẻ, một tay có thể nhấc bổng tảng đá hai người ôm. Cũng như cha, Sùng Lãm có tài đi lại dưới nước như trên cạn. Để nối nghiệp cha, chàng lấy hiệu là Lạc Long Quân.

Đến vùng bờ biển Đông Nam, Lạc Long Quân gặp một con cá rất lớn. Con cá này đã sống từ lâu đời, mình dài hơn trăm trượng, đuôi như cánh bướm, miệng nó có thể nuốt chung mười người một lúc. Khi nó bơi thì sóng nổi ngất trời, thuyền bè qua lại đều bị chìm, người trên thuyền cũng bị nó nuốt sống. Đám dân chài rất sợ con quái vật ấy. Họ gọi nó là Ngư tinh. Chỗ ở của Ngư Tinh là một cái hang lớn ẩn sâu xuống biển, trên hang có một dãy núi đá cao, ngăn miến duyên hải ra làm hai vùng.

Quyết tâm diệt loài yêu quái, trừ hại cho dân, Lạc Long

Quân đóng một chiếc thuyền thật lớn và thật chắc, rèn một khối sắt có nhiều cạnh sắc, nung cho thật đỏ, rồi đem xuống thuyền chèo thẳng đến hang Ngư Tinh. Lạc Long Quân ném khối sắt cho nó ăn. Ngư Tinh há miệng đón mồi, bị khối sắt nóng bỏng cháy họng, nó vùng lên chống cự, quật đuôi vào thuyền của Lạc Long Quân. Lạc Long Quân liền rút gươm chém Ngư Tinh làm ba khúc, khúc đầu hóa thành chó biển. Lạc Long Quân lấy đá ngăn biển chặn đường, giết chết con chó biển, vớt dầu lên một hòn núi, nay hòn núi ấy gọi là Cầu Dầu Sơn; khúc mình của Ngư Tinh trôi ra xứ Mạn Cầu, nay còn gọi là Cầu Dầu Thủy; còn khúc đuôi của Ngư Tinh thì Lạc Long Quân lột lấy da đem phủ lên một hòn đảo giữa biển, đảo ấy nay còn mang tên là Bạch Long Vĩ.

Trừ xong nạn Ngư Tinh, Lạc Long Quân đến Long Biên. Ở đây có con cáo chín đuôi sống hơn nghìn năm, đã thành tinh. Nó trú trong một hang sâu, dưới chân một hòn núi đá ở phía tây Long Biên. Con yêu này thường hóa thành người, trà trộn trong nhân dân dụ bắt con gái đem về hang hãm hiếp. Trong vùng từ Long Biên đến núi Tản Viên, đâu đâu cũng bị Hồ Tinh hãm hại. Nhân dân hai miền rất lo sợ, nhiều người phải bỏ cả ruộng vườn, nương rẫy, kéo nhau đi nơi khác làm ăn.

Lạc Long Quân thương dân, một mình một gươm đến sào huyệt Hồ Tinh, tìm cách diệt trừ nó.

Lạc Long Quân vừa đến cửa hang, con yêu thấy bóng người, liền xông ra. Lạc Long Quân hóa phép làm mưa gió, sấm sét vây chặt lấy con yêu, giao chiến ba ngày ba đêm, con yêu dần dần đuối sức, tìm đường tháo chạy. Lạc Long Quân đuổi theo, chém đứt đầu nó. Nó hiện nguyên hình là một con cáo khổng lồ chín đuôi. Lạc Long Quân vào hang cứu những người còn sống

sốt, rồi sai các loài thủy tộc dâng nước sông Cái vào phá hang. Nước sông chảy như thác, đánh bằng ngọn núi, xoáy hang cáo thành một vực sâu, người thời gọi là Đầm Xác Cáo, đời sau gọi là Tây Hồ.

Đẹp yên nạn Hồ Tinh, dân quanh vùng lại trở về cày cấy trên cánh đồng và dựng nhà lập xóm trên khu đất cao.

Thấy dân vùng Long Biên đã được yên ổn làm ăn, Lạc Long Quân đi ngược lên vùng rừng núi và đến đất Phong Châu. Ở vùng này có một cây cổ thụ gọi là cây Chiên Đàn, cao hàng nghìn trượng, trước kia cành lá xum xuê tươi tốt che kín cả một khoảng đất rộng. Nhưng sau nhiều năm, cây khô héo, biến thành yêu tinh, người ta gọi nó là Mộc Tinh. Con yêu này hung ác và quỷ quyệt lạ thường, nó không ở nhất định một nơi nào và luôn luôn thay hình đổi dạng ẩn nấp khắp nơi, đón bắt người để ăn thịt. Đi đến đâu cũng nghe tiếng than khóc thảm thiết. Lạc Long Quân quyết ra tay cứu dân, diệt trừ loài yêu quái, qua nhiều ngày gian khổ mới tìm thấy hang ổ của con yêu. Lạc Long Quân giao chiến với nó trăm ngày trăm đêm, làm cho cây long đá lở, trời đất mịt mù mà không thắng được nó. Cuối cùng Lạc Long Quân phải dùng những nhạc cụ như chiêng, trống... Nó sợ và chạy về hướng tây nam, sống ở vùng đó, người gọi là quỷ Xương Cuồng.

Diệt xong nạn yêu quái, Lạc Long Quân thấy cuộc sống của dân vùng này còn đói khổ, thiếu thốn, phải lấy vỏ cây che thân, tết cỏ gianh làm ổ nằm, lấy cây tung lư, cây quang lang để ăn cho no, lấy rễ gừng ăn cho mặn miệng, bắt ba ba núi làm mắm...

Lạc Long Quân dạy cho dân biết cách trồng lúa nếp, lấy ống tre thổi cơm, đốn gỗ làm nhà sàn để ở phòng thú dữ. Lạc

Long Quân còn dạy dân ăn ở sao cho ra cha con, vợ chồng. Dân cảm ân đức ấy, xây cho Lạc Long Quân một toà cung điện nguy nga trên một ngọn núi cao. Nhưng Lạc Long Quân không ở, thường về quê mẹ dưới thủy cung và dặn dân chúng rằng: “Hễ có tai biến gì thì cứ gọi ta, ta sẽ về ngay”.

Lúc bấy giờ có Đế Lai từ phương Bắc đem quân tràn xuống phương Nam. Đế Lai đem theo cả người con gái yêu rất xinh đẹp của mình là Âu Cơ và nhiều thị nữ. Thấy Lĩnh Nam phong cảnh tươi đẹp, lại nhiều chim muông, nhiều tổ quý. Đế Lai sai dựng thành đắp lũy định ở lâu dài. Nhân dân chịu không nổi, hướng về biển Đông, gọi to: “Bố ơi! Sao không về cứu chúng con!”. Chỉ trong chớp mắt, Lạc Long Quân đã về.

Nghe dân kể chuyện, Lạc Long Quân hóa làm một chàng trai rất đẹp, có hàng trăm đầy tớ theo hầu, vừa đi vừa hát đến thẳng chỗ Đế Lai ở. Lạc Long Quân không thấy Đế Lai đâu cả, mà chỉ thấy một cô gái nhan sắc tuyệt trần cùng vô số thị tỳ và binh lính. Cô gái đó là Âu Cơ. Thấy Lạc Long Quân uy nghi tuấn tú nàng đem lòng say mê, xin đi theo Lạc Long Quân. Lạc Long Quân đưa Âu Cơ về ở trong cung điện của mình trên núi cao. Đế Lai về không thấy con gái đâu, liền sai quân lính đi tìm khắp nơi rồi đành thu quân về phương Bắc.

Lạc Long Quân ở với Âu Cơ được ít lâu thì Âu Cơ có mang, sinh ra một cái bọc. Sau bảy ngày cái bọc nở ra một trăm quả trứng. Mỗi quả trứng nở ra một người con trai. Trăm người con trai đó lớn lên như thổi, tất cả đều khỏe mạnh và thông minh tuyệt vời. Họ gọi nhau là anh em, là đồng bào (có nghĩa là cùng ở trong bọc mà ra).

Hàng chục năm trôi qua Lạc Long Quân sống đầm ấm bên bảy con, nhưng lòng vẫn nhớ thủy phủ. Một hôm Lạc Long

Quân từ già Âu Cơ và đàn con, hóa làm một con rồng vụt lên mây, bay về biển cả. Âu Cơ và đàn con muốn theo Lạc Long Quân, nhưng không đi được, buồn bã ở lại trên núi. Không thấy Lạc Long Quân trở về, nhớ chồng quá, Âu Cơ đứng trên ngọn núi cao hướng về biển Đông lên tiếng gọi: “Bố nó ơi! Sao không về, để mẹ con chúng tôi sầu khổ thế này”.

Lạc Long Quân trở về tức khắc. Âu Cơ trách chồng:

- Thiếp vốn sinh trưởng ở núi cao, động lớn, ăn ở với chàng sinh được trăm trai, thế mà chàng nỡ long bỏ đi để mặc mẹ con thiếp sống bơ vơ.

Lạc Long Quân nói:

- Ta là loài Rồng, nàng là giống Tiên, khó ở với nhau lâu dài được. Nay ta đem năm mươi con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con lên miền núi, chia nhau trị vì các nơi, kẻ lên núi người xuống biển, nếu gặp sự gì nguy hiểm thì báo cho nhau biết, cứu giúp lẫn nhau, đừng có quên.

Hai người từ biệt nhau, trăm người con trai toả đi khắp nơi, trăm người đó trở thành tổ tiên của người Bách Việt. Người con trưởng ở lại đất Phong Châu, được tôn làm vua nước Văn Lang lấy hiệu là Hùng Vương. Vua Hùng chia nước ra làm mười lăm bộ, đặt tướng văn, võ gọi là Lạc Hầu, Lạc Tướng. Con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mỹ Nương. Ngôi vua đời cha truyền con nối. Các đời vua đều gọi chung một danh hiệu là Hùng Vương.

Lạc Long Quân là người mở mang cõi Lĩnh Nam, đem lại sự yên ổn cho dân. Vua Hùng là người dựng nước, tục truyền nối được mười tám đời. Do sự tích Lạc Long Quân và Âu Cơ, nên dân tộc Việt Nam vẫn kể mình là dòng giống Tiên Rồng.

Sự tích trầu cau

Tin vợ chồng nhà quan Lạc Hầu (chức quan Văn thời Vua Hùng họ Cao) sinh hạ được hai người con trai sinh đôi giống nhau như hai giọt nước, khiến cho nhiều người tò mò kéo đến xem mặt. Quả thật, nhìn vào, không ai phân biệt được đâu là anh, đâu là em!

Thật không may cho hai anh em, trong một trận cuồng phong cả bố và mẹ của họ đều bị gió cuốn mất. Từ đó hai anh em phải sống trong cảnh mồ côi, hiu quạnh. Ngày này qua ngày nọ, hai anh em nương tựa vào nhau. Người anh (theo thứ bậc gọi là Cao Huynh) làm việc chăm chỉ bao nhiêu thì người em Cao Đệ cũng siêng năng không kém. Cả hai đều sống vui vẻ hoà thuận dưới mái nhà tranh.

Thương cảm cho hoàn cảnh anh em nhà họ Cao, một ông thầy dạy học đã nhận hai anh em làm học trò. Được thầy dạy học chu đáo tận tình, cả hai đều học rất thông minh. Với bản tính thật thà, chất phác lại chăm chỉ học hành nên người thầy quý mến cả hai. Thầy coi hai anh em như con của mình. Trong nhà thầy có cô con gái đã đến tuổi lấy chồng. Nàng có nhan sắc tươi đẹp vì thế có nhiều chàng trai muốn ngỏ ý cầu hôn, nhưng nàng vẫn chưa ưng ai.

Thấy hai anh em nhà họ Cao hiền lành tốt nết, người con

gái của thầy đem lòng yêu mến nhưng nàng không phân biệt được người nào là Cao Huynh, người nào là Cao Đệ.

Một hôm nhân lúc bố mẹ đi vắng, nàng nấu nồi cháo rồi tự tay múc một bát cùng một đôi đũa đem mời hai người. Nàng kín đáo nấp sau cánh cửa theo dõi. Thấy Cao Huynh nhường cho em ăn trước, nàng mới nhận ra đặc điểm của người anh. Sau đó nàng xin phép bố mẹ cho mình được lấy Cao Huynh làm chồng.

Từ ngày người anh lấy vợ, tình cảm giữa hai anh em không được bền chặt như ngày trước nữa. Người anh dành phần nhiều tình cảm cho người vợ mà ít chú ý đến người em. Người em rất buồn lòng.

Một buổi, cả hai anh em cùng đi làm trên nương. Mãi cho đến lúc ông mặt trời lặn sau dãy núi họ mới trở về nhà. Trời tối mịt, căn nhà tranh có ánh đèn le lói, người vợ đang chờ người chồng đi làm về. Cao Đệ đi trước người anh. Vừa bước qua ngưỡng cửa vào nhà thì chị dâu từ trong buồng chạy ra nhăm chàng là chồng mình và ôm chầm lấy. Người em vội kêu lên, cả hai chị em đều xấu hổ. Người anh bước vào sau thấy vậy liền sinh nghi em mình có quan hệ không lành mạnh với chị dâu. Tình cảm giữa hai anh em ngày một xa cách.

Thấy người anh càng ngày càng hững hờ với mình, người em buồn lắm. Thế rồi vào một ngày trời mưa tầm tã, Cao Đệ quyết định ra đi để cho anh mình được hạnh phúc. Chàng cứ theo đường mòn mà đi. Chàng khóc nhiều lắm, nước mắt chàng hoà trong nước mưa. Chàng cứ đi như thế cho tới

khu rừng rậm, trước mặt chàng là con suối sâu, nước xanh biếc. Chàng không lội qua được liền ngồi xuống nghỉ cho đỡ mệt.

Nghĩ đến cảnh mồ côi cha mẹ, nghĩ đến sự hiểu lầm của anh, Cao Đệ càng thấy cô đơn. Chàng khóc thốn thức, nước mắt thấm đẫm cả chỗ ngồi. Chàng cứ ngồi khóc như vậy cho đến gần sáng thì qua đời. Chàng chết mà vẫn ngồi hướng về ngôi nhà nơi anh chị đang ở. Thân thể chàng biến thành một tảng đá bên con suối.

Ở nhà Cao Huynh được vợ kể cho sự việc nhầm lẫn thì rất làm hối hận vì đã dối xử với em không đúng. Buổi chiều khi không thấy em trở về chàng lặng lẽ đi tìm mà không nói cho vợ biết. Chàng cứ theo đường mòn mà đi, đi mãi tới khu rừng, đến con suối sâu không lội qua được chàng bèn ngồi nghỉ bên cạnh tảng đá to đẹp. Chàng nhớ em và khóc than rầu rĩ. Chàng ngất đi và chết đứng hóa thành một cây không cành mọc thẳng bên tảng đá.

Ở nhà, người vợ không thấy chồng trở về bèn vội vàng đi tìm. Nàng cũng theo đường mòn mà đi. Cuối cùng nàng cũng đến bên con suối sâu. Nàng ngồi tựa vào gốc cây không cành mọc bên tảng đá và khóc thương cho chồng. Nàng cứ khóc như thế cho đến khi biến thành một dây leo cuốn chặt lấy cây.

Câu chuyện lan nhanh cả vùng, ai nấy đều thương xót cho cảnh ngộ của ba người. Vua Hùng một lần đi qua chỗ ấy được nhân dân kể chuyện thì rất lấy làm xúc động. Vua bảo lính lấy lá cây leo và quả của cây không cành rồi giã cho nát

và nhai thử. Thấy mùi vị cay cay và thơm ngon, nhà Vua thích lắm. Vua bèn nhổ nước vào tảng đá thì bỗng nhiên nước biến thành màu đỏ tươi. Nhà vua cho gọi cây mọc thẳng là cây cau, cây dây leo kia là cây trầu, tảng đá được đem về nung cho xốp để ăn cùng với trầu cau cho thơm miệng, đỏ môi.

Trầu, cau và vôi là biểu tượng thắm thiết của ba người, tuy đã chết nhưng tình nghĩa vẫn không bao giờ phai của người Việt Nam. Người Việt Nam mỗi khi tổ chức lễ cưới thì bao giờ cũng có miếng trầu, quả cau và bình vôi. Phong tục đẹp đẽ này chỉ ở ta mới có.

Nàng tiên và chàng trai nghèo

? Ở vùng nọ có một phụ nữ góa chồng. Bà ở vậy nuôi dạy người con trai duy nhất. Chàng trai lớn lên dưới sự yêu thương dạy bảo của người mẹ. Nhà của hai mẹ con chàng rất nghèo. Suốt ngày chàng đi cày thuê cuốc mướn chỉ mong đủ miếng ăn.

Đến tuổi lấy vợ mà nhà chàng không có lấy một đồng. Thương con trai không có tiền cưới vợ lại phải làm việc suốt ngày, người mẹ già cũng chẳng biết làm gì. Đêm nào bà cũng khóc một mình bên bếp lửa. Bà trách ông trời sao lại nỡ đối xử bất công với mẹ con bà như vậy.

Một đêm, bà gặp một ông già râu tóc bạc phơ, mặc bộ quần áo đồ tươi. Ông cất giọng hiền từ bảo bà:

-Ta thấy bà đang khổ vì cảnh nghèo khó, không có tiền lấy vợ cho con nên ta muốn giúp. Ngày mai bà bảo con trai đi đến ngọn núi có phiến đá xanh bên cạnh hồ nước, sẽ có chín cô gái xuống đây tắm, con trai bà yêu cô nào thì cứ việc chọn một bộ cánh cô ấy để ở trên bờ mang về. Cô gái ấy sẽ là nàng dâu của bà!

Vừa xúc động về tấm lòng tốt của cụ già, vừa ngạc

nhiên về những điều cụ vừa nói, bà hỏi: “Thưa cụ, cụ là ai mà lại rõ nỗi khổ tâm của cháu?”

Cụ già chỉ đáp: “Ta là Tiên ở trên trời” rồi vụt biến mất. Bà cụ tỉnh dậy thì không thấy ai cả. Đây chỉ là một giấc mơ. Bà cụ liền gọi con trai kể lại đầu đuôi giấc mơ vừa qua. Người con trai mừng lắm.

Nghe theo lời mẹ kể, người con trai gói nắm cơm, đeo ống nước lên đường. Chàng băng rừng lội suối, vượt núi cheo leo. Đường đi gồ ghề khúc khuỷu vất vả gian nan, lưng chàng thấm đẫm mồ hôi nhưng chàng vẫn không hề nản chí.

Chàng đi mãi, đến gần trưa thì gặp ngọn núi cao sừng sững dưới chân là phiến đá to rộng, trước mặt là hồ nước xanh trong. Trên bờ hoa thơm cỏ lạ đua nhau khoe sắc cùng đàn ong bướm bay la đà. Cảnh vật thật đẹp lạ kỳ.

Đang miên man trước cảnh sắc tươi đẹp, bỗng có một cơn gió nhẹ thoảng qua đem theo mùi hương quyến rũ. Nhìn lên trời, chàng thấy trong đám mây hồng có chín nàng tiên mặc áo quần đẹp lộng lẫy đáp xuống bờ hồ. Chàng vội vàng nép vào bụi cây theo dõi. Chín nàng tiên đứng trên phiến đá xanh nhẹ nhàng cởi quần áo và lội xuống hồ tắm. Nước hồ trong xanh, người cô nào cũng trắng nõn nà, chín cô trông như chín mặt trăng. Trong số các cô tiên có cô thứ chín là hiền hậu nhất. Tóc cô đen, dài, giọng cười như tiếng sáo ngân nga.

Chàng trai nghèo nghe theo lời ông Tiên liền lén lấy lấy trộm bộ quần áo hình cánh tiên của cô thứ chín rồi lặng lẽ theo đường mòn trở về nhà.

Trên trời, một hồi trống vang lên báo hiệu đến giờ phải về Thiên đình. Tám cô chị nhanh nhẹn mặc quần áo và bay về trước. Riêng cô thứ chín cứ tìm mãi mà không thấy, cô cuống

cuồng chạy quanh hồ tìm quần áo, tìm đi tìm lại. Đúng lúc ấy tiếng trống cuối cùng kết thúc, nàng tiên thứ chín đành phải ở lại hạ giới.

Nhìn dấu chân trên cát mịn đi dần xuống núi, nàng biết rằng đã có người đánh cắp bộ quần áo của mình. Nàng vội vàng lấy tạm vỏ thân cây làm quần áo rồi nhanh chóng đi theo dấu chân. Đi mãi, đến xế chiều nàng như thấy bên sườn đồi có ngôi nhà lá. Nàng đang phân vân không biết có nên theo vết chân đi vào hay không thì có một ông già râu tóc bạc phơ xuất hiện. Ông bảo:

-Này cháu ơi! Cháu cứ mạnh dạn vào trong nhà sẽ có chàng trai sẵn lòng giúp cháu.

Nói xong ông cụ bước nhanh về phía trước.

Nàng nghe theo lời ông cụ, mạnh dạn bước vào nhà. Bà cụ già nhìn thấy người con gái đẹp tuyệt trần như đúng giấc mơ đêm qua thì vui mừng lắm. Bà gọi ngay người con trai ra, chàng trai nghèo nhìn cô gái hồi lâu rồi nói:

-Nhà ta nghèo lắm, nếu nàng không chê ta khốn khó thì hãy ở lại cùng ta nên vợ nên chồng. Ta sẽ yêu thương nàng trọn kiếp này.

Mẹ chàng nắm tay nàng nói nhỏ nhẹ:

-Chúng ta đợi con đã lâu lắm rồi. Con hãy ở lại đây làm con dâu mẹ. Mẹ con mình sẽ sống đầm ấm, vui vẻ. Rồi cũng có lúc gia đình ta khấm khá hơn con ạ!

Cảm động trước tình cảm yêu thương của hai mẹ con chàng trai, nàng bèn chấp nhận cuộc sống nơi hạ giới. Bỏ cõi tiên và trở thành người vợ hiền, người con dâu hiếu thảo.

Bà mẹ già sung sướng đặt cho nàng dâu một cái tên thật đẹp: Nàng Tiên

Chàng rể thông minh

Một phú ông nói với các chàng trai đến xin cưới người con gái của lão: “Ta là người giàu có nhất ở vùng Hà Nam này, con gái ta lại nổi tiếng xinh đẹp và nết na, cho nên ta không cần chàng rể lắm vàng nhiều bạc mà ta chỉ cần một người thông minh. Một chàng trai hỏi:

- Thế nào thì được coi là “thông minh” a ?

Phú ông trả lời:

Người đó phải làm cho ta giận dữ thì mới xứng đáng được làm con rể ta.

Thấy điều kiện của phú ông đưa ra không có gì khó khăn, nhiều chàng trai lần lượt trở tài mong có được vợ đẹp. Tuy nhiên tất cả cách chọc tức của họ đều không làm phú ông tức giận. Ngược lại, phú ông còn cười ha hả khiến cho các chàng trai tự cho mình là thông minh đành chịu bó tay đứng nhìn người đẹp.

Ở làng bên cạnh có chàng trai nghèo khổ. Chàng mồ côi cha mẹ từ lúc nhỏ, vì chàng thông minh, chịu khó nên mọi người gọi là chàng Chăm. Nghe tin phú ông đang kén chọn rể, Chăm liền sang nhà phú ông xem sự thể thế nào. Đứng ở ngoài quan sát các trai làng chọc giận phú ông, Chăm liền nghĩ ra một kế.

Một hôm Chăm đến nhà phú ông xin ở thuê. Chàng giấu kín chuyện mình muốn làm rể. Bằng cách cần cù siêng năng, chịu khó Chăm đã chiếm được cảm tình của phú ông. Phú ông rất mừng vì đã kiếm được một người làm công vừa ý.

Buổi sáng nọ, phú ông bảo Chăm chuẩn bị mọi thứ để đi săn. Thật không may vào đúng hôm đó, con chó săn của nhà phú ông tự nhiên lăn đùng ra chết. Nhìn thấy Chăm chân thấp, chân cao leo đèo theo sau, phú ông nói đùa:

-Đi săn mà không có chó đi theo thì săn sao được, hay mày làm chó săn cho ông nhé.

Nghe phú ông nói vậy Chăm không chút tự ái, chàng đáp:

-Thưa ông được ạ! Nhưng chỉ với một điều kiện.

Phú ông quay lại hỏi:

-Điều kiện gì?

-Dạ! Ông phải giữ lời hứa.

Phú ông gật đầu cười ha hả

Tới khu rừng rậm cây cối um tùm, thú rừng chạy loạn xạ, phú ông bèn giương cung bắn vào bụi cây trước mặt nơi có con thỏ vừa chạy vào. Bắn xong, phú ông liền gọi: “Con chó” ngoan ngoãn hãy chui vào bụi cây tìm con mồi cho ta.. Lát sau “con chó” chui ra, nó ôm con thỏ đến bên chủ. Phú ông thấy vậy cứ ôm bụng cười sằng sặc. Tới gần trưa cả thợ săn lẫn “chó” săn được ba con thỏ. Phú ông bảo Chăm:

-Mày cho ba con thỏ này vào bao rồi vác về nhà theo ông.

Lúc này Chăm mới nhẹ nhàng đáp:

-Thưa ông! “Chó” chỉ biết đi săn mà không biết mang vác,

mong ông nhớ giúp.

Phú ông thấy mình bị mắc lừa, đành phải vác ba con thỏ về nhà. Vừa đi lão vừa thở hồng hộc, mồ hôi đầm đìa vai áo. Vừa về đến nhà, lão vứt ngay bao tải xuống nền nhà bảo Chấm:

-Mày đem làm thịt ba con thỏ này cho ông uống rượu.

Chàng Chấm lại đáp từ tốn:

-Thưa ông! Chó không biết làm thịt, chỉ biết đi săn. Ông muốn ăn thì phải tự làm lấy!

Phú ông đành phải đun nước làm thịt thỏ. Làm xong lão gọi Chấm lên. Lão nói nhỏ với chàng:

-Thịt thỏ ông đã làm xong, bây giờ mày chỉ việc nấu lên là xong. Ông với mày cùng đánh chén.

Nghe vậy, Chấm lại lễ phép:

-Thưa ông chủ. "Chó" thì biết nấu nướng ra sao. Muốn ăn ngon, ông hãy tự vào nấu.

Phú ông giận lắm nhưng vẫn chỉ lặng lẽ vào bếp xào nấu. Trong lúc ấy thì chàng Chấm tranh thủ ngủ một giấc cho đỡ mệt. Đến lúc thịt thỏ đã chín. Các món nướng, luộc được phú ông thái lên đĩa thơm phức. Lúc này Chấm mới tỉnh giấc. Chàng nhìn chằm chằm vào các đĩa thịt đang tỏa hương vị thơm phức. Thấy Chấm nuốt nước bọt, phú ông bảo:

-Mày đi mua rượu về đây. Đồ nhắm ông đã dọn sẵn rồi, mày thấy chưa.

Chàng Chấm lại thưa:

-Ông chủ thật hay quên. Chó không biết mua rượu đâu. Muốn uống thì ông tự mình đi mua lấy.

Chăm đã tưởng lần này lão sẽ nổi giận phang cho mình mấy roi, nhưng lão vẫn điềm nhiên đứng dậy, lúi thủ cầm chai đi mua rượu.

Đợi lúc phú ông vắng nhà, chàng Chăm liền ngồi vào chén gần hết các món. Ăn chán, chàng còn cầm bát canh đổ xuống mâm rồi chui vào gầm giường nằm ngủ.

Phú ông đi mua rượu về thấy bát, đĩa, nồi, niêu, xoong chảo chỏng chơ bèn gọi chàng Chăm ra. Lão lên tiếng:

-Tại sao ở nhà không trông coi cẩn thận để ai vào ăn hết cả thế kia?

Nghe ông chủ nói, Chăm từ gầm giường, nói vọng ra:

“Chó” ăn chứ còn ai! Các cụ thường bảo “chó treo mèo dấy”. Có đời thuở nào chó chê thịt, chê cơm đâu. Nếu ông tiếc của thì hãy ăn mấy miếng thừa trên mâm đi.

Lão phú ông không nói một lời, lặng lẽ cất chai rượu rồi quay ra quét dọn xương xẩu. Chăm lồm cồm bò từ trong gầm giường ra. Đến bên phú ông, chàng lễ phép nói: - Thưa ông! Hôm nay con làm phiền ông nhiều quá, ông có giận con lắm không?

Phú ông mỉm cười nói:

-Mày không phải lo gì. Có ai làm được tao nổi giận bao giờ!

Nói xong lão cười khoái chí.

Sáng hôm sau, mới gà gáy canh năm lão đã khua chàng Chăm dậy đi sẵn tiếp. Lão vẫn tiếc bữa thịt thỏ bị chàng Chăm ăn hết. Lão nghĩ bụng, hôm nay sẽ tìm cách trả thù. Đến rừng, lão bảo Chăm:

-Hôm nay ông là “chó” còn mày là chủ, hiểu chưa?

Chăm ra vẻ lưỡng lự, gãi tai, chàng bảo:

-Dạ! Con không dám, thưa ông.

-Tại sao lại không! Tao cho phép mày cơ mà.

Chăm liền gật đầu đồng ý.

Suốt buổi săn thú, chàng luôn miệng huýt sáo đuổi “chó” vào những bụi rậm có nhiều gai. Đến gần trưa đợi đến lúc “chó” đã thấm mệt, Chăm mới giương cung bắn một con cây. Cây chạy vào bụi gai mây, chẳng chịt “chó” không dám chui vào. Sắn cây gây trong tay Chăm liền vụt ngay một cái vào mõng “con chó”. Tuy bị đau nhưng lão vẫn cố nén giận và biết mình đang ở vào thế bí. Mặt trời đứng bóng Chăm cũng săn được một con cây.

Chàng cầm con cây hương, đến vỗ vai phú ông:

“Chó” ngoan hãy vác con cây này về nhà cho ông!

Phú ông đắc chí nói:

“Chó” không biết vác, chỉ biết đi săn thôi!

Chăm giả vờ tiếc nuôi và miễn cưỡng vác con cây lên vai. Về đến nhà chàng lần lượt “diễn” lại các cảnh như ngày hôm qua.

Lần nào phú ông cũng đắc chí vì đã lừa lại được tên đầy tớ tinh quái. Cho đến lúc thịt cày đã làm xong, phú ông chắc mẩm sẽ được sai ở nhà coi nhà, lần này thì lão sẽ chén sạch, đến xương cũng không để cho Chăm. Ai ngờ, Chăm mang đến một cái xích thật to xích cổ phú ông lại. Phú ông thấy thế không hiểu gì. Chàng liền bảo lão:

-Các cụ có câu: “Chó treo mèo dầy”. Để chắc ăn, ông phải xích “mày” lại.

Thế rồi chàng ta vỗ vào mông “chó” và nhẹ nhàng nói nhỏ:
Chịu khó ngồi đấy khi về ông sẽ thưởng.

Biết mình bị mắc lừa, lão đành ngoan ngoãn ngồi xuống nhìn mâm thịt cây đang tỏa mùi thơm của giềng mẻ mà không sao với tới được.

Ăn uống no say, chàng Chấm mới đi lảo đảo tới thả “chó” ra.

Chàng nghĩ thế nào phú ông cũng giận dữ đuổi anh đi. Nhưng phú ông chỉ bình thản nói:

Nghe phú ông nói thế chàng Chấm lấy làm chột dạ, nhưng cũng quyết không chịu bỏ cuộc.

Một lần kia, chàng Chấm rủ phú ông đi buôn bông. Mua được gánh bông vừa rẻ vừa trắng, Chấm nói với chủ: Sáng mai ông chịu khó gánh bông về trước, con ở lại mua thêm gánh nữa rồi về sau. Phen này ông sẽ lãi to.

Nghe chàng Chấm nói thế, phú ông mừng thầm trong lòng. Lão bảo:

-Con tính toán như thế cũng được. Cứ cố gắng làm đi, song chuyến này ông sẽ thưởng cho.

Chàng dạ một tiếng rồi leo lên giường ngủ. Nửa đêm, Chấm tỉnh dậy đến chui vào trong gánh bông, sau đó lại phủ bông lên người.

Sáng dậy, phú ông không thấy Chấm đâu. Lão nghĩ bụng chắc là chàng đã đi từ sớm để mua bông. Chuẩn bị xong đâu đấy, lão ghé vai gánh bông lên. Gánh bông nặng ời là nặng.

Nghĩ đến khoản lãi sắp tới, lão lại cố gắng lê từng bước chân. Đến khi gánh được tạ bông về nhà, lão vừa ngồi phịch xuống sân thì bỗng lão nhìn thấy chàng Chấm lù lù chui từ gánh bông ra, nhoẻn miệng cười tươi, hỏi lão:

-Ông mệt lắm phải không? Có gánh nặng như thế ông mới biết người ăn kẻ ở chúng con phải vất vả như thế nào?

Phú ông tức lên tận cổ nhưng lão lại tự nhủ: “Muốn không mất con gái, phải tập nhẫn nhịn vậy!”

Nghĩ thế nhưng phú ông vẫn rắp tâm trả thù chàng Chấm cho bố tức.

Mấy hôm sau, phú ông rủ chàng Chấm đi buôn bông tiếp. Chuyến đi này chàng Chấm cũng xông xáo và nhanh nhẹn mua được một gánh bông đầy. Tối hôm đó phú ông bảo chàng:

-Sáng mai mày đem gánh bông này về cho ông. Ông còn ở lại để mua tiếp, rồi ông sẽ về sau.

Thừa biết ý định của lão, Chấm vẫn tuân lời như không có chuyện gì xảy ra. Đêm đó chàng Chấm ngủ rất say, chàng biết phải ngủ để lấy sức gánh bông cho ngày mai.

Sáng sớm hôm sau, chàng Chấm vừa gánh bông vừa lắm bầm: Bông gì mà nặng quá! Lão phú ông ngồi trong gánh bông nghe thế, thì lấy làm đắc chí lắm.

Đi tới chiếc cầu bắc qua con sông sâu, Chấm đặt gánh bông xuống mép cầu ngồi nghỉ. Vừa ngồi xuống chàng ta đã chửi thề: Tổ cha nó, bông gì mà nặng thế, gánh này phải nặng gấp rưỡi gánh hôm trước.

Phú ông nghe thế tức lộn cả ruột nhưng lão vẫn cố nín nhịn ngồi im. Lát sau, lão nghe tiếng chàng Chấm gọi giật giọng:

Ông ơi, dắt trâu cho khéo đừng để nó chạm vào gánh bông của cháu. Gánh bông mà rơi xuống sông thì chủ cháu đánh cháu chết!

Nghe thấy thế, phú ông sợ quá bèn cuống cuống tìm cách chui ra ngoài, thì gánh bông bị Chấm hất theo đà lăn tòm xuống sông, phú ông quẫy đạp mới thoát chết đuối.

Ngay lúc ấy chàng Chấm cũng giả bộ hốt hải chạy tới vớt gánh bông lên. Thấy lão rét run cầm cập và đang co ro ngồi bên bờ sông, Chấm lại gần và trách:

-Con tưởng ông ở lại mua bông, sao ông lại dại dốt chui vào gánh bông làm gì.

Phú ông biết mình bị mắc lừa, nhưng vẫn cố nhin làm thính. Lão quả là một con người "tốt nhin"!

Đã hai năm chàng Chấm làm thuê cho nhà phú ông, lão vẫn chưa chịu giận dữ với ai. Trong khi đó, cô con gái lão ngày một đẹp hơn, càng làm cho Chấm quyết tâm không chịu từ bỏ mục đích.

Một hôm, Chấm đang cày ruộng thì phú ông ra thăm. Nhìn con trâu đi băng băng, đường cày thẳng tắp, lão khen chàng làm tốt. Bỗng từ đằng xa có tiếng trống vọng lại, báo quan phủ và đám lính hầu đang đi đến.

Chấm lặng lẽ bước lên đường cái. Giữa đường chàng thấy một đồng phân trâu rất to. Chàng nhanh trí bỏ chiếc nón xuống úp lên đồng phân và gọi to:

-Ông ơi, con úp được con chim phượng hoàng lửa.

Nghe thấy thế, phú ông vội chạy đến. Lão hồ hởi:

-Chim gì! Mà vừa nói con phượng hoàng lửa à?

-Dạ! Đúng thưa ông, nó đẹp lắm. Người ta bảo ai mà nuôi con chim này thì làm ăn luôn phát đạt, lại sống được lâu nữa.

Phú ông ngồi ngay xuống toan thò tay vào bắt thì Chăm ngăn lại:

-Ông ơi! Không được đâu. Nếu bắt bằng tay nó sẽ bay mất, ông cứ giữ chắc cái nón này để con về nhà lấy lưới giăng bắt cho nó chắc ăn. Ông nhớ đừng để nó xổng mất.

Phú ông gật đầu lia lịa, hai tay lão giữ chặt cái nón úp. Chàng vừa đi khỏi thì quan phủ đến. Thấy có người ngồi giữa đường, tay ôm cái nón úp, quan liền xuống ngựa và thét:

-Kẻ nào kia mà to gan dám ngồi giữa đường cản lối của ta?

Lúc này lão mới lên tiếng;

-Bẩm quan, trong cái nón này có con chim phượng hoàng.

Nghe nói đến chim phượng hoàng, quan thích lắm, bảo phú ông:

-Vậy thì người hãy bán cho ta.

Phú ông cười và nói:

-Xin quan hãy chờ thẳng ở nhà tôi một lát. Nó về nhà mang lưới ra đây giờ.

Quan huyện đứng chờ hồi lâu, sốt ruột quan bảo phú ông:

-Được, cứ để ta thò tay vào bắt. Nếu xổng ta sẽ đền cho.

Nói chưa dứt lời, quan ngồi xuống, một tay giữ nón, một tay thò vào bắt chim. Không thấy chim đâu, quan chỉ cảm giác quờ phải cái gì nhão nhão.

Thấy mùi thối bốc lên, quan rút tay ra thì tay đã bê bết phân trâu. Quan giận dữ:

-Thằng già này dám lừa cả ta. Quân bay đâu, nọc cổ nó ra đánh cho nó năm mươi roi. Quân lính tuân lệnh, vật ngựa phú ông ra và đánh. Phú ông đau quá kêu oai oái.

Đánh xong, quan vẫn chưa hả giận, lại sai quân lính lấy muối sát vào mông phú ông. Phú ông vừa đau vừa sốt kêu toáng lên. Người làng thấy thế bèn đổ nhau chạy ra xem. Riêng chàng Chăm vẫn ung dung ngồi bắt chân chữ ngũ, uống nước ở nhà.

Đợi lúc quân lính kéo đi hết, chàng ta mới lò dò cầm chiếc lưới ra. Thấy đám đông bu quanh phú ông, chàng liền lách vào, hỏi phú ông:

-Thế nào ông! Con chim đâu rồi?

Lần này thì Phú ông không kìm nổi cơn giận, lão quát to:

-Cái thằng trời đánh, thánh vật kia. Vì mày mà tao phải bị đánh thế này đây. Mày hãy xéo khỏi nhà tao ngay.

Chàng Chăm chờ cho lão nói hết, bèn nhìn mọi người và nói:

-Thưa các ông các bà. Hai năm trước đây phú ông có ra điều kiện, hễ ai làm cho ông tức giận thì sẽ gả con gái cho người ấy. Xin mọi người làm chứng cho.

Nói đoạn, chàng quỳ xuống trước mặt phú ông:

-Con đã làm cho ông tức giận, ông hãy tha thứ cho con. Từ nay trở đi con xin được làm con rể ông.

Lúc này phú ông mới chột giật mình bừng tỉnh. Lão nhăn mặt nói:

-Thôi được, có thằng rể thông minh như mày cũng hơn chán vạn thằng khác!

Nghề hóa cọp

Khoa thi năm ấy, nhờ đút lót tiền cho quan trường một gã con nhà giàu tên là Bành đồ hương cống. Sau khi đỗ, về làng hắn nói với mọi người: “Tôi đã nói rồi, thầy tôi khi xưa chỉ làm một chức quan nhỏ; tôi nhất định sẽ làm to hơn. Con phải hơn cha mới là nhà có phúc!”

Đối với những người hắn không ưa, hắn hợm hĩnh:

- Khoa sau mà đỗ ông nghề thì chúng bây chết với ông!

Cả tổng lo ngay ngáy, chỉ sợ hắn mà đỗ ông nghề thì rồi dân làng không ai cất đầu lên được.

Khoá sau, nhờ “ném bạc đâm toạc luật lệ” cống Bành đồ ông nghề thật. Nghề Bành được vua ban áo mũ, cờ biển, vòng lưng về vinh quy, có lính theo hầu, có dân làng đón rước.

Đường từ kinh thành về làng xa lắm, phải qua rừng, qua đèo, lội suối, lại đi trong mùa hè, nên nhân dân và binh lính phục dịch rất là vất vả. Đến một khu rừng rậm, binh lính và nhân dân dừng lại để nghỉ. Mọi người mệt nhọc nằm dưới bóng mát ngủ thiếp đi.

Nghề Bành được ngồi võng nên không mệt nhọc gì cả. Thấy rừng xanh um, lại nghe tiếng suối chảy róc rách ở gần, hắn

liền dạo chơi, lần đến đến bờ suối, tìm một tảng đá ngồi nghỉ, định nghĩ mấy vần thơ vịnh cảnh vịnh quy giữa núi cao rừng thẳm, nhân cũng để tỏ “tài văn chương” của mình. Thấy nước suối xanh trong, lại vắng vẻ không người qua lại, nghề ta định tắm cho thân thể mát mẻ, tinh thần sảng khoái, để nghĩ cho ra những vần thơ hay...

Hắn cởi quần áo lội xuống suối. Chao ôi! Nước mát làm sao! Nhưng tắm xong, hắn thấy ngứa ngáy khác thường, ngứa và nóng bỏng như rôm sảy mọc lên khắp mình mẩy. Hắn lấy tay gãi thì thấy da thịt bị xước, máu chảy ròng ròng. Nhìn các đầu ngón tay, hắn thấy móng tay đã mọc dài từ bao giờ, nhọn và sắc, nhìn đến chân tay mình mẩy thì thấy mọc đầy lông lá. Hắn thấy trong bụng cồn cào như hun, như đốt, cổ họng như bị bỏng, khát tưởng có thể uống cạn một giếng nước đầy. Hắn đến bờ suối, cúi đầu xuống dòng nước trong mát để uống thì thấy mặt mình đã hóa ra mặt hổ, thân mình cũng là thân mình hổ. Hắn kinh hãi quá, lên tiếng gọi quân sĩ thật to, mong họ cứu chữa cho mình, thì tiếng của hắn đã trở nên những tiếng gầm vang cả rừng sâu. Nghè Bành thấy mình đã hóa cọp, tức tối chạy rong một lúc, rồi cúp đuôi chạy thẳng vào hang sâu. Quân sĩ và phu tráng đang ngủ say, bỗng nghe tiếng hổ gầm dữ dội, đều thức dậy. Họ tìm khắp mọi nơi không thấy ông nghề đâu. Yên trí là ông nghề đã bị hổ tha đi mất, mọi người đành nhặt nhanh khăn gói, cùng nhau ra khỏi khu rừng, tìm đường quang đãng để đi, phu tráng thì trở về làng, còn quân lính thì trở về kinh.

Từ đây cách vài ngày, người ta lại thấy một con hổ xám rất lớn gầm lên những tiếng ghê rợn trên một ngọn núi trọc.

Trong có ba tháng trời, con ác thú ấy đã ăn thịt hơn mười khách bộ hành. Con đường tắt qua rừng dần dần thưa người qua lại. Chỉ còn một số phường săn đến thăm dò, để giăng bẫy bắt con cọp xám. Nhưng con ác thú tinh lắm, đặt mồi to và ngon đến đâu, cũng không lừa nổi nó. Người ta nói: Trong đêm thanh vắng, nó khóc thút thít như người. Săn mãi không được, những người phường săn cũng chán nản, bỏ khu rừng ấy không đến nữa. Câu chuyện ông nghe về vinh quy bị hờ tha mất cũng lu mờ dần trong trí nhớ mọi người...

Sáu năm sau, có một anh nông dân cùng làng với ông nghe hóa cọp, đi lính thú được trở về làng. Anh đến đâu khu rừng thì trời đã xế chiều. Anh tính nếu đi qua rừng thì sáng sớm hôm sau đã về đến nhà, còn nếu đi đường vòng qua đồi, qua các bản làng thì hai ngày nữa mới tới nơi. Anh vào một cái quán bên đường uống nước, gỡ cơm nắm ra ăn, và đem việc tính toán đường đi nói chuyện với nhà hàng. Máy ông bà già đều khuyên anh không nên qua rừng và nói cho anh biết con cọp xám mỗi ngày một hung dữ. Anh vốn là người gan dạ, lại đi lính thú đã lâu năm, đang nóng gặp gia đình, nên anh quyết băng rừng. Ăn đã chắc dạ rồi, anh vác một ngọn giáo, một bó nứa để làm đuốc, đeo tay nải lên vai trong đó có chiếc chân giò luộc và mấy cái nem làm quà cho vợ con, anh mạnh dạn đi thẳng vào rừng.

Lâu năm cỏ đã mọc kín đường mòn, phải tinh mắt lắm mới nhận ra lối đi. Anh rảo bước để ra khỏi khu rừng trước khi mặt trời lặn. Mới đầu nghe tiếng lá rơi, tiếng cành khô rơi, anh cũng nhìn trước nhìn sau, rồi càng đi sâu vào rừng, càng thêm hiu quạnh, âm u, nhưng lòng hăng hái của anh càng

tăng lên. Không những anh không sợ nữa, mà còn nghĩ thầm: “Thật người ta cũng nhát quá! Hồ xám hoá hoàn mới ra, chứ có đâu lúc nào nó cũng ngồi chồm hổm bên đường để rình người!”. Anh vừa nghĩ xong thì chợt có tiếng động ở một bụi rậm ven đường. Tiếng sột soạt lúc nhẹ, lúc mạnh, như có người đang kéo cành khô. Anh cầm chặt ngọn giáo, lắng tai nghe...

Thốt nhiên có tiếng gọi, tiếng khàn khàn, ồ ồ, như kẻ rụt lưỡi, không hẳn là tiếng người, nhưng dùng lời thì thật sõi:

- Anh Lương đây à? Hãy dừng lại, tôi hỏi một tí.

Anh nông dân thấy gọi đúng tên mình, liền đứng lại. Trong bụi có tiếng nói tiếp:

- Tôi là Bành đây, không biết anh có còn nhớ không? Tên Bành đã đốt nhà anh, làm cho anh phải bỏ làng đi mất mấy năm ấy mà!

Anh nông dân đáp:

- Tôi nhớ ra rồi. Sao người ta lại nói anh bị hổ tha đi mất? Còn chuyện cũ kia, thôi đừng nhắc đến làm gì! Nếu có phải anh nhờ độ đường thì ra đây, tôi đưa về làng. Trời sắp tối rồi!

Có tiếng thờ dài trong bụi; rồi có tiếng nói ra:

- Tôi chỉ lo anh chưa quên chuyện cũ. Bây giờ thì tôi... tôi không ra đi với anh được. Anh hãy nán lại một chút, tôi xin kể nông nỗi của tôi cho anh nghe...

Rồi Bành kể hết mọi việc của hắn từ ngày hắn đỗ ông nghè, về vinh quy, hắn định bắt dân làng phải phục dịch ra sao; sẽ trừng trị những người mà hắn thù ghét thế nào, không ngờ chỉ một lần đi tắm mà hắn hoá thành cọp.

Anh nông dân hỏi hổ xám:

- Thế bây giờ, muốn tôi giúp gì cho?

Hổ đáp:

- Tôi có đứa con trai. Ngày tôi vào Kinh ứng thi, nó mới lên hai; tôi lại còn mẹ già và vợ đại... Không biết có còn cả hay không? Nếu còn, nhờ anh trông nom, giúp đỡ cho.

Rồi hấn hỏi:

- Anh Lương ơi! Anh có thịt chín đấy không? Bao nhiêu năm nay, tôi ăn toàn thịt sống, những lúc tỉnh như lúc này, thèm thịt chín quá!

Anh nông dân lục trong tay nải, rồi bảo con hổ:

- Còn mấy gói nem và một cái chân giò luộc đây. Ra mà ăn!

Con hổ nói một giọng sung sướng:

- Xin anh ném vào bụi cho tôi. Bây giờ khắp người tôi lông lá, hôi hám lắm, không dám đến gần anh.

Anh nông dân ném cái chân giò và gói nem vào bụi, rồi dẫn con hổ:

- Từ nay nên vào rừng sâu, tìm kiếm hươu nai mà ăn, không nên lẩn quẩn trên đường này mà hại người.

Hổ đáp:

- Xin nghe lời anh.

Từ đó, trong đêm tối, người ta không nghe thấy tiếng con hổ xám gầm trên ngọn đồi trọc nữa. Con đường đi tắt qua rừng lại tấp nập người qua lại. Và khắp miền ấy, ai cũng thuộc câu chuyện nghề hóa cọp.

Thuồng luồng hóa rồng

Ngày xưa có một chàng trai tốt bụng, khỏe mạnh, làm nương giỏi, đi rừng kiếm củi nhanh gấp đôi kẻ khác mà vẫn đói rách.

Anh quyết tìm đường lên Trời hỏi xem nguyên cớ vì sao mà mình phải khổ sở như vậy. Anh đi từ lúc sáng sớm cho đến khi mặt trời lặn, mới dừng chân nghỉ nhờ một nhà bên chân núi. Bà chủ hỏi chuyện, anh nói:

- Tôi lên Trời hỏi xem nguyên cớ vì sao những người khỏe mạnh chăm làm như tôi mà vẫn khổ cực.

Bà chủ liền nói:

- Nhân thế, cháu hỏi họ xem tại sao đứa con gái của bác đã lên năm rồi mà chưa biết nói. Hay là nó bị câm?

Chàng trai nhận lời. Sáng hôm sau, anh ra đi từ tỉnh mơ. Gặp con sông lớn, chưa tìm được cách qua sông thì anh bỗng thấy một con thuồng luồng đen, to, nổi lên, nhận đưa anh qua sông. Biết anh lên Trời, thuồng luồng nhờ anh hỏi xem tại sao mười tám năm liền nó chuyên công giúp người qua sông mà chưa được hóa rồng. Chàng trai cũng vui vẻ nhận lời và tiếp tục đi.

Bỗng đâu xuất hiện một cụ già vẻ mặt hiền lành, tóc trắng như mây, da hồng như mặt trời buổi sáng. Cụ lay anh dậy rồi ân cần hỏi chuyện. Anh lễ phép thưa:

- Thưa cụ, con muốn lên Trời...

Chưa kịp nói hết câu, cụ già đã ngắt lời:

- Có việc gì hỏi Trời cứ nói với ta. Nếu giúp được, ta không ngại. Nhưng con chỉ được hỏi hai điều thôi.

Chàng trai nói:

- Thưa cụ, một người đàn bà ở chân núi nọ, có đứa con gái đã năm tuổi mà chưa biết nói, không hiểu vì sao?

Cụ già mỉm cười.

- Muốn đứa bé nói được thì người mẹ phải đào lấy hũ vàng bên phải và hũ bạc bên trái núi cạnh nhà.

Chàng trai hỏi tiếp:

- Con qua sông lớn, có con thuồng luồng hỏi tại sao mười tám năm liền nó chờ giúp người qua sông mà chưa được hóa thành rồng?

- Bảo nó nhả ngọc trong mồm ra thì mới bay lên được.

Chàng trai vui mừng quá quỳ xuống cảm ơn cụ. Khi ngẩng lên định hỏi tiếp về số phận mình thì cụ già đã biến mất. Anh rất lấy làm tiếc, nhưng vẫn vui vẻ vì đã giúp được việc cho người khác.

Chàng trai quay về. Anh trở lại con đường cũ đã đi. Tới con sông, thuồng luồng nổi lên đón hỏi anh. Anh truyền lại lời cụ già. Thuồng luồng cảm ơn, cõng anh qua sông rồi nhả ngọc ra biếu anh. Đó là một viên ngọc quý dùng làm thuốc

chữa được nhiều bệnh tật, mang ngọc trong người thì hết ốm đau.

Quả nhiên nhả viên ngọc, thuốc luồng hóa thành một con rồng bay vút lên trời.

Đến nhà người mẹ có cô con gái câm hôm trước, anh thấy bà đang đợi ở cửa. Theo lời anh, bà đào hũ vàng hũ bạc lên. Lại thay, đứa bé gái bỗng cất được tiếng gọi: “Mẹ ơi”.

Cảm ơn chàng trai tốt bụng, bà đưa biếu anh một nửa số vàng, bạc đã đào được.

Từ đó, chàng trai trở nên giàu có. Anh lấy vàng bạc chia bớt cho một số người nghèo trong thôn xóm và dùng viên ngọc quý chữa bệnh cho mọi người.

Ai nấy đều yêu mến, kính trọng anh.

Có điều lạ là hơn 10 năm sau mà anh vẫn không chịu lấy vợ.

Cô gái câm năm nào, nay đã là một thiếu nữ xinh đẹp. Nhớ ơn chàng trai, cô đã tìm đường đến thăm anh, và trở thành người vợ hiền của anh.

Có ai hỏi anh về chuyện này thì anh trả lời: Số trời đã định mà, nếu tôi được phép hỏi câu thứ ba, chắc “ông Tiên” cũng sẽ nói với tôi như vậy!

Từ Thức lên tiên

Từ Thức được bổ làm một chức quan nhỏ ở một địa hạt thuộc xứ Kinh Bắc. Những lúc rỗi Từ Thức rất thích ngao du, thăm thú những danh lam, thắng cảnh trong vùng. Cách huyện đường không xa có một ngôi chùa to, trong chùa có một cây mầu đơn lớn, cứ đến mùa xuân hoa nở thì khách bốn phương đến vãn cảnh chùa xem hoa đông như hội.

Một hôm, có một thiếu nữ tuổi chừng mười sáu, mười bảy, nhan sắc xinh đẹp, đến xem hoa, nhờ tay vịn gãy một cành, không có gì để đền, nên bị nhà chùa bắt giữ lại. Từ Thức đi qua trông thấy, liền cởi áo mặc ngoài, chuộc cho thiếu nữ. Mọi người đều khen Từ Thức là người nhân đức.

Đi ngao du, xem phong cảnh đẹp và làm thơ thì Từ Thức rất ưa thích, còn việc quan thì chàng thường chảnh mắng, nên hay bị quan trên quở trách. Chẳng bao lâu Từ Thức xin từ quan. Thấy huyện Tống Sơn có nhiều núi đẹp, chàng đem theo một tiểu đồng và một túi đàn đến dựng một gian nhà nhỏ ở chân núi để ở. Từ đấy, những nơi phong cảnh đẹp quanh vùng, không nơi nào là không có vết chân Từ Thức.

Một hôm, dậy sớm, trông ra cửa biển Thần Phù thấy có mây ngũ sắc kết thành hình hoa sen. Từ Thức một mình chèo thuyền ra phía ấy. Đến chân một dãy núi cao ngất, chạy sát

mặt biển, Từ Thức buộc thuyền lên bờ và trèo lên một mỏm đá cao. Chợt trông thấy một cái hang bên sườn núi, cửa hang tròn và rộng, chàng thử vào hang xem sao.

Từ Thức mới đi được vài bước thì cửa hang bỗng đóng ập lại. Hang tối mịt mùng, không còn biết đường lối nào. Từ Thức phải lần theo khe nước mà đi. Đi một lúc lâu, thấy có ánh sáng, chàng lần ra khỏi hang và đi đến một chân núi khác. Thấy núi cao vòi vọi, sườn núi dốc ngược, Từ Thức cố bám vào hốc đá trèo lên. Lên cao, chàng thấy có đường rộng, rồi lên đến đỉnh núi thì trời quang đãng, ánh sáng rực rỡ, xa xa có lâu đài cung điện nhấp nhô bên những lùm cây xanh. Từ Thức đi theo đường lớn đến một lâu đài. Bỗng có hai thiếu nữ mặc áo xanh chạy ra, bảo với nhau rằng: “Chú rể nhà ta đã đến kia kia!”, rồi hai người chạy vụt vào toà nhà lộng lẫy.

Một lúc sau, hai người lại ra, nói với Từ Thức rằng:

- Phu nhân sai chúng tôi ra mời người vào chơi.

Từ Thức đi theo hai người con gái, thấy lầu son gác tía, tường gấm, bậc đá xanh, trước kia chàng chỉ thấy nói trong sách, bây giờ mới thật mắt trông thấy. Trên mấy cửa đi qua, chàng thấy có chữ đề: “Điện Quỳnh Hư”, “Gác Dao Quang”, chàng theo hai thiếu nữ lên gác, thấy một vị phu nhân mặc áo lụa trắng ngồi trên sập thất bảo, trước sập có kê đôi kỷ gỗ đàn hương.

Phu nhân mời Từ Thức ngồi và hỏi:

- Ông vốn hay đi xem cảnh lạ, có biết đây là chốn nào không?

Từ Thức đáp:

- Tôi đi đã nhiều nơi, nhưng không biết trong vùng này lại có cảnh tiên, xin phu nhân chỉ bảo cho tôi được biết.

Phu nhân cười, rồi nói:

- Ông đâu biết được chốn này. Đây là hang thứ sáu trong ba mươi sáu động núi Phi Lai, tôi là Ngụy Phu Nhân, địa tiên núi Nam Nhạc. Vì thấy ông có cao nghĩa nên mới mời đến chơi.

Phu nhân bảo thị nữ gọi một tiểu thư ra. Vừa trông thấy, Từ Thức nhận ngay ra người con gái đánh gãy cành hoa mẫu đơn trong chùa ngày nọ,

Phu nhân chỉ vào người con gái bảo Từ Thức rằng:

- Em nó tên là Giáng Hương, dạo nọ đi xem hoa gặp nạn, may có ông cứu cho, tôi vẫn còn hàm cái ơn ấy; nay tôi muốn cho em nó kết duyên với ông để đáp lại ơn sâu.

Ngay đêm hôm ấy, phu nhân sai mở tiệc hoa, cho hai người làm lễ thành hôn.

Từ Thức ở được chừng một năm, có ý nhớ nhà, nói với Giáng Hương rằng:

- Tôi xa nhà đã lâu, lắm lúc nhớ quê cũ, muốn về thăm một chút.

Giáng Hương tần ngần, không đáp.

Từ Thức lại nói:

- Tôi chỉ về chơi ít bữa, rồi lại đến đây với nàng.

Giáng Hương khóc mà nói rằng:

- Thiếp không phải vì tình lưu luyến hẹp hòi ngăn trở ý định của chàng, chỉ vì ở trần gian tháng ngày ngán ngủ, sợ

chàng có về đến nhà cũng không thấy còn như trước nữa.

Giáng Hương đem chuyện nói với phu nhân. Thấy Từ Thúc trần duyên chưa dứt, phu nhân mới sai người lấy một cỗ xe để tiễn đưa chàng. Giáng Hương viết một phong thư dán kín đưa cho chồng, dặn về nhà hãy mở ra xem.

Từ Thúc từ biệt Giáng Hương và phu nhân, rồi lên xe, chỉ chớp mắt đã về đến làng cũ. Nhìn phong cảnh chàng thấy khác hẳn xưa, chỉ còn hai bên khe núi là vẫn y nguyên như trước. Chàng đem họ tên mình hỏi thăm các cụ già trong làng thì có một cụ trả lời:

- Hồi nhỏ, tôi cũng có nghe nói hình như cụ tổ bốn đời nhà tôi họ tên cũng như thế, nhưng lạc vào hang núi cách đây đã ngót hai trăm năm rồi.

Từ Thúc buồn rầu, muốn lại ngồi trên xe tiên để đi, thì xe đã hóa thành chim loan bay đi mất rồi. Mở bức thư của nàng Giáng Hương ra xem, chàng chỉ thấy có dòng chữ vắn tắt: “Ở nơi tiên cảnh, cùng nhau kết bạn, nay duyên xưa đã hết, không còn mong hội ngộ”.

Về sau, người ta thấy Từ Thúc đội cái nón nhỏ vào núi Hoàng Sơn, không thấy trở về nữa.

Tiêu diệt măng xà

Có một chàng trẻ tuổi từ lâu đã lên núi cao để tu luyện võ nghệ. Anh được một nhà sư truyền cho các môn võ nghệ cao cường.

Thành tài, anh được thầy tặng một thanh gươm báu, chém sắt ngọt như chém bùn và cho phép “hạ sơn”.

Hôm ấy, anh trở về làng. Sau khi cuộc bộ suốt cả ngày mệt nhọc, anh thấy một ngôi đền có ánh sáng le lói, bèn ghé vào nghỉ chân. Vừa bước vào cổng đền, bỗng nghe có tiếng ai khóc thút thít ở phía trong, anh lấy làm ngạc nhiên, vội lần vào thượng đền. Dưới ánh sáng đèn dầu, anh thấy một cô gái trạc mười tám, đôi mươi bị trói vào cột ở một góc đền, anh lập tức đến cởi trói cho nàng.

Anh hỏi, vì sao nàng lại bị chới ở đây thì cô nức nở:

- Nhà thiếp có một mẹ một con, nghĩ mình chết đi cũng không tiếc, chỉ thương mẹ già không có ai nuôi.

Nhưng thôi chàng hãy đi mau khỏi chốn này, nếu không măng xà nó đến thì chẳng còn tánh mạng, vì đây là miếu thờ Măng Xà tinh. Rồi cô gái kể:

Lâu nay, trong một cái hang núi ở quê thiếp có một con măng xà, đầu nó to bằng một cái chum, trên đầu có màu đỏ,

hai con mắt như hai quả quýt, thân dài hơn một trượng.

Nó đi đến đâu cuốn thành giồng bão đến đấy, cây cối đổ rào rào, bụi bốc mù mịt. Nó đã ăn thịt không biết bao nhiêu súc vật và người.

Người ta đã dùng nhiều cách để diệt trừ, nhưng mãng xà đã không chết, mà còn phá hoại dữ dội hơn, cuối cùng nhà vua đã sai dựng cho nó một cái đền và hứa mỗi năm cúng một cô gái để nó đỡ phá phách.

Nhà vua ra lệnh bắt các làng mỗi năm phải nộp một người con gái để dâng cúng mãng xà, nhưng cũng rao trong nước, ai tiêu diệt được quái vật ấy thì sẽ phong quận công và cho lấy công chúa làm vợ.

Nghe cô gái kể, chàng tuổi trẻ không hề sợ hãi mà lại ân cần:

- Tôi muốn thay nàng nộp mạng cho mãng xà để nàng được về với mẹ.

Cô gái đáp:

- Thiếp không muốn vì mình mà người khác phải chết. Cứ để mặc thiếp ở đây với số phận. Chỉ mong chàng nếu có đi qua làng, hãy làm ơn ghé vào an ủi mẹ già giúp thiếp.

- Không! Cô hãy kịp tránh khỏi nơi đây để mặc tôi với con quái vật!

Nói đoạn rút gươm ra khỏi bao, chàng nói tiếp:

- Nó không thể làm hại tôi đâu. Thanh bảo kiếm này sẽ nói chuyện với nó. Nàng hãy chạy về làng đi!

Nói đoạn, anh dẫn cô gái ra khỏi cánh rừng, rồi trở lại

đèn, nai nịt gọn ghẽ, quyết thức đợi măng xà.

Vào khoảng nửa đêm, bỗng phía ngoài có tiếng rào rào, cành cây gãy rã rắc. Một mùi tanh tươi xông vào mũi đến lộn mửa.

Chàng trẻ tuổi đứng dậy rút gươm nắp vào bên thượng đèn.

Măng xà quen như mọi khi từ từ vắt mình qua tường tiến vào.

Nhưng nó vừa thò cái đầu vào đèn thì chàng trẻ tuổi đã khởi thế công ngay.

Lưỡi gươm của chàng loé lên trong đêm tối như chớp giật.

Con quái vật bị thương lao tới toan nuốt sống kẻ thù.

Nhưng đường gươm lợi hại của chàng đã lại bồi cho nó một nhát thứ hai.

Măng xà đau quá rống lên, hà hơi phun gió, rồi quạt đuôi tới tấp làm chàng lẫn đi mấy vòng.

Sắp bị lọt vào miệng quái vật thì may sao chàng đã đứng bật dậy được, thủ thế đâm cho nó một mũi gươm thứ ba vào đầu, nhưng vì đâm mạnh quá và đầu măng xà còn rắn hơn cả sắt nên mũi gươm bị gãy. Chàng liền bồi tiếp mấy nhát, măng xà bị thương nặng.

Cả khúc thân của nó quần quai mạnh đến nổi tường và mái đền đổ sụp gạch ngói lăn xuống rào rào...

Chàng giờ lưỡi gươm chặt đứt đầu con ác thú. Giết được măng xà, chàng trẻ tuổi khát nước quá chạy khắp rừng đi tìm suối giải khát, rồi vì mệt quá, lăn ra bên bờ suối ngủ thiếp đi

một ngày đêm.

Trưa hôm sau, một viên quân có phận sự gác ở khu vực này tiến vào đền để dò động tĩnh.

Hắn vô cùng kinh ngạc khi thấy mãng xà nằm trên vũng máu, đầu và thân bị chém làm ba, mà cô gái đã không biết biến đi đường nào.

Nhưng nghĩ đến lời hứa của nhà vua, hắn lập tức xách lấy cái đầu mãng xà rồi phóng ngựa về kinh lãnh thưởng.

Nhà vua khen ngợi hồi lâu, rồi ban sắc chỉ phong cho hắn làm quận công, lại truyền gả công chúa như đã hứa.

Đám cưới được tổ chức linh đình. Nhưng giữa hôm cưới, trong khi vua quan tề tựu đông đủ, thì bỗng có một người khách lạ xin vào yết kiến.

Nhà vua truyền cho phép vào. Người khách chính là chàng trẻ tuổi đã giết mãng xà. Nhà vua hỏi:

- Nhà ngươi đến đây có việc gì?

Chàng trẻ tuổi đáp:

- Tôi bệ hạ, xin phép bệ hạ cho tôi lấy lại mảnh gươm gãy còn giắt trong đầu con mãng xà mà thôi!

Nhà vua hết sức ngạc nhiên:

- À, vậy ra không phải phò mã của ta đã hạ thủ mãng xà ư?

Nhà vua nhìn sang phò mã. Phò mã mặt tái đi, nhưng vẫn cố cãi:

- Nó là ai mà dám nhận xằng?

Nhà vua liền sai hoãn ngay lễ cưới lại, rồi bảo vệ sĩ bỏ đầu

mãng xà để tìm mảnh gương. Một lúc sau vệ sĩ đã đưa mảnh thép dâng nhà vua, khi ráp vào gương của chàng thì vừa như in.

Nhà vua thét lớn:

- Tên quân kia, thì ra ngươi đã lừa dối ta và mọi người.

Lập tức nhà vua sai lột thẻ vàng quận công của hắn rồi đeo vào cho chàng trai trẻ và trao cho chàng ngôi vị phò mã, sau đó ra lệnh cho lễ cưới lại tiếp tục như cũ.

Trong khi đó thì viên quân bị giải ra pháp trường.

Sự tích con đế

Văn Lang và Văn Linh là hai anh em cùng cha khác mẹ. Văn Linh mồ côi mẹ từ bé, là con bà cả nên tuy kém Văn Lang 5 tuổi nhưng vẫn là anh. Tuy nhiên anh em chơi với nhau thân thiết không khác gì cùng một mẹ. Mẹ Văn Lang trái lại, coi Văn Linh chẳng khác kẻ thù!

Văn Linh ngày một lớn khôn, người bố cho chàng theo nghiệp sách đèn. Còn Văn Lang thì từ lâu đã theo bố tập quen nghề cày cấy. Nhà họ vốn có cửa ăn của để, có nhà ngồi cây mít, ruộng sâu ao cá thuộc vào loại khá giả nhất trong vùng.

Đột nhiên người bố ốm nặng rồi qua đời. Người dì ghẻ ngoài mặt đối đãi với Văn Linh ngọt ngào tử tế trong bụng muốn nhổ cái gai trước mắt. Là con đích, Văn Linh sẽ được gần như toàn bộ tài sản. Còn mẹ con Văn Lang thì nhiều lắm cũng được vài ba mẫu ruộng xấu với một cái trại ở bên kia đồi. Tục lệ đã đặt số phận của hai anh em là như vậy. Người dì ghẻ bỗng nảy ra âm mưu giết chết con chồng để chiếm lấy tất cả gia tài. Ý nghĩ ấy ngày một nung nấu trong lòng người đàn bà, càng nung nấu nhiều hơn từ hôm người chồng qua đời.

Một hôm, người mẹ ghẻ sai hai anh em mang tiền đi mua gỗ. Trước khi đi, mẹ gọi con Văn Lang vào buồng riêng dặn dò:

- Con ơi! Con hãy tìm cách khử nó đi. Rừng nhiều thú dữ, sức con thì khoẻ gấp đôi nó, nếu khôn khéo và kín đáo thì con chẳng sợ tội vạ gì hết!... - Người mẹ còn rủ tai: "Có trừ nó đi thì chúng ta mới mong được sung sướng..."

Văn Lang không muốn nghe lời mẹ, nhưng cũng không muốn làm phật ý mẹ, bèn cứ giả tảng vâng lời khăn gói ra đi. Đến cửa rừng, Văn Lang nói thật cho Văn Linh biết mọi việc, rồi bảo:

- Mẹ tôi trước sau cũng tìm cách hại anh. Vậy anh hãy tìm cách trốn đi. Số tiền mua gỗ, anh hãy cầm lấy tất cả mà tiêu. Một lúc nào đó anh hãy trở về, chúng ta sẽ sống bên nhau.

Khi Văn Linh đi rồi, Văn Lang giết một con chó, lấy máu bôi khắp nơi, rồi trở về nói cho mẹ biết mình đã hạ thủ Văn Linh xong, mặt khác nói với mọi người rằng anh mình đã bị hổ vồ mất tích. Xóm làng không một ai nghi ngờ. Người đi ghẻ cho là mưu của mình đã đạt, từ đấy không còn lo lắng gì nữa.

*

* *

Lại nói chuyện Văn Linh đau khổ từ già Văn Lang ra đi. Một thân một mình chưa từng rời khỏi nhà bao giờ, nay bơ vơ giữa vùng đất xa lạ, chàng ngập ngừng không biết đi đâu. Loanh quanh mãi, cuối cùng một đêm nọ chàng lần về mộ mẹ, nằm úp lên mộ than khóc rồi ngủ quên. Ở dưới mồ, mẹ chàng

thương con quá, bèn hiện lên thành một con chim phượng hoàng lớn ấp con vào đôi cánh. Thấy trời sắp sáng, phượng hoàng dùng chân quắp lấy Văn Linh rồi bay đi rất xa. Tới một hòn núi cao, phượng hoàng hạ cánh. Tỉnh dậy, Văn Linh sùng sốt, nhưng phượng hoàng đã nói:

- Ta là mẹ con. Con hãy ở đây chờ trở về mà nguy hiểm. Rồi mẹ sẽ hàng ngày đến với con.

Nói rồi phượng hoàng hóa thành nhà cửa và mọi đồ ăn thức dùng để Văn Linh ăn ở tại đây. Sợ con sao nhãng học tập, phượng hoàng lại mang sách vở đến cho con ôn luyện. Ban ngày phượng hoàng biến đi, nhưng đêm lại, nó bay đến chỗ Văn Linh ở để bảo vệ chàng. Từ mờ sáng, nó còn gáy lên để đánh thức con dậy học, rồi mới chịu cất cánh bay về.

Bấy giờ ở phía dưới núi có một xóm dân cư thưa thớt, trong xóm có nhà một cô gái tên là Ngọc Châu. Ngọc Châu đẹp như hoa mà chưa có chồng. Nàng có một đày tớ gái, tên là Hồng. Hai người sống nương tựa vào nhau. Lấy nghề dệt vải nuôi thân. Từ dạo Văn Linh đến ở trên núi, hai thầy trò Ngọc Châu lấy làm lạ không hiểu vì sao trên núi từ xưa vắng bóng người, thế mà lúc này cứ mờ sáng khi họ ngồi vào khung cửi đã nghe tiếng chim phượng gáy, rồi nghe tiếng học trò học sang sáng cho đến sáng.

Một hôm gà gáy canh năm, Ngọc Châu giả cách làm tắt đồng giấm để bắt Hồng lên núi xin lửa của người học trò, bấy giờ đã cất tiếng đọc sách. Hôm ấy Văn Linh dậy sớm thắp đèn ngồi học, bỗng nghe có tiếng gọi cửa. Chàng mở cửa ra thì là một cô gái, sau khi cho lửa, anh hỏi vay cô gái một hũ dầu vì dầu nhà mình đã cạn. Nàng Hồng chỉ nhà để anh xuống lấy.

Nhờ đó Văn Linh làm quen với Ngọc Châu. Thế là chàng đã có bạn xóm giềng, tối lửa tắt đèn có nhau. Từ chỗ quen nhau họ muốn được nên vợ nên chồng. Một hôm Ngọc Châu mời chàng về ở cùng mình một nhà để tiện bề đèn sách. Được con báo tin, chim phượng hoàng mang tới cho áo quần và tiền bạc. Rồi từ đó nó không trở lại nữa. Đám cưới cử hành đơn giản nhưng cũng rất vui. Từ nay bên anh đọc sách bên nàng quay xa, cảnh đầm ấm ấy không ai hơn được.

Sau năm năm học thành tài, Văn Linh lều chiếu đi thi. Đậu trường hương, chàng vào kinh quyết tranh đua ở trường hội. Chàng sung sướng khi nghe loa báo có tên mình ở bằng tiến sĩ. Hôm vinh quy, cờ quạt chiêng trống và quân gia rầm rộ kéo về làng quê. Thấy anh vinh hiển trở về, Văn Lang hết sức mừng rỡ. Trong khi ấy người di ghẻ nghe tin đột ngột không kịp trốn, bèn chui xuống gầm giường. Nhưng vì quá sợ hãi, mũi đã vỡ mạt mà chết, hóa thành con dế, suốt ngày đêm rên rĩ vì ân hận hay tiếc rẻ cái cơ ngơi không phải của mình.

Sự tích cây huyết dụ

Có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường, sư cụ thúc chú tiểu dậy thỉnh một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta luôn lấy tiếng chuông chùa làm chình thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.

Một đêm nọ, sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dất nầm đưa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lấy vái để, miệng nói “Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!” rồi rít. Sư hỏi người đàn bà: “A di đà phật! Cứu mạng là cứu thế nào? Bàn tăng phải làm gì đây?”. Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời: - “Ngày mai xin hoà thượng hãy cho đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con chúng tôi rất đội ơn”. Nhà sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng từ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thúc chú tiểu dậy thỉnh chuông.

Lại nói chuyện cũng hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chình một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng

tỉnh. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vắng người rồi. Tức mình vì lỡ mất một buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách sư cụ. Sư cụ cho biết câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.

Nhưng lúc bước chân về chuồng lợn nhà mình, thì bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn nái mua ngày hôm qua, toan giết thịt sáng đó đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: “Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái để tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết”.

Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng giết thịt biết bao nhiêu là lợn, liệu trong đó có bao nhiêu sinh mạng mà bác đã vô tình giết hại? Trong một lúc hối hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với sư cụ, rồi quả quyết cầm con dao của mình trước sân chùa, thể trước Phật, từ nay xin giải nghệ.

Không rõ bác đồ tể rồi sau đó thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ.

Ngưu lang Chúc nữ

Tương truyền rằng Chúc Nữ là cháu gái Ngọc Hoàng, lại có người nói là cháu ngoại Tây Vương Mẫu, không biết điều nào đúng. Chỉ biết rằng Chúc Nữ là một nàng tiên ở bờ đông dải Ngân Hà; nàng dùng những sợi tơ thần dệt nên những áng mây tuyệt đẹp, màu sắc biến đổi theo thời gian và các màu khác nhau. Những áng mây ngũ sắc đó gọi là “Thiên y”, nghĩa là những xiêm áo dệt cho trời. Trời cũng phải mặc xiêm áo như người, mặc dù trời trong xanh biếc vẫn có vẻ đẹp riêng. Cùng làm việc này, còn sáu nàng tiên trẻ đẹp, chị em với Chúc Nữ cũng đều là những tay dệt khéo, nổi tiếng ở thiên đình. Chúc Nữ siêng năng cố gắng nhất trong các nàng tiên ấy.

Cách dải Ngân Hà một vất rực sáng là trần gian. Ở đấy có một chàng trai chăn trâu trẻ tuổi tên gọi Ngưu Lang. Cha mẹ chàng mất sớm, thường bị chị dâu hành hạ. Rồi anh chị chia gia tài thiên lệch, chỉ cho chàng một con trâu già, bảo chàng tự lập mà sống.

Nhờ vào con trâu giúp đỡ và tự mình cố sức làm lụng, Ngưu Lang chặt cây nhổ cỏ trên bãi đất hoang, cấy cày trồng trọt, dựng cửa dựng nhà, một vài năm sau cũng có một căn

nhà nhỏ nhỏ sóng gượng được qua ngày đoạn tháng. Nhưng ngoài con trâu già không biết truyện trò ra, chỉ còn một mình chàng trong căn nhà lạnh lẽo, cuộc sống quá cô đơn.

Một hôm, bỗng nhiên con trâu nói được tiếng người, bảo chàng rằng Chúc Nữ và các nàng tiên khác sắp xuống tắm ở Ngân Hà, khuyên chàng nhân lúc các nàng tiên đang tắm, ra lấy xiêm áo của Chúc Nữ giấu đi, thì sau sẽ lấy được nàng làm vợ. Ngưu Lang ngạc nhiên bèn nghe theo lời trâu bảo, lặng lẽ ra Ngân Hà nấp trong đám lau lách ven sông, chờ Chúc Nữ và các nàng tiên tới.

Một lát sau, Chúc Nữ và các nàng tiên tuyệt đẹp đã đến Ngân Hà, trút bỏ áo xiêm lội xuống dòng nước trong veo. Chỉ trong khoảnh khắc, trên mặt sông gợn sóng biếc hình như đã mọc lên những bông sen trắng ngần. Ngưu Lang rời khỏi bụi lau ra lấy xiêm áo của Chúc Nữ trong đồng xiêm áo của các nàng tiên ở bãi cỏ xanh ven sông. Các nàng tiên kinh hãi vội mặc xiêm áo chạy tán loạn khắp nơi như một bầy chim. Giữa dòng Ngân Hà chỉ còn Chúc Nữ không bỏ chạy được vì thiếu xiêm áo. Ngưu Lang nói với nàng rằng: Nếu nàng bằng lòng lấy chàng thì chàng sẽ trả lại áo xiêm. Chúc Nữ buông mái tóc dài che ngực ngượng ngùng gật đầu. Thật ra nàng đã yêu chàng trai hơi vụng về nhưng rất dũng cảm này. Nàng nhận lời làm vợ Ngưu Lang.

Sau khi lấy nhau, chàng lo cày cấy, nàng chăm canh cửi, yêu nhau thấm thiết, cuộc sống thật muôn vàn hạnh phúc. Ít lâu sau sinh được một trai một gái, đều là những đứa trẻ kháu khỉnh. Hai vợ chồng tưởng sẽ được sống bên nhau mãi mãi cho tới lúc tuổi già đầu bạc.

Ai dè Ngọc Hoàng và Tây Vương Mẫu biết được việc này đều giận dữ, phái ngay thiên thần đi bắt Chúc Nữ về thiên đình hỏi tội. Tây Vương Mẫu sợ thiên thần sơ suất lại tự mình đến xem xét mọi việc.

Chúc Nữ đau đớn phải xa chồng con, bị thiên thần áp giải về thiên đình. Ngưu Lang thấy vợ ra đi còn đau đớn bội phần, liền lấy ngay quang thúng gánh hai con đuổi theo suốt đêm. Chàng vượt qua dòng sông Ngân Hà trong vắt đi thẳng đến thiên đình. Không ngờ chỗ sông Ngân Hà không còn dấu vết nữa. Ngẩng đầu nhìn lên thì ra sông Ngân Hà đã bị Tây Vương Mẫu dùng phép tiên, chuyển lên trời mất rồi. Giữa màn đêm xanh thẫm, sông Ngân Hà vẫn là một dải nước trong vắt, sáng lấp lánh. Nhưng đã trở thành đất lạ cỏi tiên không sao đến gần được nữa.

Ngưu Lang cùng các con trở về nhà, vò đầu bứt tai kêu gào thảm thiết. Ba cha con ôm lấy nhau mà khóc. Lần thứ hai, con trâu trong chuồng lại nói lên tiếng người:

- Ngưu Lang, Ngưu Lang, tôi sắp chết rồi, sau khi tôi chết thì hãy lột da tôi làm áo, khoác lên người thì có thể lên được thiên đình.

Trâu nói xong liền lăn đùng ra chết. Ngưu Lang khoác áo da trâu gánh hai con lên trời. Chàng tiện tay nhặt một chiếc gáo bầu đặt vào một đầu gánh cho cân.

Ngưu Lang lên đến thiên đình, đi lướt qua các vòm sao rực rỡ. Sông Ngân Hà đã hiện ra ở phía xa, và phía bên kia sông cũng thấp thoáng bóng nàng Chúc Nữ.

Ngưu Lang vui sướng quá, các con nhảy lên mừng rỡ.

- Mẹ ơi, mẹ ơi!

Ai ngờ vừa tới ven sông đang định lội qua, thì bỗng dẫu trên trời thò xuống một cánh tay người đàn bà. Thì ra Vương Mẫu đang đứng ở đấy, vội vàng rút ngay chiếc trâm vàng đang cài trên đầu vạch xuống dòng Ngân Hà. Dòng sông trong vắt liền biến thành sông Thiên Hà sóng nước cuộn cuộn.

Đứng trước sông Thiên Hà, Ngưu Lang không còn biết làm thế nào được nên chỉ đành để cho lệ chảy ròng ròng như nước dòng sông đang cuộn cuộn trôi.

- Cha ơi, ta hãy lấy gáo bầu tát cạn nước sông Ngân Hà!

Đứa con gái nhỏ lau khô nước mắt, mở to cặp mắt xinh xinh, thơ ngây nói với cha như vậy.

Ngưu Lang đang buồn bực, chàng không do dự nữa:

- Đúng, cha con ta hãy tát cạn nước sông Thiên Hà.

Nói đoạn, chàng nhặt chiếc gàu ra sức tát nước. Chàng tát đã mệt, hai người con lại hợp sức dùng đôi bàn tay nhỏ yếu tát nước giúp cha.

Tình yêu thấm thiết, bền chặt đó đã cảm động trái tim Ngọc Hoàng và Tây Vương Mẫu. Hai người đành phải cho phép vợ chồng Ngưu Lang, Chức Nữ mỗi năm được gặp nhau một lần vào tối mùa bẩy tháng bảy, do chim Ô Thước bắc cầu qua sông.

Vợ chồng Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau trên cầu Ô Thước, ngậm ngùi kể lể cho nhau biết bao tình thương nỗi nhớ. Chức Nữ gặp Ngưu Lang, nàng không cầm được nước mắt. Những giọt nước mắt của Chức Nữ rơi xuống mặt đất tạo nên những cơn mưa. Người ta gọi những cơn mưa ngâu.

Ngưu Lang và hai con từ đó ở lại thiên đình, ngày ngày

vọng nhìn Chức Nữ, người vợ yêu cách một dòng sông.

Đến nay, trong những đêm thu, sao sáng đầy trời, chúng ta vẫn còn nhìn thấy hai ngôi sao sáng rực lấp lánh ở hai bên bờ Thiên Hà trắng như dải lụa; đó là sao Ngưu Lang và sao Chức Nữ. Cùng một hàng với sao Ngưu còn có hai sao nhỏ nữa, đó là hai con của chàng. Cách đó hơi xa, có bốn ngôi sao nhỏ hình thoi, tương truyền rằng đó là chiếc thoi dệt của Chức Nữ ném cho Ngưu Lang. Gần sao Chức Nữ có ba ngôi sao nhỏ như một hình tam giác cân, đó là vai cày mà Ngưu Lang ném cho Chức Nữ. Hai người đã dùng cách buộc thư vào con thoi và chiếc vai cày để gửi lòng thương nỗi nhớ cho nhau. Tình yêu của họ luôn đẹp và bất tử cùng năm tháng.

Quả bầu kỳ lạ

Mẹ con Tờ Chú (còn có nghĩa là anh đen) nghèo nhất làng. Họ nghèo lắm, nghèo đến nỗi không có một con dao mẻ để phát nương, hay một cái thuổng con để đào củ mài. Tờ Chú phải đi ở cho chủ làng để lấy cơm gạo nuôi thân, nuôi mẹ.

Nhà chủ làng giàu lắm, trâu hàng đàn, voi hàng lũ, ruộng chim bay mỗi cánh, muông thú chạy chồn chân không hết. Tờ Chú không dám ao ước gì hơn ngoài mảnh ruộng, đám nương để cấy lúa, trồng ngô nuôi mẹ.

Một hôm Tờ Chú nói với chủ làng:

- Tôi không muốn ở thuê cho chủ làng mãi. Tôi muốn có một mảnh ruộng, một đám nương. Chủ làng có thể cho tôi một khoảnh rừng để tôi phát nương, vỡ ruộng không?

Chủ làng nghe chàng trai nói vậy, lắc đầu.

Nhiều lần Tờ Chú hỏi xin nhưng không lần nào chủ làng trả lời cả. Một hôm chủ làng đang uống rượu, Tờ Chú lại vào xin. Hắn bực mình chỉ vào dãy núi xanh xanh phía chân trời và nói:

- Thôi được, mày đã muốn thì tao cũng chẳng tiếc nữa. Nếu mày có sức thì cả dãy núi kia, tha hồ cho mày phát.

Nghe chủ làng nói thế, Tờ Chú sung sướng quá, vội chạy về báo tin cho mẹ biết. Mẹ khuyên:

- Con chớ nên đi, dãy núi hoang kia là chỗ ở của hùm beo, rắn rết. Con lên đấy sẽ bị chết mất xác. Rồi đây, ai thay con nuôi nấng, chăm sóc mẹ? .

Tờ Chú an ủi:

- Mẹ không lo. Hùm beo con chẳng sợ, rắn rết con chẳng kinh. Chủ làng đã cho đất, nhất định con sẽ phát được nương, vỡ được ruộng.

Thấy con quả quyết, người mẹ cũng không can ngăn nữa. Sáng hôm sau, Tờ Chú từ biệt mẹ lên đường. Chàng cứ nhằm hướng dãy núi xanh trước mặt mà đi. Đi mãi, suốt chín ngày, chín đêm liền không nghỉ, ngày thứ mười, Tờ Chú đến chân núi. Đó là một khu rừng rộng bạt ngàn, cây to cây nhỏ chen nhau kín mặt đất. Chàng dùng tay không bẻ gãy cây nhỏ, lấy đá đập đổ cây to. Qua chín ngày, chín đêm nữa, Tờ Chú đã khai phá được một khu đất rộng. Đến ngày thứ mười, anh bỗng thấy một con chim Gõ kiến bay đến nói:

- Nghỉ tay một tí đã, Tờ Chú. Tôi có câu chuyện muốn nói với anh. Tôi bay rã cánh ra rồi mà vẫn không hết đám rầy anh vừa phát; nó đã dài hơn đám rầy của chủ làng rồi đó.

Nghe chim gõ kiến nói, Tờ Chú ngừng tay không phát theo chiều dọc nữa, Chàng quay lại phát chiều ngang. Cũng đến ngày thứ mười thì chàng thấy một con Nai Vàng từ trong rừng chạy ra, nói:

- Rầy của anh rộng gấp đôi rầy của chủ làng rồi. Tôi chạy đến mỏi cả gối vẫn không hết. Anh hãy dành chỗ đất cho loài

thú chúng tôi chứ.

Tờ Chú nghe lời Nai, ngừng tay. Đúng là rẫy của chàng, bề dài hơn rẫy chủ làng, bề ngang rộng hơn rẫy chủ làng. Từ nay, gia đình chàng sẽ có ngô, có lúa. Tờ Chú đập đá lấy lửa đốt rẫy. Xong việc, chàng về bản lấy thóc giống lên gieo. Nhưng khi về đến nhà, bao nhiêu thóc giống, mẹ chàng đã ăn hết cả rồi. Chàng hỏi vay các nhà trong bản nhưng chẳng ai còn thóc cho chàng vay. Cùng kế, Tờ Chú phải đến nhà chủ làng vay thóc giống. Tên chủ làng nham hiểm cho chàng vay loại thóc đã luộc chín rồi. Tờ Chú không biết cứ mang lên rẫy gieo. Không thấy lúa mọc, chàng lại đến nhà chủ làng vay lần nữa. Chủ làng nói:

- Giàng không cho mày sướng đâu, Tờ Chú ạ. Mày dùng phí công vô ích. Nếu lần này mày gieo không mọc thì đúng là cái số mày như vậy. Mày lại đến ở thuê cho tao thôi.

Đúng như chủ làng nói, lần thứ hai, Tờ Chú gieo lúa vẫn không mọc. Nhìn cả đám rẫy, cỏ bắt đầu mọc, cây non đã đâm chồi, Tờ Chú buồn quá ngồi khóc. Chắc là Giàng không muốn cho mẹ con chàng có gạo cơm, nương rẫy.

Một buổi sáng, Tờ Chú ra suối rửa mặt, bỗng thấy một quả bầu khô từ đâu trôi đến, đụng vào chân. Bực mình chàng đá quả bầu cho trôi theo dòng nước, nhưng nó lại trôi trở lại, đụng vào chân chàng. Hai ba lần như vậy, Tờ Chú nghĩ: “Hay là mình trồng bầu ăn vậy. Bầu ăn cũng sống được người. Nếu không, mình chỉ còn cách là lại đi làm thuê cho chủ làng”.

Nghĩ vậy, chàng vớt quả bầu lên rồi về nhà từ biệt mẹ lên rẫy trồng bầu. Đến nơi, chàng ghè quả bầu vào đá, lấy hạt rắc khắp rẫy.

Hôm sau, ra xem rẫy, Tờ Chú hết sức kinh ngạc vì rẫy của chàng đã là một rừng bầu. Hôm sau nữa, bầu đã ra hoa và ngày thứ ba thì khắp rẫy lổ nhố toàn những quả.

Tờ Chú mừng quá, hái một quả về nướng ăn thì thấy rất thơm ngon. Sung sướng quá, chàng reo lên:

- Sống rồi, ta sẽ mang bầu về cho mẹ, chắc là mẹ mừng lắm.

Nhưng khi ra đến rẫy định hái bầu về cho mẹ, thì cả rẫy bầu đã úa vàng. Quả bầu mới hôm qua còn xanh mơn, hôm nay đã khô đét. Tờ Chú buồn quá, nghĩ là Giàng không muốn cho mẹ con chàng sung sướng. Tờ Chú đi đi lại lại khắp rẫy, nhìn những quả bầu khô, nước mắt cứ trào ra, Chàng nghĩ: "Giàng không cho ăn bầu tươi, thì lấy hạt bầu về cho mẹ ăn cầm hơi vậy". Chàng liền hái một quả ghè vào đá. Quả bầu vỡ đôi, tung ra không biết cơ man nào là hạt, nhưng không giống những hạt bầu mà là một thứ hạt nhỏ, vỏ cứng. Tờ Chú nhìn kỹ thì đúng là hạt thóc. Thóc cứ chảy rào rào như thác nước. Kinh ngạc quá, chàng đập thử vài quả nữa, quả nào cũng đầy những thóc là thóc. Tờ Chú mừng quá vội đi hái bầu, chất từng đồng vào chõ rồi gửi thóc về nhà cho mẹ.

Đến nhà, thấy mẹ đang nằm co quắp bên đồng lửa tàn, da bọc lấy xương vì đói, Tờ Chú hốt hoảng lay gọi mẹ:

- Mẹ ơi, có lúa có gạo rồi. Con đem về đây, mẹ dậy mà ăn.

Người mẹ mở mắt, trông thấy con, nước mắt cứ trào ra. Đến khi nhìn thấy gửi thóc bên bếp, bà nhắm mắt lại và nói:

- Con đem bán thóc trả cho người ta, con ạ. Mẹ không nỡ ăn cơm gạo không phải do sức của mẹ con ta làm ra. Thà là

mẹ chết còn hơn ăn phải của ăn cắp.

- Mẹ ơi, thóc của nhà ta đấy mà. Tờ Chú vội nói.

Người mẹ vẫn lắc đầu.

- Con đi gieo lúa, lúa không mọc. Con đi gieo bầu, bầu ăn được thì Giàng lại làm chơ héo đi. Thế mà con bảo là thóc của rẫy nhà ta thì mẹ tin sao được.

- Nếu mẹ không tin thì để con công mẹ lên rẫy xem, mẹ sẽ rõ.

Không đợi mẹ trả lời, Tờ Chú nâng mẹ dậy, xốc bà cù lên lưng công đi. Chàng đi như bay, phút chốc đã đến chòi giữa rẫy. Chàng đặt mẹ nằm bên bếp lửa rồi lấy một quả bầu, ghè vào đá. Thóc từ trong quả bầu rào rào chảy ra như thác nước. Người mẹ thấy vậy, mắt sáng lên:

- Giàng giúp ta thật rồi con ơi!

Từ ngày có rẫy bầu kỳ lạ, mẹ con Tờ Chú trở nên no đủ. Dân dưới bản bị đói, kéo nhau lên rẫy đào củ, được mẹ con chàng cho thóc, nhờ vậy mà qua được nạn đói.

Chủ làng nghe tin Tờ Chú nhờ phát rẫy trên núi trồng bầu mà có dư lúa gạo, bèn tìm cách đòi nợ. Tờ Chú trả rất sòng phẳng hàng chục quả bầu, chủ làng hí hửng mang bầu về, chắc mẩm phen này sẽ suốt đời dư thóc gạo. Nhưng khi đập bầu ra thì quả nào cũng toàn sỏi cát. Chủ làng tức giận nhưng không làm gì được chàng trai. Còn mẹ con Tờ Chú từ đó trở đi không bao giờ bị đói như xưa nữa.

Hầm vàng hầm bạc

Một gia đình vào loại giàu có nhất nhì trong làng. Vợ chồng người chủ gia đình là người hiền lành, chăm chỉ làm ăn nên ai cũng yêu mến. Nhưng không may cả hai đều chết sớm, để lại hai người con trai. Hai anh em vẫn ở chung với nhau, cùng làm ăn vui vẻ. Nhưng từ khi người anh lấy vợ thì tình hình đã đổi khác. Một hôm người anh bảo em:

- Bây giờ đã đến lúc phải chia gia tài ra để cho mày học ăn, học làm với người ta.

Đến ngày chia của, anh chìa một tờ giấy bảo em:

- Của cải của cha mẹ để lại có ba giống: giống đục, giống cái và giống con. Mày bé bỏng nên tao nhường cho mày tất cả những đồ đạc giống đục, còn giống cái và giống con thì phần tao. Nghe chưa! Nếu mày bằng lòng thì ký vào đây!

Em ngây thơ tưởng là anh thương thật nên không nghi ngờ gì cả, ký ngay vào giấy. Cuộc chia của bắt đầu. Những đồ vật nào mà chả gọi là “cái” hay là “con”. Người anh đếm mãi: “cái nhà này: của tao, con trâu này: của tao, cái chum này: của tao, cái cày, cái bừa này: của tao...”. Suốt từ sáng đến chiều, những cửa chòm cửa nổi chia đã sắp vội mà vẫn chưa có một vật nào thuộc giống đục cả. Mãi đến lúc trời đã tối, người em tức mình mới chụp lấy cây dao rựa dựng ở hè mà nói rằng:

- Đây là “đục rửa” thuộc về phần tôi!

Nói xong, vác rửa lúi lúi đi ra giữa lúc người anh cười ha ha vì thấy mưu kế của mình đã đạt.

Từ đây người em ngày ngày vác rửa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai. Vì không có nhà nên anh ta phải ăn nhờ ngủ tạm hết nhà người bà con này qua người quen khác. Có hôm phải nằm đình nằm chùa, ngủ cầu ngủ quán như kẻ cầu bơ cầu bất. Nhưng anh vẫn chăm chỉ làm ăn để khỏi phải cái nhục ngứa tay ăn xin.

Một hôm trăng non vừa mọc, anh đang ngủ say tỉnh dậy tưởng trời đã sáng, bèn vói lấy cây rửa đi miết lên rừng. Đến cửa rừng mới hay là mình nhầm: trời vẫn còn khuya. Anh bèn nằm duỗi chân dưới một gốc cổ thụ đợi sáng, nhưng bỗng dưng ngủ quên lúc nào không hay. Anh không ngờ rằng nơi đây là chốn chơi đùa của một bầy khỉ. Hôm ấy chúng cũng kéo nhau đến đây, nhưng khi thấy dưới gốc cây có một người lạ nằm thẳng đuồn mà nghĩ đó là một thầy người, chúng bèn xúm nhau khiêng đi chôn để lấy chỗ nhảy nhót. Đang đi, anh chàng bỗng tỉnh giấc, toan la lên, nhưng thấy chuyện hay hay, nên cứ nằm im để xem bọn khỉ khiêng mình đi đến đâu. Hồi lâu, anh nghe bầy khỉ dừng lại nói với nhau:

- Hầm vàng hầm bạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng.

Nhưng trong bầy khỉ có một con khỉ độc đứng đầu, bảo chúng:

- Hầm vàng hầm bạc, chôn vào hố vàng, không chôn hố bạc!

Thế là bầy khỉ lại tiếp tục khiêng anh đến một chỗ khác xa hơn. Đến nơi, chúng đặt anh xuống, rồi kéo nhau trở về gốc cổ thụ. Anh nhìn thấy chung quanh mình có những cục vàng

sáng chói thì mừng lắm, bèn chờ cho chúng đi khuất mới đứng dậy nhặt đầy túi mang về. Từ đó trở nên giàu có, anh chàng hết làm nhà cửa lại tậu ruộng vườn, nuôi trâu bò, cuộc đời muôn phần tươi vui hơn trước.

Câu chuyện người tiều phu lên núi bắt được vàng từ đây lan đi khắp nơi. Người anh nghe nói nửa tin nửa ngờ. Một hôm vào ngày giỗ cha, hắn thấy em mình tìm đến mời về nhà ăn giỗ. Hắn vội vã nhận lời. Bước vào nhà em, người anh không giấy được kinh ngạc.

- Từ dạo ấy đến giờ chú mày làm thế nào mà phát tài dữ vậy?

Em vui vẻ kể tỉ mỉ cho anh nghe câu chuyện lên rừng gặp khỉ, lúc đầu chúng định chôn em ở hố bạc, sau tình cờ lại chuyển sang hố vàng. Nghe đoạn, người anh mượn ngay cây rựa, và cũng chờ một đêm trăng non, một mình vác rựa lên cửa rừng. Hắn cũng giả vờ duỗi chân nằm dưới gốc cổ thụ nọ. Lát sau quả có bầy khỉ đến nhảy nhót xung quanh gốc cây, và khi thấy có người lạ nằm chiếm chỗ chúng vui đùa, chúng cũng xúm lại khiêng đi chôn, vì chúng cũng tưởng đó là một cái thây người chết.

Nhưng đến lúc nghe bầy khỉ nói:

- "Hầm vàng hầm bạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!".

Thì người anh tham lam vội ngẩng đầu cãi lại:

- Chôn vào hố vàng chứ! Chôn vào hố vàng chứ!

Bầy khỉ không ngờ thây người vẫn còn sống, cuống cuống quăng hắn xuống rồi bỏ chạy. Hắn bị lăn xuống sườn núi, đầu va vào đá, vỡ sọ chết.

Hồn Trương Ba, da hàng thịt

N gày xưa, có một anh chàng tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Các nước cờ cao của anh chàng dễ thường thiên hạ không có người nào địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung Quốc. Buổi ấy ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Việt Nam tìm đến nhà địch thủ. Hai người đo tài nhau trong mấy ván, không phân thắng thua. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vô đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi ở thiên đình bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cười mây xuống trần, định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh cờ, chợt có một ông cụ già đến ngồi bên cạnh bàn cờ. ông cụ thủng thỉnh mách Kỵ Như mấy nước. Tự nhiên bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau

có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xóa, mặt mũi không có vẻ là người trần tục, chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng:

- Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin được tha tội.

Đế Thích cười bảo:

- Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết thôi.

Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo hẳn:

- Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống.

Nói đoạn, cười mây bay lên trời.

Từ đó, Trương Ba thỉnh thoảng lại dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc. Nhưng một hôm Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa. Thấy có nén hương giắt ở mái nhà, chị ta vô tình lấy xuống đốt lên, cắm trước bàn thờ chồng. Ở thiên đình, thần Đế Thích nhận được tin bằng mùi hương liền xuống ngay. Thấy vắng mặt Trương Ba, Đế Thích ngạc nhiên:

- Trương Ba đâu?

Vợ Trương Ba sụt sịt:

- Nhà tôi chết đã gần một tháng nay rồi!

- Chết rồi! Sao lúc mới tắt nghỉ không gọi ta xuống ngay, để đến bây giờ còn làm sao mà cứu được nữa.

Suy nghĩ một chốc, Đế Thích lại hỏi thêm:

- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?

Vợ Trương Ba đáp:

- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua.

Thần Đế Thích bảo chị ta dẫn đến nhà người hàng thịt mà bảo:

- Ta sẽ kiếm cách cho chồng nhà ngươi sống lại.

Nói xong thần hóa phép rồi trở về trời.

Lúc đó, ở trong nhà người hàng thịt mọi người đang xúm quanh linh sàng khóc lóc, kể lễ thì tự nhiên thấy người chết ngồi nhồm dậy. Hắn ta vút tất cả mọi đồ khâm liệm rồi chẳng nói chẳng rằng đi thẳng một mạch về nhà Trương Ba. Vợ Trương Ba thấy người hàng thịt, biết là thần Đế Thích đã làm cho chồng mình sống lại, mừng rỡ đón chào. Giữa lúc đó thì vợ con người hàng thịt cũng chạy theo níu lấy chồng. Nhưng không những bị vợ Trương Ba giằng lại, mà ngay chính chồng mình cũng nhất định không chịu về. Đôi bên cãi cọ nhau, cuối cùng biến thành cuộc đấu khẩu rất kịch liệt. Xóm làng không biết phân xử ra sao, đành đem việc đó lên quan.

Quan cho đòi các nhà hàng xóm tới, hỏi cung thì ai cũng bảo người sống lại đó là anh hàng thịt. Nhưng chỉ có vợ Trương Ba thì nhất định nhận là chồng mình. Quan hỏi rằng:

- Chồng chị thường làm nghề gì?

Chị đáp:

- Chồng tôi là người cao cờ nổi tiếng trong thiên hạ.

Quan lại hỏi vợ người hàng thịt:

- Chồng chị thường làm nghề gì?

Chị ta đáp:

- Chồng tôi chỉ thạo nghề mổ lợn.

Nghe đoạn, quan sai đem một con lợn vào công đường cho anh hàng thịt mổ, nhưng anh ta lúng túng không biết làm thế nào cả. Quan lại sai mấy người giỏi đánh cờ vào tỉ thí với người hàng thịt thì không ngờ con người đó đi những nước cờ rất cao, không ai địch nổi. Quan bèn phán: cho con người vừa sống lại này về nhà Trương Ba.

Vì thế mới có câu "*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*".

Cô gái thông minh

Người ta nói: Anh em nhà này thật khác nhau như nước với lửa, như trời với đất, như ngày với đêm. Quả đúng như vậy. Người anh thì xảo quyệt, tham lam thì giàu có, giàu đến “đứt đố, đổ vách!”. Người em chăm chỉ, hiền lành thì lại nghèo “rót mùng toi”, nghèo đến mức cả cái bát ăn cơm, cái muôi múc canh, cái chén uống nước cũng chẳng có.

Một lần, người anh giàu có đột nhiên thương người em nghèo khổ, đưa cho em một con bò sữa và nói:

- Chú hãy làm công cho tôi ít lâu, rồi con bò sữa này sẽ là của chú!

Người em nghèo mừng lắm, vội đến làm công cho người anh. Nhưng sau một thời gian, người anh lại nói với người em:

- Chú đưa trả lại con bò cho tôi!

Người em không chịu:

- Anh ơi, vì con bò này, em đã làm cho anh biết bao công việc mà có công xá gì đâu. Anh đã hứa cho, sao bây giờ lại đòi?

- Chú làm cho tôi những gì nào? Toàn những công việc không đáng kể, vậy mà đòi đổi lấy con bò này sao? Hãy trả lại

bò cho tôi!

Người em nghĩ: Không thể để mất toi bao công lao, sức lực được. Nói gì mình cũng nhất quyết không giao trả con bò.

Anh em tranh cãi chán chê, không giải quyết được, họ đến gặp một cụ già thông thái nhờ phân xử. Đây là vị “quan toà” dân gian thời chưa có toà án.

Cụ già thông thái nói:

- Ai trả lời đúng câu đố của ta thì con bò sẽ thuộc về người đó.

- Xin cụ hãy nói ra, thưa cụ! Cả hai đều sốt sắng.

- Hãy nghe nhé, trên thế giới này cái gì béo nhất, cái gì nhanh nhất và cái gì đáng yêu nhất? Hãy về suy nghĩ cho kỹ rồi ngày mai đến nói cho ta nghe.

Hai anh em ra về. Trên đường về, người anh giàu có nghĩ: “Có thể mà cũng đoán với chả đố!” Này nhé, có gì có thể béo hơn con lợn của ông cụ? Có gì có thể nhanh hơn con chó săn của ông cụ? Có gì có thể đáng yêu hơn tiền bạc? Con bò sẽ trả lại cho ta rồi!

Người em nghèo trở về nhà, nghĩ mãi mà vẫn không đoán ra.

Thấy bố ưu phiền, cô con gái tên là Masa hỏi:

- Bố ơi, bố có gì buồn bã thế? Bố đã gặp chuyện gì rắc rối phải không? Sao không nói cho con nghe?

Người bố bèn kể lại mọi chuyện cho cô con gái nghe.

- Chà, bố ơi! Có gì khó lắm đâu. Mẹ Đất của chúng ta béo nhất, mẹ nuôi dưỡng tất cả, đem vạn vật làm thức ăn cho con người. Ý nghĩ của con người là nhanh nhất, hãy nghĩ cái gì là đến

ngay được cái đó. Giấc ngủ say là cái đáng yêu nhất, bất kể người nào, chỉ cần ngủ say là có thể giữ bỏ được tất cả mọi ưu phiền!

- Người cha reo lên: Hay quá, đúng quá! - Con đã giải đáp được toàn bộ những câu đố, bố sẽ nói thế với ông cụ.

Ngày hôm sau hai anh em đến chỗ ông cụ. Ông cụ hỏi:

- Thế nào các anh đã đoán ra chưa?

Người anh đến trước, vẽ đầy tự tin trả lời.

- Thừa cụ, béo nhất là con lợn nhà cụ, nhanh nhất là con chó của cụ, đáng yêu nhất là tiền bạc.

- Ấy, ấy, ấy! Không đúng rồi! - Cụ già kêu lên. - Ôi, lời giải đáp của anh!

Đến lượt người em, anh ta nhắc lại đúng từng lời của cô con gái Masa:

- Cụ ơi, không có gì có thể béo hơn mẹ Đất, Người nuôi dưỡng vạn vật trên thế gian, lại đem vạn vật làm thức ăn cho con người.

- Đúng! Đúng! - Ông cụ nói. Thế cái gì nhanh nhất?

- Nhanh nhất là ý nghĩ của con người, hể nghĩ cái gì là đến ngay được cái đó.

- Đúng là như vậy. Còn cái gì đáng yêu nhất?

- Đáng yêu nhất là giấc ngủ say. Bất cứ ai, một khi đã ngủ say là có thể giữ bỏ tất cả.

- Hoàn toàn đúng! - Cụ già nói. - Con bò là của anh rồi! Nhưng anh hãy nói cho ta biết tự mình nghĩ ra hay đã có ai đó giúp đỡ anh?

- Đúng là đã có người giúp tôi, thưa cụ. - Người em nghèo

khổ nói. - Tôi có một đứa con gái tên là Masa, chính nó đã bảo cho tôi điều đó.

Ông già lắc đầu:

- Ta là người thông thái, còn cô ấy chỉ là một cô gái nhỏ bình thường, thế mà lại đoán đúng câu đố của ta. Đợi đã! Đây là mười quả trứng gà chín, hãy đưa cho con gái anh, bảo đem cho gà mái ấp qua một đêm phải nở ra những gà con. Sau đó đem những con gà nuôi lớn, rồi quay chín ba con cho ta ăn sáng mai. Anh hãy mang đến, ta sẽ đợi. Nếu như anh không làm được thì con bò hãy tạm để lại đã.

Người em trở về nhà. Lúc đến nhà, con gái anh hỏi:

- Bố ơi, sao bố khóc?

- Con ơi, làm sao bố có thể không khóc cho được. Ông cụ đưa cho con mười quả trứng gà chín, con cần phải đem trứng cho gà mẹ ấp ra gà con, yêu cầu sau một đêm gà phải nở, lại phải nuôi lớn rồi giết ba con quay lên làm bữa sáng cho ông cụ. Masa nói:

- Bố ơi, bố hãy đem chậu cháo này đến đưa cho ông cụ, bảo ông cụ hãy đào một cái hố, đem chậu cháo trồng xuống đó, cây mạ mọc lên, khi lúa chín rồi hãy gặt chúng về, xát thành hạt gạo, nghiền vỡ ra rồi đem đến cho những con gà nở từ những quả trứng chín này ăn, sáng ngày mai sẽ có ngay gà quay!

Người em nghèo mang chậu cháo đưa cho ông cụ già cùng những lời con gái nói. Ông cụ nhìn đi nhìn lại chậu cháo rồi, rồi đem chậu cháo ra cho con chó nhà mình ăn. Sau đó, ông cụ tìm một rễ cây gai đưa cho người em nghèo và nói:

- Hãy cầm rễ cây gai này đưa cho con gái anh, bảo nó ngâm thật kỹ, rồi phơi nắng, đập tơi, đem dệt thành một trăm tấm vải.

Người em nghèo chạy về nhà, nói với con gái anh những đòi hỏi kỳ quái của cụ già.

Masa cầm dao chặt một cành cây nhỏ đưa cho bố, nói:

- Bố ơi, hãy đem cành cây này đưa cho ông cụ, xin ông cụ hãy làm khung cửi dùng để dệt rễ gai này.

Khi người em nghèo khổ cầm cành cây đến gặp ông cụ, và nói lại lời của Masa. Ông cụ nhìn đi nhìn lại cành cây, rồi ném nó đi, trong lòng trầm nghĩ: “Xem ra đây là một cô gái kỳ diệu”. Ông cụ nghĩ đi nghĩ lại rồi nói với người em nghèo:

- Anh hãy quay trở về bảo Masa đến làm khách nhà tôi, không đi bộ cũng không đi xe, không đi chân đất cũng không đi giày, không đem lễ vật, cũng không thể không có lễ vật. Tôi sẽ đợi.

Về đến nhà, anh buồn rầu nói với con:

- Con ơi làm thế nào đây? Ông cụ mời con, nhưng... anh đem tất cả lời ông cụ nói lại với con gái.

Masa nói:

- Bố ơi, chớ có buồn, tất cả đều tốt. Xin bố đem về cho con một con thỏ sống.

Khi người bố đem về một con thỏ sống thì Masa xỏ một chân vào đôi giày rách còn một chân đi không. Sau đó cô lại đem một con chim sẻ, tìm một cái xe trượt tuyết buộc vào con dê. Cô giấu con thỏ trong nách, cầm con chim sẻ trên tay,

một chân đi trên đất, một chân đặt trên xe trượt tuyết - rõ ràng con dê đi bộ thay cô. Rồi cứ như thế cô đi đến nhà ông già. Ông cụ nhìn thấy cô bèn gọi người hầu bảo:

- Hãy thả nhanh con chó ra cắn cô ta.

Người hầu thả con chó ra, Masa thả con thỏ, con chó bèn bỏ cô gái để đuổi theo con thỏ. Lúc này cô gái đến trước phòng ông già, cung kính vái chào ông cụ và nói:

- Thưa cụ, đây là lễ vật biểu cụ. - nói rồi đem con chim sẻ cho ông cụ.

Ông cụ vừa đưa tay đón lấy thì cô gái buông tay, con chim lập tức bay vọt ra ngoài cửa sổ.

Lúc ấy có hai người nông dân đến kiện nhau. Ông cụ hỏi:

- Các anh có việc gì thế?

Một người nói:

- Sự việc xảy ra thế này cụ ạ. Hai chúng tôi cùng ở ngoài đồng qua đêm, sáng sớm thấy con ngựa cái của tôi đẻ ra một con ngựa non.

Người kia nói:

- Không đúng, đó là con ngựa của tôi đẻ ra, xin cụ hãy sáng suốt phân xử.

Ông cụ nghĩ rồi nói:

- Đem con ngựa con và hai con ngựa cái đến đây. Ngựa con chạy theo con ngựa nào thì đó là con ngựa đã đẻ ra nó.

Hai con ngựa mẹ được thả ra. Nhưng con ngựa con không biết đi về phía nào cứ dùng dằng đứng tại chỗ.

Lúc này Masa nói:

- Hãy buộc con ngựa con lại, đưa hai con ngựa mẹ đến rồi thả ra, con ngựa mẹ nào chạy đến con ngựa con thì đó chính là con ngựa đã sinh ra nó.

Ông cụ bèn làm theo lời cô: Kết quả là có một con ngựa mẹ chạy đến với con ngựa con, còn con ngựa kia thì lại đứng yên không động đậy.

Cụ già thấy cô gái thật thông minh, bất luận như thế nào cũng khó đánh đổ được cô nên để cô ra về, và dắt theo con bò của người bác giàu có.

Miếng trâu kỳ diệu

Ngày xưa, ngày xưa có một anh nông dân tên là Hồ Sinh, cũng biết chút ít chữa ngựa, nên Hồ Sinh luôn mong muốn có một chút danh phận. Nghe tin ở huyện khuyết một chân thợ lại Hồ Sinh vội bán ruộng, cố đi lo lót cho được. Sau mấy phen chạy vay không xong, Hồ Sinh chợt nhớ đến một người bạn học cũ có người thân quen biết với cụ Thượng, bèn tìm đến, hăng nói: Gia tư tôi cũng chẳng túng thiếu, chỉ vì muốn một chút danh phận nên mới phải đến nhờ vả bạn giúp đỡ.

Người bạn khuyên:

Sao bác không giữ ruộng lại để cày cấy làm ăn, có hơn là phải quy lụy để mua lấy cái lo vào người cho khổ?

Nhưng thấy nét mặt Hồ Sinh quả quyết quá, ông ta nói:

- Tôi chả có thể lực gì đâu, nhưng vì có quen một đạo sĩ trên núi Ba Vì, ông này quen biết rất nhiều vị quyền cao chức trọng, có thể hơn cả cụ Thượng nữa. Để tôi viết sẵn mấy chữ, ông ấy sẽ vì tôi mà giúp bác hết sức.

Hồ Sinh cầm thư của bạn tìm đường lên núi Ba Vì. Hỏi thăm mãi, cuối cùng cũng đến một cái hang, cửa hang có một viên đá lớn lấp kín. Theo lời dặn, Hồ Sinh kêu to:

- Có phải đây là hang đạo sĩ không? Nếu phải, xin mở cửa

cho vào.

Tự nhiên, hòn đá mở ra một lối vào. Phía trong rất im lặng nhưng sáng sủa. Hồ Sinh bước quá vào chừng chục bước đã thấy một vị đạo sĩ đang nằm trên một cái chõng, miệng nhai trầu, mắt lim dim nghĩ ngợi. Bên cạnh đó có một cái chõng khác, trên có một cối trầu chỉ còn hai miếng. Tuy có khách mà đạo sĩ cũng không ngồi dậy, chỉ với tay cầm lấy thư đọc, miệng vẫn nhai trầu bồm bồm. Một lát sau, vị đạo sĩ nhìn trừng trừng vào mặt khách và nói:

- Ta sẽ cho anh được làm quan. Nào anh muốn làm quan to hay nhỏ nào?

- Tôi học hành cũng ít ỏi, chỉ muốn làm một chân thư lại cũng đã mãn nguyện rồi.

- Được! Anh hãy ngồi nghỉ, ăn một miếng trầu, ta sẽ liệu.

Hồ Sinh rón rén lại ngồi ở giường, lấy một miếng trầu trong cối ra ăn. Miếng trầu rất ngon. Nhưng vừa nhai dập thì Hồ Sinh đã thấy thiu thiu buồn ngủ.

*

* *

Một hôm có một người lính lệ mang trát đến đòi. Hồ Sinh sợ quá tưởng có việc gì xảy ra. Nhưng khi vào dinh cụ Thượng, hần được đón tiếp rất niềm nở. Theo sự giới thiệu của vị đạo sĩ, người ta để dành cho hần không phải là chân thư lại ở huyện mà là một chân thông biện ở dinh quan Bố chánh tại tỉnh nhà. Công việc chẳng có gì là khó khăn và tốn kém, điều này làm cho hần hết sức mãn nguyện. Thế là từ đó, Hồ Sinh hằng ngày ra vào công đường, dạ dạ, bắm bắm, khúm núm

trước mặt các quan. Hấn cũng cảm thấy nhục nhã, nhưng mỗi lần đứng trước mặt bọn tổng lý và những người dân có việc đến cửa quan thì hấn lại thấy mình quả là hiển vinh. Ban đầu hấn còn ngần ngại chối từ cả lễ lạt của những người có việc đưa đến lo lót, nhưng dần dần hấn bạo dạn và khôn ngoan hơn. Chẳng những hấn thành thạo trong nghề bóp nặn mà còn học được nhiều mẹo vặt làm tiền kỳ lạ là tạo ra những vụ án bất ngờ mà kết quả cả nguyên cáo lẫn bị cáo, tiền bạc xứng xoẽng dắt nhau đến công đường đút lót cho hấn, và quan trên của hấn.

Vì thế, hấn giàu lên nhanh chóng, tiền của bọn bề, làm nhà, tậu ruộng và sống cuộc đời xa xỉ. Hấn lại được một trường giả trong hạt gả con gái cho. Rồi hấn sinh được hai trai, hai gái và được cất nhắc làm một chức quan nhỏ. Cuộc đời cứ lên như điều, không có ai theo kịp.

Nhưng một ngày kia, giữa lúc Hồ Sinh đang ngồi cho vợ chải đầu thì bỗng có lính lệ cầm trát đến đòi. Hấn đến dinh cụ Thượng, liền bị bắt bỏ ngục. Một viên quan khâm sai đặc phái cải trang đi thanh tra đã tìm ra được rất nhiều chứng cứ về những vụ tham nhũng, ăn đút lót của bọn quan tỉnh, mà tất cả đều có liên quan tới Hồ Sinh. Trong khi chờ đợi xử án thì những người dân bị vu oan giá họa ngày trước, đều đổ xô đến quan khâm sai kiện hấn. Đơn kiện cáo kể hàng chồng. Ngày xử án, hấn là một ngày đông hơn hội. Hấn bị tử hình không cần đợi tâu về triều vì quan khâm sai có quyền “tiền trăm hậu tấu”. Trước khi ra pháp trường chịu tội, hấn hồi tưởng lại chuyện cũ và hối tiếc rằng phải chi mình đừng có lên hang đạo sĩ để nhờ lão ấy chạy chọt cho thì có đâu đến nỗi này.

Hồ Sinh bỗng choàng dậy vì có một tiếng động rất dữ dội. Hắn mở mắt thì té ra mình vẫn còn nằm trên chiếc chõng thứ hai của đạo sĩ, chân đạp phải coi trầu lăn xuống đất đánh choảng một tiếng, miếng trầu còn lại, lăn lóc giữa sàn. Còn vị đạo sĩ miệng vẫn nhai trầu, mắt vẫn lim dim, chột ngồi dậy hỏi hắn:

- Bây giờ chúng ta hãy bàn một chút. Anh sẽ cầm thư của tôi đến cụ Thượng...

Nhưng lúc này Hồ Sinh không còn tâm địa nào mà tính đến chuyện danh phận nữa. Hồ Sinh vội nhả miếng trầu đang ngậm ở miệng và cáo từ ra về. Từ đó, Hồ Sinh trở nên một người làm ăn chăm chỉ trên ruộng đất của mình.

Giúp bạn

Nguyễn Đình Phương quê ở Thanh Hoá, nhà ông vườn rau ao cá, lại có chừng ba chục mẫu ruộng; trong nhà, vợ con, kẻ làm người lung khá đông. Nhưng ông vốn người hào hiệp, khi có ai túng thiếu đến nhờ vả, ông sẵn lòng chu cấp, cho vay mượn, ít khi để họ phải về không.

Nguyễn Đình Phương có một người bạn cố tri tên là Trần Bính Cung, cũng là người “có của ăn của để”. Trong nhà năm miệng ăn đều do một mình Trần Bính Cung lo liệu. Nhưng từ dạo ông đi mấy chuyến bè thất bại, có bao nhiêu ruộng vườn đều cầm bán sạch. Tiếp đó, Trần Bính Cung bị một trận ốm nặng, trở nên công nợ ngập đầu. Quá hạn không trả được, chủ nợ cho bọn nặc nô đến đòi rất ráo riết. May mà có Nguyễn Đình Phương chạy tiền trả hộ, nếu không thì gia đình Trần Bính Cung chẳng có cái mà ăn. Sau đó Trần Bính Cung còn cho vợ con đến nhờ vả khi năm quan, khi ba quan làm tiền thuốc men, Nguyễn Đình Phương vẫn vui lòng chu cấp. Thấy bạn quá tốt bụng với mình, vợ chồng Trần Bính Cung vô cùng cảm kích.

Không ngờ bệnh của Trần Bính Cung mỗi ngày một nặng. Trước còn đi lại được, nhưng sau ông ốm liệt giường. Biết

mình sắp chết, một hôm Trần Bính Cung cho mời bạn tới. Khi thấy mặt Nguyễn Đình Phương, ông nói:

- Tôi mắc nợ của bạn một số tiền lớn đã khá lâu mà chưa nói đến chuyện trả, thật là phụ tấm lòng tử tế của bạn.

Nguyễn Đình Phương liền gạt đi:

- Anh đừng nói thế! Tiền là gạch, nghĩa là vàng. Tình nghĩa mới là cái đáng quý, còn tiền bạc nào có nghĩa lý gì đâu. Anh đừng nhắc đến làm gì.

- Không - Trần Bính Cung tiếp - tôi sợ dĩ mời bạn đến đây là vì món nợ làm tôi không lúc nào nguôi. Bây giờ tôi tính thế này, ngôi nhà này của tôi coi như gán vào món nợ, có văn khế viết sẵn ở đây. Nhưng trước mặt tôi: con thơ, vợ đại, em yếu, mẹ già, tình cảnh đáng ngại. Một mai tôi mất đi, nếu gia đạo tôi có việc gì, dám xin bạn tìm cách cứu vớt. Về sau con tôi lớn lên, gia đình tôi cất đầu lên được, nó sẽ không bao giờ quên ơn.

- Sao anh lại nói thế. Mẹ của anh cũng như mẹ của tôi, con của anh cũng như con của tôi. Dù có thế nào, tôi cũng xin gắng sức. Anh cứ thuốc men cho lành, còn món nợ hãy gác lại, đừng bận tâm tới nó làm gì.

Trần Bính Cung không nghe lời, cứ ấn văn khế vào tay Nguyễn Đình Phương, lại gọi con mình ra bảo lạy sống Nguyễn Đình Phương, rồi nói:

- Bây giờ tôi chết mới nhắm mắt. Đa tạ bạn. Tôi sẽ xin kết cỏ ngậm vành kiếp sau.

Ngay sau khi Trần Bính Cung tắt thở, Nguyễn Đình Phương tỏ ra là người giữ lời hứa của mình. Ông bỏ tiền làm

ma cho bạn chu tất. Ông sốt sắng giúp đỡ gia đình bạn: Khi quan tiền, khi thùng thóc không biết mỗi, cả nhà Trần Bính Cung coi ông như cây cột trụ. Làng mạc xóm giềng đều khen không tiếc lời.

Nhưng dần dà người ta thấy lòng hào hiệp của Nguyễn Đình Phương không phải là vô hạn. Sự giúp đỡ theo thời gian cứ thừa dần. Càng về sau, việc vay mượn của gia đình Trần Bính Cung trở nên khó khăn. Nhiều lúc người con của Trần Bính Cung phải đợi suốt buổi mà cuối cùng vẫn phải vác rổ về không. Nguyễn Đình Phương tuy có mặt ở nhà, nhưng người nhà vẫn đáp là “đi vắng”. Thái độ chuyển từ sốt sắng ra lạt lẽo của Nguyễn Đình Phương làm cho mẹ và con Trần Bính Cung thất vọng, coi như một sự lừa gạt. Một hôm, sau những ngày thiếu ăn, mấy ngày đến vay không được, người vợ Trần Bính Cung đón đường cốt tìm gặp Nguyễn Đình Phương để hỏi cho ra lẽ. Khi gặp mặt, người đàn bà vật nài:

- Mẹ con bà cháu chúng em đói no là nhờ ở một tay bác. Mong bác rón tay giúp đỡ cho qua hội này.

Nguyễn Đình Phương vội vàng từ chối:

- Gia đình chúng tôi dạo này túng bấn tợn. Chị có thể chạy hỏi các nơi khác xem thử.

- Mẹ con chúng em chịu ơn bác rất nhiều, không bao giờ quên được. Biết đi lại mãi cũng làm phiền bác, nhưng tin vào lời hứa của bác với nhà em lúc sắp mất nên một hai cây dựa vào bác. Chẳng lẽ tình nghĩa gần gũi có thể thôi ư?

Vợ Trần Bính Cung không ngờ Nguyễn Đình Phương trả lời:

- Chị dạy thế là lắm. Tôi cũng có vợ có con của tôi chứ. Có đâu cứ phải tư cấp cho gia đình chị mãi được. Không khéo tôi phải bán ngôi nhà bên nhà chị để trang trải vài món nợ đây!

Nghe lời nói như một gáo nước lạnh dội vào đầu, người vợ Trần Bính Cung đành gạt nước mắt ra về, không quên kể lại sự tình cho mọi người trong nhà nghe. Cả nhà ngồi lại khóc một cách tuyệt vọng. Bỗng có một ông lão lối xóm chạy đến hỏi vì sao mà khóc.

Người vợ Trần Bính Cung kể lại đầu đuôi từ lúc tình bạn đậm đà cho đến những câu trả lời tuyệt tình vừa rồi của Nguyễn Đình Phương, rồi nói:

- Cụ tính, bác ấy là ân nhân của chúng tôi mà thay lòng đổi dạ chóng thế, thì cả nhà còn biết trông cậy vào đâu mà sống bây giờ!

Nói xong lại khóc nức nở. Ông lão đáp:

- Thấm lắm thì phai nhiều, âu đó cũng là thường tình của người đời. Thôi bây giờ mẹ con bà cháu nhà mợ hãy cố gắng tìm lấy một nghề mà nuôi nhau.

- Cụ tính, trong nhà một đồng, một chữ cũng không có. Ngôi nhà này là của họ, họ còn dọa bán, nay mai biết trú ngụ vào đâu. Thế thì cụ bảo làm nghề gì?

- Mợ cả và cô có biết dệt sồi chăng!

- Nuôi tầm dệt lụa cũng có thể học mà làm được cả, nhưng vốn liếng ở đâu, lấy gì mà mua củi, lấy gì làm lương ăn cả nhà cho đến lúc có sồi đem đi chợ?

- Tôi thì chả phải giàu có gì, nhà mợ cũng biết. Nhưng thấy tình cảnh nhà mợ cũng đáng thương. Bây giờ tôi bàn thế

này. Cứ phải luôn luôn nhờ vả người ta mãi quả là không tiện. Trong tay cần phải nắm chắc lấy một nghề, có biết chèo lái thì mới hòng đưa con thuyền vượt qua sóng gió. Nhà tôi vốn là nghề dệt đã ba đời nay. Nếu mợ quyết chí thì tôi cũng xin truyền cái nghề của chúng tôi cho mợ. Còn vốn liếng khởi sự, tôi sẽ xin cố giúp, sau này đợi lúc khá giả sẽ hoàn trả lại cũng được.

Ông lão nói rồi bắt tay làm ngay. Người vợ Trần Bính Cung không ngờ một ông lão dệt sồi ở xóm lại tỏ ra hào hiệp có phần vượt xa Nguyễn Đình Phương. Ông xuất tiền một lúc mua ngay khung cửi và mọi đồ lễ khác để cho hai người đàn bà học dệt. Lại bỏ vốn cân tơ. Ông lão còn mất khá nhiều thì giờ để bày vẽ cho họ mọi cái bí mật của nghề nghiệp. Chẳng mấy chốc họ đã có sồi đem ra chợ bán. Càng ngày nghề của họ càng tinh. Mẹ con bà cháu tần tiện cũng đủ ăn và bắt đầu cho đứa bé đi học. Không bao lâu, gia đình đã dành dụm được tiền đem đi chuộc nhà và sổ ruộng vườn. Từ khi chuộc được nhà, họ lờ hắt Nguyễn Đình Phương coi như xa lạ, trái lại ân cần coi ông lão là một vị ân nhân.

Thấm thoát bảy năm trôi qua, người con gái Trần Bính Cung đã có người دام hỏi. Hôm cưới, trong nhà rộn rịp giết lợn bày cỗ chuẩn bị rất linh đình mà theo ý người vợ Trần Bính Cung là để cho bỏ những ngày gian truân vừa qua.

Nhưng giữa tiệc cưới vui vẻ, khách khứa tấp nập, người vợ Trần Bính Cung nhắc thấy Nguyễn Đình Phương. Người mà bà đã có chủ định không mời, cũng khăn áo đến dự. Vợ Trần Bính Cung tiến ra đón ở cửa chùa chát:

- Bác hôm nay cũng đến đây ư? Chao ôi! Tôi tưởng rằng

bác đã quên chúng tôi đã lâu rồi. Chắc bác cũng nghĩ rằng gia đình chúng tôi phải chết giấm chết giúi từ đời thuở nào, còn đâu có được ngày hôm nay!

Vợ Trần Bính Cung còn định tìm những câu đau hơn nữa để nói Nguyễn Đình Phương cho bỏ hận, nhưng lúc bấy giờ ông lão ân nhân đã bước ra, rí vào tai bà:

- Mợ cả, mợ đừng vội nóng, để tôi nói cho mợ nghe. Tất cả vốn liếng mà tôi giúp mợ, cả công lao bày vẽ của tôi nữa, đều là tiền bạc của ông Nguyễn Đình Phương đây cả. Tôi chỉ là người trao hộ, mà không nói ra cho mợ biết đó thôi!

Vợ Trần Bính Cung ghen ngào hối hận. Bà đã hiểu ra tình bạn sâu nặng của Nguyễn Đình Phương với chồng và gia đình mình. Thức tỉnh lòng tự trọng nghề nghiệp để tự nuôi sống mình mới là cách giúp người tốt nhất.

Tục ăn trầu ngắt đuôi

T huở ấy, ở xóm kia có chàng thanh niên và cô thiếu nữ rất xứng đôi vừa lứa. Cha mẹ của đôi bên đều bằng lòng kết tình thông gia nhưng chưa nói cho con mình biết.

Vì quá yêu nhau, hằng đêm cô thiếu nữ lén mở cửa phòng cho chàng trai vào nhà. Mãi đến gà gáy hùng đông, cậu trai mới ra về. Cứ như vậy ngày này qua tháng kia.

Buổi nọ, trước khi về chàng trai ao ước được ăn một miếng trầu. Nhìn trong khay thấy hết trầu, cô thiếu nữ liền chạy ra vườn hái lá đem vào tằm vôi mời chàng. Dè đâu miếng trầu nhai chưa dập chàng trai ngã lăn, trào đờm rồi chết. Hoảng hốt, cô gái chạy ra ngoài kêu cứu. Quan chạy lại khám xét tử thi, thấy nhiều đốm đỏ loang khắp mình.

Thế là cô gái bị bắt giam để xét hỏi về tội bỏ thuốc độc giết người. Cô cứ một mực kêu oan.

May sao, có ông quán Án đi qua. Quan Án hỏi cô:

- Đầu đuôi tự sự như thế nào?

Cô gái nói sự thật. Nghe xong, vị quan suy nghĩ, gật đầu. Ông đi ra ngoài vườn xem kỹ từng lá trầu trên cây. Ông nhìn mấy lá ở sát gốc đều dính một chất gì giống như là con ốc, con sên bò qua nhả nước miếng.

Nhưng không thấy con ốc, con sên nào cả!

Ông liền ra lệnh đào dưới đất, đào thật sâu, đang đào bỗng nghe tiếng thở khò khè. Rõ ràng là con thuồng luồng nằm khoanh trong hang. Dân chúng sợ quá chạy toán loạn.

Ông quan nói:

- Con thuồng luồng này ban đêm lén bò lên mặt đất để kiếm nước uống. Vì quá khát nước, nó phải liếm mấy giọt sương đọng ở chót đuôi mấy lá trầu gần mặt đất. Nọc con thuồng luồng dính lại trên lá nên giết người. Cô gái này bị hàm oan.

Chòm xóm nhận thấy lời vị quan nọ là chí lý, tài trí như Bao Công thuở trước. Từ đó về sau, trước khi tằm trầu, ai nấy đều ngắt chót đuôi lá vì sợ nọc con thuồng luồng. Tập tục ăn trầu ngắt đuôi vẫn còn tới ngày nay.

Anh và em gái

Ngày xưa, ngày xưa ở một xóm nhỏ ven cánh đồng, có hai anh em mồ côi cả cha lẫn mẹ, họ phải ở với dì ghẻ. Một hôm người anh nói với em gái: Từ ngày mẹ mất, anh em mình không có lúc nào sung sướng nữa. Mẹ ghẻ hàng ngày đánh đập, xin cái gì thì thượng căng chân hạ căng tay đuổi đi. Ăn thì chỉ có mấy miếng bánh đầu thừa đuôi theo. Con cún ở chân bàn còn sướng hơn anh em mình, thỉnh thoảng nó còn được mẹ ghẻ vứt cho một miếng ngon. Lậy trời phù hộ để mẹ chúng mình thấy tình cảnh này! Thôi em ạ, anh em mình hãy bỏ nhà đi đi.

Hai anh em trốn nhà ra đi, họ đi suốt ngày qua biết bao đồng ruộng bát ngát thẳng cánh cò bay, hai anh em vẫn luôn quay đầu lại nhìn ngôi nhà gắn với tuổi thơ êm đềm bên mẹ mà rơi lệ. Trời đổ mưa, anh bảo em:

- Trời khóc cùng với anh em mình đấy.

Chiều tối, hai anh em tới một khu rừng to. Chúng đi đường xa, vừa đói vừa mệt, vừa tới cửa rừng thấy một hốc cây to chúng liền chui vào ngủ ngay.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy thì mặt trời đã lên cao, nắng chiếu cả vào trong hốc cây. Anh nói:

- Em ạ, anh khát quá. Hễ gặp suối là uống nước ngay. Mà nghe có tiếng suối đâu đây.

Anh đứng dậy dắt em đi tìm suối. Mẹ kế vốn là một thợ phù thủy. Mẹ đã thấy hai đứa trẻ ra đi nên mẹ rón rén bước theo. Mẹ phù phép vào tất cả các suối trong rừng.

Hai anh em thấy một cái suối chảy như thác bạc xuống đá. Anh muốn uống, nhưng em nghe như có tiếng rì rào trong suối:

- Ai uống nước sẽ hóa cọp, ai uống nước sẽ hóa cọp.

Em bảo anh:

- Em xin anh, anh chớ có uống, kéo lại hóa thành thú dữ xé xác em mất.

Anh khát đến cháy cổ, vẫn cố nhịn không uống.

- Thôi đợi đến suối sau.

Tới suối thứ hai, em nghe tiếng rì rào:

- Ai uống nước sẽ thành chó sói. Ai uống nước sẽ thành chó sói.

Em lại bảo anh:

- Anh ơi, em xin anh, anh chớ uống kéo lại hóa thành chó sói ăn thịt em.

Anh không uống và nói:

- Đến suối sau, em muốn nói gì thì nói, thế nào anh cũng uống, anh khát quá rồi.

Lúc đến con suối thứ ba em lại nghe tiếng rì rào:

- Ai uống nước sẽ hóa thành con mang. Ai uống nước sẽ

hóa thành con mang.

Em bảo:

- Ôi anh ôi, em xin anh chớ uống kéo lại hóa thành mang bỏ em mà chạy.

Nhưng anh đã quỳ gối; cúi xuống uống nước suối. Mồi vừa định nước thì anh đã hóa thành con mang.

Em khóc than thương cho anh. Con Mang cũng khóc lóc và ngồi rầu rĩ bên em. Mãi sau em mới nói:

- Anh mang thân mến ơi, anh mang cứ yên tâm, em sẽ không bao giờ rời anh Mang đâu.

Rồi em tháo nịt vàng ra buộc cổ mang, lại đi nhổ cỏ tết thành một sợi dây mềm, buộc vào nịt vàng dắt Mang vào rừng sâu.

Người và vật đi mãi tới một căn nhà nhỏ. Em nhìn vào thấy nhà bỏ không, nghĩ bụng ở lại đây được. Em đi kiếm rêu và lá khô làm đệm cho Mang... Sáng sáng em đi tìm củ, quả dại và hạt dẻ để em và mình ăn và em còn đi lấy cỏ non dứt cho Mang ăn. Mang vui thích nhảy nhót quanh em. Buổi tối, khi mệt, em gối đầu vào lưng Mang ngủ một giấc ngon lành. Nếu anh lại biến ra thành người được thì cuộc đời của hai anh em thật sung sướng.

Một hôm, vua tổ chức một cuộc săn lớn trong rừng. Tiếng tù và, tiếng chó sủa, tiếng người đi săn hò hét cười đùa vang trời. Mang nghe thấy, muốn nhập cuộc quá đi mất. Mang bảo em:

- Anh xin em, em hãy để cho anh nhập cuộc săn. Anh không nhịn được.

Mang van xin mãi, em dành cho đi.

Em nói với mang:

- Nhưng chiều tối anh cũng phải về nhé. Em sẽ đóng cửa lại để phòng bọn đi săn độc ác. Anh về nhớ gõ cửa nói: “Em ơi em, hãy mở cho anh vào”, để em nhận ra tiếng anh. Nếu anh không nói thì em không mở cửa đâu nhé.

Mang nhảy ra ngoài đi đến trước nhà vua và đoàn người đi săn. Vua và quần thần thấy con Mang đẹp, đuổi theo nhưng không kịp. Lúc tưởng là bắt được đến nơi thì Mang lại nhảy vọt qua bụi cây biến mất. Chiều tối, Mang về nhà gõ cửa bảo:

- Em ơi em, hãy mở cửa cho anh.

Cửa mở, Mang nhảy vào, nằm nghỉ suốt đêm trên đệm êm ấm. Sáng hôm sau, cuộc săn lại bắt đầu, Mang ta nghe tiếng tù và, tiếng người đi săn la hò, sốt ruột bảo: “Em ơi, mở cửa cho anh, thế nào anh cũng phải ra mới được”.

Em mở cửa cho Mang ra và bảo:

- Nhưng đến tối anh phải về nhé, nhớ nói câu em dặn.

Vua và quần thần vừa thấy con Mang đeo vòng vàng thì đuổi theo liền, nhưng Mang chạy nhanh hơn họ. Họ dồn mang suốt ngày, đến tối thì vây được Mang. Một người bắn trúng chân Mang khiến Mang bị thương nhẹ, khắp khiêng đi không được nhanh. Người đi săn theo dõi Mang đến tận ngôi nhà nhỏ và nghe thấy Mang gọi.

- Em ơi em, hãy mở cửa cho anh vào.

Cửa mở ra và đóng lại liền.

Người đi săn nhớ kỹ những điều mắt thấy tai nghe về kẻ

lại cho vua. Vua phán:

- Ngày mai lại sẵn.

Em thấy mang bị thương sợ lắm. Em lau sạch máu, đắp lá và bảo Mang:

- Mang ơi Mang, Mang ra nằm nghỉ trên nệm đi cho khỏi.

Nhưng vết thương nhẹ nên sáng hôm sau Mang không thấy đau gì nữa. Thấy ở bên ngoài cuộc săn lại nhộn nhịp, Mang bảo:

- Mang không nhìn được nữa đâu, Mang đi đây. Không phải dễ mà bắt được Mang đâu!

Em khóc lóc bảo:

- Lần này thì họ giết chết anh mất, rồi em ở một mình trong rừng, chẳng ai nghĩ đến em nữa. Không em không để anh ra đâu.

Mang đáp:

- Thế thì Mang ở đây cũng đến sốt ruột mà chết. Hề Mang nghe tiếng tù và là lòng lại rộn lên.

Em không biết làm thế nào, đành rầu rầu mở cửa. Mang vui vẻ, nhảy tót vào rừng.

Vua trông thấy Mang ra lệnh cho các người đi săn:

- Đuổi nó cho đến đêm, nhưng chớ đụng đến nó.

Mặt trời vừa lặn, vua liền bảo người đi săn đã đến báo vua lần trước:

- Nào đi, người hãy dẫn ta đến căn nhà nhỏ trong rừng.

Tới cửa, vua gõ và gọi:

- Em ơi em, hãy mở cửa cho anh.

Cửa mở, vua vào thấy một cô gái đẹp tuyệt trần. Cô sợ quá vì không thấy Mang của mình mà lại thấy một người đội mũ miện vàng. Vua nhìn cô rất dịu dàng, cầm tay cô bảo:

- Nàng có muốn theo trẫm về cung làm hoàng hậu không? Cô nói:

- Thiếp vâng, nhưng xin cho Mang đi cùng, thiếp không bỏ Mang đâu.

Vua đáp:

- Mang sẽ ở với nàng suốt đời và sẽ không bao giờ thiếu thốn gì.

Giữa lúc ấy thì Mang nhảy vào. Em lấy dây buộc Mang, dắt ra khỏi nhà.

Vua đặt em lên ngựa cùng về cung. Hôm sau hôn lễ của người em với nhà Vua được tổ chức linh đình. Em lên ngôi hoàng hậu, Mang được chăm nom săn sóc, tha hồ nhảy nhót trong vườn thượng uyển.

Mụ dì ghẻ ác nghiệt đã làm cho hai anh em phải bỏ trốn, vẫn tưởng là sau đó thì em bị thú rừng ăn thịt và anh thì bị bắn chết. Khi mụ được tin cả hai anh em đều sung sướng thì mụ ghen tức lồng lộn. Mụ lại nghĩ cách hại họ. Con gái mụ xấu như ma lem, chỉ độc có một mắt dẫn vật mụ:

- Số con phải được làm hoàng hậu!

Mụ an ủi con:

- Con cứ yên trí. Mẹ không để lỡ dịp đâu.

Ngày tháng qua đi, Hoàng hậu đã mang thai. Một hôm,

trong lúc Vua đi săn thì Hoàng hậu sinh được một bé trai khô ngô. Mụ phù thủy chỉ chờ đợi lúc ấy. Nó hóa phép biến thành một người hầu gái vào phòng Hoàng hậu và nói:

- Tâu lệnh bà, nước tắm đã sẵn sàng, mời lệnh bà đi tắm cho khoẻ người.

Con gái mụ đứng sẵn đó. Hai mẹ con mụ dì ghẻ khiêng Hoàng hậu còn mệt lả vào buồng tắm, đặt vào thùng tắm, rồi khoá cửa lại. Thì ra chúng đã hun lửa sẵn trong buồng tắm để cho Hoàng hậu bị chết ngạt.

Xong việc mụ liền đội mũ cho con, đưa con vào giường hoàng hậu. Mụ hóa phép cho con biến thành hoàng hậu, nhưng không sao biến được con mắt hồng của nó. Con mụ nằm nghiêng về mé mắt hồng để vua không nhìn ra. Buổi tối, vua đi săn về, nghe nói hoàng hậu sinh con trai mừng lắm, định lại thăm Hoàng hậu.

Mụ già vội nói:

- Xin bệ hạ chớ có kéo rèm lên. Hoàng hậu chưa nhìn ánh sáng được đâu, phải nghỉ ngơi đã.

Vua không biết có hoàng hậu giả nằm trong giường.

Đến nửa đêm, mọi người đều ngủ, người bảo mẫu một mình thức đang ngồi bên nôi hoàng tử thì thấy cửa mở ra, hoàng hậu thật bước vào. Bà bế con cho con bú. Rồi bà giữ gối cho con, đặt con nằm và đắp chăn cho con. Bà cũng không quên con Mang, bà đi tới chỗ Mang nằm và vuốt lưng nó. Sau đó, bà lẳng lặng đi ra. Hôm sau, người bảo mẫu hỏi lính canh ban đêm có thấy ai vào cung không? Lính canh đáp:

- Không, chúng tôi chẳng thấy ai cả.

Hoàng hậu đến mấy đêm như thế mà không bao giờ nói một câu gì. Người bảo mẫu nhìn thấy bà nhưng không dám nói hở cho ai biết. Sau một thời gian, hoàng hậu bắt đầu nói trong đêm tối:

- Con ta ra sao? Mang của ta ra sao? Ta còn đến hai lần nữa thôi.

Người bảo mẫu không dám trả lời, sau khi hoàng hậu biến đi, thì chỉ tìm vua kể lại hết sự việc. Vua phán:

- Trời! Sao lại có chuyện thế nhỉ! Đêm nay ta sẽ thức trông Hoàng tử.

Đến tối, vua vào buồng Hoàng tử. Vào khoảng nửa đêm, Hoàng hậu lại hiện ra nói:

- Con của ta ra sao? Mang của ta ra sao? Ta còn đến một lần nữa thôi.

Rồi Hoàng hậu săn sóc con như thường lệ. Vua không dám lên tiếng, nhưng đêm hôm sau Vua lại thức trông Hoàng Tử, nửa đêm Hoàng hậu lại về và nói:

- Con ta ra sao? Mang của ta ra sao? Ta đến lần này là lần cuối cùng.

Vua không nhin được nữa, liền nói:

- Đúng nàng là vợ quý của ta rồi!

Bà trả lời:

- Thưa đúng, em là vợ của nhà vua.

Hoàng hậu vừa dứt lời, thì như có một luồng sinh khí tràn ngập căn phòng, nàng sống lại, tươi tắn, hồng hào, xinh đẹp như xưa.

Mụ dì ghẻ và con gái mụ thấy thế thì hoảng sợ bỏ chạy ra đường. Bỗng từ trên trời cao một tia chớp sáng loé lao xuống, lưỡi dao của thần sét đã kết liễu cuộc đời của hai mẹ con mụ phù thuỷ gian ác.

Vừa lúc đó Mang trở lại thành người anh như xưa. Từ đó nhà Vua cùng Hoàng hậu, Hoàng tử và anh trai nàng luôn sống hạnh phúc bên nhau.

Ba vật kỳ diệu

Ngày xưa, ngày xưa, tại một ngôi nhà nhỏ ven sông, có người lái đò sống cùng ba người con trai. Ngày ngày, ba anh em thay nhau chèo đò đưa mọi người qua sông.

Một hôm, có một người lạ mặt đến gặp người con cả và nói:

- Hãy đưa tôi qua sông

Người con cả vâng lời. Sang đến bờ sông bên kia người lạ hỏi:

- Anh muốn được thưởng công bằng cái gì? - Một bao vàng hay ba vật kỳ diệu?

- Bao vàng. - Người con cả trả lời.

- Tốt lắm! - Người lạ đưa bao vàng cho anh rồi biến mất.

Tối hôm sau, người con thứ cũng gặp người lạ ấy. Anh ta cũng nhận một bao vàng.

Tối ngày thứ ba, đến lượt người con út chèo đò. Người lạ mọi hôm lại đến, nhờ đưa sang sông. Người con út vui vẻ chở khách sang sông.

- Sang đến bờ bên kia, người lạ hỏi - Anh muốn được thưởng công bằng gì? Một bao vàng hay ba vật kỳ diệu?

- Bao vàng mà làm gì! Tôi sẽ lấy ba vật kỳ diệu. Chàng trả lời.

- Thật chứ? Hình như anh còn thông minh hơn hai người kia. Đây là vật kỳ diệu thứ nhất: một sợi lông ngựa. Ngậm nó vào giữa hai môi rồi nói: "Tôi muốn mình là con ngựa và chỉ là con ngựa mà thôi", anh sẽ biến thành con ngựa. Đây là vật kỳ diệu thứ hai: một chiếc lông chim bồ câu. Ngậm nó vào giữa hai môi rồi nói: "Tôi muốn mình là chim bồ câu và chỉ là chim bồ câu mà thôi", anh sẽ biến thành chim bồ câu. Và đây là vật kỳ diệu thứ ba: một cái vảy cá. Ngậm nó vào giữa hai môi rồi nói: "Tôi muốn mình là con cá và chỉ là con cá mà thôi", anh sẽ biến thành con cá. Nếu anh muốn trở lại hình người, hãy đặt sợi lông ngựa, chiếc lông chim hoặc cái vảy cá lên môi và nói: "Tôi muốn là một con người và chỉ là con người mà thôi", anh sẽ trở lại nguyên hình.

Nói xong, người lạ biến mất; tưởng như mặt đất đã nuốt chửng ông ta.

Còn lại một mình, chàng út lập tức biến thành con cá bơi qua sông, trở lại hình người rồi bắt đầu đi chu du thiên hạ.

Chàng đi mãi, đi mãi tới một khu rừng dày rậm rạp, tưởng chừng không thể nào qua lọt. Nhưng chàng không hề lo lắng chút nào. Chàng biến thành chim bồ câu, bay ngang qua rừng. Chàng bay mãi đến khi nhìn thấy một cánh đồng mênh mông; đứng bên này không nhìn thấy bên kia. Chàng út lập tức biến thành con ngựa, ngựa phi qua cánh đồng, tới tận toà lâu đài nguy nga tráng lệ nằm bên kia cánh đồng.

Làm gì bây giờ nữa nhỉ? Chàng út suy nghĩ rồi quyết định xin vào lâu đài phục vụ cho nhà vua. Một thời gian sau, nhà

vua đi thăm nước láng giềng và mang chàng đi theo. Vua nước láng giềng có một công chúa xinh đẹp như ánh nắng, vui tươi như suối rừng. Nhìn nàng, ai cũng thấy vui và chàng út đem lòng thương yêu công chúa ngay lần gặp đầu tiên. Nhưng có ai đem công chúa gả cho một người nghèo hèn đâu? Chàng chỉ thầm yêu, trộm nhớ công chúa mà thôi.

Vẫn đang ở chơi nước láng giềng, bỗng một hôm tin dữ truyền tới: Có kẻ đang xâm lấn bờ cõi. Vua mà chàng út đang phục vụ rất lo lắng.

Vị vua láng giềng liền khuyên:

- Ngài không nên về một mình. Tôi xin theo để giúp ngài trong những lúc nguy khốn.

Thế là họ cũng trở về. Nhìn cảnh quê hương đất nước tan hoang dưới gót giày bọn xâm lược, quyết không tha cho loài lang sói. Chàng út được lệnh sang nước láng giềng mượn gươm báu về giết giặc, cứu đồng bào.

Chàng út liền phóng đi lấy lưỡi gươm. Trên đường, chàng hoá thành con ngựa, hết đường, chàng hóa thành chim, qua sông suối, chàng lại là con cá. Chàng dốc hết sức và cuối cùng cũng tới được cung điện của nước láng giềng.

Chàng út nói với công chúa:

- Hãy đưa cho tôi lưỡi gươm lớn của nhà vua! - Sáng mai, ngài cần tới nó.

- Sáng mai? - Công chúa kinh ngạc hỏi. Đường quá xa, anh không thể nào đem đến nơi kịp.

- Tôi không nghĩ thế. Làm sao nàng biết tôi sẽ đi đến đó như thế nào? Tôi phi như ngựa, sẽ bay như chim, sẽ bơi như

cá. Tôi thể rằng sẽ về đến nơi trước khi trời sáng.

Nhưng công chúa không thể tin rằng một con người có thể phi như ngựa, bay như chim và bơi như cá!

- Thế thì hãy nhìn đây! Tôi không có thời gian nhưng biết làm sao được với một cô bé buống bình như nàng! - Chàng út than, rồi lập tức biến thành con ngựa.

Con ngựa khấn khoản nói với công chúa.

- Cô nương của tôi, làm ơn nhỏ ba sợi lông trên bờm của tôi, cất vào một chỗ an toàn.

Công chúa làm theo lời ngựa, lập tức ngựa đã hóa thành chàng út, rồi chàng út lại hóa thành chim bồ câu. Chim cũng khấn khoản nói với công chúa:

- Cô nương của tôi ơi, làm ơn nhỏ ba sợi lông ở cánh của tôi, cất vào một chỗ an toàn.

Công chúa làm theo lời chim. Rồi hóa thành chàng út, rồi chàng út lại hóa thành con cá. Con cá cũng khấn khoản nói với công chúa:

- Cô nương của tôi ơi, hãy lấy ba cái vảy ở đuôi của tôi, cất vào một chỗ an toàn.

Công chúa làm theo lời cá và chàng út lại hiện ra. Đã tin chàng út, công chúa liền trao cho chàng thanh gươm và nói:

- Làm được những phép lạ ấy, chàng tất không phải người thường. Đã từ lâu, em mơ ước lấy một người như thế làm chồng; bây giờ em đã gặp...

- Tuyệt lắm! - Chàng út đáp - Tôi đã yêu nàng từ lần đầu gặp mặt.

Chàng út hóa thành ngựa phi qua đồng, thành chim bay xuyên rừng, thành cá lội ngang sông suối. Màn đêm chưa kịp tan, lưới gươm thần đã về đến nơi vua nghỉ. Mới vào cửa chàng út đã gặp tên đầu bếp xảo quyệt của nhà vua.

Tên đầu bếp nói với chàng út:

- Anh mang được lưới gươm về, tài thật đấy. Nhưng ai mà nhắc nổi một vật nặng như thế nhỉ? Sức cùng lực kiệt như tôi chắc không nhắc nổi cái vỏ bao.

- Anh chưa nhắc thử mà đã vội than thế! - Chàng út nói

Chỉ chờ có vậy, tên đầu bếp gian ác cầm lấy thanh gươm chặt đứt đầu chàng ngốc rồi kéo xác chàng giấu vào bụi cây. Xong xuôi, hắn chạy đến gặp nhà vua, tâu rằng chính hắn đã đem lưới gươm về. Nhà vua vô cùng sung sướng, khen hắn là một con người dũng cảm và thông minh, và cho biết ông rất vui lòng nhận hắn làm con rể. Nói rồi nhà vua cầm gươm ra trận. Với sức mạnh của lưới gươm thần quân xâm lược đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Khắp nơi vui mừng khôn xiết. Ngày hôm sau, nhà vua nước láng giềng lên đường trở về cung điện của mình, mang theo tên đầu bếp mà ông coi là đứa con rể thông minh, dũng cảm.

May thay người lạ mặt mà chàng út chờ qua sông hôm nào, vô tình đi qua bụi cây thấy xác chàng, ông lập tức sai một con qua đến nhả vào miệng chàng ta mấy giọt nước thần. Kỳ diệu thay, chàng út sống lại! Người lạ mặt nói:

- Anh đúng là một chàng ngốc! Tại sao anh đưa gươm thần cho tên đầu bếp gian xảo ấy? Bay giờ, hãy đi đi, hãy đi nhanh đi, hãy phi như ngựa, bay như chim, bơi như cá; hãy đến với

người vợ chưa cưới của anh trước khi trời tối, nếu không người ta sẽ gả nàng cho tên đầu bếp chứ không phải cho anh đâu.

Chàng đã về đến cung điện của vị vua nước láng giềng. Chàng út kể cho mọi người nghe mọi chuyện. Nhà vua, không thể tin ở tai mình. Công chúa liền nói với tên đầu bếp:

- Nếu ngươi là chồng chưa cưới của ta như ngươi nói thì hãy biến thành con ngựa, con chim, con cá xem nào!

Thật là một yêu cầu kỳ cục! Tất cả khách khứa tròn mắt chờ đợi, xem chuyện gì đã xảy ra. Tên đầu bếp tái mặt nói bằng một giọng thiếu não:

- Nàng chỉ đùa thôi thôi. Ai có thể làm được chuyện đó?

- Có người làm được điều đó đấy - Công chúa ngắt lời hắn.

Bây giờ đến lượt chàng út, chàng biến thành con ngựa và công chúa đặt ba sợi lông đã nhổ vào bờm nó, chúng dài ra thật nhanh. Chàng ngốc biến thành chim bồ câu, công chúa đặt ba cái lông cánh đã nhổ vào cánh chim, chúng cũng dài ra thật nhanh. Chàng ngốc lại biến thành con cá và công chúa đặt ba chiếc vẩy vào đuôi nó.

Tên đầu bếp bị trừng trị. Còn chàng út được kết hôn với công chúa và họ vẫn sống hạnh phúc đến tận bây giờ.

Bắn mặt trăng

Thời Hồng hoang, trên không trung chỉ có mặt trời, không có mặt trăng, cũng chẳng có một ngôi sao. Đêm đến khắp nơi đều đen tối như mực.

Bỗng nhiên một buổi tối, trên không trung hiện lên một mặt trăng nóng bỏng. Mặt trăng lăm góc nhiều cạnh, toả những tia sáng nóng bỏng như lửa, làm cháy khô lúa má ở ngoài đồng, làm mọi người nóng rát. Tối đến, càng oi bức, mọi người trần trọc không sao ngủ được. Họ chỉ còn biết kêu trời:

- Trời ơi! Chúng ta không cần Mặt trăng nóng chết người này! Chúng ta hãy mau mau bắn rụng Mặt trăng này đi.

Khi đó, ở dưới chân núi Đại Thạch, có một đôi vợ chồng trẻ, chồng tên gọi là Thanh, là một người săn bắn giỏi, thường vào rừng săn bắn muông thú. Vợ Thanh là Đào lại có tài dệt gấm rất đẹp, thường ở nhà canh cửi thêu thùa.

Đào thấy mặt trăng làm nóng bức liền nói với chồng:

- Chàng là một thiện xạ, chàng hãy bắn rơi mặt trăng này cứu mọi người đi!

Thanh nghe lời vợ mang theo cung tên leo lên đỉnh một ngọn núi cao. Chàng dùng hết sức lực kéo dây cung bắn một mũi tên về phía mặt trăng. Nhưng mũi tên bay được nửa chừng

đã rơi xuống đất. Chàng bắn luôn một lúc một trăm mũi tên, trăm mũi tên bay đến giữa khoảng không đều rơi xuống đất cả.

Tên đã bắn hết. Mặt trăng vẫn cháy rực rục trên trời. Thanh cúi đầu nhìn xuống chân núi. Cây cối bị cháy khô. Người người gầy yếu kiệt sức. Chàng buồn bã thở dài.

Bỗng nhiên có tiếng lạch cạch, tảng đá lớn sau lưng mở ra một chiếc cửa. Một cụ già râu tóc bạc phơ bước ra nói mấy câu:

“Núi Nam có cộp lớn, núi Bắc có hươu cao.

Muốn cho có sức mạnh, ăn thịt cộp thịt hươu!

Lấy đuôi cộp làm cung lấy gân cộp làm dây

Lấy sừng hươu làm tên bắn rụng mặt trăng ngay”.

Nói xong cụ già bước vào trong tảng đá lớn. Cửa đá liền khép kín lại.

Hiểu rõ ý cụ già, Thanh xuống núi bàn với Đào cách bắt cộp bắt hươu.

Đào nói:

- Chàng bắn cung giỏi hãy bắn cung bắt cộp mang về!

- Cộp lớn ở núi Nam và hươu cao ở phía Bắc, ta đều đã bắn qua. Da chúng vừa dày vừa cứng, tên bắn không vào. Chỉ có cách dùng lưới rộng, nhưng tìm đâu ra tấm lưới chắc chắn bây giờ?

Đào suy nghĩ, tay vuốt vuốt mớ tóc dài của mình:

- Hãy lấy tóc của em mà dệt một tấm lưới thật rộng và có cả dây thông lọng.

Hai vợ chồng đem lưới tới núi Nam, vây kín cửa hang cộp. Cộp ra khỏi hang kiếm mồi chạm phải thông lọng, mắc lưới

ngay. Cọp giãy giụa, lồng lộn, găm thét làm rung chuyển cả đồi núi Ala, lấy búa bổ vỡ đầu cọp rồi kéo cọp quay về.

Hai vợ chồng đến hang hươu ở núi Nam, cũng dùng cách trên bắt hươu mang về.

Ala ăn hết thịt cọp, thịt hươu trong người như tăng thêm hàng ngàn lần sức lực. Chàng lấy đuôi cọp làm cung, gân cọp làm dây, sừng hươu làm tên, rồi leo lên đỉnh núi cao. Chàng giương cung lắp tên, đứng vững vàng, dùng hết sức mạnh của mình bắn đi. “Tách” một tiếng, mũi tên bay vút về phía mặt trăng. Chát chát mặt trăng toé lửa. Những đốm lửa rơi rải rác ngoài bầu trời đã biến thành các vì sao. Mũi tên chạm vào mặt trăng lại quay về rơi vào tay Ala. Ala lại đặt vào dây cung bắn về phía mặt trăng. Bắn liên một thôi một trăm lần, tan hết mọi góc của mặt trăng. Khắp trời cũng dày đặc các vì sao. Mặt trăng trở thành một bánh xe tròn chuyển động trên không. Nhưng mặt trăng vẫn bốc lửa rừng rực, toả ra những tia sáng nóng bỏng, chiếu xuống mặt đất. Cây cối vẫn cháy khô, con người vẫn gầy yếu vàng vọt.

Ala cầm cung, cúi đầu buồn bã đi xuống núi. Chàng nói với vợ:

- Nìnga ơi! làm thế nào bây giờ? Mặt trăng vẫn nóng bỏng như trước, giá có một thứ gì che kín được mặt trăng thì hay quá!

Nìnga đang thêu một bức gấm có cảnh gia đình đầm ấm. Trên bức gấm có một căn nhà xinh xắn, trước cửa có cây quế màu vàng óng, hàng đàn cừu trắng, thỏ trắng ăn cỏ trên bãi. Nìnga thêu hình mình ngồi dưới gốc cây quế, lại định thêu hình Ala nữa, nhưng chưa kịp thêu.

Thấy Ala muốn kiếm một cái gì che kín mặt trăng, Ninga liền nói:

- Chàng hãy đem bức gấm này buộc vào đầu mũi tên bắn lên để bịt kín lấy mặt trăng xem sao!

Ala làm theo lời vợ, quả nhiên Mặt trăng không còn nóng bỏng nữa. Trăng toả ra một ánh sáng dịu, trong sáng rất đáng yêu.

Dưới chân núi mọi người cười reo hớn hở.

Đứng trên núi, Ala cười thích thú nhìn lên mặt trăng. Bỗng chàng nhìn thấy Ninga, cây quế, đàn cừ trắng, thỏ trắng trong bức gấm thêu cử động. Nàng Ninga đứng trước cửa nhà nhẹ nhàng bay bổng lên không trung, lên tới mặt trăng, hai Ninga nhập lại thành một Ninga.

Đứng trên đỉnh núi, nhìn thấy Ninga bay lên mặt trăng, Ala cuống cuống, hai chân mềm nhũn phải ngồi xuống mỏm đá. Chàng trừng trừng nhìn lên mặt trăng cất tiếng gọi lớn:

- Ninga! Sao nàng không thêu cả hình ta lên mặt gấm? Ninga ơi nàng hãy xuống đi! Hãy xuống đi.

Ở trên mặt trăng, Ninga cũng cuống cuống tay chân. Nàng kéo dài mớ tóc mình, bện thành một cái đuôi sam dài, khi mặt trăng đi qua khoảng không trên đỉnh núi, Ninga cúi đầu thả tóc xuống. Ala nắm lấy đuôi tóc đánh đu như một con khỉ leo lên mặt trăng.

Từ đó Ninga ngồi dưới gốc cây hoa Quế trên mặt trăng dệt gấm. Ala trông coi đàn cừ trắng trên đồng cỏ. Đời sống của đôi vợ chồng hạnh phúc êm đềm.

Kìa các bạn nhìn xem những vật đen trên mặt trăng kia chính là họ đấy.

Nàng Xuân Hương

Xuân Hương là con gái một ông đồ nghèo ở tỉnh Bắc. Cha mất sớm, nàng ở với mẹ, hai mẹ con tần tảo nuôi nhau. Vào thuở ấy, các cô gái con nhà gia thế thường được bố mẹ cho đi học. Xuân Hương lúc nhỏ có được bố dạy cho chữ nghĩa, nên cô cũng biết vô vè. Năm mười lăm tuổi, nàng xin phép mẹ đi học ở trường một cụ đồ già trong làng.

Tống Như Mai, một chàng thư sinh đẹp trai, con một viên quan đầu tỉnh. Vốn sẵn thông minh, chàng chuyên tâm vào nghiệp đèn sách, quyết nêu tên trên bảng vàng.

Một hôm, vào ngày Tết Đoan Ngọ, Như Mai cùng một tiểu đồng đi dạo cảnh. Qua lớp học của cụ đồ già, chàng thoáng thấy có mấy cô gái đang nô đùa sau vườn một ngôi chùa cổ. Dưới gốc cây đa, có một cô búi vào rễ phụ, đu đi đu lại, là là mặt đất. Đó là nàng Xuân Hương. Sắc đẹp của nàng khiến chân chàng không đành cất bước. Hai thầy trò thơ thẩn hồi lâu trước cổng chùa. Chàng buột miệng khen:

- Ôi! Ta đã từng nghe ca ngợi con gái xứ Bắc, nhưng chắc chưa thấy ai xinh đẹp bằng cô gái này.

Từ đó, Như Mai thường lấy cớ đi thăm ngôi chùa cổ. Tưởng nhớ đến người đẹp đánh đu, có đường ngôi trắng giữa hai mái

tóc xanh, có vẻ đẹp trong trắng như hoa Thủy tiên, khiến anh chàng mất ăn mất ngủ. Tiểu đồng thấy chủ biếng học, thì khuyên dỗ hết lời, nhưng Như Mai vẫn không thể quên được. Một hôm thấy chủ giục mình lại cùng đi chơi chùa, tiểu đồng đi mách với bố chàng. Như Mai năn nỉ:

- Dừng. Nếu mày là tâm phúc của ta, thì không những phải giấu kín cho ta, mà còn nên giúp cho ta được việc.

Tiểu đồng đáp:

- Nếu quan lớn biết, thì công tử bị phạt đã đành, còn tôi thân phận hèn hạ, chịu làm sao nổi roi vọt.

- Nếu thế thì sẽ ở nhà học bài, còn mày thì hãy vì ta một mình đi dò xem cô nàng tên là gì, con cái nhà ai, có cách gì gặp gỡ được chăng, thì ta sẽ trọng thưởng.

Ba hôm sau, tiểu đồng trở về cho chủ biết về nàng Xuân Hương. Nó còn hé vào tai dặn nhỏ:

- Nếu công tử cho tôi một món tiền lớn, tôi sẽ bày cách làm cho công tử có thể gần gũi cô nàng.

Như Mai thủng thỉnh đáp:

- Được! Mày muốn bao nhiêu cũng có, miễn là việc xong.

Khi có tiền trong tay, tiểu đồng liền sắm cho chủ một bộ áo xống phụ nữ và dặn chàng:

- Tôi thấy công tử có nước da trắng trẻo, bộ mặt và giọng nói y như con gái, nên nghĩ rằng nếu công tử đóng bộ này vào thì không mấy chốc sẽ được làm quen với nàng. Công tử thử mặc vào cho tôi xem.

Quả nhiên, sau khi cải trang, Như Mai đã biến thành một

cô gái duyên dáng, không một ai có thể ngờ là trai.

Sau đó, theo lời chỉ vẽ của tiểu đồng, Như Mai tìm đến nhà Xuân Hương. Gặp bà mẹ nàng, Như Mai chào hỏi đơn giản, nói dối mình là ái nữ của quan đầu tỉnh, năm nay tuổi vừa đôi tám, học tại một trường gần đây, nhân ngày nghỉ đi mua ít tấm lụa. Bà mẹ Xuân Hương không nghi ngờ gì cả, liền gọi con gái ra tiếp. Nghe nói Như Mai là con quan, lại học giỏi, Xuân Hương tỏ ra ân cần và muốn làm quen. Sau khi chuyện trò mua bán đã xong, nàng dặn lúc chia tay:

- Thỉnh thoảng mời chị tới chơi, hai ta cùng giảng bàn nghĩa sách.

Từ đấy, Như Mai năng đến nhà Xuân Hương. Chẳng mấy chốc hai người đã trở thành đôi bạn. Tài học của Như Mai làm cho Xuân Hương kính phục, thường nhờ vả về văn bài. Về phía Như Mai, chưa bao giờ lòng chàng tràn ngập niềm vui đến như thế. Tuy vậy, chàng vẫn giữ mình đứng đắn, chưa có gì tỏ ra sàm sỡ.

Một hôm, Xuân Hương rủ Như Mai ngủ lại nhà mình. Biết không có dịp nào tốt hơn, nhưng Như Mai cũng từ chối, lấv cớ là không được lệnh bố mẹ. Nhưng rồi sau đó ít lâu, một dịp tốt khác lại đến. Hôm ấy bà mẹ Xuân Hương về ăn giỗ bên quê ngoại. Thấy Như Mai đến vừa đúng lúc, mẹ Xuân Hương liền năn nỉ bảo ở lại với con mình mấy hôm để có chị có em cho đỡ cô quạnh. Như Mai nhận lời. Buổi chiều hôm ấy, sau khi hai người đã vui đầu chán chê vào thơ phú, bèn rủ nhau đi dạo chơi trong vườn chùa. Họ vừa đi vừa đàm đạo cho tới lúc trăng mọc. Bỗng dưng Xuân Hương hụt chân ngã chúi về

phía trước, nhưng nàng đã được Như Mai nhanh tay ôm lấy, Xuân Hương thốt lên:

- Cảm ơn chị. Ôi, nếu chị là con trai thì tôi phải lòng chị mất!

Như Mai đỡ lời ngay:

- Nhớ lấy nhé! Một lời nói như ném châu, gieo ngọc. Chị sẽ cầu Phật Bà độ cho hóa thành con trai. Lúc đó thì em có phải lòng nữa không?

Đang đà nói đùa, Xuân Hương trả lời ngay:

- Sao không. Tôi xin thế có trời đất.

- Không được. Thế cá trê chui ống. Nếu thật thế thì viết giấy cam đoan, chị mới tin.

- Khó gì, về nhà sẽ có ngay.

Về đến nhà, Xuân Hương lập tức lên đèn, viết giấy đưa cho Như Mai. Đợi khi hai người lên giường, Như Mai bèn trút bỏ đồ cải trang thành một chàng trai khỏe mạnh. Thấy vậy, Xuân Hương chẳng còn hồn vía nào nữa, hai tay che mặt, kêu lên:

- Trời đất ơi! Ta mắc tay bọm già rồi. Người là ai dám đến đây lừa ta. Ta kêu làng xóm lên bây giờ.

Nói đoạn, ngồi dậy toan chạy, nhưng Như Mai đã nắm lấy tay nàng:

- Nàng chớ sợ. Ta không làm hại nàng đâu. Ta sẽ xin cưới nàng làm vợ.

Nói rồi, chàng kể tất cả mọi việc cho Xuân Hương nghe, nhưng là gia thế, học hành ra sao, rồi từ phen kỳ ngộ ở vườn

chùa, sinh ra đêm mơ ngày tưởng như thế nào, cho đến lúc tiểu đồng hiến kế cải trang, v.v... Đoạn chàng nói:

- Ta vì nàng phí bao nhiêu tâm cơ, đâu phải vì chuyện "trên bệ trong dậu" chốc lát, mà cốt để trở thành đôi lứa trăm năm.

Trong khi Như Mai dùng lời dịu ngọt dỗ dành, thì Xuân Hương chỉ ngồi khóc. Hồi lâu, nàng bảo:

- Không được. Rồi chàng sẽ bỏ tôi như thay một cái áo, tháo một bức phen. Tôi là con nhà dân, làm sao có thể kết duyên với con quan được chứ.

Như Mai đáp:

- Nói trên có trời, dưới có đất, trước mặt có bóng thần Đấng: Dù cha mẹ có ngăn trở thế nào, ta thế sẽ không đời nào bỏ nàng.

- Vậy thì chàng hãy làm giấy đi!

Lại đến lượt Như Mai làm giấy cam đoan. Trong giấy, chàng trình trọng hứa quyết cưới Xuân Hương làm vợ. Nếu bỏ nàng thì trời tru đất diệt.

Bấy giờ, Xuân Hương mới tỏ bộ vui vẻ, cầm lấy giấy nói:

- Chàng đã làm cho tôi tin. Nhưng liệu đây! Nếu chàng lừa dối tôi thì tôi sẽ đi thưa, thưa cho đến tận tòa Tam pháp chứ chẳng chơi đâu.

Ngày hôm sau, Như Mai ra về sau khi đã được toại nguyện. Đột nhiên sau đó ba hôm, thân phụ chàng có chỉ của nhà vua triệu về kinh làm chức học sĩ. Chàng cũng bị bắt buộc phải đi theo để được thân phụ rèn cặp.

Nghe tin này, Xuân Hương tưởng nghe tiếng sét. Nhưng Như Mai thì coi là dịp tốt. Chàng hết sức an ủi nàng cho nàng biết rằng chuyến này đi xa, chàng sẽ cố công học tập thành tài, vì chốn kinh kỳ có nhiều sách hay thầy giỏi. Một khi công thành danh toại, chàng mới có cách để chính thức cưới nàng. Khi chia tay, chàng còn dặn: .

- Dù có đá nát vàng phai, ta cũng chỉ biết có nàng. Đối lại, chỉ xin nàng một lòng chờ đợi.

*

* *

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua.

Tống Như Mai từ ngày theo thân phụ về kinh đã được năm năm. Trong thời gian này, chàng ra sức dùi mài kinh sử. Lòng càng nhớ Xuân Hương, chàng lại càng để tâm vào việc học tập. Quả nhiên công phu của chàng không uổng. Khoa thi năm ấy, chàng đậu đầu, rồi tiếp tục vào thi đình, đậu luôn trạng nguyên. Thấy trạng còn trẻ tuổi mà thông minh, nhà vua phong làm khâm sai đại thần, cho đi thanh tra các tỉnh. Chàng vui vẻ nhậm chức. Trước hết, chàng xin phép về công cán tỉnh Bắc, nhân thể thăm dò tình hình của người yêu, năm năm qua không một tin tức.

Lại nói chuyện Xuân Hương. Từ ngày chia tay Như Mai, lòng nàng buồn rười rượi. Tin ở lời thề thốt của chàng, nàng quyết một lòng chờ đợi. Có nhiều đám đến dạm hỏi, nàng đều từ chối. Để cho bọn con trai khỏi theo đuổi, nàng bỏ vào hòm tất cả những áo xống đẹp, cùng hoa hột, vòng xuyến mà Như Mai tặng mình, rồi đem chôn cất. Nàng bỏ học, ăn mặc nâu sồng, ở nhà giúp mẹ nuôi tằm trồng dâu. Tuy nhiên, nàng vẫn

không giấu được nhan sắc “chim sa cá lặn” của mình. Một viên quan án mới bổ đến, nghe tiếng đồn về sắc đẹp Xuân Hương thì trong lòng hâm mộ. Gặp nàng ở chợ, quan buông lời trêu ghẹo, nhưng nàng nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Quan giận dữ bụng, sau đó ít lâu ngầm cho người đến gây sự với nàng, đặt điều về việc bội hôn, để việc đưa đến cửa công, cuối cùng quan cho bắt nàng giam lại. Vẫn chưa cam thất vọng, quan lại sai người thân tín vào nhà giam dỗ dành hứa nếu nàng thuận theo mình thì sẽ được làm nàng hầu ăn sung mặc sướng, nhưng bằng không thuận sẽ làm cho nhục nhã. Một lần nữa, quan án lại bị nàng nhiếc mắng ê chề. Hôm sau, Xuân Hương liền bị quan kết tội bội hôn và lăng mạ trưởng quan, bị đánh đòn tám mươi roi trước công chúng.

Ngày gia hình đã đến. Hôm ấy, cũng là ngày phiên chợ, nên người đông nghìn nghịt. Trên một cái bãi gần chợ, quân lính sắp hàng tề chỉnh. Xuân Hương tay bị trói, do một người lính điệu ra trước mặt các quan để tuyên án. Một tên lính cầm roi sắp sửa giáng vào người nàng. Nhưng giữa lúc tên đề lại đang xướng to tội trạng, thì hàng quân bỗng giạt ra, nhường chỗ cho một người lính cầm cờ có hai chữ “khâm sai”. Thấy vậy, mọi người đều sụp lạy. Người cưỡi ngựa chính là Tổng Như Mai. Nguyên khi ra đến tỉnh Bắc, chàng cho lính hầu giữ kín mọi việc, riêng mình cải trang làm một người hành khất. Chàng không ngờ người yêu mình đang lâm nạn. Tay bị tay gậy, chàng đã đến với từng người tìm sự thật về Xuân Hương. Người ta cho biết rằng nàng là một con người đoan chính, rằng nàng không chịu lấy ai, chỉ thủ tiết chờ một anh chàng thư sinh nào đó đang theo học ở kinh kỳ. Khi hỏi về viên quan án, ai nấy đều tỏ vẻ khinh bỉ, rửa là đồ chó lợn, chỉ

quen ăn hối lộ và làm điều phi pháp, nhưng vì sợ thần sợ thế, nên chẳng ai dám ho he.

Sau khi nắm được mọi tình tiết, Tống Như Mai trở lại với bộ áo mao thanh tra. Vừa nhảy xuống ngựa, đợi cho mọi người ngẩng đầu lên, chàng đồng dặc lên tiếng:

- Hỡi ba quân và dân chúng! Ta là khâm sai đại thần, vâng lệnh hoàng đế đi thanh tra các tỉnh phía Bắc này. Ta đã tra cứu kỹ, thấy nàng Xuân Hương không làm gì nên tội, đáng được tha bổng. Còn tội nhân lại chính là nguyên cáo và viên quan đã xử án nàng. Hãy bắt giam chúng lại, đợi ta thẩm vấn.

Các hàng lính ai nấy đều dạ ran. Những người dân đứng vây vòng trong vòng ngoài, trong đó có những bạn học của Xuân Hương, hò reo như sấm dậy. Tên lính giải Xuân Hương không kịp tìm dao, dùng răng cắn đứt dây trói cho nàng, lại tháo xiềng, xiềng quan án và tên vu cáo lại. Khi biết quan thanh tra là Như Mai, thì Xuân Hương mừng đến té xỉu. Mọi người vội vực nàng về chạy chữa.

Sau đó không lâu, quan thanh tra trẻ tuổi, tâu trình mọi việc lên nhà vua và không quên xin phép cưới nàng Xuân Hương làm vợ. Nhà vua thấy cuộc tình duyên ly kỳ, nên y cho. Lễ cưới tổ chức linh đình trong ba ngày. Ngày cưới, bà mẹ Xuân Hương vui vẻ bảo mọi người:

- Ta không có con trai, nhưng con gái ta lại làm đẹp lòng ta hơn cả con trai.

Chiếc giày thom

Ở phường Đồng Xuân, hồi ấy không ai không biết tiểu thư Trương, con một gia đình giàu có. Cô gái mặt hoa da phấn và đã đến tuổi trưởng thành. Thường ngày sống trong nhung lụa, có kẻ hầu người hạ nên cô ít khi bước chân ra ngoài.

Một hôm, cô ngồi hóng mát trên lầu tây. Đang dựa bao lơn nhìn xuống đường phố, cô nhác thấy có một chàng trẻ tuổi cười ngửa đi qua. Bên phía chàng trai nhác thấy một bóng hồng thì say vì nhan sắc liền dừng ngựa, đứng ngắm mãi không rời. Cô gái họ Trương thấy có người nhìn chòng chọc vào mình liền thẹn thò lui gót. Chàng trẻ tuổi tên là Lý Quốc Hoa con một vị tướng ở vệ Kim Ngô đóng tại kinh thành. Hôm ấy sau khi nhìn thấy người đẹp, chàng đâm ra thần thờ, không còn muốn giục ngựa đi tiếp. Nhưng khi nhìn lại nhà cô gái, thấy tường cao cổng kín, chàng mới biết đó là người không dễ dàng gặp gỡ. Mặc dù vậy, chàng vẫn không quên ngôi nhà lầu, chỗ giai nhân vừa ngồi ngắm cảnh, có bao lơn con tiện và rèm the, bụng bảo dạ:

- Thật là một trang phong lưu tuyệt sắc! Thế nào cũng phải tìm cách gần gũi nàng mới thỏa dạ.

Từ đó chàng đâm sao lãng việc dùi mài kinh sử, bỏ công dò la tông tích, hy vọng có ngày được mắt xanh để ý.

Một hôm chàng đi qua cửa, một người dáng con hầu từ nhà ấy đi ra. Chàng sấn đến gần làm quen. Qua trao đổi vài câu, chàng mới biết đó là người nữ tỳ của tiểu thư nhà họ Trương tên là Hồng Hạnh, đi mua phấn cho cô chủ. Chàng khẩn khoản nhờ nàng làm ơn giúp mình trao cho cô chủ một bức hoa tiên. Thấy Hồng Hạnh nhận lời, chàng cảm ơn rồi rút.

Lần đầu tiên đọc bức thư cầu thân, tiểu thư họ Trương cảm thấy trong lòng nở hoa. Đoán biết đó là anh chàng cuối ngựa chòng chọc nhìn mình hôm nọ, nàng mỉm cười, nhớ lại khuôn mặt tuấn tú của chàng. Hằng ngày nàng đọc đi đọc lại bức thư không chán. Và rồi, cuối cùng nàng cũng viết lên bức hoa tiên trả lời.

Hồng Hạnh từ đấy trở thành con thoi đem tin tức cho hai người, và không mấy chốc họ đã trở thành cặp bạn tình. Lần đầu, cô gái họ Trương hẹn chàng đến vườn hoa nhà mình vào một đêm trăng. Chàng họ Lý lén lút tìm đến, cảm thấy vừa hồi hộp vừa thích thú. Và chàng sung sướng vô hạn khi được đối diện với người ngọc. Cuộc tình duyên cứ thế nảy nở thuận lợi. Sau bao lần gặp gỡ khác, họ lại hẹn vào mồng ba tháng ba sẽ gặp nhau trên một chiếc cầu vắng ở phía cửa đông.

Nhưng không may cho cặp bạn tình, đêm ấy quan Kim Ngô giữ anh chàng lại ở dinh để thảo hộ cho ông một tờ trình rất dài, mãi đến canh ba, rồi canh tư mà vẫn chưa xong. Cô gái họ Trương lần đầu một mình ra khỏi nhà trong đêm tối. Nàng đã giấu cha giấu mẹ, giấu cả bọn hầu đầy tớ, trừ có một mình Hồng Hạnh. Nhưng Hồng Hạnh phải ở nhà để đề phòng

bất trắc. Một mình nàng lủi thủi đến cầu, chờ mãi không thấy tăm hơi người yêu đâu cả. Cầu vắng tanh. Nép sau bụi cây, nàng thấy mỗi lúc một sốt ruột: “Chẳng lẽ chàng lại lừa dối ta”. Nhưng trống lầu đã đổ canh hai mà vẫn tuyệt vô âm tín. “Chàng tặc tử!”. Đêm hôm khuya khoắt, lại thân gái một mình, nàng đành phải trở về không thể rón dợi. Nhưng nàng đã cố ý để lại chiếc giày của mình ở chỗ hẹn, cũng là một cách báo cho chàng biết rằng mình có tới,.

Mãi đến gần canh năm, Lý Quốc Hoa mới làm xong công việc khẩn cho bố. Vừa đặt bút xuống, chàng đã ba chân bốn cẳng chạy đến nơi hẹn đầu cầu. Nhưng ôi thôi, người ngọc đâu còn ở đó. Nhờ có chiếc giày của nàng để lại mùi thơm phảng phất, nên chàng không nghi ngờ gì nữa. Chàng đoán là nàng đã đợi mình sốt ruột, đã trách mình hết lời và chắc là từ này nàng mất lòng tin cậy ở mình. “Ôi! Bố ta đã báo hại ta, bây giờ thì nàng còn coi ta ra gì nữa”.

Chàng cảm thấy như có một sự đổ vỡ ghê gớm, không cứu vãn được. Cầm lấy chiếc giày, chàng âu yếm mãi và trong một lúc rầu lòng đến cực điểm, tự nhiên hồn lìa khỏi xác. Và chàng ngã vật xuống bên cầu bất tỉnh nhân sự.

Sáng dậy, người nhà quan tướng Kim Ngô không thấy Lý Quốc Hoa, đâm bỏ đi tìm nháo nhác. Họ ra đến cầu thì thấy xác công tử với chiếc giày còn ôm ở ngực. Cả nhà họ Lý xúm quanh khóc nức nở. Câu chuyện đưa lên quan. Bấy giờ coi việc kinh thành có quan thiếu sự họ Trần. Nhìn thấy chiếc giày trong tay người trẻ tuổi, ông đoán đây hẳn là một vụ án về tình duyên, bèn sai người đem chiếc giày để đi tìm chủ nhân của nó. Không bao lâu, đến nhà họ Trương, họ đã tìm ra

cô gái. Nghe tin người yêu đã hồn lìa khỏi xác bên cầu, cô gái họ Trương vô cùng đau xót. Nàng không đợi sai nhân bảo ướm giày nữa mà cầm luôn chiếc còn lại, ra thú thực với quan thiếu sư, và xin ngài cho mình được phép đến than khóc trước người bạc mệnh. Đến nơi, giữa đám người đông nghịt, nàng chen dạt vào gục đầu vào thấy chàng than khóc rất thảm thiết.

Không ngờ “âm dương cảm cách”, Lý Quốc Hoa như được truyền hơi thở, tự nhiên bừng tỉnh rồi vùng ngồi dậy y như sau một cơn mê ngủ. Nhà họ Lý khôn xiết mừng rỡ, lay tạ quan thiếu sư họ Trần. Thiếu sư xoa tay vui vẻ nói:

- Đôi lứa xứng đôi đây, còn đợi gì mà không cho họ kết đôi với nhau. Ta vì vụ này vô tình trở thành mối nối cho hai nhà.

Cả hai gia đình vui vẻ nhận lời. Thế là sau một tiệc cưới mà tiếng đồn vang dậy kinh thành, chàng và nàng trở thành vợ chồng.

“Chó đá biết cười”

N gày xưa, có hai anh em ruột, người nào cũng đã có vợ và ở riêng. Vợ chồng người anh thóc bồ rạ đụn, có của ăn của để, nhưng keo cú thì không ai bằng. Trái lại vợ chồng người em tuy không thóc đất cắm dùi nhưng lại tốt bụng, đối đãi với bà con hàng xóm như bát nước đầy. Tuy họ phải đi làm thuê làm mướn nuôi thân, nhưng gặp ai khó khăn, vẫn sẵn lòng giúp đỡ.

Một hôm, có một lão ăn mày rách rưới lẩn vào ngõ nhà người anh để xin ăn. Nhưng vợ chồng nhà này vừa trông thấy lão thì mặt đã răn lại như đá cuội. Chúng đã không thí cho lão chút gì lại còn thả chó dữ ra, khiến lão phải nhanh chân lui bước. Khi lão lọt vào cổng của nhà người em thì vợ chồng nhà này đang ăn cháo bữa chiều. Trông thấy ông già có vẻ đói lả, người chồng liền ra dắt tay, đưa vào ngồi bên cạnh mâm. Anh bảo vợ múc cháo thêm ra bát, và nói:

- Mời cụ ngồi ăn bát cháo với chúng tôi cho đỡ dạ rồi hãy đi nhà khác.

Ông lão ăn xong một bát, lại xin thêm bát nữa, rồi bát nữa. Tuy cháo không nhiều, hai vợ chồng vẫn múc không ngần ngại. Ăn xong, ông lão chống gậy đứng lên rồi đột ngột bảo hai người:

- Các con nghèo mà thảo, thật là đáng quý. Ta biết có một chỗ có nhiều vàng bạc. Vậy hãy theo ta lên núi, ta chỉ cho.

Cả hai vợ chồng nhìn nhau ngỡ ngác. Thấy ông lão thúc giục đôi ba phen mới tin là ông không đánh lừa, bèn đánh bạo đi theo lên núi.

Tèo lên một hòn núi cao đã nhìn thấy một nền gạch có mấy bậc thềm. Vào sâu một đoạn nữa, thấy có hai con chó đá đang chầu trước một cái bệ.

Ông lão bước lại gần, sẵn gậy trúc ở tay, ông cầm gõ vào đầu chó ba cái. Bỗng nhiên chó đá há miệng thật to. Ông lão bảo:

- Đây. Các con muốn lấy bao nhiêu vàng bạc thì lấy!

Hai vợ chồng đang rụt rè thì bỗng chốc ông lão biến đi đâu mất. Chồng đánh bạo thò tay vào miệng chó đá mà khoắng thì quả nhiên lấy ra được những thỏi vàng sáng lấp lánh. Bèn lấy vội mỗi người mấy thỏi giắt lưng đem về. Từ đó họ giàu có sung sướng.

Vợ chồng người anh thấy em nghèo xơ nghèo xác bỗng chốc tậu ruộng, làm nhà, mua trâu, thuê người v.v... thì hết sức ngạc nhiên. Bèn tìm đến nhà em để xem tại sao lại có chuyện lạ lùng như vậy. Vợ chồng người em vốn thật bụng, vui vẻ kể lại vận đồ gặp một tiên ông giả dạng lão ăn mày cho anh chi nghe. Nghe xong, người anh vội nói:

- Tưởng là ai chứ ông lão ấy thì hôm nọ có đến ăn xin ở bên nhà. Rõ tiếc chưa. Thế mà chúng ta lại không biết.

Từ đó, hai vợ chồng người anh thường để ý tìm ông lão ăn xin, hy vọng được của như em. Họ cất công đi các chợ búa,

làng mạc. Họ còn thuê người đến tận các nơi xa để tìm, nhưng chẳng thấy bóng dáng ông lão đâu cả. Một hôm, vừa ra khỏi cổng, người chồng đã bắt gặp ông lão đang ngồi bên vệ đường, vẫn chiếc áo nâu rách, cây gậy trúc, và bộ râu trắng xóa không thể lầm vào đâu được. Hắn bèn chạy ngay đến, cung kính chào hỏi và khác với lần trước, hắn cố chèo kéo ông lão về nhà mình cho bằng được. Khi ông lão đã ngồi yên vị đâu đấy, hắn quát người nhà giết gà làm cỗ mời ông lão xơi. Đợi cho ông ăn xong, hai vợ chồng mới đến gần, quỳ xuống nói:

- Hôm nọ tiên ông giúp cho nhà chú nó được vàng, được bạc thật là quý hóa. Chúng tôi với chú nó là chỗ ruột rà, vậy xin tiên ông rủ lòng thương cho cả hai anh em được đội ơn luôn thể. Vợ chồng chúng tôi không bao giờ dám quên.

Ông lão nghe xong, gật gù nói:

- Cũng được, vậy thì hãy đi theo lão.

Hai vợ chồng hí hửng mang theo quang gánh, lật đật chạy theo. Đi đến nơi, ông lão cũng dùng gậy trúc gõ vào đầu một con chó đá. Chó vừa há miệng thì chồng đã nhanh tay thò vào. Nhưng tay hắn chưa kịp rút ra, thì chó đá đã ngậm miệng lại. Hắn ta cuống cuống quay lại cầu cứu tiên ông, thì tiên ông đã biến mất từ lúc nào. Vợ cố lôi kéo hộ chồng, nhưng miệng chó đá ngậm chặt lại, không thể gỡ nổi.

- Thôi đích là tiên ông trừng phạt về tội tham lam của chúng ta.

Nói xong, hai vợ chồng nhìn nhau than thở. Cuối cùng chồng bảo vợ:

- Nay chết thì không chết, mà cũng không rút tay ra được. Bây giờ trời đã chiều, nàng hãy về kiếm cơm cháo hàng ngày

đưa lên cho tôi với, để may ra kéo dài cuộc sống thừa.

Từ đó, hàng ngày vợ lo cơm nước đưa lên núi cho chồng ăn. Khi chồng ăn xong, vợ lại về chuẩn bị cho ngày mai. Cứ như thế, trong ba năm đi đi về về không biết mệt, người vợ cũng đã bán hết ruộng vườn nhà cửa để cung cấp cho chồng.

Một hôm, sau khi ăn xong, chồng bảo vợ:

- Ta vì tham của nên mới ra nông nổi này. Nay tài sản đã khánh kiệt chắc không thể kéo dài cuộc sống như thế này được mãi. Thôi sẵn hôm nay vắng vẻ, nàng hãy xích lại đây cho ta được vui đùa một lát, kéo chết là hết.

Thấy chồng van nài nhiều lần, vợ cũng thương hại, bèn chiều chồng, xích lại một bên. Nhưng khi vợ vừa cởi áo xống ra thì chó đá há miệng ra cười. Chồng vội vàng rút cánh tay bị cầm giữ bấy lâu trong hàm chó đá, rồi cả hai chẳng, cứ thế chạy một mạch xuống núi, không dám ngoảnh cổ lại.

Ngày nay, còn có câu tục ngữ: “Chó đá biết cười”, ý nói có những việc thậm chí làm cho chó đá cũng không thể nhịn cười được, là do truyện trên mà ra.

Bốn người bạn

Tuy mỗi người quê quán một phương, nhưng vì thuở trẻ cùng học với nhau một thầy, nên bốn chàng nho sinh có dịp sống chung lâu ngày, rồi dần dần trở nên những người bạn nối khố. Về sau lớn lên, họ lại từ giã thầy, mỗi người làm ăn một ngả. Trong số bốn người ấy, chỉ có Giáp làm chủ một cơ ngơi đồ sộ, mỗi ngày một giàu đến nứt đố đổ vách, còn ba người kia thì nghèo rớt mồng tơi. Nhưng Giáp lại là một người thâm hiểm và hiếu sắc. Tuy giàu có sung sướng, trong lòng Giáp vẫn cảm thấy phiền muộn, vì hắn lấy phải một người vợ tuy mang về nhiều của nả, nhưng bề nhan sắc lại chẳng ra gì. Ngày còn đi học, được trông thấy người vợ của Ất - một trong ba người bạn - xinh đẹp dễ coi, hắn đâm ra ganh tị với bạn. Hắn suy nghĩ rất nhiều về người đàn bà này và ao ước có ngày chiếm được người ngọc vào tay mới thỏa dạ.

Một hôm, nhân có Ất đến chơi nhà, Giáp đơn dă hỏi bạn:

- Bác bảo bác nghèo túng, sao bác không ném sách bút đi buôn một phen?

Ất lắc đầu:

- Đi buôn thì phải có vốn. Tôi thì lấy đâu ra mà buôn với bán!

Giáp bèn đặt trước mặt Ất một trăm quan tiền mà bảo rằng:

- Chỗ bạn bè, tôi vui lòng cho bác vay số tiền này làm vốn ban đầu. Tôi sẽ mách bác một người tôi quen, bác có thể buôn chung với họ một thời gian cho thạo nghề. Chỉ mong rằng khi tiền trăm bạc ngàn tuôn về nhà bác, thì bác đừng có quên tôi và số tiền nhỏ mọn này là đủ.

Không ngờ bạn lại quá tốt bụng với mình như thế, Ất bối rối cảm tạ và giơ tay lên trời một hai thẻ bồi rằng mình sẽ suốt đời không quên ân nhân. Cuối cùng Ất mang tiền về, tìm đến nhà người lái buôn theo lời Giáp mách, lo làm ăn, thử vận một phen xem sao.

Sau khi biết Ất vắng nhà, Giáp mới bắt đầu thi hành mưu kế. Một hôm, nhân lúc vợ mình đang ngủ say, hắn ta bóp cổ giết chết, rồi cất lấy đầu giấu dưới một cút thóc. Đoạn Giáp đến nhà Ất dùng lời nói khéo mời vợ Ất đến nhà mình. Hắn bảo:

- Anh ấy trước khi đi buôn có gửi tiền cho nhà tôi, bảo chị tới nhận nhưng dặn đừng cho ai biết cả, kéo bọn chủ nợ hay được thì chúng không để cho chị tiêu đâu!

Người đàn bà nọ vốn được nghe chồng ca ngợi về lòng tốt của Giáp. Vả đang cơn túng thiếu, nên nghe nói thế thì không mấy may nghi ngờ, bèn theo hắn sang nhà. Khi đưa được vợ Ất về nhà, Giáp đem tiền của và lời nói ngọt hết sức dỗ dành, nhưng hắn không ngờ rằng người đàn bà ấy một lòng một dạ với chồng, thà chịu chết chứ không chịu nhục. Cuối cùng hắn phải giam nàng trong một gian buồng kín, khóa lại. Hắn dẫn đứa đầy tớ gái của mình phải trông chừng và hàng ngày đưa cơm nước cho vợ Ất, hy vọng ngày một ngày hai sẽ ép được nàng ưng thuận với mình. Rồi đó, nhân đêm tối, hắn lại bí

mặt đem xác vợ mình ném vào nhà Ất. Hắn còn lo rằng đứa đầy tớ gái sẽ phanh phui hết chuyện bí mật của hắn, nên bắt nàng uống một liều thuốc mua được của một người khách buôn nước ngoài. Uống xong, cô gái tự nhiên rụt lưỡi, miệng ú ớ nói không thành tiếng.

*

* *

Lại nói chuyện Ất, sau chuyện buôn đầu tiên, được chia một phần tiền lãi, hí hửng định mang về khoe với vợ. Anh không còn hồn vía nào nữa khi thấy vợ mình chỉ còn là một cái thây lả lơ không đầu, thịt đã muốn rữa. Chưa kịp than khóc thì tuần tráng đã ập vào nhà, gõ cửa lại và giải lên quan. Ất một hai kêu oan, nhưng anh không cách gì giải được mối nghi ngờ của đám nha lại. Sau những ngày tra khảo, không chịu được kìm nén kìm ngội, Ất đành phải nhận liêu. Bọn quan huyện cũng như quan tỉnh đều nhất tề khép Ất vào tội giết vợ. Cái án ấy cuối cùng được quan trên y. Ất bị tống giam, chỉ còn chờ đợi ngày ra pháp trường.

Ngày ấy có lẽ những tội nhân bị án tử hình, nếu nộp vào kho công một ngàn quan và có người bảo lãnh thì có thể chuộc được tội chết. Vì thế, khi Ất bị giam, bà mẹ Ất chạy vay khắp nơi để vay mượn và để cầu thập phương bố thí. Thân thích xóm làng cũng như khách qua đường, khi nghe kể chuyện, ai nấy đều thương hại cho rằng con bà gặp cảnh ngộ không may. Họ vui lòng giúp kẻ ít, người nhiều. Mặc dầu vậy, mẹ Ất cũng không sao có đủ một số tiền quá lớn trong một thời gian ngắn ngủi được.

Hai người bạn khác của Ất, một người là Bính, một người

là Đinh, nghe tin Ất bị nạn, vội vã tìm đến nhà ngục thăm hỏi. Sau đó, họ gặp bà mẹ Ất đang đứng ở ngã tư đường cái, nước mắt giàn giụa, cầu khẩn lòng thương của kẻ qua người lại, hy vọng có đủ số tiền chuộc mạng cho con. Nghe mẹ Ất kể chuyện, Bính và Đinh sực nhớ tới Giáp là người giàu có, lại vừa là bạn cũ của Ất, có thể vì tình bạn mà giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn. Nghĩ vậy, họ bèn an ủi bà mẹ của Ất và hứa sẽ làm hết sức mình để cứu bạn khỏi cái chết oan khốc.

Khi Bính và Đinh tới nhà Giáp, họ kể lể mọi việc xảy ra tại nhà Ất nào bao nhiêu tai họa từ đâu bay tới choàng vào cổ, nào tình cảnh mẹ già đang ngày ngày dầm mưa dãi nắng, cầu khẩn lòng tốt của khách qua đường... Cuối cùng, hai người ngó ý mình:

- Hiện nay, nếu đem số tiền thân thích, xóm giềng, khách thập phương cho vay và quyên góp, cộng với số tiền bán gia tư di sản của chúng tôi thì may lắm cũng chỉ được độ năm trăm quan. Còn năm trăm quan nữa không biết làm thế nào, chúng tôi đành lại đây kêu gọi tình bạn của anh. Anh chỉ gầy móng tay một cái là có thừa số tiền đó. Hãy cứu lấy tính mạng người bạn thân của chúng ta đang bị oan uổng tày trời. Đó là bốn phận của anh cũng như của chúng tôi.

Nhưng hai người đâu có ngờ rằng trong thâm tâm Giáp chỉ mong cho Ất chết, có thể mọi việc của hắn mới mong trôi chảy. Câu trả lời của Giáp làm họ rất đổi ngạc nhiên, thất vọng:

- Ai biết anh ấy lại không phải là thủ phạm. Xem việc anh ấy quyết tôi một trăm quan tiền thì biết. Anh ấy cầu khẩn vay tiền, nói là để đi buôn, tôi sẵn lòng cho anh ấy vay, nhưng

mấy lần đi đòi, chẳng thấy trả được một đồng nào. Sát nhân gia tử. Anh ấy giết vợ thì trời sẽ hại, dù chúng ta cố hết sức cứu, cũng không thoát. Tôi không dư tiền, dư bạc để làm cái việc như vậy đâu!

Thấy không thể lay chuyển được lòng dạ của Giáp, Bính và Đinh bèn quyết định hy sinh thân mình để cứu bạn. Họ bèn lên quan nói rằng vì thấy vợ Ất đẹp quá nên hai người thừa dịp Ất đi vắng đến nhà bắt để hãm hiếp; xong cuộc, sợ nàng tố cáo bèn giết đi, chặt lấy đầu vứt xuống sông cho mất tích. Nay cả hai người hết sức hối hận, biết rằng thế nào cũng có ngày bại lộ nên ra đầu thú trước để may ra nhờ lượng trên khoan giảm.

Quan nghe chuyện, lập tức sai giam Bính và Đinh lại, mà tha bổng Ất. Án của hai người không mấy chốc mà thành. Họ bị tội lăng trì, tùng xẻo và bêu thây, nhưng vì ra tự thú nên chỉ làm án chém? Và ngày giải ra pháp trường đã đến.

Nhưng khi đao phủ đã sắp sửa khai đao, thì người ta bỗng thấy một cô gái cố len khỏi vòng người chặt ních, tất cả chạy đến trước mặt quan. Hai tay cô ta chỉ chỉ, trở trở, miệng nói ú ớ, làm dấu hiệu ngăn cản. Quan lấy làm lạ, nghĩ rằng người này hẳn có biết ít nhiều về án mạng chi đây, nên vội hạ lệnh cho đao phủ ngừng tay, giải tội nhân trở về nhà giam để đợi tra cứu.

Về đến công đường, quan sai tìm thầy thuốc cất cho người con gái một chén thuốc chữa tật câm. Chén thuốc rất hiệu nghiệm, cô gái quả lần lần nói được: đó là người đẩy tớ gai nhà Giáp. Và cô ta đã kể lại rành mạch những hành động của chủ mình cho mọi người hay.

Vụ án nhờ thế được sáng tỏ. Quân lính được lệnh kéo ngay đến nhà Giáp, mở cửa buồng trả vợ Ất về với chồng. Đồng thời, quan sai đóng gông Giáp lại, điệu vào nhà lao nhận lấy cái án tử hình, thay cho Bính và Đình. Nghĩ tình bạn bè, hai người này cố sức trình bày với quan để Giáp được khỏi chết với số tiền chuộc tội một ngàn quan. Cuối cùng, Giáp cũng tạm được miễn tội. Nhưng khi tội nhân vừa được tháo gông, bước ra khỏi công đường, thì bỗng dung một tiếng sét nổ vang giữa trời quang mây tạnh; thần sét đã nhảy xuống thành linh đánh hấn chết tươi. Và khi người ta khiêng xác Giáp về dọc đường, thì một con hổ từ đâu trong bụi cây nhảy ra vồ lấy xác, mang đi mất tích.

Nàng Cóc

Xưa có hai vợ chồng người nông phu tính tình hiền lành nhân đức, nhưng hiềm vì không có để nối dòng. Vợ chồng hết sức cầu khẩn Phật Trời xin ban cho một mụn con. Quả nhiên, lòng thành thấu đến Trời Phật, năm sau vợ người nông phu mang thai. Đến ngày sinh nở, chẳng may lại đẻ ra một con... Cóc.

Vợ chồng người nông phu rất buồn phiền, chẳng lẽ đem Cóc giết đi thì mang tội sát sinh, hại vật, còn để nó sống thì làng nước chê cười. Đã vậy công việc trong ngoài lại không có ai tiếp tay coi sóc, ông bà đều thở vắn than dài.

Một hôm, ông bà bỗng nghe Cóc phát lên nói tiếng người:

- Dưa hấu sắp chín rồi, chim chóc sẽ đến ăn phá, vậy cha mẹ để cho con ra giữ vườn dưa.

Ông bà miễn cưỡng bằng lòng, chớ không tin rằng Cóc có thể giữ dưa được.

Lúc bấy giờ có một đám thư sinh đi qua vườn dưa, thấy không có ai canh giữ thì giở trò đùa cợt đạp lên dưa mà đi. Họ bỗng giật mình vì thình không có tiếng nói

- Xin các thầy đi tránh ra ngoài kia, đừng đạp lên dưa của nhà em.

Trong đám thư sinh, có một chàng họ Bạch nhìn quanh quẩn chỉ thấy một con Cóc ngồi ở giữa vườn thì sinh nghi. Không lẽ Cóc biết nói tiếng người? Nếu nó biết nói tiếng người chắc là tiên thánh gì bị dọa xuống trần đây.

Nghi vậy, thư sinh họ Bạch lên tiếng hỏi, Cóc đáp lại rất mực khôn ngoan. Chẳng biết sao, khi về đến nhà thì chàng thư sinh mắc phải bệnh tương tư, tối ngày chỉ nhớ tới nàng Cóc. Cha mẹ chàng thấy con buồn bã biếng ăn, biếng ngủ thì thăm hỏi cẩn do, bấy giờ chàng thư sinh xin cha mẹ mình cho phép lấy nàng Cóc làm vợ. Cha mẹ chàng tưởng chàng mắc bệnh điên, nên mời thầy bùa đến trị, đến sau bất đắc dĩ phải chiều lòng con đi cưới nàng Cóc.

Về phần cha mẹ nàng Cóc thì vô cùng lo ngại, con mình là Cóc chó phải là người mà biết làm dâu, làm vợ? Có lẽ người đời muốn chế nhạo mình chăng? Nàng Cóc biết chuyện liền khuyên cha mẹ cứ yên lòng nhận lời hứa hôn với nhà họ Bạch.

Chuyện này đồn đại khắp trong làng, ai ai cũng cười cho chàng thư sinh dại dột, hết người rồi sao lại phải lấy nàng Cóc làm vợ? Hôm nọ, thầy đồ, thầy dạy học nói với các thư sinh: Các trò hãy về nhà bảo vợ, mỗi người mang tới cho thầy một chiếc áo mới, áo nào thầy bận vừa kích thước, hàng nào thầy vừa ý nhất, thì người đó sẽ chiếm giải đầu.

Các thư sinh vui mừng lắm, vì có dịp tốt để cho vợ trở tài, còn chàng họ Bạch thì rầu rầu nét mặt. Nàng Cóc làm gì mà biết thêu thùa vá may mà hòng cậy nhờ đưa tài với vợ các bạn. Vì vậy chàng chỉ biết than thở với cha mẹ. Nàng Cóc biết chuyện liền bảo chàng cứ yên tâm lo việc sách đèn, chừng

đúng hạn, nàng sẽ giao áo cho chàng đem nộp cho thầy.

Quả nhiên, đúng ngày hẹn, nàng Cóc trao cho chồng chiếc áo gấm xanh may thật khéo, thầy dạy học mặc vào thì thấy vừa vặn ai cũng lấy làm khen. Trong khi đó, những chiếc áo của vợ các bạn may đem ướm vào, cái thì rộng thùng thình, cái thì chật bó sát người, rốt cuộc chỉ có chiếc áo gấm của nàng Cóc được giải nhất.

Từ đó ít có ai dám khinh thường nàng Cóc nữa.

Năm sau, triều đình mở khoa thi, nàng Cóc theo đưa chồng, lúc đến một bụi cây nàng chui vào đó được một lát trở ra, cởi bỏ lớp Cóc xấu xí biến thành một người con gái đẹp như tiên. Chàng thư sinh họ Bạch lấy làm mừng rỡ, anh ta lên vào bụi để xem thì thấy một bộ da Cóc, liền lấy giấu đi. Nàng Cóc biết chuyện năn nỉ xin lại nhưng chồng nhất định không đưa. Thành ra nàng không thể trở về tiên cảnh, bởi trước đây bị đầy làm kiếp Cóc. Nàng Cóc đành ở lại côi trăn làm vợ chàng thư sinh họ Bạch. Khóa đó, thư sinh họ Bạch đậu giải nguyên. Vợ chồng vinh hiển trở về làng ai cũng khen tốt đôi.

Ba chàng thiện nghệ

Tiểu thư nhà họ Lê là một cô gái nhan sắc xinh đẹp. Không những thế, nàng còn văn hay chữ tốt, lại thạo đủ các nghề, những cô gái trong vùng khó có cô nào sánh kịp. Khi nàng đến tuổi lấy chồng, có nhiều chàng trai người con quan, người con nhà giàu, kể là cậu tú, cậu cử đến cầu hôn, nhưng ông già họ Lê đều từ chối. Ông nói với mọi người:

- Con gái tôi không muốn làm bà quan cũng không thích làm bà phú hộ. Nó chỉ muốn lấy một người chồng có nghề cầm tay, mà nghề đó phải tinh thông, không ai hơn mới được. Nếu không được thế thì chả nên đến làm gì cho mất công!

Tin kén rể bay ra, những tài năng bốn phương tấp nập kéo đến xin ra mắt, nhưng chả ai làm cho ông già họ Lê vừa ý. Người ta chỉ thấy ông than vãn sau mỗi lần thử tài các người đến cầu hôn:

- Tài năng trong thiên hạ thực hiếm lắm thay!

Một buổi sáng, ông lại tiếp một lúc ba chàng trẻ tuổi, khỏe mạnh, đẹp trai. Sau khi nghe họ trình bày tên tuổi, nghề nghiệp, ông già mới biết đó là ba nhân tài, quê ở ba nơi, tình cờ gặp nhau tại đây. Một người tự xưng bắn giỏi có thể bắn bất cứ vật gì dù khó khăn đến đâu, và dù xa bao nhiêu. Một người tự xưng lặn giỏi có thể sống dưới nước hàng tuần mà

không sợ nguy hiểm, có thể tìm thấy những vật nhỏ bé ở dưới đại dương. Còn người thứ ba thì tự xưng là một thầy thuốc lành nghề, có thể chữa khỏi những căn bệnh hiểm nghèo, kể cả những con bệnh vừa tất tở.

Ông già Lê rất vui vẻ, vội dắt người thứ nhất ra sân, trỏ vào một cây thông cao chót vót ở bờ giậu mà bảo:

- Tôi sẽ cho người nhà trèo lên ngọn cây đánh dấu vôi vào một chiếc lá, anh cố bắn thế nào cho lá đó rụng xuống trước mặt chúng ta, lúc đó tôi mới tin là thực.

Nghe nói thế, anh chàng khó bề từ chối, vội chuẩn bị cung tên. Quả nhiên, chỉ một mũi tên bay đi, ngọn lá thông có dấu vôi rơi xuống trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Khi thử tài người thứ hai, ông già họ Lê dẫn chàng ra bờ biển trước nhà. Đoạn, ông đưa cho xem một chiếc nhẫn và nói:

- Bây giờ tôi cho một người chèo thuyền ra khơi, thả xuống nước chiếc nhẫn này, anh cứ theo hướng đó mà tìm hộ đưa về đây cho mọi người trông thấy.

Anh chàng chẳng nói chẳng rằng đợi người chèo thuyền vừa thả chiếc nhẫn xuống liền cởi áo nhảy ngay xuống biển và chỉ giập bã trầu là chàng đã nổi lên khỏi mặt nước, tay giờ chiếc nhẫn cho mọi người xem.

Để thử tài người thứ ba, họ kéo nhau ra chợ. Chỉ vào một người ăn mày đang hấp hối, ông già Lê bảo chàng hãy cố chữa cho người đó sống lại. Người ta thấy anh chàng cúi xuống bắt mạch rồi bỏ đi kiếm các thứ lá đem về sắc lên, đổ vào miệng người ăn mày. Không mấy chốc, người ăn mày đã ngồi dậy đòi

ăn, y như vừa tỉnh ngủ.

Thấy cả ba người đều thiện nghệ, ông già họ Lê bối rối, không biết nên gả con gái cho ai. Ông mới bảo họ:

- Cả ba vị quả có chân tài, con gái tôi mà được sánh duyên thật là một điều may mắn, nhưng ngặt vì “thuyền duyên có một mà anh hùng lại ba», biết làm thế nào bây giờ? Thôi thì chúng ta ra miếu Thành Hoàng làm lễ, gieo quẻ để hỏi ý. Nếu quẻ chỉ nhằm người nào thì xin để cho con gái tôi về với người đó.

Ba người bằng lòng, cùng ra miếu Thành Hoàng. Nhưng trong lúc làm lễ, bỗng có người nhà hốt hoảng chạy tới báo tin cô gái đang cuộc cỏ ở ruộng bỗng bị chim đại bàng cắp tha đi mất. Nghe nói thế, tất cả mọi người đều bỏ cuộc lễ, chạy ra đồng, thì đã thấy đại bàng đang bay thẳng ra biển. Anh chàng bắn giỏi vội lắp tên vào cung, bắn luôn một phát. Quả nhiên, không đợi đến phát thứ hai, đại bàng đã bị trúng tên gãy cánh rơi xuống nước, mang theo cả cô gái. Thấy thế, chàng giội lặn lập tức nhảy ngay xuống cứu. Chàng lặn một mạch đến chỗ chim rơi và cuối cùng đưa được cô gái lên bờ. Nhưng bấy giờ, cô gái chỉ còn là một cái xác không hồn, bụng trương phình những nước. Đến lượt nhà danh y trở tài, tìm thuốc chữa cho cô gái. Và sau đó, chỉ một chốc nàng đã nôn ra bao nhiêu là nước và hồi tỉnh lại.

Bấy giờ, ba chàng cầu hôn tranh nhau kể công lao của họ với cha con họ Lê. Người thứ nhất nói:

- Nếu không có tôi bắn con đại bàng thì chưa chắc đã tìm thấy dấu vết của nàng, hãy nên gả cho tôi.

Người thứ hai cãi lại:

- Hãy khoan đã, nếu không có tôi vớt nàng từ dưới biển lên thì cũng thật là vô ích.

Người thứ ba cũng tiếp luôn:

- Nhưng nếu không có công tôi “cải tử hoàn sinh” thì dù các anh có cứu được nàng cũng chỉ là cứu một cái xác mà thôi. Vậy tôi xứng đáng được kết duyên với nàng mới phải.

Cả ba người không ai chịu ai. Ông già họ Lê và những người được chứng kiến thấy ai cũng có lý nên không biết nên trả lời thế nào. Cuối cùng họ dắt nhau lên quan nhờ phân xử.

Sau bao nhiêu suy nghĩ, quan cho đòi ba chàng cùng với hai cha con ông già tới công đường. Trước mặt họ, quan phán:

- Trong việc giải cứu cô gái này, cả ba người đều có công lao ngang nhau, nếu thiếu một người cũng khó mà thành. Nhưng anh thầy thuốc, anh không thể kể công như thế được. Không phải cứu chữa lành cho người ta là đòi lấy người ta làm vợ. Vậy đối với anh, người được cứu sống phải coi anh là ân nhân chứ không bắt buộc phải lấy làm chồng. Còn nhà thiện xa, nếu anh biết rằng không có một người nào lặn ra cứu cô gái thì việc làm của anh chỉ có tính chất báo thù chứ không thể gọi là cứu vớt. Tuy nhiên, anh bắn trúng chim chứ không bắn trúng người là có dụng ý tốt. Nhưng giết chết chim mà không nghĩ rằng người cũng rất luôn xuống nước thì dụng ý đó của anh hãy còn thiếu sót. Vậy đối với anh, cô gái này cũng chỉ coi anh là ân nhân thôi. Còn anh giỏi lặn, anh là một trong những người cứu cô gái, mà công việc cứu

vớt lại bắt buộc anh phải ôm cô gái trong tay khi bơi vào bờ. Sách xưa có nói rằng, trừ vợ chồng ra, thì “nam nữ thụ thụ bất thân”. Bây giờ anh đã lỡ gần gũi cô gái đó thì hai người phải được kết duyên với nhau mới là hợp lẽ. Tuy nhiên, đối với các ân nhân, hai vợ chồng phải nhận họ làm anh em kết nghĩa.

Nghe quan phân xử có tình có lý, mọi người đều vui vẻ tuân lời. Ba chàng trai kết nghĩa trở thành anh em thân mật hơn ruột thịt. Còn chàng lặn giỏi kết duyên cùng cô gái nọ. Lễ cưới cử hành rất linh đình, có cả nhà danh y và chàng thiện xạ cùng dự.

Ba con quỷ

Một nhà phú hộ khi tuổi đã già bà vợ mới sinh được cho ông một mụn con gái, nên ông hết sức chiều chuộng. Cô gái lớn lên dung nhan đẹp đẽ ít ai bì kịp, bố mẹ lại càng nâng niu như vàng như ngọc. Họ bỏ tiền ra xây một ngôi lầu cho con ở. Lầu dựng xong, phú hộ lại cho người đi tìm hoa thơm cỏ lạ, trồng xung quanh vườn để con thường ngoạn.

Bấy giờ trong khu rừng sâu gần đấy có ba con cáo sống lâu năm thành tinh, có phép biến hóa, thường quen thói hại người. Nghe tin có cô gái đẹp cấm cung mà bố mẹ thì đang bỏ tiền ra mua các cây hoa trồng ở vườn, chúng rắp tâm phá phách, bèn hóa thành một thứ cây có hoa rất lạ. Hoa có ba cánh: một cánh màu xanh, một cánh màu trắng, một cánh màu đỏ. Một người tiểu phu lên rừng hái củi, thấy hoa đẹp chưa từng có, liền bứng lấy đưa về bán cho phú hộ. Thấy cây hoa đặc biệt, phú hộ mua ngay rồi đem trồng ở vườn. Tuy hoa rất lạ và trông thật đẹp mắt nhưng cô gái lại tỏ vẻ không thích, muốn phá bỏ, vì thế mưu kế của lũ quỷ không thành. Lâu ngày hoa tàn, cây héo lũ quỷ sắp sửa bỏ đi nơi khác. Giữa lúc ấy, người phú hộ chặt cây thấy thớ gỗ đẹp, bèn chọn lấy một khúc đẽo thành cái then cửa đem về chốt ở cửa buồng của con gái.

Thế rồi sau đó mấy hôm, một đêm kia trong khi cô gái

đang ngủ, thì một con quỷ từ chiếc then cửa bỗng hiện ra, lên giường toan sinh sự với cô. Nhưng cô đã vùng vẫy, hết sức chống cự và kêu la inh ỏi. Biết không xong, con quỷ liền hóp lấy hồn nàng rồi lại biến vào then cửa. Khi vợ chồng phú hộ và người nhà chạy vào buồng thì thấy cô gái nằm thiêm thiếp trên giường như người đã chết, ngực thoi thóp đập, nhưng lay gọi mãi vẫn không tỉnh. Chưa kịp tìm thầy cứu chữa, thì tối hôm sau, trong khi người cha một mình chăm sóc cho con, con quỷ thứ hai lại hiện ra hóp lấy hồn ông. Tối hôm sau nữa, lại đến lượt một người nhà bị con quỷ thứ ba hóp hồn. Vợ phú ông sợ quá, vội cho người mời thầy phù thủy đến bắt quyết trừ tà. Thầy làm phép trong ba ngày ba đêm thì phú ông và người hầu tỉnh lại. Duy chỉ có cô con gái thì quỷ đầu đàn vẫn không chịu buông tha. Thầy tuy đã cao tay nhưng quỷ vẫn chẳng coi ra mùi gì. Cuối cùng thầy đành xách gói cáo từ, vì phép thuật đã giở ra hết mà cô gái vẫn ngày đêm nằm trên giường, nửa mê nửa tỉnh. Từ đây, người ta tin rằng ngôi lầu có quỷ nên không một ai dám lui tới.

Một buổi chiều nọ, có một thầy khoá sinh tên là Tân đi thi hội, đến đây thì lỡ độ đường. Thấy có ngôi nhà đẹp, anh bèn ghé vào xin nghỉ trọ. Người nhà kể lại câu chuyện đã qua và nói:

- Chẳng giấu gì ông, nhà chúng tôi đang bị lù quỷ quấy nhiễu. Ông nên đi tìm chỗ khác mà trọ, kẻo mang vạ vào thân.

Nghe đoạn, chàng nói với vợ chồng phú ông:

- Đã là học trò, đọc sách thánh hiền thì yêu tình ma quỷ nào dám trêu ghẹo. Ông bà cứ cho tôi nghỉ một đêm. Biết đâu

tôi trừ được nạn cho ông bà.

Vợ chồng phú hộ nghe nói, bèn mở cửa đón khách vào. Ăn xong bữa chiều, Tân khoan thai bước lên lầu. Anh chỉ xin chủ nhà cho mình một ngọn đèn ngồi trước án thư đọc sách, con dao để sẵn bên người. Đến khuya, một con quỷ từ then cửa buồng cô gái hiện ra trong lốt một cô gái xinh đẹp. Tân vẫn điềm nhiên đọc sách không nói gì cả cho đến lúc nó biến đi. Lần thứ hai, một con khác tiến vào dưới dạng một người mặt mày hung ác, tóc xõa, lưỡi thè chừng một gang. Nó chạm vào người Tân, nhưng anh vẫn thi gan mặc kệ. Đến lượt con thứ ba tức là con quỷ đầu đàn đang hóp hồn cô gái bước vào. Thấy bóng anh học trò, nó vội quay trở ra, chỉ kịp rú lên mấy tiếng: "Có bậc quý nhân.. Trốn cả mau!" Tân lần này đã cầm sẵn dao ngồi rình, nhanh như cắt, nhảy đến chém một nhát, con quỷ đứt mất một chân. Tân chạy theo đến cửa buồng cô gái thì thoáng thấy cả ba con quỷ chui biến vào then cửa. Anh cầm lấy chân quỷ soi vào đèn xem, thì thấy đấy là một cái chân con cáo. Vì quỷ đầu đàn đau quá phải buông thả hồn ra nên ngay lúc đó cô gái cũng tỉnh dậy. Tân liền đến gần hỏi chuyện. Biết đó là người đã cứu mình, nàng cúi đầu chào và ngỏ lời cảm ơn. Tân dẫn nàng ra cho vợ chồng phú hộ. Lại đem chân con quỷ cho mọi người xem. Ai nấy đều lắc đầu lễ lưởi phục tài chàng thư sinh.

Tân lại tiếp tục lên đường vào sáng hôm sau. Anh từ chối vàng bạc của vợ chồng phú hộ đưa tặng, chỉ xin họ cái then cửa buồng giắt vào thắt lưng. Đi được nửa ngày, anh đã thấy ba con quỷ hiện ra, phủ phục trước mặt, khẩn khoản xin anh làm phúc bỏ lại cái then cửa. Tân cười:

- Không được! Chúng mày có tài phép gì thì cứ giở ra cho hết để tao xem, rồi tao sẽ cho chúng mày vào lửa.

- Xin ngài tha cho chúng tôi. Ba con quý đáp: Chúng tôi xin tặng ngài những vật quý.

- Vật gì đưa ra ngay, nếu không thì đừng có trách!

Con quý thứ nhất đưa tặng Tân một cái “mặt trời” đựng trong túi, dặn rằng ban đêm, hễ rút ra khỏi túi thì trời sáng như ban ngày, cất vào túi thì trời lại tối sầm như cũ. Con quý hai tặng một “mặt trăng” cũng vậy, hễ ban đêm tối tăm rút ra khỏi túi thì không cần đèn đuốc. Còn con quý ba tặng một con ngựa mỗi ngày có thể đi ngàn dặm đường. Tân vui lòng nhận lấy những món quà tặng rồi ném cái then cửa vào một bụi rậm bên đường.

Sau đó, Tân nhảy lên lưng con ngựa, bảo đưa mình tới kinh đô. Lập tức, ngựa hí lên một tiếng rồi lao rất nhanh, bốn chân không chạm đất. Chỉ một lát sau, ngựa đã đặt anh xuống ở phía ngoài hoàng thành. Tân ở lại đây sắm sửa mọi thứ để dự kỳ thi hội.

Hôm bắt đầu thi, bài của Tân làm rất đặc ý. Cho nên thi vừa xong buổi sáng, anh bỗng nhớ đến vợ. Sẵn con ngựa quý, anh nhảy ngay lên lưng, bảo nó đưa mình về quê nhà. Ngựa phóng tít mù, chỉ vừa chập tối là đã đến nơi. Anh khe khẽ gọi cửa. Vợ Tân đang ngủ rất kinh ngạc vì thấy chồng mình đi thi chưa được mấy ngày đã vội trở về. Tân không muốn đánh thức cha mẹ dậy nên dặn vợ giấu kín chuyện mình về. Rồi hai vợ chồng nhỏ to trò chuyện cho đến mờ sáng anh mới lên đường. Mặc dầu vậy đêm ấy tiếng chuyện trò rì rầm của đôi vợ chồng đã thức tỉnh cha mẹ Tân nằm ở buồng bên. Hai ông

bà không tin là con trai mình đã về, chỉ ngỡ rằng nàng dâu có nhân tình nhân ngãi chi đây. Cho nên sáng hôm sau ngủ dậy - lúc ấy Tân đã cười ngựa trở lại kinh đô để kịp nghe loa báo tin - hai ông bà vội vào buồng nàng dâu gạn hỏi. Vợ Tân trước còn giấu quanh, nhưng sau thấy không giấu được nữa, đành phải kể lại câu chuyện chồng về tối hôm qua, cùng những việc chồng mình trị quỷ, và được chúng tặng ngựa quý ra sao v.v... Nhưng bố mẹ chồng làm sao mà tin được một việc khó nghe đến thế, nên trách mắng con dâu thậm tệ. Vợ Tân không biết lấy gì làm chứng, đành chỉ ôm mặt ngồi khóc. May sao chiều hôm ấy Tân lại về. Được tận mắt thấy con trai và con ngựa thần, hai ông bà mới tin là thực. Tân kể chuyện cho bố mẹ và mọi người cùng nghe:

- Sáng hôm nay, ngựa đưa con vào đến kinh đô thì cũng vừa lúc tiếng loa trường thi bắt đầu gọi tên những ai thi đỗ. Nghe loa gọi đến tên con, con mừng rỡ, vội ra nhà trọ thu xếp hành lý, phóng ngựa về đây. Ba ngày nữa con lại thấy kinh đế còn dự yến đêm do nhà Vua đãi các ông nghè ở điện Thiên Quang.

Nghe nói có con ngựa thần đi một ngày ngàn dặm, người cha ngổ ý muốn cưới thử. Tân hỏi:

- Bố muốn đi chơi đâu bây giờ?

- Bố thường ao ước được vào tận trong Đồng Nai, Gia Định để du ngoạn một phen.

- Được.

Sáng hôm sau, ông già com nước xong, nai nịt chỉnh tề bước ra sân. Tân nắm dây cương trao cho cha. Ông già vừa

nhảy lên yên, ngựa đã phóng đi vùn vụt, loáng một cái không thấy đâu nữa. Cho đến tận chiều, vào lúc mặt trời gác núi, con ngựa quý lại phóng như bay trở về, đặt ông già xuống giữa sân. Ông vui vẻ mở tay nải lấy quà mời mọi người nếm thử, rồi kể chuyện tai nghe mắt thấy ở Gia Định.

Mẹ Tân nghe chông hết lời ca tụng con ngựa thần, cũng có ý định muốn đi chơi một chuyến. Qua hôm sau, Tân lại dắt con ngựa ra sân rồi đỡ mẹ lên yên. Nhưng ngựa chưa kịp bước ra khỏi cổng, tự nhiên ngã khuỵu, hất bà ngã lặn xuống đất. Một luồng khói trắng từ trong mình ngựa phồng ra và bay cuộn lên trời. Mọi người xúm lại xem thì con ngựa đã tắt thở từ lúc nào. Thì ra bà mẹ Tân đã cưỡi ngựa thần không đúng lúc vì bà đang thấy kinh nên thần ngựa hoảng sợ, bỏ lốt ngựa mà đi. Thiệt hại xảy ra cho ông tiến sĩ mới cả đơn lẫn kép. Không những mất một tặng vật quý vô giá, ông còn khó thoát tội “khi quân”, vì trước mắt không có cách gì đến kinh đô cho kịp chiều mai dự yến. Đường từ quê Tân đến kinh thành đi bộ mất bốn năm ngày đường, đi ngựa cũng phải hơn hai ngày. Không còn kế gì hơn nữa, Tân đành bắt một con ngựa thường, chẳng kịp từ biệt cha mẹ vợ con, vội ra roi cho con vật phi nước đại.

Con ngựa đi đến tối mịt vẫn chưa được một nửa đường. Nằm nghỉ ở quán trọ, Tân lo lắng hết sức. Anh sức nhớ tới món tặng vật “mặt trời” do con quỷ thứ nhất biếu còn cất trong túi vải. Thế là Tân tìm ra một diệu kế. Ngày hôm sau, Tân lại lên ngựa phóng đi. Cho đến khi mặt trời sắp gác núi, anh bèn lôi “mặt trời” của mình ra treo trước đầu ngựa. Thốt nhiên, một chuyện lạ chưa từng có xảy ra: đâu đâu cũng không

thấy tắt ánh nắng mặt trời. Cho đến khi con ngựa đưa Tân đến trước điện Thiên Quang, anh mới cất “mặt trời” vào túi, bấy giờ bầu trời từ ngày mới chuyển sang đêm một cách đột ngột.

Tân buộc ngựa xong, bước vào điện. Nhưng cũng đã muộn mất rồi. Mọi người chờ mãi không thấy đêm xuống, song thức ăn thì đã nguội cả, nên sau cùng hoàng đế đành ra lệnh cho các ông tiến sĩ cứ bốn người một, ngồi vào mâm. Khi Tân bước vào thì tiệc rượu đã hầu tàn. Biết việc chậm trễ có thể khiến mình mất đầu như chơi, nên anh cởi mũ “phủ phục” trước sân điện, một hai viên lý do “không thấy trời tối” để mong được nhẹ tội. Vua tha cho anh, nhưng để anh nhớ lỗi, bổ anh về làm tri huyện một huyện từng nổi tiếng có nhiều án ma. Mặc dầu vẫn nghe nhiều tin đồn rùng rợn rằng từ trước đến nay, hễ quan nào được bổ về huyện ấy đều bị quỷ vật chết, Tân vẫn ung dung về trị nhậm.

Theo tục lệ vùng này, mỗi khi có quan mới nhậm chức, dân các làng xã đều phải mang lễ vật đến chào quan. Cho nên những ngày Tân mới chân ướt chân ráo đến nơi, dân các làng kéo nhau đội lễ vật đến đầy cả công đường. Tân tiếp chuyện mọi người rất ân cần, nhưng nhất thiết chối từ mọi lễ vật. Chàng kín đáo dặn lính hầu mỗi khi có toán dân nào ra về thì bí mật theo để biết rõ tung tích. Vào ngày thứ ba, một trong những người lính hầu mà Tân phái đi, đã theo bèn gót hai người dân đội một mâm lễ vật trở về. Người lính thấy hai người dân đi mãi, đi mãi, bóng chiều đã ngả mà vẫn chưa đến nơi. Cho đến khi tắt ánh mặt trời mới thấy họ đến sát một cái giếng hoang bên cạnh đường. Thốt nhiên họ đội cả mâm, lội

vùng xuống giếng, rồi thoảng một cái đã biến mất. Vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, người lính vội đi suốt đêm trở về báo lại tình hình cho quan biết.

Sáng hôm sau, Tân hạ lệnh cho một toán lính huyện tới tát cạn cái giếng ấy. Họ ra sức tát suốt cả một ngày. Nhưng thật là lạ lùng! Tát được bao nhiêu nước lại đầy ắp bấy nhiêu. Mấy ngày sau nữa công việc cũng không nhích lên được tí nào. Bọn lính huyện cảm thấy rất chán nản. Một hôm nọ, vào giữa canh khuya, một người lính nằm ngủ, bỗng thức giấc thấy có hai con quỷ đang ngồi vắt vẻo trên cành cây nói chuyện với nhau:

- Nếu chúng nó kéo tới đông thì có tát cạn chẳng? - Một con hỏi.

- Nhiều người cũng vô ích thôi. Chỉ có rồng mới có thể tát cạn, ngoài ra không có cách nào khác. - Con kia đáp.

Người lính bèn đem câu chuyện ấy ra trình lên quan. Tân nói ngay:

- Chính ta là rồng đây! Ta sẽ thân hành tát cạn giếng.

Nói xong, Tân cưỡi ngựa về đến tận nơi. Sau khi xem xét tình hình, quan xắn áo quần, cầm lấy gầu tát lấy tát để. Quả nhiên chỉ một mình Tân cũng đã làm cho nước giếng dần dần cạn thấu đáy. Nhưng khi giếng cạn hết, cả quan và lính đều không tìm thấy quỷ. Giữa ban ngày, quỷ có phép tàng hình, mắt người không thể nhìn thấy được. Nhưng đêm đến, quỷ lại dựa vào tối trời, lẫn lút trốn nấp trong các hang hốc làm cho Tân và lính hầu tìm hết hơi mà không ra. Họ thấp đuốc lên nhưng bó đuốc nào hễ đưa vào cửa hang cũng đều tắt

ngắm. Tân sực nhớ một món tặng vật bên mở túi lấy “mặt trời” ra treo lên đầu ngọn tre. Lập tức cả một vùng sáng rực như ban ngày. Nhưng vì ban ngày nên quý lại tàng hình lọt khỏi con mắt của người. Sau cùng Tân nhớ đến món tặng vật thứ hai. Vừa đưa ra khỏi túi “mặt trăng” tỏa ra một thứ ánh sáng dịu mát vào khắp mọi nơi. Tân liền mang “mặt trăng” đi dần xuống giếng, tiến vào các hang, các hốc. Dưới ánh sáng trắng, quý đành lộ mặt, không thể tàng hình nổi, đành chịu để quan và lính bắt. Đó chính là hai con xà tinh quen thói hại người, thường dùng một cái hang ở đáy giếng làm sào huyệt. Trước mặt Tân, hai con quý cúi đầu lạy lục xin quan sinh phúc tha cho tính mạng, từ rày không dám làm hại ai nữa. Tân sai lính giải chúng đầy đi thật xa. Từ đấy dân huyện ấy sống rất yên ổn mà làm ăn.

Ba lá bùa

Trong một ngôi chùa trơ trọi ở lưng một ngọn núi, có một nhà sư trụ trì và một chú tiểu giúp việc. Nhà sư thì đã già lắm rồi, mà chú tiểu thì còn ít tuổi.

Khu rừng đằng sau chùa, có rất nhiều cây dẻ. Vào mùa thu, mùa hạt dẻ, đến đây tha hồ mà nhặt vì cứ mỗi cơn gió thổi thì hạt dẻ lại rụng xuống như mưa.

Một hôm, chú tiểu nói với sư cụ:

- Bạch thầy, con muốn vào rừng nhặt hạt dẻ, thầy cho phép con chứ ạ?

Nhưng sư cụ lắc đầu:

- Không, không, con không được đi vì rất có thể trong rừng có yêu tinh đấy.

- Làm gì có yêu tinh trong rừng hay ở đâu hết. Xin thầy cứ cho con đi - Chú tiểu nài nỉ.

Cuối cùng sư cụ thấy chú tiểu cứ khăng khăng xin đi, liền đưa cho chú ba lá bùa và nói:

- Thôi được, con đã cố tình xin đi thì ta cho phép. Nhưng con hãy giữ lấy ba lá bùa hộ thân này, khi nào gặp nguy hiểm, con hãy nhớ đến nó.

Chú tiểu hớn hở vào rừng. Khắp mặt đất chỗ nào cũng có

hạt dẻ rụng, và mỗi lần gió thổi thì rụng xuống càng nhiều. Mừng quá, chú mãi miết nhặt. Chú cứ đi sâu mãi vào trong rừng mà không biết mình đến một nơi mà chưa hề đặt chân tới. Bỗng chú nghe có tiếng một người đàn bà nói:

- Trời ơi, chú tiểu đáng yêu làm sao!

Ngước mắt lên nhìn, chú bé thấy một bà già ăn mặc rất chải chuốt đang đứng trước mặt mình. Bà hỏi:

- Cháu có phải từ ngôi chùa trên núi xuống đây không?

- Thưa vâng - Chú tiểu đáp - Cháu đến đây để nhặt hạt dẻ.

Bà cụ mỉm cười nói:

- Ta biết mà. Cháu hãy theo ta về nhà. Ở nhà ta có vô khối hạt dẻ rất ngon ta sẽ nướng và luộc cho cháu ăn - Những lời mời mọc đó mới hấp dẫn làm sao, khiến chú tiểu vui vẻ nhận lời.

Đúng như lời bà cụ nói, trong nhà bà đầy hạt dẻ. Hạt dẻ nướng mới ngon làm sao, chú ăn nghiêng ngấu cho đến lúc không thể ăn thêm được nữa.

Bụng no căng, chú tiểu bắt đầu thấy buồn ngủ. Bà cụ già lấy chăn đắp cho chú và nói:

- Ngủ đi, ngủ cho ngoan con nhé!

Chẳng mấy chốc chú đã ngủ say. Bỗng vào lúc nửa đêm, tiếng mưa rơi lộp bộp làm cho chú thức giấc. Tỉnh dậy chú không biết mình đã đi ngủ từ lúc nào. Lắng tai nghe thấy tiếng giọt mưa rơi nói:

"Tap tap tap

Ôi chú tiểu

Tap tap tap

Mở mắt ra

Tap tap tap

Nhìn mặt bà già...”

Nghे vậy chú bé tỉnh hẳn. Nằm trong chăn chú khê ló đầu ra đưa mắt nhìn xem bà cụ ngồi chỗ nào. Chú chỉ thấy một con yêu tinh cái, trên đầu có hai cái sừng. Cái mồm nó mới rộng làm sao, ngoác ra đến tận mang tai, cái lưỡi nó dài và đỏ lòm cú thò ra thụt vào liên tục.

Chú tiểu hoảng sợ. Thế nào chú cũng phải trốn thoát nơi đây. Ngồi dậy, giọng run run chú hỏi:

- Bà ơi bà cho con ra nhà xí nhé?

- Không - Mụ yêu tinh gần giọng nói - Nếu cần mày cứ đi ngay tại chỗ.

Chú bé rên rỉ nói:

- Ôi không dám thế! Bà hãy cho con ra ngoài đi.

- Thằng nhóc này chỉ quấy rầy - Mụ yêu tinh lâu bầu nói - Được cho mày đi - Nhà xí ở ngoài ấy. Nhưng đừng có dại mà chạy trốn đấy nhé!

Nói xong mụ lấy chiếc thùng buộc vòng quanh ngực chú, mụ giữ lấy một đầu dây, và để cho chú đi ra ngoài. Chốc chốc mụ lại giật giật đầu dây, quát hỏi:

- Thằng nhóc có còn đấy không?

- Thừa bà, con đây ạ. Một lát nữa là con vào.

Chú tiểu miệng trả lời, tay run rẩy cởi sợi dây thùng ra và

buộc vào lá bùa mà sự cụ giao cho chú trước đây; buộc xong chú dặn dò:

- Nhớ đáp mụ yêu tinh cho tao nhé!

Rồi leo lên cửa sổ chú co cẳng chạy thục mạng không hề ngoái cổ lại.

Trong lúc đó mụ yêu tinh cứ mỗi lần giắt dây thừng một mạnh hơn, và luôn mồm hỏi giọng cáu gắt:

- Thằng nhóc có còn đấy không?

Mỗi lần mụ hỏi, lá bùa lại đáp:

- Thưa bà con đây ạ, một lát nữa là con vào.

Cuối cùng yêu tinh không đợi được nữa. Mụ chạy xô vào nhà xí thì thấy trống không. Chỉ có lá bùa vẫn cứ lải nhải nhắc lại:

- Thưa bà con đây ạ. Thưa bà con đây ạ.

- A thằng nhóc này dám lừa cả tao! - Mụ yêu tinh hét lên.

Giận dữ mụ lao ra đuổi theo chú bé. Chẳng mấy chốc mà mụ đuổi kịp. Vừa đúng lúc mụ vươn cánh tay dài nghêu ra tóm lấy cổ chú tiểu thì chú ném về phía sau lá bùa, miệng nói:

- Hiện lên đi hỡi núi cát khổng lồ!

Và một núi cát bỗng hiện ra sừng sững chắn giữa mụ yêu tinh và chú tiểu. Cát trơn quá khiến cho mụ cứ bước lên là tụt xuống. Thành thử mụ mất nhiều thì giờ, còn chú tiểu thì cắm cổ chạy mãi.

Cuối cùng mụ cũng leo qua được quả núi, rồi ra sức đuổi theo chú tiểu nhanh hơn trước. Lại một lần nữa mụ sắp đuổi

kịp, chú liền ném về sau lá bùa thứ ba và nói:

- Hiện lên đi sông rộng!

Và một con sông rộng mênh mông bỗng hiện ra, nước chảy cuộn cuộn, trong lúc mù yêu tinh vật lộn để qua sông thì chú tiểu cũng chạy về tới chùa.

- Thầy ơi, thầy ơi, con đây. Cứu con với! Con yêu tinh đuổi theo con! - Vừa dấn cổng chùa ầm ầm, chú vừa gào lên:

- Thầy đã bảo con không được đi cơ mà! - Sư cụ bình tĩnh từ trong chùa đáp vọng ra.

- Nhanh lên, nhanh lên thầy ơi, không con yêu tinh nó ăn thịt con bây giờ! - Chú tiểu như điên dại, kêu thét cuống cuống.

- Nào, con đã biết thân chưa con?

Rồi sư cụ mở cửa và đem giầu chú vào một cái hầm dưới nền nhà bếp, nơi vẫn cất các thứ rau quả.

Sư cụ vừa dậy nắp thì mù yêu tinh chạy đến. Mù nhìn quanh bếp, mắt long lên sòng sọc và nói:

- Sư cụ, thằng tiểu của cụ đâu? Nó đã đánh lừa tôi!

Sư cụ ngồi bên bếp lửa rán mấy chiếc bánh và đáp:

- Nó không có ở đây. Nó đi vào rừng nhặt hạt dẻ từ hôm qua tới giờ chưa về.

- Đừng có nói dối! Nó vừa đánh lừa tôi, ăn hết cả hạt dẻ của tôi rồi bỏ chạy. Tôi biết nó ở đây.

- Ổ nếu mù không tin thì mù cứ đi tìm! - Sư cụ nói.

Và vờ như không để ý tới chuyện ấy, sư cụ tiếp tục rán bánh, lúc ấy mùi bánh bốc lên thơm nức cả nhà bếp.

Mụ yêu tinh vốn rất mê ăn ánh rún. Người thấy mùi thơm thèm rỏ rãi năn nỉ:

- Thấy cho con xin một cái bánh.

- Được lắm - Sư cụ nói - Nhưng để đánh đổi, mụ có ưng làm theo một điều ta yêu cầu không? Ta nghe nói mụ có thể biến thành hình gì cũng được. Mụ thử làm cho ta xem, ta sẽ cho mụ bánh.

- Được thôi - Mụ yêu tinh nhận ngay, vẻ kiêu hãnh - Sư cụ muốn tôi biến thành hình gì tôi cũng làm được.

Hãy cho ta xem mụ to dường nào - Sư cụ nói và bắt đầu lấy tay vỗ nhịp vừa hát:

Rat tan tan

Vươn cho cao

Vươn cho cao nữa

Thế là mụ yêu tinh cứ phình ra mãi. Mụ cao đến nỗi đầu chạm trần nhà rồi cong người lại tiếp tục phình ra, đầu chạm xuống tận sàn. Sư cụ hoảng sợ. Nhưng cứ vờ như không. Sau đó cụ hát:

Rat tat tat

Thu nhỏ lại

Nhỏ lại, nhỏ mãi

Lập tức mụ yêu tinh thu nhỏ người lại. Chỉ một thoáng mụ chỉ bằng cái kẹp tóc. Nhưng sư cụ tiếp tục hát:

Rat tat tat

Thu nhỏ lại

Nhỏ lại, nhỏ mãi

Mụ yêu tinh thu người nhỏ lại, nhỏ mãi cho tới lúc nom mụ chỉ bằng một cái hạt đậu tương phơi khô, loáng một cái sự cộ tóm lấy mụ nhét ngay vào giữa hai chiếc bánh rán, cho vào mồm nuốt chửng mụ yêu tinh lẫn hai cái bánh rán.

Từ đấy sự cộ và chú tiểu không bao giờ nom thấy mụ yêu tinh nữa, và cũng từ đấy, dân quanh vùng cũng không còn bị nó quấy nhiễu, làm hại.

Ba thầy thuốc giỏi

Ba thầy thuốc kia khi nghĩ mình đã biết đủ ngón nghề rồi nên rủ nhau đi chu du thiên hạ. Tối đến, họ nghỉ ở một quán trọ. Chủ quán tò mò hỏi họ từ đâu đến và muốn đi đâu. Họ đáp:

- Chúng tôi là ba thầy thuốc giỏi nay chu du thiên hạ để hành nghề.

- Ô! Nếu thế xin ba thầy thử ra tay cho chúng tôi được tận mắt chứng kiến.

Người thứ nhất nói mình có thể cắt rời bàn tay, sáng hôm sau lại gắn khớp lại như cũ. Người thứ hai nói mình có thể moi tim ra cất đi, sáng hôm sau lại gắn tim vào mà không hề sao cả. Người thứ ba nói mình có thể lấy mắt đem cất đi, sáng hôm sau lại gắn vào hốc mắt để làm việc như thường.

Chủ quán nói:

- Những chuyện đó mà các thầy làm được thì các thầy đúng là những danh y Hoa Đà, Biển Thước cũng không bằng!

Bí quyết thần kỳ của họ là lọ thuốc mỡ luôn mang theo bên mình. Khi gắn khớp mọi cái vào với nhau họ bôi lên chỗ đó một lớp thuốc mỡ là chỗ đó lại lành lặn như trước.

Chủ quán cứ há hốc mồm khi thấy họ cắt tay, moi tim,

móc mắt, để những thứ đó vào đĩa gửi giữ hộ sáng sau lấy lại. Chủ quán đưa cho cô con gái đem cất vào trong chạn. Cô gái có người yêu là một anh lính. Khi chủ quán, ba thấy thuốc cùng với tất cả gia nhân trong nhà đã ngủ say anh lính kia mới tới chơi. Anh nói với cô gái rằng, mình đang rất đói. Cô gái mở cửa chạn lấy thức ăn cho người yêu, mãi vui trò chuyện với người yêu, cô gái quên không đóng cửa chạn. Hai người ngồi bên nhau trò chuyện say sưa, không hề nghĩ tới những chuyện rủi ro. Trong lúc đó, chú mèo tam thể thấy cửa chạn để ngỏ thì rón rén bước tới, nhìn quanh không thấy động tĩnh, mèo ta tha ngay bàn tay, trái tim và đôi mắt của ba thấy thuốc đi ra ngoài vườn để ăn. Khi người yêu ăn xong, cô gái thu dọn và tính sẽ vào đóng chạn luôn thể. Nhưng ôi thôi, giờ đây chỉ còn cái đĩa không, những thứ mà bố cô dặn dò đem cất trong chạn đã không cánh mà bay. Hốt hoảng, cô gái nói với người yêu:

- Trời ơi, thật khổ thân tôi! Bàn tay không cánh mà bay, trái tim, đôi mắt cũng không cánh mà bay. Sớm mai biết ăn nói thế nào đây?

Chàng trai nói:

- Em cứ bình tĩnh. Anh sẽ tìm cách giúp em. Ở ngoài đồng có tên trộm bị treo cổ, anh sẽ ra cắt bàn tay nó. Nhưng em cần bày tay nào?

- Bàn tay phải.

Cô gái đưa cho chàng trai một con dao thật sắc.

Chàng trai ra đồng cắt luôn bàn tay phải của tên trộm xấu số mang về. Ngay sau đó chàng túm luôn được con mèo, khoét

luôn hai mắt nó. Giờ đây chỉ còn thiếu trái tim.

Chàng trai hỏi:

- Hôm nay có làm thịt lợn không đấy? Thịt lòng để dưới hầm nhà phải không? Cô gái trả lời:

- Vâng ở dưới hầm nhà. -

-Ồ thế thì hay quá.

Chàng trai chạy ngay xuống hầm nhà, lấy trái tim lợn cho cô gái. Cô đặt tất cả ba thứ đó vào đĩa và lại đem cất vào trong chạn.

Khi người yêu về cô gái yên tâm lên giường đi ngủ.

Sáng sớm, vừa mới tỉnh dậy, ba thầy thuốc đã gọi bảo cô gái đi lấy đĩa đựng các thứ của họ: bàn tay, trái tim, đôi mắt. Cô gái lấy từ trong chạn ra đưa cho họ. Người thứ nhất nhận cánh tay của tên trộm lấp tay vào, bôi thuốc vào chỗ ghép, thoa đi thoa lại một lúc cánh tay liền như cũ. Người thứ hai lấp mắt mèo vào hốc mắt, người thứ ba gắn tim vào chỗ cũ.

Chủ quán cũng đứng ở đó cứ trố mắt ra mà nhìn, mồm hết lời ca ngợi, nói những chuyện như vậy thật chưa ai trông thấy bao giờ, nếu có ai có bệnh sẽ mách họ tới chữa.

Sau đó ba thầy thuốc trả tiền trọ cho chủ quán và tiếp tục lên đường.

Đi được một chặng đường dài thì người có trái tim lợn thỉnh thoảng lại chạy ngang vào các bụi cây bên đường, ủa ủa, dũi dũi như lợn rừng. Hai người kia tìm cách túm áo lại nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Người kia vẫn vùng vằng được khỏi tay bạn để chạy vào bụi cây bên đường ủa dũi.

Người thứ hai bỗng thấy ở mình có gì khác lạ, lấy tay dụi

mắt và nói:

- Này hai anh bạn. Thế này là thế nào nhỉ? Hình như không phải mắt của mình, tớ chẳng nhìn thấy gì cả. Này các cậu dắt tay dẫn mình đi nhé, không chừng tớ té bây giờ.

Vất vả lắm họ mới tới được nhà trọ ở dọc đường trước khi trời tối. Khi họ bước vào quán trọ thì có một thương gia giàu có đã ngồi ở trong quán trọ, hắn đang đếm tiền. Người có bàn tay trộm đi lại phía thương gia, đứng bên cạnh người này, bàn tay múa máy liên tục, thương gia kia vừa mới quay người thì bàn tay người đó đã thọc ngay vào bọc tiền và lấy một nắm đầy tiền vàng. Một người trong bọn họ thấy liền nói:

- Này anh bạn, anh bạn làm gì đấy? Không được ăn cắp nhé! Không thấy xấu hổ hay sao?

- Trời ơi, biết làm thế nào bây giờ. Bàn tay nó cứ ngo ngoay, mình đành phải thọc vào, mặc dù trong lòng không thích tí nào.

Sau đó họ cùng lên giường ngủ. Khi đó trời đã tối hẳn, trời tối đen như mực, có giờ tay ngay trước mặt cũng chẳng nhìn thấy gì. Bỗng nhiên người có mắt mèo đánh thức hai bạn và nói:

- Này mấy người anh em. Dậy mà coi, toàn chuột trắng chạy quanh nhà, nhìn thấy không?

Hai người kia nhồm ngay dậy, nhưng chẳng nhìn thấy gì cả. Một người trong họ nói: Chúng ta chẳng còn phải là chúng ta nữa. Những thứ chúng ta nhận được hình như không phải của chúng ta. Chúng ta phải quay ngay lại bắt đền chủ quán. Hắn đã đánh lừa chúng ta.

Sáng sớm hôm sau họ lên đường, tới nơi họ nói ngay cho chủ quán, rằng họ không nhận lại được đúng những thứ họ gửi, người thứ nhất nhận bàn tay của tên trộm, người thứ hai nhận được cặp mắt mèo, người thứ ba thì nhận được trái tim lợn.

Chủ quán nói, nếu thế thì lỗi tại đứa con gái.

Nhưng mới thoáng trông thấy ba người, cô gái lên cổng sau trốn biệt không quay trở lại. Ba người nói với chủ quán phải bồi thường một số tiền lớn, nếu không họ sẽ đốt nhà. Chủ quán đành đem hết tiền của mình có đưa cho ba người kia. Nhận tiền xong họ kéo nhau đi. Với số tiền bồi thường họ có thể sống suốt đời, nhưng họ không bao giờ có thể nhận lại được những thứ của chính họ.

Báu vật thần kỳ

Thiên Bảo vì quá nghèo khổ nên đành phải bỏ quê hương đi giang hồ đây đó để mong có dịp làm giàu. Chàng ta đem hết số tiền dành dụm được mua vé lên một chiếc thuyền nọ định sẽ vượt biển đi xa nhưng chẳng ngờ ngay khi mới khởi sự giang hồ, chàng ta đã gặp xui xẻo vì con thuyền vừa đi được vài ngày đã gặp bão và đụng phải đá ngầm vỡ tan.

Tuy nhiên, chàng cũng còn gặp may vì thoát được tai nạn chết đuối và được sóng đưa vào một bãi biển xa lạ... Nhưng hỡi ôi! Đó lại chỉ là một hòn đảo nhỏ xíu chẳng có người mà cũng chẳng có thú vật nào sinh sống cả.

Chàng chỉ còn biết chịu đựng bằng cách ăn trái dừa và chuối dại mọc trên đảo. Dù rằng những món ăn này chẳng ngon lành gì, nhưng rồi dần dần cũng hết và chàng bắt đầu bị lâm vào cảnh đói khổ...

Giữa lúc vô cùng khốn đốn ấy thì sự may mắn bắt đầu hiện đến với chàng... và hiện thân của sự may mắn ấy chính là một con lợn.

Một con lợn?... Vâng! Đúng là một con lợn và là một con lợn... biết bay!!

Số là buổi trưa hôm ấy, sau khi lót dạ bằng một nải chuối rừng, chàng rảnh rang quá chẳng biết làm gì đành nằm phưỡn bụng dưới một gốc cây dừa lim dim ngủ trưa. Thình lình, chàng ta bỗng nhìn thấy một con vật lạ, màu đen từ đằng xa bay về phía đảo. Thoạt đầu, chàng tưởng là một con chim lạ nhưng ngay lúc đó chàng nhận ra con vật ấy không có đôi cánh nào cả. Còn đang ngạc nhiên không hiểu tại sao chim mà lại không có cánh thì chàng mới thấy rõ đó chẳng phải chim mà chính là một con lợn. Chàng ta sững sốt vội đưa tay dụi mắt nhìn kỹ lại. Quả không thể lầm được! Rõ ràng đó là một con lợn đang tà tà bay hướng về phía đảo.

Vài phút sau, con lợn kỳ lạ ấy đã hạ xuống đảo, nó tấp vào một gốc cây nằm ngủ say như chết. Thấy thế, Thiên Bảo liền rón rén tiến về phía con vật kỳ lạ để quan sát cho kỹ và nhận ra đó đúng là một con lợn đang ngủ ngáy âm ỉ như thổi kèn. Đúng lúc đó, chàng cũng nhìn thấy một vật sáng chói nằm bên cạnh con lợn, trên mặt cát và nhận ra ngay đó là một viên kim cương khá lớn có lẽ con lợn vừa đem đến.

Chàng liền nhắt lấy viên kim cương rồi nhìn con lợn đang ngủ, ngẫm nghĩ:

- Viên kim cương này quý thật, chỉ cần có nó là ta cũng đủ sống sung sướng suốt đời rồi... nhưng nếu con lợn tính dầy mà thấy ta lấy kim cương của nó thì chắc sẽ phiền to... Ước gì ta trốn lên được ngọn cây dừa kia cho đến lúc nó rời khỏi đảo này thì đỡ biết mấy.

Thiên Bảo chưa nói dứt câu thì đột nhiên cảm thấy như mình bị nhấc bổng lên và rồi chỉ trong chớp mắt chàng đã thấy mình ở trên ngọn cây dừa cao vút.

Chàng trẻ tuổi chỉ bằng hoàng giấy lát rồi hiểu ngay:

- Ô! Thì ra viên kim cương này là một vật ước, chỉ cần cầm vào tay rồi ước muốn điều gì là sẽ được toại ý ngay. Chắc có lẽ chính nhờ viên kim cương này mà con lợn kia đã bay được đến đây... Nhưng ta hãy thử lại lần nữa xem sao... Nào, ta muốn trở lại mặt đất, đứng cạnh con lợn kia!

Quả nhiên, chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, chàng lại thấy mình đứng ở dưới đất. Chàng cả mừng liền dùng viên kim cương bay trở lại ngọn dừa và hái một trái dừa nhắm đầu con lợn ném xuống. Con vật bị ném trúng giật mình tỉnh giấc vội tìm ngay viên kim cương nhưng không thấy đâu cả. Khi nhìn thấy chàng trên ngọn cây dừa, nó hiểu ngay mọi sự và rống lên một cách giận dữ.

Thật ra, con lợn ấy chính là một lão phù thủy hung ác và lão này lại chỉ thích đội lột con lợn để đi ngao du sơn thủy và bao nhiêu phép thuật đều cất cả vào viên kim cương mà chàng vừa trộm được. Mất hết tà phép, lão phù thủy không thể hiện lại hình người đành đứng dưới gốc dừa gặm hết âm i.

Thấy Thiên Bảo nhất định không trả lại viên kim cương, con lợn giận dữ đến cực điểm vội dùng mõ húc vào thân cây dừa nhưng chẳng may, một cái răng nanh của nó lại găm chặt vào thân cây không sao rút ra được nữa. Lợi dụng cơ hội ấy, chàng bay xuống đất lấy đá đập chết con lợn ma quái rồi nổi lửa thui xác lợn làm một bữa ăn thật no cho bỏ những ngày thèm thịt.

Khi đã ăn xong, chàng cầm viên kim cương lên tay và ước sẽ được đến một xứ nào gần hòn đảo này nhất.

Lập tức cả thân hình Thiên Bảo liền cất lên cao, bay tà tà trên mặt biển như con heo lúc trước mãi đến một bờ biển mới hạ xuống. Khi chàng chạm chân xuống đất thì trời cũng đã sập tối. Không biết phải đi về hướng nào, chàng cứ thẳng bước, bỗng nhìn thấy phía trước có ánh lửa thì mừng, vội mau chân bước lại gần.

Lát sau, chàng đã đến một khu rừng chồi nhỏ, nơi có một căn lều tranh lụp xụp, trước lều có một ông lão cụt cả hai chân đang ngồi quay một con dê con trên bếp lửa.

Thiên Bảo thận trọng tiến lại gần và cung kính chào:

- Chào cụ!

Ông lão cụt chân ngẩng đầu lên nhìn chàng thanh niên rồi đáp:

- Chào chú!

- Cụ có thể cho cháu một bữa cơm và tạm trú ở đây một đêm?

- Được! Chú cứ ở lại đây và ăn chung con dê này với ta!

Thiên Bảo ngồi xuống cạnh ông lão rồi cả hai bắt đầu cắt thịt dê ra ăn. Tuy được đối xử trọng hậu nhưng qua tia nhìn của lão già, chàng vẫn thấy lạnh toát cả người và có cảm tưởng như nếu không có con dê trên bếp thì chắc lão già cụt chân này sẽ không ngần ngại gì mà không ăn thịt chàng. Quả nhiên, chàng đã nghĩ không lầm vì lão già cụt chân này chính là một ác ma còn ghê gớm hơn cả lão phù thủy lợn đen, lão chuyên môn bắt kẻ bộ hành lạc đường về ăn thịt.

Sau khi ăn uống xong, lão hỏi chàng:

- Làm sao mà chú lưu lạc được đến nơi này?

Chàng không chút giấu giếm kể hết đầu đuôi câu chuyện phiêu lưu của mình cho lão già nghe. Nghe xong, lão rút trong mình ra cái búa và bảo:

- Viên kim cương của chú quý lắm, hãy đổi cho ta lấy cái búa này đi. Đây cũng là một cái búa thần, khi nào vỗ vào cán búa và hô: “Củi và lửa” thì lập tức búa sẽ bay đi chặt củi đem về chất thành đống và nổi lửa đốt ngay. Nếu vỗ vào lưỡi búa mà hô: “chặt đầu” thì lập tức búa sẽ bay đi chặt đầu kẻ đang đứng cạnh mình... à quên! chặt đầu con vật đang đứng cạnh mình chứ!

Chàng mỉm cười đáp:

- Phải đấy! Cụ hãy đổi cái búa cho tôi đi!

Vừa nói chàng vừa đưa viên kim cương cho lão già vừa giơ tay ra cầm lấy cái búa.

Thấy chàng đã trúng kế, lão già phá lên cười đắc ý và định mở miệng ra lệnh cho búa chém đầu Thiên Bảo thì chàng đã nhanh hơn, vỗ mạnh lên lưỡi búa và hô to:

- Búa thần chém đầu!

Thế là lưỡi búa thần nhoáng lên như một làn chớp giật và đầu lão già cụt chân đã lặn long lóc dưới đất. Sau đó, chàng lại lên đường lại tiếp tục cuộc phiêu lưu vô định. Lần này chàng có thêm được một món vũ khí quý báu là lưỡi búa thần nữa.

Suốt ngày hôm đó, chàng cứ đi mãi. Khi buổi tối đến, chàng lại gặp một túp lều tranh khác, trước cửa có một lão già cụt cả hai tay đang ngồi sửa soạn ăn cơm tối.

Nhìn thấy ông già tàn tật, chàng vừa nghĩ thầm, ở vùng này

chắc có nhiều thú dữ lắm nên chỉ thấy toàn những kẻ tàn tật! Lão già cụt tay vừa nhìn thấy Thiên Bảo bỗng rú lên một tiếng ra vẻ kinh khiếp rồi dùng cầm hất đổ một chén sữa để trên thân cây trước mặt lão.

Lập tức dòng sữa từ trong bát chảy ra và chỉ trong chớp mắt đã biến thành một dòng sông sữa khổng lồ vây chặt lấy chàng. Trong khi đó, lão già ngửa cổ cười khanh khách ra vẻ đắc ý lắm. Nhưng tiếng cười của lão chẳng kéo được bao lâu đã phải tắt nghẹn vì kinh ngạc khi nhìn thấy chàng thanh niên bỗng nhiên bay vọt ra khỏi dòng sông sữa để rồi hạ xuống một nơi khô ráo an toàn.

Bằng một giọng thán phục, lão già cụt tay trở mặt hỏi chàng trai:

- Sao chú mày lại có thể bay được như thế?

Chàng mỉm cười đáp:

- Dễ ợt hà!

Vừa nói, chàng vừa đưa viên kim cương ra cho lão già thấy và giải thích rõ cách sử dụng bảo vật ấy.

Lão già cụt tay chăm chú nhìn viên kim cương với vẻ thèm khát rồi đề nghị:

- Chú mày hãy đổi viên kim cương ấy lấy cái chén của ta đi. Đây cũng là một cái chén thần, khi nào muốn ăn món gì thì cứ ra lệnh là chén sẽ đẩy món ăn ấy ngay và nhất là sẽ ăn mãi mà không hết. Ngược lại nếu chén đựng đầy chất lỏng mà đem lật đổ đi như ban nãy ta đã làm thì chất lỏng trong chén sẽ đổ ra mãi để tạo thành một dòng sông thật lớn có thể làm ngập cả một xứ để như chơi.

- Được! Tôi bằng lòng đổi cho cụ đấy!

Nhưng khi đã lấy được cái chén, chàng liền vỗ vào lưỡi búa và hô to:

- Búa thần chém đầu!

Thế là chỉ trong chớp mắt, lão già cụt tay lại cụt luôn cả đầu nữa.

Đêm hôm ấy Thiên Bảo ngủ lại trong căn lều của lão già cụt tay đến sáng hôm sau, chàng lại tiếp tục cuộc phiêu lưu với ba bảo vật vô giá trong mình.

Đến chiều tối ấy, chàng đang đi thì bỗng nghe thấy một hồi trống dồn dập vang động cả khu rừng rồi lát sau, từ trong rừng từng đàn voi, sư tử, cọp, chó sói và vô số thú dữ khác ủa nhau chạy ra, con nào cũng tỏ vẻ sợ hãi đến kỳ lạ.

Khi đoàn thú rừng đã vượt qua, chàng lại tiếp tục đi tới và lát sau, chàng đã đến một khu rừng thưa ở giữa rừng có một gã khổng lồ da đen ngồi cạnh một cái trống khổng lồ không kém.

Vừa trông thấy chàng trai, gã khổng lồ đã cất giọng ồm ồm gọi:

- Ê! Anh chàng kia! Hãy lại đây dùng bữa với ta!

Thiên Bảo không từ chối lời mời ấy nhưng chàng thận trọng ngồi cách gã khổng lồ một quãng xa cho chắc ăn.

Gã khổng lồ quăng cho Thiên Bảo một cục thịt nướng mùi hôi hôi như thịt người khiến chàng không thể nào nuốt nổi. Không muốn làm méch lòng gã, Thiên Bảo giả vờ nói mình là người ăn chay theo đạo Phật nên không thể ăn thịt được. Nói

xong, chàng lôi cái bát ra và ra lệnh bát hãy đẩy súp.

Gã khổng lồ thấy thế ngạc nhiên hỏi:

- Này cái bát ấy sao lạ thế?

Thiên Bảo kể hết công dụng của cái bát thần cho gã khổng lồ nghe. Nghe xong, một ánh mắt gian xảo bỗng lóe lên trong đáy mắt gã khổng lồ và gã đề nghị ngay với chàng trai:

- Chú mày hãy đổi cái bát ấy lấy cái trống của ta đi! Cái trống này cũng là một thần vật hiếm có, nếu gõ vào đầu bên này thì tất cả những sinh vật nào nghe thấy tiếng trống đều kinh hãi bỏ chạy và nếu gõ vào mặt bên kia thì sẽ có một đạo binh hùng mạnh từ dưới đất trời lên tùy ý ta sai khiến.

Chàng không ngần ngại đáp ngay:

- Được lắm! Tôi bằng lòng đổi cho ông đấy!

Nói xong chàng vừa đưa cái chén cho gã khổng lồ vừa đặt tay lên lưới búa thần. Khi tên da đen vừa đưa cái chén lên miệng hết to:

- Hãy làm đây cho ta một chén máu!

Lập tức chàng cũng vỗ lưới búa quát:

- Búa thần chém đầu!

Thế là cũng như hai lão già tàn tật trước, chỉ trong chớp mắt là đầu gã khổng lồ da đen đã lăn lông lốc trên mặt đất.

Sau đó, Thiên Bảo “tịch thu” luôn cái trống thần của gã khổng lồ rồi tiếp tục lên đường phiêu lưu. Vài ngày sau, chàng đến một kinh đô thuộc quyền cai trị của một ông vua vô cùng tham lam và hung ác. Cả kinh đô chỉ toàn những kẻ bất lương, du thủ du thực suốt ngày đâm chém cướp giết lẫn của nhau.

Để làm giàu, nhà vua thường sai quân lính đi khắp thành phố và nếu gặp kẻ lạ là lập tức chặt đầu cướp đoạt hết tài sản. Bởi thế, khi chàng vừa vào đến tỉnh thì đã bị ngay mười hai tên lính ập lại định hành hung cướp bóc. Không chút sợ hãi, chàng trai liền vỗ vào một mặt trống và lập tức cả mười hai tên lính vội vã bỏ chạy trốn chết ngay.

Được biết tin này, nhà vua nổi giận hạ lệnh chém đầu ngay mười tên lính vô dụng rồi sai cả một đạo quân đi lùng bắt Thiên Bảo. Nhưng rồi cả đạo quân hùng mạnh ấy cũng phải bỏ chạy trước tiếng trống của chàng trai. Lần này, nhà vua nổi giận đến điên cuồng lập tức tự mình nai nịt lên ngựa dẫn tất cả binh mã đi tìm giết Thiên Bảo.

Vừa thấy đạo binh của tên bạo chúa, Thiên Bảo liền lật chén thần đổ nước dìm chết cả đạo binh nhưng lão vua thì may mắn nhanh chân chạy kịp rút về dinh cố thủ trong hoàng cung. Nhưng trước khi lão kịp rút vào thành thì chàng đã vỗ vào lưới búa hét lớn:

- Búa thần chém đầu!

Lập tức, búa thần bay vọt ra chặt đầu lão Vua gian ác rồi lại bay về nằm gọn trong tay chàng trai trẻ tuổi. Sau đó chàng vỗ vào mặt trống bên kia và lập tức có một đoàn quân hùng hậu xuất hiện phò tá chàng tiến vào thành.

Dân chúng trong thành thấy tên Vua tàn ác đã chết thì vui mừng đón chàng, tôn chàng lên làm vua.

Từ đó, Thiên Bảo, chàng lãng tử may mắn ấy dừng bước lãng du để sống sung sướng với đám thần dân của mình.

Cái hũ thần thông

Nhà kia có hai anh em, người anh nhờ buôn bán nên giàu có, người em làm nghề đốn củi chỉ đắp đủ qua ngày. Tết đến, người em túng thiếu không tiền làm cỗ cúng ông bà, ha mẹ mới sang anh nài nỉ vay ít tiền, định Giêng, Hai làm lụng tần tảo sẽ trả. Không ngờ người anh chỉ thí cho một giò lợn luộc rồi đuổi về.

Người em mang chiếc giò lợn luộc đi ngang một cánh rừng, bỗng nghe tiếng rên rỉ thảm thương, liền tìm đến nơi thì thấy một lão tiều phu bị cây đổ đè qua chân nằm kêu la than khóc. Động mối từ tâm, người em khuân lấy cội cây bỏ đi nơi khác và đỡ ông lão dậy, định biếu chiếc giò lợn luộc cho ông đỡ lòng. Cảm lòng tốt của người em, lão tiều phu từ chối và bảo:

- Ta muốn đáp lại tấm lòng tốt của người, vậy người hãy đem chiếc giò lợn này đến cái động đá đằng kia để gặp các sơn thần, nếu họ đòi đổi giò heo lấy ngọc vàng thì người đừng chịu, phải xin đổi cho được cái hũ sành. Đó là cái hũ thần, ước gì được nấy, nhưng đừng nên tham lam, chỉ ước đủ dùng thôi và cần nhất phải giúp đỡ những người nghèo khó, khi nào vừa đủ thì phải hô to: "Đủ rồi" thì tự nhiên miệng hũ đóng lại.

Nghe theo lời dặn dò của lão tiều phu, người em tìm tới

động đá, quả nhiên thấy rõ các vị sơn thần đang nhảy múa vui đùa. Lúc bấy giờ các vị sơn thần đánh hơi được mùi thịt lợn nhìn lại thấy người em thập thò ngoài động đá liền gọi vào bảo đổi giò heo lấy vàng ngọc, chàng nhất định không chịu, chỉ nhận đổi cái hũ sành. Rốt cuộc các sơn thần phải đem hũ sành đổi lấy giò heo.

Bấy giờ người em sung sướng đem cái hũ sành về nhà khoe với vợ. Chẳng mấy chốc vợ chồng người em trở nên giàu sang sung sướng, họ ước thêm vàng bạc rồi đem chia cho những người nghèo khó trong làng. Tiếng đồn người em có cái hũ thần loan ra khắp nơi, người anh liền tìm đến tận nhà để xem hư thật, quả đúng như lời thiên hạ đồn. Người anh động lòng tham bảo em đổi cái hũ sành lấy cả sản nghiệp của mình. Biết rằng người anh tham lam keo cú, nếu được cái hũ thần sẽ ham sự giàu sang quên điều nhân nghĩa, nên người em từ chối không chịu đổi chác với anh.

Tuy nhiên, người anh vẫn không bỏ qua giấc mộng làm chủ cái hũ sành, hẳn nhờ đũa ở của người em đánh cắp cái hũ thần rồi vợ chồng người anh trốn lên thuyền đi ra miền biển.

Giữa lúc đó người anh nghe các nơi thiếu muối nếu có nhiều muối đem bán chắc được nhiều tiền, nên đem hũ thần ra ước, muối từ trong hũ tràn ra như nước chảy, chẳng mấy chốc mà đầy cả thuyền. Ngặt vì người anh chỉ biết có lời ước được muối, còn lời ước cho nắp hũ đóng lại thì không biết, nên muối chảy hoài làm ngập cả thuyền rồi chìm luôn. Cả hai vợ chồng người anh đều chết đắm giữa biển khơi.

Muối tuôn chảy khắp đại dương hòa tan trong nước, làm nước biển mặn như ngày nay.

Con kiến kiện củ khoai

N gày xưa, có một anh chàng sinh trưởng trong một gai đình giàu có. Nhà hắn có ao thả cá, có trâu bò, ruộng vườn khá nhiều. Ở gần làng hắn có một cô gái nết na, nhan sắc xinh đẹp, chỉ phải cái tội nghèo. Hằng ngày cô gái phải làm thuê làm mướn kiếm ăn. Anh chàng nhà giàu kia từng ngây ngất vì nhan sắc của cô. Mặc dầu không môn đăng hộ đối, nhưng hắn ao ước được cùng nàng kết làm bạn trăm năm. Sau đó nhờ có một người đàn bà làm mối, hắn đã được nhiều lần gặp nàng và chỉ non thê biển quyết lấy nàng làm vợ. Nghe hắn nói thế, cô gái vô cùng sung sướng và hiến thân cho hắn không tiếc gì nữa.

Nhưng người mối là một người chỉ biết có đồng tiền. Được tiền của anh nhà giàu cho, bà ta vẫn chưa thỏa mãn. Vì đối với cô gái nhà nghèo, mụ không được “xơ múi” gì. Gần vùng đó có một cô gái nhà giàu ế chồng. Mụ bèn tìm tới tĩ tê với cô nọ và bảo nếu cho nhiều tiền, mụ sẽ đánh tiếng nàng cho anh chàng nhà giàu kia. Cô gái nọ nghe nói mừng lắm, rút tiền cho mụ mối để mụ liệu bề tác thành cho.

Từ đó mụ mối luôn luôn buông lời gièm pha cô gái nhà nghèo.

- Con này - Mụ ta nói - trông thế mà hoá ra là phường “mèo mả, gà đồng”, đã nhiều lần tôi bắt gặp tàng tịu với đồ Vân. Chắc nó tưởng đồ Vân học giỏi, nay mai đỗ đạt sẽ được nhờ.

Dần dần mụ ta nhen nhóm thêm lòng ghen tuông và tức giận của anh chàng nhà giàu, đồng thời nói tốt cho cô gái già mà mụ ta bòn lén hồi năm quan, khi ba quan không biết mỗi. Và mưu kế của mụ ta có hiệu quả; anh chàng kia từ ghen tức đến chán ghét người tình cũ. Cuối cùng anh chàng cho người đưa trâu cau dạm hỏi cô gái nhà giàu kia làm vợ.

Ngày cưới của hai bên, cô gái nhà nghèo nọ bị phụ tình, lòng đau như cắt. Trong một phút tử hận hờn duyên, nàng nhảy xuống sông tự tử. Cái chết của nàng đã làm cho cặp vợ chồng mới trở nên hối hận và lo sợ. Nhất là mụ mối thì như sét đánh ngang tai.

Khi tất cả mấy người đó lần lượt chết xuống âm phủ, Diêm Vương đã giở sổ ra tra, hiểu rõ nỗi oan uổng cũng như tội trạng của từng người nên bắt họ phải trở lại dương thế để đền ơn hay báo oán cho kiếp trước. Mụ mối được đầu thai vào làm con gái một phú ông. Anh chàng phụ tình lại đầu thai làm một người học trò nhưng không thước đất cắm dùi. Còn người bạc mệnh thì được ở lại cõi âm để theo dõi chúng mà báo thù.

Kiến là con gái phú ông, rất đẹp và thông minh. Nhưng cha của nàng thì tính khí biến lộn. Ông ta chỉ biết có tiền và danh vọng, còn ngoài ra ông chẳng coi ai ra gì. Chàng thư sinh rất khôi ngô, học giỏi, văn hay, nhưng không hiểu sao văn tài của chàng nổi tiếng khắp kinh kỳ, thế mà cứ hễ vào trường

nhất hay giỏi lắm vào đến trường thì là bị loại ra ngay, không bị đau bụng bỏ dở chừng thì cũng bị phạm “trường qui”, oan hồn của cô gái bạc mệnh quyết không cho hấn đỡ. Mỗi lần không đỡ là một lần sự buồn bực kèm thêm với sự khốn khó dần vật anh chàng. Thế nhưng chàng vẫn được lọt vào mắt xanh của cô Kiến. Cô con gái phú ông vẫn tin tưởng rằng người học trò đó sẽ đỗ đạt và làm nên. Nàng ao ước sẽ được sánh duyên với chàng mới phỉ dạ. Hai người đã gặp nhau và thề bồi với nhau quyết giữ một lòng son sắt. Khi nghĩ đến cha mình, Kiến rất buồn vì biết ông khó tính. “Không đời nào ông ấy lại gả con gái cho một người nghèo xơ, nghèo xác”, đường khoa cử thì ba bốn lần vác lều chiếu về không! Phải tìm cách giúp tình lang, nàng lập mưu ăn trộn tiền bạc của cha, mua vàng đúc thành một khối thành hình củ khoai. Không gặp nhau được, nàng nhả người yêu giả làm người ăn xin đến nhà mình xin khoai, nàng sẽ tận tay trao cho “củ khoai vàng” để chàng dùng làm sính lễ.

Anh chàng mừng như mở cờ trong bụng, liền cải trang, mang bị gậy đến nhà phú ông ăn xin. Cô Kiến mang khoai ra cho, trong đó có giấu một củ khoai bằng vàng.

Sau đó, người mối của anh chàng xin dạm hỏi cô Kiến. Phú ông nghe nói sính lễ là một củ khoai bằng vàng mười thì ngạc nhiên. Nhưng tối mắt vì món sính lễ quá hậu phú ông nhận lời.

Đến ngày cưới, khi họ nhà trai bung sính lễ đến, họ nhà gái đổ xô ra xem để biết mặt chàng rể giàu ngậm của phú ông. Không ngờ khi mở ra xem thì chẳng thấy vàng đâu cả mà chỉ là một củ khoai lang luộc. Oan hồn cô gái cố ý làm ra như

vây cho bở ghét. Cả hai họ được một phen cười nẻ ruột. Phú ông tức giận chửi mắng om sòm. Rồi để chế nhạo, ông cắt khoai biếu mỗi người một miếng. Chàng không ngờ, có sự lạ lùng ấy, vừa buồn rầu, vừa xấu hổ chàng bỏ đi luôn một mạch không trở về nhà nữa. Còn cô Kiến tưởng người yêu là một tay đại bọm đã lấy mất vàng lại bày trò giễu cợt nên tức tối thành bệnh mà chết.

Lúc xuống âm phủ lần này, nàng kiện với Diêm Vương về việc củ khoai vàng, nhưng Diêm Vương đã giở sổ vạch cho biết những tội lỗi của ả ở tiền kiếp đã làm một cô gái nghèo nết na phải trầm mình. Vì thế mới có câu:

“Cái kiến mày kiện củ khoai!”

Và sau này những anh con trai nhà nghèo thường thêm vào:

Mày che tao khó lấy ai cho giàu.

Nhà tao chín đụn mười trâu,

Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.

Để mả mai những cô gái bắc bậc kiêu kỳ.

Thật thà là cha quỷ quái

Không ai biết tên thật của anh ta là gì, chỉ vì quá dối thật thà nên mọi người gọi anh là Ngốc. Chàng Ngốc khỏe mạnh, yêu đời và lao động giỏi. Anh chàng nghèo khổ, không cửa không nhà phải đi ở mướn cho một tên trọc phú. Anh làm lụng quần quật suốt ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác. Thấy anh khỏe mạnh dễ sai bảo nên sau năm năm nghe anh ta đòi tiền công, hấn dõ dành anh làm thêm cho hấn dăm năm nữa. Lại năm năm nữa trôi qua. Thấy anh đòi tiền công để về, lão trọc phú lại dõ:

- Con ở với ta đã lâu thành ra thân tình như người trong nhà nên ta không nỡ xa con. Thôi con hãy cố ở với ta thêm năm năm nữa rồi ta đưa tiền công cả mười lăm năm là ba nén vàng. Lúc đó thì con giàu có, tha hồ làm nhà, cưới vợ.

Nghe bùi tai, chàng Ngốc lại dồn hết sức làm việc quần quật cho lão trọc phú thêm năm năm nữa.

Lần này hết hạn anh một mực đòi thôi việc. Dõ mãi cũng không được, lão trọc phú bèn mang vàng ra trả. Chàng Ngốc cầm vàng hí hửng đi, mà đâu có biết lão trọc phú đưa cho chàng toàn vàng giả. Có “vàng” trong tay chàng Ngốc dự định đi ngao du thiên hạ cho thỏa lòng mong ước được biết đó biết

đây sau bao nhiêu năm lao động nhọc nhằn. Đi được một hồi, anh ghé vào nhà một người thợ bạc. Người thợ bạc hỏi anh là ai và đi đâu, thì chàng Ngốc kể hết chuyện mình ra sao, được trả công như thế nào. Nhìn mấy nén vàng anh ta khoe, người thợ biết là vàng giả, nhưng thấy anh chàng này ngốc nghếch nên định bụng lừa anh, hấn bảo:

- Ở chốn đô thành chỉ có nhà quyền uy mới dùng vàng, chứ dân thường thì khó tiêu lắm, tốt hơn hết anh nên đổi ra bạc nó dễ tiêu hơn. Sẵn đây tôi có mấy nén bạc anh thích thì tôi đổi hộ cho, cứ một vàng ăn hai bạc.

Nghe có lý, chàng Ngốc khẩn khoản xin đổi hộ. Không ngờ lão thợ bạc lại đưa cho sáu thỏi chì giả bạc. Chàng ngốc cầm lấy cảm ơn rồi rít và lại vui vẻ lên đường.

Đến một nơi khác trên đường tới kinh đô anh chàng gặp một thợ giày. Mãi nói chuyện vui miệng với người đó anh kể là mình có sáu thỏi bạc. Hấn biết là bạc giả song đang cần chì nên gạ đổi lấy một nghìn tờ giấy, hấn chỉ vào thứ giấy lụa giả của mình và bảo:

- Đây là thứ “lụa Đình Kiến” quý lắm, anh nên đem tới kinh đô bán, cứ mỗi vuông lấy một quan tiền thì tha hồ mà tiêu.

Nghe bùi tai chàng Ngốc đồng ý ngay. Khi ngang qua trường học thấy một người học trò đang chơi chong chóng bằng giấy xanh mà cả đời anh chưa thấy bao giờ nên thích lắm bèn tới xem và hỏi:

- Cái gì thế này?

Cậu học trò lấu lỉnh nói đùa:

- Đây là cái “thiên địa vận” dùng nó có thể biết được việc

trời đất, mọi việc thế gian đều tỏ tường, nó quý lắm vì điều gì cũng đoán được trước.

Chàng Ngốc nghe vậy bèn gạ đổi lấy một nghìn vuông “lụa Đình Kiến” của mình. Cậu học trò tất nhiên là đồng ý luôn.

Với “thiên địa vận” trong tay, chàng Ngốc nghĩ đã đến lúc được mọi người kính phục hết nhẽ. Qua một cánh đồng rộng, chàng Ngốc thấy đám trẻ chăn trâu đang chơi một con niềng niềng lớn có đôi cánh xanh đỏ rất đẹp. Tò mò anh lại xem. Bọn chúng không muốn cho anh xem nên chúng nói dóc cho anh hốt hoảng:

- Anh tránh ra đi, đây là “ngọc lưu ly” quý hiếm lắm. Đeo nó vào người thì hè mát, đông ấm, đến đức vua cũng chưa chắc đã có.

Chàng Ngốc nghe vậy nghĩ là không ngờ trên đời lại có của quý đến thế, quý tới mức đến đức vua cũng chưa có. Anh chàng bèn đem “thiên địa vận” của mình ra gạ đổi, lữ chăn trâu thấy chong chóng đẹp nên bằng lòng đổi. Chúng bỏ con niềng niềng vào túi còn thất miệng lại dặn chàng Ngốc:

- Lúc nào về đến nhà thì mở ra xem. Không thì ngọc bay mất đấy.

Được viên ngọc quý rồi chàng Ngốc định bụng đem dâng vua để được ngắm cảnh vương triều. Nhưng tới cửa Ngọ môn thì chàng ta bị lính gác chặn lại. Chàng Ngốc than vãn:

- Tôi đi ở thuê, làm mướn những mười lăm năm trời vất vả mới được ba nén vàng, rồi đổi lấy sáu thỏi bạc, đến một ngàn vuông “lụa Đình Kiến”, đến cái “thiên địa vận”, cuối cùng là viên “ngọc lưu ly”, tôi định dâng vua viên ngọc quý đó, vậy có

sao không cho tôi vào.

Lúc đó có một gian thần đi ngang qua nghe chàng Ngốc nói có viên ngọc lưu ly hắt liền nổi lòng tham bèn nhận lời dẫn chàng Ngốc vào bái kiến nhà Vua. Hắn bảo anh cứ tạm thời chờ ở cửa. Cầm được cái túi, tên quan thấy có cái gì đó tròn tròn ở trong thì khắp khởi mừng thầm. Hắn bước qua ngưỡng cửa hoàng cung bèn giở ra xem thực hư thế nào để tìm cách chiếm đoạt. Ai dè vừa mở túi ra con miếng miếng bay vụt đi mất.

Chàng Ngốc thấy vậy túm lấy tên quan bắt đền. Anh giơ tay đánh trống ở cửa hoàng cung vang lên. Bọn lính kéo anh ra cửa đánh. Chàng khóc âm ỉ. Thấy động, vua sai người ra dẫn chàng Ngốc vào hỏi sự tình. Ngốc tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, tôi đi ở mười lăm năm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi đổi một ngàn vuông “lụa Đình Kiến”, rồi cái “thiên địa vận” rồi được hòn “ngọc lưu ly” để đem vào dâng bệ hạ, thế mà cái ông quan kia mở túi làm viên ngọc bay mất. Xin ngài rủ lòng thương xử cho con với.

Tên gian thần thì ra sức chối cãi, song nhà vua vẫn phán:

- Tên dân này đem hòn ngọc lạ dâng ta. Đó là ý tốt. Để mua viên ngọc đó hẳn tốn bao nhiêu công sức và tiền của, vậy kẻ làm mất viên ngọc không chỉ có tội với ta, mà còn phải bồi thường cho người có ngọc đủ số chi phí để có viên ngọc quý đó.

Đoạn vua quay sang nói với chàng Ngốc:

- Trẫm ban cho người một chức quan nhỏ để thương công cho lòng trung hiếu với trẫm.

Chàng Ngốc sướng đến run người, chàng nhận đủ số tiền bồi thường và vui vẻ đi nhận chức quan mà nhà vua đã ban cho chàng.

Chiếc áo tàng hình

N gày xưa ở vùng Cao Bằng có một chàng trẻ tuổi, nay đây mai đó làm nghề chài lưới, tên là Triều. Gia sản của anh không có gì ngoài bộ đồ nghề làm ăn. Nhưng tính anh vốn hay thương người. Mỗi lần đánh được nhiều cá, anh thường đổi lấy gạo đem chu cấp cho những người túng thiếu mà anh gặp. Vì vậy, người nghèo khổ trong vùng, ai cũng mến anh.

Ở Cao Bằng một thời gian, Triều lại dời sang đánh cá ở vùng Thái Nguyên. Ở đây, anh lại cứu giúp mọi người không tiếc sức. Một hôm, anh không đánh được mẻ cá nào, lúc về dọc đường, anh bỗng thấy một ông lão ăn mày trần truồng đang nằm run rẩy dưới gốc cây. Động lòng thương, anh cởi ngay chiếc áo đang mặc đắp vào người ông cụ.

Băng đi một dạo, một hôm anh đang buông chài giữa sông, bỗng nghe trên núi cao có tiếng đàn vắng vắng. Anh dừng lại nghe một cách say sưa. Qua ngày hôm sau, anh lại được nghe tiếng đàn trên núi như hôm qua.

Hôm sau nữa, cũng từ trên ngọn núi cũ, tiếng đàn quen thuộc lại bay đến tai anh. Lấy làm lạ, anh vội thu xếp đồ nghề của mình, rồi tìm đường trèo lên núi, quyết tìm cho ra người gảy đàn. Lăn theo tiếng đàn, anh vạch cỏ, rẽ lau tiến bước. Cuối cùng, đến một bãi rộng anh thấy một cụ già đang ngồi

trên phiến đá. Ông cụ mê mải gảy đàn không biết có người tới gần. Triều nhận ra khuôn mặt cụ này rất giống với ông cụ nằm ở gốc cây hôm nọ. Chờ cho bản đàn dứt hẳn, anh đến trước mặt hỏi:

- Thưa cụ, cụ là ai mà ngồi đánh đàn ở đây?

Ông cụ ngược mắt nhìn anh một cách âu yếm, rồi chỉ vào một phiến đá trước mặt, bảo:

- Ta ngồi đợi con đây! Con trèo núi có mệt lắm không? Con hãy ngồi xuống đây nghỉ một tí.

Triều vừa đỡ chén nước ở tay ông cụ, đã nghe ông cụ hỏi:

- Con có nhớ ta không?

- Có - Triều đáp ngay - Cụ có phải là người nằm ở gốc cây đa đầu làng hôm nọ không?

- Đúng - Ông cụ trả lời - Hôm nọ, con đành chịu mình trần để nhường áo cho ta. Tấm lòng này thật là ít có. Nay ta muốn đền cho con một chiếc áo khác.

Nói xong, ông cụ cởi chiếc áo đang mặc quàng vào mình Triều rồi biến mất.

*

* *

Từ ngày được áo của Tiên cho, Triều mới biết đấy không phải là chiếc áo thường mà là một bảo vật, có phép làm cho người ta tàng hình. Mỗi lần mặc áo, không một ai nhận ra có anh ở trước mặt. Triều mừng quá, từ đấy anh đi chu du khắp nơi. Anh thường mặc áo rồi tìm đến nhà bọn giàu có, đường hoàng đi vào tận buồng của chúng, lấy tiền gạo ra chia cho những người nghèo. Anh kín đáo trị tội những kẻ bất lương,

bạc ác. Có những người vì quá cơ cực đang nằm lả bên vệ đường mà thở than thì bỗng thấy có những quan tiền ở đâu bay đến trước mặt. Có những tên quan đang nọc người ra giữa công đường mà đánh thì chính hần bỗng bị quất vào lưng đau quằn lên, nhưng ngoảnh lại vẫn không hề tìm thấy một ai. Nhiều sự việc giống nhau xảy ra, làm cho lời đồn đại lan khắp cả một vùng. Người lo, kẻ mừng, nhưng ai cũng tin rằng Trời Phật đã có con mắt.

Cứ như thế, Triều đi khắp mọi nơi và giúp đỡ người cùng khổ. Một hôm, anh tìm đến đất kinh kỳ. Mặc áo vào, anh tha hồ đi đó đây cho thỏa mắt. Hết vào nhà bọn quyền quý, anh lại vào cung cấm là nơi từ xưa không một người nào như anh dám bước chân đến. Thấy người nghèo khó nhan nhản khắp phố phường, anh lên vào kho tàng nhà vua lấy của ra phân phát cho họ. Vì thế kho công luôn luôn bị hao hụt, nhưng không một ai tìm ra thủ phạm cả. Trong khi đó thì khắp kinh đô đồn ầm lên rằng có một vị Tiên thường cứu giúp những người đói khổ và trừng trị những tên gian tà. Ở đâu Tiên cũng có mặt, nhưng lại không “xuất đầu lộ diện” bao giờ.

Nhưng một hôm, sau khi trừng trị một tên quyền quý đang ỷ thế đánh người, anh vội lên ra khỏi nhà hần ngay vì thấy kẻ hầu người hạ của hần nghe tiếng động đổ xô tới rất đông. Giữa lúc vội vàng, anh vướng vào một chiếc gai tre ở bờ giậu làm cho chiếc áo toạc mất một miếng. Sợ rằng dễ vậy có thể bị lộ, nên anh đã dùng một mụn giẻ vá lại. Sau đó hàng ngày anh lại vào kho nhà vua tiếp tục phận sự của mình.

Từ ngày thấy kho luôn bị hao hụt, nhà vua hết sức lo lắng. Vua hạ lệnh cho bọn quan coi kho phải tìm bắt cho kỳ được tên trộm bí mật, nếu không sẽ trị tội không tha. Bọn này nhiều

phen cố sức rình mò nhưng chỉ hoài công vô ích. Tiền bạc trong kho cứ vơi dần mà chúng vẫn không tìm ra một dấu vết gì đáng kể. Sau cùng, chúng sai thừa một kiểu bẫy lưới nhay để chụp vào những nơi mà chúng ngờ.

Hôm ấy, bọn quan coi kho bỗng thấy có một con bướm bướm trắng từ ngoài cổng bay vào kho. Bướm bay đi dạo lại trên những đỉnh bạc trắng xóa, rồi bướm lại thủng thỉnh bay ra. Lập tức chúng chụp ngay lưới xuống chỗ có bướm. Và thế là Triều bị bắt. Chỉ vì miếng vải vá vào chiếc áo tàng hình khiến anh bị lộ. Bắt được Triều, bọn quan coi kho mừng lắm, liền giải anh lên vua, Vua sai bỏ ngục để chờ ngày xét xử.

*

* *

Hồi ấy, có ông vua một nước láng giềng từ lâu vẫn nuôi ngầm mưu mô đánh chiếm nước ta. Giữa lúc Triều bị hạ ngục, thì hàng vạn binh mã của nước láng giềng cũng đang ùn ùn kéo sang.

Nhà vua đã cho quân đội ra chống giữ, nhưng đánh trận nào thua trận ấy, không sao ngăn cản được kẻ địch tiến như vũ bão. Tình hình bỗng trở nên nguy ngập, không biết bao nhiêu chuyến ngựa trạm đưa tin cấp báo từ biên giới đưa về, làm cho kinh đô nháo nhác. Nghe được tin này, Triều liền bảo quan coi ngục tâu vua cho mình được đi dẹp giặc cứu nước. Nhà vua mừng quá, vội sai tháo xiềng cho anh, và gọi anh đến hỏi:

- Nhà ngươi cần bao nhiêu binh mã?

- Tàu bè hạ - Anh đáp, - Chỉ cần một mình tôi cũng có thể đuổi được giặc dữ. Chỉ xin bề hạ cho tôi thanh gươm.

Vua liền tháo gươm của mình trao cho Triều và phong anh là Hộ quốc tướng quân, Vua còn ra lệnh cho quân đội phải tuân theo lệnh anh.

Trước ngày lên đường, những người nghèo khổ từ lâu được Triều cứu giúp, nay nghe tin anh được tha và phong tướng đi đánh giặc, đều tìm đến cảm ơn và tình nguyện theo. Triều cho sắp xếp thành đội ngũ và kéo nhau lên đường.

Lúc đến vùng quân giặc đang chiếm đóng, Triều mặc ngay chiếc áo tàng hình vào người rồi cầm gươm đi thẳng vào trại giặc.

Chỉ một lát sau, anh chém chết tên chỉ huy toán quân tiên phong. Bọn giặc mất tướng như rắn không đầu, bỏ chạy tán loạn. Những người đi theo Triều chỉ có việc chia nhau đón khắp các nẻo tóm cổ chúng đưa về. Đến những trại khác của giặc, Triều cũng làm như vậy.

Không bao lâu cả đội tiên phong tinh nhuệ của giặc đều bị tiêu diệt và bị bắt sống, không sót một tên.

Các đội quân khác còn lại thì kinh hoàng, cho là bên phía Đại Việt có vị thần thiêng trợ chiến nên bao nhiêu tướng tài của mình đều bị chém đầu. Thấy quân sĩ ngã lòng, tên vua lảng giềng đành hạ lệnh rút lui. Từ đây biên giới lại vô sự. Khắp nơi ai nấy ca tụng công lao của Triều.

Lúc Triều kéo quân khải hoàn, vua khen ngợi anh hết lời. Vua phong cho anh làm quan đại thần, cắt đất hai huyện cho anh ăn lộc, lại gả con gái cho anh. Từ đây người ta quen gọi anh là Quan Triều. Ngày nay ở Cao Bằng và Thái Nguyên còn có đền thờ.

Tiếng hát chim họa mi

Chuyện xảy ra lâu lắm rồi, nhưng chính vì thế càng nên kể lại, kéo thiên hạ quên đi mất.

Ngày xưa, có một vị Hoàng đế. Ngài ngự trong một cung điện đẹp nhất trần gian, làm toàn bằng một loại sứ quý nhất, nhưng dễ vỡ đến nỗi mỗi khi chạm đến phải nhẹ chân nhẹ tay lắm mới được. Vườn thượng uyển trồng toàn thứ hoa kỳ lạ nhất đời, có đeo lục lạc bằng bạc, nhỏ xíu, để cho du khách phải lưu ý đến.

Khu vườn được chăm sóc rất tinh tế và rộng đến nỗi chính người làm vườn cũng chưa từng biết rộng đến đâu là hết. Vườn trải ra đến tận một khu rừng hùng vĩ đầy những cây to và hồ lớn. Rừng thoai thoải xuống biển và trên làn nước xanh biếc, thuyền lớn vẫn có thể lướt dưới bóng cây. Nơi đó, có một con chim họa mi làm tổ thường cất tiếng hát mê hồn. Ngay anh thuyền chài nghèo khổ, lòng dạ ngổn ngang trăm mối lo âu, đêm đêm giăng lưới, mỗi khi chim cất tiếng hát cũng phải dừng tay để nghe. Anh reo lên: “Trời ơi! Thánh thót biết bao!”

Nhưng rồi mãi mê với công việc anh lại quên chim ngay. Đêm sau, khi đi đánh cá, tiếng hát lại ngân vang làm anh cất lời khen ngợi: “Trời ơi! Thánh thót biết bao!”

Khách ngoại quốc từ bốn bể năm châu kéo đến hoàng thành.

Người ta ca ngợi hoàng cung và vườn Thượng uyển, nhưng nghe tiếng họa mi hát, ai nấy đồng thanh khen ngợi: “Đó mới là kỳ diệu nhất trần đời!”.

Trở về đến quê hương, du khách thuật lại những điều mắt thấy tai nghe. Các học giả viết nhiều sách ca tụng kinh thành, hoàng cung và vườn Thượng uyển; nhưng chính họa mi được ca tụng nhiều nhất và nhiều thi sĩ đã làm những bài thơ tuyệt diệu ca ngợi con chim họa mi hát hay, trong khu rừng, bên bờ biển. Sách được truyền đi khắp thế gian, có vài quyển lọt tới tay Hoàng đế. Ngài ngự trên ngai vàng, chăm chú đọc, đôi lúc lại gật đầu tán thưởng những đoạn văn tuyệt diệu ca tụng kinh thành, hoàng cung và vườn Thượng uyển.

Hoàng thượng hơn hở, đã toan phán bảo vài lời để tỏ ý hân hoan, bỗng đọc tiếp thấy: “Nhưng, con chim họa mi mới thật là kỳ diệu nhất!”.

Hoàng đế ngạc nhiên:

- Gì thế này! Con chim họa mi ư? Sao ta lại không biết nhỉ? Có thật trong giang sơn bờ cõi và ngay trong vườn của ta có một con chim như vậy không? Ta chưa hề nghe ai nói tới và phải đọc sách mới biết thì lạ thật.

Hoàng đế truyền gọi quan thị lang. Quan thị lang quyền cao chức trọng đến nỗi mỗi khi kẻ dưới đến trình báo, hoặc thỉnh cầu điều gì, ngài chỉ trả lời bằng một tiếng “Hớ”, thực ra chẳng có nghĩa gì hết.

Hoàng đế phán:

- Ở đây chừng như có một con chim mà người ta gọi là họa mi. Thiên hạ cho rằng trong bờ cõi của ta chẳng có gì đẹp hơn

chim, có sao chưa thấy ai tâu điều ấy với trẫm?

Quan thị lang thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, chính kẻ hạ thần đây cũng chưa từng nghe cái tên ấy mà chính chim ấy cũng chưa từng được ai tiến cử bao giờ.

- Hừ, thế thì ngay tối nay phải đem nó đến hót cho trẫm nghe. Thiên hạ biết đến vật báu của trẫm mà riêng mình trẫm lại không biết.

Quan thị lang tâu:

- Muôn tâu thánh thượng, thực tình kẻ hạ thần chưa từng thấy con chim ấy, nhưng hạ thần xin đi tìm và chắc chắn sẽ tìm thấy.

Được, nhưng tìm ở đâu? Quan thị lang lên xuống khắp lầu son gác tía, qua khắp các cung điện và đường đi lối lại, gặp người nào cũng hỏi, nhưng chẳng ai biết tung tích chim họa mi đâu cả.

Ngài bèn vào tâu với Hoàng đế:

- Cúi xin thánh thượng chớ tin vào những lời trong sách. Trong đó chỉ toàn những chuyện hoang đường tà thuật mà thôi!

Hoàng đế phán:

- Những sách ta xem chính là của Hoàng đế Nhật bản gửi cho, lẽ nào lại có chuyện bịa đặt? Trẫm muốn nghe chim hót ngay tối nay. Trẫm sẵn lòng ban cho chim rất nhiều ân huệ. Nhưng nếu các người không đưa đến, trẫm sẽ bắt cả triều đình chịu hình phạt "giảm lên bụng sau khi ăn cơm no!"

Thị lang tung hô:

- Vạn tuế!

Rồi ngài chạy tới chạy lui, leo lên leo xuống tất cả lầu son gác tía, đâm bổ vào các phòng trong hoàng cung, sục sạo các hành lang; một nửa triều thần cũng làm thế, vì chẳng ai muốn chịu cảnh “giẫm lên bụng sau khi ăn cơm no” cả!

Rõ là một cuộc chạy đua bắt nháo để tìm một con chim họa mi mà cả bàn dân thiên hạ đều biết tới, trừ Hoàng đế và quần thần.

Sau họ vớ được một cô nữ tì bé nhỏ.

- Trời ơi! Cô ta kêu lên. Con chim họa mi! Cháu biết lắm chứ! à, thôi phải rồi! Con chim ấy hót đến là hay! Chiều chiều cháu được phép mang cơm thừa cho mẹ cháu đang ốm. Lúc quay về, mỗi chân, đứng nghỉ trong rừng, cháu thường được nghe nó hót. Những lúc ấy cháu sung sướng đến nhom nhóm nước mắt, hết như khi mẹ cháu ôn hôm cháu.

Quan thị lang vội bảo:

- Cháu bé ngoan, ta sẽ phong cho cháu một chức vị trong bếp và cho phép cháu được vào xem Hoàng thượng ngự thiện một lần nếu cháu đưa ta đến chỗ chim họa mi đậu, vì tối nay ta phải đưa chim vào bệ kiến.

Thế là một nửa triều đình lũ lượt kéo nhau vào khu rừng họa mi thường hót. Dọc đường, có tiếng bò cái rống. Một thị đồng reo lên:

- Chà! Nó đây rồi! Chim gì mà lớn tiếng thế. Hình như tôi đã được nghe ở đâu rồi thì phải.

Cô nữ tì nói:

- Không phải đâu, bò rống đấy. Còn xa mới đến cơ!

Bên bờ một cái ao có tiếng à uôm của chú ếch ương.

Pháp tăng trong triều kêu lên:

- Mê ly thật! Mãi đến giờ bản tăng mới được nghe thấy! Thánh thót như tiếng chuông chùa vậy!

Nữ tì nói:

- Không phải đâu, ếch ương đấy! Nhưng hãy im, im mà nghe. Nó đấy. Chim họa mi đấy.

Rồi cô lấy tay chỉ con chim họa mi nhỏ nhắn, lông xám đang đậu trên cành cây.

Quan thị lang ngạc nhiên:

- Thế à! Ta cứ tưởng nó đẹp hơn thế nhiều! Bộ lông tầm thường thế thôi à? Hay là trước mặt đông đủ quần thần chim sợ quá, tái sắc đi?

Cô thị tì nói to:

- Họa mi bé nhỏ ơi! Hoàng đế muốn nghe chim hát đấy.

- Rất sẵn lòng!

Thế là họa mi cất tiếng hát thánh thót mê hồn.

Quan thị lang khen:

- Nghe cứ như tiếng nhạc bằng pha lê ấy. Ô kia! Hãy xem cái cổ họng xinh xắn pháp phồng! Thế mà chúng ta chưa ai hề nghe chim hát thì kể cũng lạ thật! Vào hoàng cung, chắc chim sẽ được triều đình nhiệt liệt hoan nghênh.

Họa mi tưởng Hoàng đế có mặt ở đó bèn hỏi:

- Tôi có phải hát lần nữa cho Thiên tử nghe không?

Quan thị lang vội đáp:

- Họa mi ưu tú ời! Người hãy đi với chúng ta vào dự hội tối nay trong triều, và người sẽ hát cho Hoàng đế nghe; giọng hát tuyệt vời của người nhất định làm cho Hoàng đế mê say.

- Giọng hát của tôi ở đây, dưới vòm cây này, mới là hay nhất.

Họa mi nói thế, nhưng khi biết được ý muốn của Thiên tử, chim cũng vui lòng để bọn quần thần rước vào triều.

Trong hoàng cung, người ta đã chuẩn bị đón tiếp chim rất long trọng.

Muôn ngàn cây đèn bằng vàng sáng chói trên sân rồng, và trên các bệ tường bằng sứ. Hàng hiên rực rỡ những đóa hoa hiếm nhất. Mỗi khi gió thoảng, chuông bạc ngân vang âm ĩ đến nỗi ai nói gì nghe cũng không rõ.

Chính giữa đại điện, nơi Hoàng đế ngự, có để sẵn một cây bằng vàng để chim tới đậu. Văn võ bá quan tề tựu đông đủ, và cô thị tì được phép nép sau cánh cửa. Cô mới được phong chức đầu bếp của nhà vua. Các quan đều mặc phẩm phục và ai nấy đều chăm chú chiêm ngưỡng con chim màu xám mà Hoàng đế đang ân cần chào đón. Họa mi cất tiếng hát hay đến nỗi Hoàng đế vô cùng cảm động, nước mắt trào ra. Họa mi lại càng thánh thót làm người nghe xúc động đến tận tâm can. Hoàng đế rất đẹp lòng, truyền đeo chiếc ngự bài bằng vàng vào cổ chim. Nhưng họa mi khước từ, thấy rằng mình đã được vinh dự lắm rồi. Họa mi nói:

- Tôi đã thấy Hoàng đế rơi lệ, như thế cũng đủ bằng cả kho tàng châu báu quý nhất trên đời. Như thế là một phần thưởng xứng đáng đối với tôi rồi.

Và chim lại cất tiếng hót êm đềm thấm thía.

Các vị phu nhân bảo nhau:

- Chẳng có gì tuyệt bằng!

Có bà ngâm một tí nước, khê láy giọng ro ro trong cổ để bắt chước tiếng chim. Các bà ấy tưởng làm như thế là giọng các bà biến thành giọng họa mi.

Ngay cả thị vệ và nữ tì, những người khó tính nhất, cũng rất hài lòng và đó là một cổ vũ đích đáng đối với họa mi.

Tóm lại, họa mi được hoan nghênh nhiệt liệt.

Lệnh truyền bàn cho chim một chiếc lồng treo trong cung và cho phép chim ra ngoài mỗi ngày hai lần. Mười hai quan hầu được cử đi theo chim, mỗi người nâng một sợi tơ buộc vào chân chim. Những cuộc du ngoạn kiểu ấy đối với chim chẳng thú vị gì.

Toàn thể kinh đô náo nức về con chim họa mi kỳ diệu. Người ta đặt tên con gái là Họa mi, ngay cả những đứa có giọng nói khàn khà.

Một hôm một gói to được gửi tới hoàng cung, bên ngoài đề hai chữ: Họa mi.

Hoàng đế phán:

-Hẳn là một cuốn sách mới, bàn về con chim kỳ diệu.

Nhưng đâu có phải là một cuốn sách. Đó là một mỹ phẩm nho nhỏ, đặt trong một cái hộp, một con chim họa mi nhân tạo, giống hệt chim họa mi thật, mình giắt đầy kim cương, ngọc xanh và ngọc đỏ. Hễ vẩy máy là nó có thể hót lên một bài như họa mi thật vừa hót vừa vẩy vẩy cái đuôi toàn bằng

vàng và bạc. Cổ chim lủng lẳng một chiếc kiềng, trên có khắc:

“Tôi là họa mi của Hoàng đế Nhật Bản, nhưng chưa sánh được với họa mi của Hoàng đế Trung Hoa”.

Triều thần reo lên:

- Tuyệt!

Người mang chim giả tới hoàng cung được phong ngay chức “Hoàng gia Họa mi đại sứ thần”. Có người bàn:

- Nên cho hai con họa mi cùng hát, như thế sẽ được nghe những bản song ca tuyệt vời!

Người ta bèn thử cho hai con chim cùng hát, nhưng không xuôi. Họa mi thật hát theo kiểu riêng của nó, còn họa mi giả thì cứ giáng theo nhịp đều đều của máy.

Quan chương nhạc bèn biện hộ cho con chim máy:

- Không phải lỗi tại nó. Nó hát không sai đâu, rất đúng nhịp, như tôi vẫn thường dạy ở nhà trường đấy!

Người ta bèn cho con chim giả hát một mình. Nó được hoan nghênh chẳng kém gì chim thật. Người ta còn thấy nó đẹp hơn là đằng khác. Minh nó lóng lánh chẳng kém gì những vòng xuyên nạm kim cương châu báu.

Nó có thể hát thông luôn bốn lần một bài mà người nghe cũng không chán. Cử tọa còn muốn nghe nữa, nhưng Hoàng đế phán cho con chim thật hát một lúc.

Nhưng chim đâu mất rồi. Chẳng ai ngờ rằng chim đã bay qua cửa sổ trở về chốn rừng xanh.

Hoàng đế kêu lên:

- Thế là thế nào?

Quần thần tức giận; xúm xít nhau vào kết tội con chim vong ân bội nghĩa.

Bọn nịnh thần cất lời sàm tấu:

- Muôn tâu Thánh thượng, cũng còn may, vì ta còn giữ được con chim hay nhất.

Thế là chim giả lại phải hát.

Có mỗi một bài mà chim phải hát tới lần thứ ba mươi tư mà chẳng ai thuộc vì khó quá.

Quan chương nhạc hết lời ca tụng họa mi máy. Ngài quả quyết rằng nó hơn đứt con họa mi thật, không riêng gì bộ lông đầy ngọc ngà mà chính nó là vì tài nghệ của nó.

- Muôn tâu bệ hạ và chư vị quần thần, với con chim thật thì chẳng ai biết trước được nó định hát bài gì, nhưng với con chim giả thì các bài hát được sắp đặt theo một thứ tự cố định. Ta cứ việc tháo máy ra, xem các bánh xe sắp đặt ra sao là biết được cách chuyển động của máy và cách phát ra tiếng hát.

Ai cũng phụ họa:

- Thật đúng như ý tôi.

Hoàng đế phán rằng cần phải cho muôn dân được nghe nó hát, nên chủ nhật sau quan chương nhạc được phép mang chim họa mi máy ra vận cho dân nghe.

Dân chúng nghe chim máy hát ai cũng khoái chí, say mê.

Người nào cũng chỉ ngón tay lên trời, đầu lắc lư và kêu lên:

- Ô!

Nhưng một anh nhà chài nghèo, đã từng được nghe chim họa mi thật hát, lại nói rằng:

- Ừ, khá hay đấy, khá giống họa mi thật đấy nhưng tôi nghe như còn thiếu một cái gì ấy.

Họa mi thật bị trục xuất ra khỏi giang sơn của Hoàng đế.

Con chim máy được đặt lên một cái đệm gấm bên long sàng, xung quanh xếp đầy bội tinh, vàng ngọc, châu báu mà chim được ban thưởng. Người ta phong cho nó danh hiệu: "Hoàng gia long cung cung sàng đại danh ca". Về ngôi thứ lâm triều, chim được xếp đứng hàng đầu, bên trái, ngôi thứ quan trọng nhất theo ý Hoàng đế, vì bên trái là phía trái tim. Cho đến các bậc đế vương cũng quan niệm như vậy thôi.

Quan chưởng nhạc viết một pho sách gồm mười lăm chương ca tụng chim họa mi máy, lời lẽ uyên bác, rất dài dòng, và bay bướm. Ai cũng khoe mình là thông hiểu sách ấy để khỏi mang tiếng là ngu dốt.

Một năm qua, Hoàng đế, triều thần và cả nước đều thuộc lòng từng tiếng chữ của con chim máy. Người ta có thể đồng ca với chim. Từ chú nhóc ngoài phố đến Hoàng đế, ai cũng biết hát:

- Di di di, gơ lu, gơ lu, gơ lu!

Rõ thật là mê ly!

Nhưng một tối kia, chim máy đang hát cho Hoàng đế nằm nghe trên long sàng bỗng nghe thấy bụng chim kêu đánh soạch một cái. Có cái gì bị gãy. Các bánh xe trong bụng chim quay loạn xạ, nghe cứ xoàn xoạt, rồi tiếng hát ngừng bật.

Hoàng đế ra khỏi long sàng, truyền gọi quan ngự y đến, song ngự y thì làm trò gì được? Người ta vờ một anh thợ chữa đồng hồ. Anh ta mò mẫm chán rồi giăng giải hồi lâu, lấp bừa

chim máy lại và dặn rằng phải gượng nhẹ lắm mới được, vì các bánh xe đã mòn không có cái thay, mà tiếng hót có lẽ cũng không còn du dương như xưa nữa. Từ nay chỉ được cho chim hót mỗi năm một lần thôi. Thật là một tin thất đảm đối với mọi người. Bây giờ chim máy hót nghe hơi chói tai, nhưng quan chưởng nhạc vẫn quả quyết trong một buổi nghị bàn rằng tiếng chim máy vẫn du dương như xưa.

Năm qua năm, toàn dân đang chờ đón một quốc tang, Hoàng đế được muôn dân rất kính yêu đã lâm bệnh nặng. Các quan ngự y tuyên bố không cứu chữa được. Đình thần đã lựa chọn người nối ngôi và khắp kinh đô dân chúng nhớn nhác đến hỏi thăm tin tức ở dinh quan thị lang.

Hoàng đế tái ngắt và giá lạnh nằm trong long sàng, còn vằn vớ bá quan tuồng ngài đã băng hà, rối rít xun xoe quanh vị tân thiên tử. Trong khi đó thị vệ và nữ tì vui chơi thỏa thích với nhau trong nhà bếp.

Buồng lớn, buồng nhỏ cũng như hàng hiên đều trải thảm để đi lại cho êm.

Ngài ngự đáng thương đang hấp hối, chỉ còn thoi thóp thở.

Cầm thấy có một vật gì rất nặng đang đè lên ngực, ngài mở mắt ra và thấy Thần Chết đang cười trên người. Thần Chết đã lột mũ miện của Hoàng đế, một tay cầm gươm báu, một tay cầm hoàng kỳ. Từ các nếp màn che dài vây quanh long sàng lộ ra những cái đầu lâu kỳ quái, có những cái trông gớm ghiếc, lại có những cái đầy vẻ nhân từ. Đó là tội lỗi và công đức của Hoàng Đế hiện về trong khi Thần Chết đè trĩu lên trái tim ngài.

- Còn nhớ không? Nhà vua còn nhớ không?

Những cái đầu lâu lần lượt hỏi tội Hoàng đế. Chúng kể không biết bao nhiêu là tội của nhà vua, khiến ngài toát mồ hôi và kêu lên:

- Nhưng ta đâu biết những chuyện ấy. CỬ NHẠC! CỬ NHẠC! Khua trống lên! Ta không muốn nghe những lời ma quái nữa!

Thế nhưng mặt ma vẫn cứ trơ trơ ra đó, còn Thần Chết thì vẫn lắc lư cái đầu.

Hoàng đế lại thét lên:

- CỬ NHẠC! CỬ NHẠC mau! Chim vàng bé nhỏ thân yêu ơi! Hót lên đi! Hãy hót lên đi! Ta đã ban thưởng cho mi vàng bạc, châu báu và chiếc bài vàng của ta rồi. Hót lên, chim ơi! Hót lên đi!

Nhưng chẳng có ai vận máy nên chim cứ im bất. Đôi mắt to tướng trống hốc của Thần Chết chăm chăm nhìn Hoàng đế. Yên lặng hãi hùng.

Ngay lúc đó, bên song cửa nổi lên tiếng hát tuyệt vời. Chim họa mi bé nhỏ đã từ rừng xanh về đậu trên cành cây ngoài vườn. Chim được tin Hoàng đế ốm nặng nên đã về đây, mang đến cho nhà vua một tia hy vọng với tiếng hót của nó.

Tiếng hót càng vang lên bóng ma tan dần, máu lại chảy đều trong mạch ốm yếu của nhà vua. Thần Chết cũng phải vĩnh tai nghe và bảo họa mi rằng:

- Cứ hót đi! Họa mi bé nhỏ!

- Được! Nhưng phải trao kiếm vàng và mũ miện của nhà vua cho chim.

Thế là sau mỗi bài hát, Thần Chết lại trao trả một bảo vật.

Họa mi tiếp tục hát. Chim ca ngợi vẻ đẹp nơi nghĩa địa đầy hoa hồng bạch, đầy trắc bá thơm lừng, có thắm cỏ xanh tươi đâm lẹ của người đời. Thần Chết không cầm nổi lòng mong muốn trở lại khu vườn của mình, bèn hóa thành một đám mây mù lạnh toát và trắng bệch, bay qua cửa sổ biến mất.

Hoàng đế reo lên:

- Cảm ơn chim, cảm ơn chim nhà trời yêu quý! Ta đã nhận ra họa mi rồi. Ta đã xua đuổi chim ra khỏi giang sơn ta, thế mà chim vẫn bay về đuổi tà ma quỷ quái, cứu ta khỏi tay Thần Chết. Ta biết lấy gì tạ ơn chim bây giờ?

Họa mi đáp:

- Nhà vua đã hậu thưởng chim rồi. Nhà vua đã thưởng chim bằng những hạt lệ rơi xuống khi chim hát lần đầu tiên cho ngài nghe và không bao giờ chim quên được cảnh tượng ấy. Đối với một ca sĩ, những giọt nước mắt ấy quý hơn cả châu báu. Bây giờ xin nhà vua yên nghỉ, họa mi này sẽ hát cho nhà vua chóng bình phục.

Rồi họa mi lại cất tiếng hát và Hoàng đế lại thiếp đi trong một giấc ngủ hồi sinh êm đềm.

Khi mặt trời chiếu qua cửa sổ rọi tới tận long sàng, nhà vua chợt tỉnh dậy, thấy trong người sảng khoái vô cùng. Chẳng có ai đến hầu, vì mọi người tưởng nhà vua đã băng hà. Chỉ có họa mi vẫn cứ hát.

Hoàng đế bảo chim:

- Từ nay chim sẽ luôn luôn sống bên ta, muốn hát lúc nào thì hát, còn con chim giả, ta sẽ đập tan thành muôn mảnh.

- Xin nhà vua đừng làm như vậy. Chim giả đã làm hết sức

nó, nên giữ nó mãi mãi. Còn tôi, tôi không thể nào sống trong cung được. Nhưng xin nhà vua hãy cho phép chim muốn tới lúc nào thì tới. Chiều chiều chim sẽ đến đậu trên cành cây, gần cửa sổ này hót lên cho nhà vua vui vẻ, hoặc mơ màng. Chim sẽ hót lên cuộc đời của những kẻ sung sướng, cũng như cuộc đời của những người đau khổ. Chim sẽ hót lên những việc tốt và những việc xấu của người ta làm xung quanh nhà vua. Tiếng hót của họa mi bé nhỏ này sẽ vọng tới tận những túp lều của dân chài nghèo khổ, của nông dân, đến tận những người sống xa Hoàng đế và triều đình. Họa mi này trọng tấm lòng nhà vua hơn ngai vàng, mặc dầu ngai vàng có tính chất thiêng liêng. Chim sẽ đến hót, sẽ hót, nhưng chim chỉ xin nhà vua một điều.

- Chim muốn xin gì trăm cũng ban.

Nhà vua khoác cẩm bào đứng dậy, vừa nói vừa ghì chặt thanh kiếm nạm đầy ngọc quý vào trước ngực.

- Chỉ xin bệ hạ một điều thôi. Xin bệ hạ đừng để cho bất cứ kẻ nào biết rằng bệ hạ có một con chim bé nhỏ đã tận tâm cho bệ hạ tất cả mọi điều. Như thế mọi sự càng êm đẹp.

Nói rồi chim họa mi cất cánh bay đi.

Lúc ấy quân hầu bước vào, chắc hẳn rằng Hoàng đế đã băng hà... nhưng chúng bỗng thấy Hoàng đế đã đứng dậy, quay về phía chúng mà phán rằng:

- Chào các người.

Con gái thần nước

Này ngày, chàng trai trẻ chèo thuyền ra giữa sông cùng với cha, buông câu thả lưới làm kế sinh nhai. Nhà chàng vốn nghèo, tài sản chỉ có một con thuyền nhỏ và túp lều dựng ở ven sông, bù lại chàng có giọng hát trong trẻo, du dương. Trong khi làm việc, chàng thường cất cao giọng hát. Tiếng hát ấy vọng ra xa, gần, làm cho mọi người ưa thích. Tiếng hát ấy còn làm cho một nàng công chúa dưới thủy cung say mê.

Hằng ngày nàng vẫn đội lốt cá quanh quần bên thuyền, để được nghe tiếng hát của chàng trai.

Một hôm, giữa khi đang mê mải nghe hát bên cạnh thuyền, nàng công chúa dưới thủy cung không may xa vào lưới. Khi gỡ cá dính lưới, người bố chàng trẻ tuổi thấy một con cá lạ có vảy đỏ lóng lánh đẹp mắt thì ném vào lòng thuyền định để cho con chơi.

Nhưng rồi ông già lại quên đi không cho con biết. Cho nên, mấy ngày đầu sống dưới gầm thuyền chẳng có gì ăn, nàng công chúa sắp lả ra vì đói. Nhưng may sao, buổi sáng hôm sau, chàng trẻ tuổi đang ăn bỗng đánh đổ cơm lọt xuống gầm thuyền, nhờ vậy cá ta mới được một bữa no nê. Thấy cá lội tới dớp những hạt cơm rơi, chàng trai trẻ vội bắt lấy, ngắm

nghĩa mãi không chán. Từ đó chàng bỏ cá vào chậu, hết sức chăm chút không khác gì bạn thân.

Một hôm, chàng trai bắt cá lên ngắm nghía, chẳng may tuột tay đánh rơi cá xuống sông. Vắng nhà lâu ngày mới được thả ra, nàng công chúa đội lốt cá lập tức quay trở về thủy cung.

Cuộc chia tay gây nên niềm thương nỗi nhớ giữa hai bên. Chàng trẻ tuổi rất ân hận là đã đánh rơi con cá tuyệt đẹp xuống sông. Chàng rất nhớ cá, hằng ngày chàng cứ nhìn xuống mặt nước hy vọng tìm lại được con cá quen thuộc. Về phần nàng công chúa Cá thì không quên được sự ân cần chăm sóc của chàng trẻ tuổi cũng như giọng hát mê ly của chàng.

Nhưng từ ngày bị sa lưới trở về, nàng công chúa bị bố, mẹ canh giữ ráo riết. Không được nghe tiếng hát quen thuộc, dần dần nàng nhuốm bệnh.

Thấy bệnh con ngày một nặng, bố mẹ nàng tra hỏi. Nàng đành thú thật: Không những mê tiếng hát của chàng trai trẻ trên mà con ao ước được kết duyên với chàng. Nghe nói thế, Vua thủy tề dùng dằng nổi giận. Nhà vua hạ lệnh phải canh giữ con gái mình nghiêm ngặt hơn nữa.

Nhưng sau đó, nhờ hoàng hậu thương con, ôn tồn khuyên can, nên cơn giận của nhà vua cũng dần dần nguôi. Khi thấy công chúa ngày một héo hon, cuối cùng nhà vua cũng đành để cho nàng toại nguyện.

Ba năm trôi qua...

Lúc này chàng đánh cá trẻ tuổi vẫn làm nghề cũ, giọng hát của chàng vẫn trong trẻo du dương văng vẳng trên sông.

Nhưng người bố của chàng thì đã vắng bóng. Bây giờ chàng dựng một túp lều bên cạnh hòn Non Nước nổi lên giữa dòng sông như một hòn đảo nhỏ.

Một hôm ngồi trên thuyền câu, chàng đang cất cao giọng hát, thì bỗng một con cá vảy đỏ lóng lánh nhảy lên mạn thuyền. Bắt cá lên tay, chàng thấy cá nhìn mình đầy triu mến. Bỗng chốc cá biến thành một cô gái xinh đẹp làm cho chàng kinh ngạc. Chàng đánh cá hỏi:

- Nàng là ai?

- Thiếp là con cá nhỏ năm xưa từng được chàng ân cần chăm sóc...

Nói rồi cô gái kể lại cho chàng trai biết mọi việc xảy ra sau khi trở về thủy cung. Đoạn nói tiếp:

- Bây giờ hãy làm ơn cho thiếp sống bên chàng để được ngày ngày nghe chàng hát.

Chàng đánh cá từ đấy có vợ. Chàng hát nhiều hơn trước. Hai vợ chồng sống với nhau êm đềm, sung sướng.

Câu hát trong dân gian:

Xung quanh những chị em người,,

Giữa hòn Non Nước mình tôi với chàng.

Là nói cuộc tình duyên êm đẹp đó.

Hòn ngọc ước của con quạ

Nhân ngày giỗ cha, chàng trai đi ở xin chủ nhà về làm giỗ. Chủ nhà chỉ đưa cho mấy đồng tiền đủ uống nước dọc đường, chẳng có gì sắm sửa cúng cha cả. Anh ta tủi quá, muốn chết quách cho xong. Đến một khúc sông, thấy có bãi vắng, anh ta nằm ngửa ra chờ nước triều lên cuốn đi. Một đàn quạ bay ngang qua ngỡ là thây ma sà xuống, đậu trên bụng rĩa. Anh ta giờ tay vớ được một con, reo lên.

- Không phải chết nữa rồi! May quá! Trời cho con quạ này làm thịt giỗ cha ta đây.

Con quạ sợ lắm, van xin:

- Tha mạng cho tôi! Tôi trả ơn anh một học ngọc ước.

Anh ta bằng lòng. Con quạ liền nhả ra một hòn ngọc long lanh. Cầm hòn ngọc về nhà, thoát tiên anh ta ước dăm mâm cỗ, trước cúng cha sau thết bà con, hàng xóm. Có mâm cỗ rồi, nhưng người đến đông, không chen chân được trong túp lều chật hẹp, anh ta liền ước có một ngôi nhà đủ chỗ ngồi. Ước gì được nấy, anh ta sướng lắm. Có nhà cửa rồi, anh ta ước có ruộng nương, trâu bò để cày cấy làm ăn. Cuối cùng ước một người vợ. Theo như anh ta thì cô con gái nhà giàu nọ trong vùng là vừa ý nhất.

Anh ta đánh tiếng nhờ người mối lái. Cha mẹ cô kia nhận lời ngay. Người nhà giàu ấy nghĩ rằng: “ Nó bỗng nhiên được sung túc, đang hoàng như thế kia, nhất định có đào được hũ vàng chôn, gả được con gái cho nó, ta sẽ xui con trộm vàng về làm giàu thêm”. Chẳng bao lâu thì cho cưới.

Đêm khuya, cô ả mới lần la hỏi chồng vì sao trước khổ sở nay giàu có chóng vánh thế. Anh ta không giấu vợ:

- Tôi giàu có lên là nhờ hòn ngọc ước của con quạ cho đấy!

Thế là một hôm, chờ lúc chồng đi vắng, cô ả lấy trộm hòn ngọc rồi bỏ về nhà mẹ. Mất vợ, mất cả ngọc, anh ta chán nản, rầu rĩ. Bụt thấy anh ta trước đây có ngọc ước mà không tham, cái gì cần mới ước, nên thương tình, bèn hiện lên, bày mẹo lấy lại hòn ngọc. Bụt đưa cho anh ta một cành hoa trắng và một cành hoa đỏ, dặn:

- Cành hoa trắng, đem gài vào cửa ngõ nhà nó, cành hoa đỏ thì giữ lấy, có lúc dùng đến.

Anh ta làm theo lời Bụt dặn. Mùi hoa thơm lừng. Cả nhà bố vợ chạy ra tìm hoa, tranh nhau ngửi: ông ngửi, bà ngửi, cô ả ngửi. Ngửi xong, mũi người nào người ấy dài ra, lủng lẳng như vôi voi. Đến là khổ! Chạy thầy chạy thuốc mãi, cửa nhà bán hết, không làm sao mũi ngắn lại được. Lấy hòn ngọc ra ước, cũng không thấy linh thiêng. Bấy giờ anh ta mới sang chơi. Hai ông bà vừa khóc vừa than thở:

- Anh xem, nhà này xưa nay ăn ở phúc đức, có làm nên tội tình gì đâu, thế mà mắc phải tai ương như thế này! Thật ông trời không có mắt.

Anh ta thông thả nói:

- Ông trời có mắt đấy chứ. Ông bà phải cái tính của ai cũng muốn vợ làm của mình. Con gái ông bà cũng thế. Nó lấy trộm hòn ngọc của tôi về cho ông bà. Ông bà trả tôi hòn ngọc thì tôi chữa cho khỏi ngay. Hòn ngọc ấy chỉ người lương thiện dùng mới được!

Vợ chồng người giàu không chối dằng nào được, lại cũng muốn sống yên lành nên đem ngọc ra trả. Anh ta cầm chắc hòn ngọc trong tay, mới đưa cánh hoa đỏ cho cả nhà bố vợ ngửi. Tức thì mũi ngấn lại như trước. Chúng mừng như cha chết sống lại. Nhưng người vợ ấy, anh ta bỏ, mà tìm người khác có tình có nghĩa hơn.

Khổng lồ đúc chuông

Ngày xưa, ngày xưa đã lâu lắm rồi, trong kinh đô nước Việt có một người tên gọi là Khổng Lô. Nhìn thấy thân thể ông, các tay lực sĩ bốn phương đều khiếp sợ, mặc dầu ông chưa từng độ sức với ai.

Từ trẻ, Khổng Lô đã đi tu, ông thường đi chu du thiên hạ. Vật tùy thân của ông có một cây gậy sắt nặng ngoài sức tưởng tượng.

Ngoài ra ông còn có một cái dây mầu nhiệm. Dây trông không khác gì những dây thường nhưng có thể bỏ lọt vào đó bao nhiêu đồ vật to lớn, cồng kềnh. Dù chất chứa thế nào, dây cũng không đứt và cũng không to thêm.

Buổi ấy, nhà vua cần rất nhiều đồng để đúc các đồ thờ Phật, nhưng ngặt vì ở đất Việt không có đồng đen. Nghe tiếng Khổng Lô, nhà vua bèn cho lệnh triệu ông đến kinh đô, nhờ sư đi sang Trung Quốc quyên về một ít đồng đen. Khổng Lô nhận lời và xách dây đi về phương Bắc.

Sau bao nhiêu ngày trôi non lợi xuôi, Khổng Lô đã đến kinh đô của Trung Quốc. Thấy một nhà sư to lớn xin vào yết kiến, vua Trung quốc lấy làm lạ, hỏi:

- Hoà thượng từ phương nào lại, và đến đây làm gì?

Ông đáp:

- Chúng tôi đến cầu bệ hạ cho một ít đồng đen để mở rộng Phật pháp trong nước Đại Việt.

Vua ngỡ là có nhiều người theo ông nữa, bèn hỏi:

- Quý quốc cần dùng bao nhiêu đồng? Hoà thượng đem sang cả thấy bao nhiêu đồ đệ?

Khổng Lô giơ tay lên và tâu:

- Kể hạ thần chỉ sang đây có một mình và chỉ xin một đũa này là đủ.

Thấy cái đũa bé tí, vua Trung Quốc mỉm cười:

- Hoà thượng có lấy cả trăm đũa, trăm cũng vui lòng hưởng gì là một đũa.

Đoạn vua sai nội thị mang lệnh chỉ cho quan giữ kho, mở kho đồng đen cho Khổng Lô muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Trước khi vào kho, phải đi qua một cái sân rộng. ở đó có một cái nền gạch, trên nền dựng tượng một con trâu bằng vàng to như một cái nhà, sáng chói cả một vùng trời đất. Quan giữ kho chỉ vào trâu, hỏi đùa Khổng Lô:

- Hoà thượng có cần dùng cả con trâu này không?

- Không, tôi chỉ cần một ít đồng đen mà thôi.

Rồi sau đó Khổng Lô trút tất cả đồng trong kho bỏ vào đũa của mình. Cả kho đồng đã được bỏ vào đũa mà đũa vẫn còn voi. Khổng Lô bình thần mắc đũa vào một đầu gậy, quảy về nước.

Quan giữ kho thấy hết nhẫn cả đồng, vội vã đem sự tình

tâu báo cho nhà vua biết. Vua Trung Quốc không ngờ có sự phi thường như thế, lấy làm hồi tiếc, bèn sai năm trăm quân sĩ đuổi theo Khổng Lô. Lúc ấy nhà sư cũng đã đi được ba trăm dặm đường.

Vừa đến một khúc sông rộng, Khổng Lô bỗng nghe có tiếng reo dậy trời ở sau lưng. Ông ngoảnh cổ lại, thấy bụi bốc mịt mù, đoán biết là vua Trung Quốc đã cho quân sĩ đuổi theo. Ông lật đật thả chiếc nón xuống nước, đặt dẫy lên, rồi vừa bơi vừa đẩy nón qua sông. Quân sĩ đã tiến ra giữa sông rộng và chúng đồng thành nói rằng:

- Hoà thượng hãy chờ một tí, hoàng đế cho chúng tôi khiêng giúp đồng và hộ tống ngài về.

Nhưng Khổng Lô nói với lên:

- Bản tăng gửi lời về cảm ơn lòng tốt của hoàng đế. Còn cái dẫy này cứ để mặc bản tăng mang lấy, đâu dám làm phiền đến thiên sứ.

Biết không thể đuổi nổi, bèn quay trở lại.

Sau đó Khổng Lô cứ theo dọc bờ biển đi bộ lẫn về phương Nam. Đến một cửa sông, ông gặp một chiếc tàu lớn sắp sửa nhổ neo sang nước Việt. Khổng Lô đặt dẫy ở bến, đến gặp người chủ tàu xin cho đi nhờ. Chủ tàu thấy một hoà thượng với một chiếc dẫy ước lượng không nặng thêm cho tàu bao nhiêu, nên vui lòng cho ông đi.

Nhưng khi một thuỷ thủ xuống bến xách dẫy hộ cho nhà sư lên tàu, nhưng anh ta không thể nâng chiếc dẫy lên được, vì nó nặng ngoài sức tưởng tượng. Người thứ hai xuống giúp

cũng chịu. Người thứ ba, người thứ tư cho đến khi tất cả mọi thuỷ thủ trên tàu cùng hè nhau khiêng, ai nấy cũng đều phải lắc đầu vì chiếc dẫy vẫn không nhúc nhích. Bấy giờ Khổng Lô mới cười và bảo:

- Để bản tăng tự mang lên cho, không phiền đến các vị.

Nói rồi một tay xách dẫy, một tay cầm nón và gậy bước lên tàu trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Thấy tàu quá nặng nước mấp mé mạn tàu, mọi người ngần ngại không dám nhổ neo. Khổng Lô bảo họ:

- Các người chớ ngại, ta quyết không để cho tàu chìm đâu.

Thuận buồm xuôi gió, tàu rẽ nước đi băng băng. Được mấy ngày bỗng xảy ra một trận phong ba dữ dội. Một con thuồng luồng mình dài trăm trượng miệng há đỏ như lửa đang vẫy vùng giữa sóng gió tiến đến toan nuốt cả tàu. Mọi người ngồi trên chiếc tàu chòng chành, vô cùng kinh sợ. Khổng Lô nói to:

- Các người cứ ngồi yên, mặc ta diệt trừ con quái vật!

Nói đoạn, sẵn có quả bí lớn, ông cầm lấy, đứng ở mũi tàu ném vào miệng thuồng luồng. Thuồng luồng vừa đón lấy thì ông đã nhảy xuống nước cầm gậy đánh vào mình nó. Thuồng luồng chạy không kịp bị gãy xương, đứt làm ba đoạn và biến thành ba hòn đảo nổi lên giữa biển. Ngay sau đó, sóng gió yên lặng, tàu lại đi một mạch về tới đất Việt.

Về tới kinh đô, Khổng Lô vào chầu vua và kể lại mọi việc. Vua sai sứ đem đồng ra đúc bốn thứ bảo vật thờ Phật để cho mọi người ngưỡng mộ và lưu truyền lâu dài đời sau. Khổng Lô bèn cho gọi bao nhiêu thợ đúc tài giỏi trong nước đến, rồi mở dẫy lấy đồng ra chia làm bốn phần.

Đầu tiên ông đúc một cái tháp cao 9 tầng gọi là Tháp Báo Thiên. Tháp đúc xong, đứng ra giữa kinh thành cao vợi vợi, đứng đâu cũng thấy.

Khổng Lô lại đúc một tượng Phật cao 6 trượng, uy nghiêm lồng lẫy đúc một cái đỉnh to vừa bằng 10 người ôm. Phần còn lại, Khổng Lô cho đúc một quả “ Hồng Chung ” Chuông đúc xong to lớn không thể tưởng tượng được, đến nỗi khi đánh hồi đầu tiên, tiếng ngân vang khắp bốn cõi, vang sang đến tận bên Trung Quốc.

Lại nói chuyện con trâu vàng nằm trước kho đồng của vua Trung Quốc khi nghe tiếng chuông, nó tự nhiên như được tỉnh dậy. Vì đồng đen là mẹ của vàng nên khi tiếng chuông ngân, nó biết là mẹ nó đã ở nước Việt. Nó bèn đứng dậy, vươn người rồi ba chân bốn cẳng chạy một mạch sang nước Nam, không một sức nào có thể cản nổi. Cuối cùng nó tìm đến quả chuông do Khổng Lô đúc, hôn hít hồi lâu rồi nằm xuống bên cạnh chuông đồng.

Không ngờ sự việc lại xảy ra như thế, Khổng Lô tự nghĩ nếu để chuông lại thì mỗi lần đánh chuông, vàng trong bốn biển sẽ quy tụ cả vào nước mình, mà như thế thì sẽ rất nguy hiểm vì sẽ gây hiềm khích với tất cả mọi nước. Ông bèn tâu vua xin đem quả chuông ném cho mất tích để tránh một cuộc đao binh có thể xảy ra.

Nhận thấy lời tâu có lý, vua đành phải đồng ý. Khổng Lô đứng trên núi xách quả chuông vứt xuống hồ Tây. Chuông bị tung lên không, bay ra giữa hồ, vang lên một tiếng rất dữ dội. Con trâu vàng nghe tiếng, vội theo mẹ nó, nhảy ngay

xuống hồ.

Từ đó về sau, thỉnh thoảng những lúc thanh vắng, người ta vẫn thấy quai chuông nổi lên mặt nước. Còn con trâu thì đôi lúc lên bờ hồ đi dạo, hề thấy bóng người là trâu lặn xuống ngay. Cũng vì câu chuyện trên mà Hồ Tây còn có tên là hồ Kim Ngưu (Trâu Vàng). Riêng Khổng Lô về sau được thờ làm thần nghề đúc đồng.

Da Rác lấy chồng tiên

Một hôm, vào giữa mùa hè, trời nắng như nung có hai chị em gái rủ nhau ra sông tắm. Cô chị tên là Da Rác, nước sông trong vắt, mát như nước chứa trong lu. Hai chị em Da Rác ngụp lặn chán rồi lên bãi cát phơi nắng. Phơi xong lại xuống ngụp lặn. Đến lúc mặt trời xuống núi Da Rác vẫn chưa muốn về. Cô em nhắc:

- Tắm mát rồi, mặt trời đã xuống núi. Chim đã về rừng. Đi về đi... chị Da Rác ơi!

Da Rác đứng lên, nhưng bàn chân cô bị kẹt vào kẽ đá. Càng cựa quậy, bàn chân càng thụt sâu. Da Rác khóc, gọi em:

- Em ơi, chị lạnh lắm rồi mà không lên được. Chân bị kẹt vào đá. Em xuống gỡ giúp chị!

Cô em xuống, nắm chân Da Rác kéo lên nhưng cũng không được, phải chạy về gọi mẹ. Cha mẹ Da Rác vác cuốc, vác thuổng ra nạy. Hòn đá cũng chẳng chuyển chút nào. Mặt trời đã lặn. Vợ chồng ông chạy về làng kêu cứu:

- Ôi làng nước ơi! Cứu... cứu! Chân con Da Rác nhà tôi bị kẹt giữa dòng sông. Ai cứu được tôi gả nó cho!

Da Rác đẹp, cả làng đều biết. Đã nhiều người hỏi nhưng nàng chưa chịu lấy ai. Nhân việc rủi ro này, nhiều người

muốn cứu nàng để lấy nàng làm vợ. Bọn con trai chạy ra sông trước. Ông bà già theo sau. Những người khỏe chạy ra sông trước và nắm chân nàng kéo lên. Kéo đến trầy da, rách thịt mà bàn chân nàng vẫn bị kẹt trong kẽ đá. Mọi người vội vàng ngăn dòng sông tắt nước. Sông đã cạn, nước đã khô, Da Rác ngồi trên đám sỏi. Mọi người ra công đào bới, cuốc đất, bẫy đá. Cha mẹ Da Rác vội vàng chạy về nhà giết lợn làm cơm. Ăn xong lại đào, đào xong lại ăn. Cả khúc sông ồn ào nhộn nhịp, song vẫn không sao cứu được Da Rác. Người làng chán nản lần lượt bỏ về. Khúc sông cạn thoáng chốc lại đầy như cũ.

Bấy giờ, có một người men theo bờ sông đi ngược lên, vai quải một túm quần áo rách. Anh còn trẻ nhưng gầy yếu, gió thổi cũng ngã, lại ghề lở, nặng mùi hôi. Cha mẹ Da Rác lên tiếng chào:

- Anh ở đâu đến đây?

- Tôi ở dưới xuôi, gần biển. Có việc gì mà trông ông bà không vui. Trăng sắp lên rồi, sao còn đứng ở sông?

Cha mẹ Da Rác tủi lòng chảy nước mắt, chỉ đứa con đang dựa vào mình:

- Con tôi mắc kẹt, không sao cứu được.

- Sao không nhờ trai làng?

- Nhờ rồi. Nhờ trai làng nhà, nhờ cả trai làng bên. Ai cứu được nó tôi gả cho làm vợ, nhưng không ai cứu nổi.

- Vậy bác cho cháu cứu thử.

- Tôi cũng muốn thế. Anh cứu được tôi gả nó cho.

Anh ghẻ lội ra sông xem thử, rồi vào làng tìm một vật cứng để chèn kê đá, Sau đó ra sức đóng cái chèn vào sâu trong kê đá. Làm đúng một ngày, kê đá hở dần, Da Rác rút chân ra được nhưng đứng không vững. Mẹ cha đưa cô về. Anh ghẻ cũng về theo. Mọi người tắt bật đốt lửa sưởi cho Da Rác. Anh ghẻ cũng bỏ củi, nhóm bếp. Nhưng Da Rác chưa tỉnh thì anh ghẻ lại ốm nặng. Anh không ăn uống được mà rên rỉ suốt đêm, hết kêu đau lại kêu ngứa. Mẹ Da Rác phải thức thâu đêm, vừa gãi ngứa cho con rể, vừa sưởi ấm cho con gái. Bảy ngày sau, Da Rác đã ăn ngon miệng, da hết tía. Mẹ chỉ anh ghẻ cho cô, bảo:

- Chồng mày đó. Nó ngứa ngứa thì mày phải gãi, nó rét thì mày đốt lửa mà hơ. Nó đang ốm. Nó là chồng mày.

Da Rác thật lòng biết ơn người đã cứu mình, cô không sợ anh xấu, anh ghẻ.

Người chồng cảm động hỏi Da Rác:

- Tôi xấu, cô đẹp tại sao cô không chê?

- Không có anh thì chân tôi còn kẹt trong kê đá, đến nay da thịt tôi chắc đã thối rữa ra rồi!

Anh kêu đau bụng. Da Rác đi hái thuốc. Thuốc phải uống lúc còn tươi mới lành bệnh. Nhưng cây thuốc thì ở mãi trong rừng sâu, hái về đến nhà thì lá đã héo. Vì vậy, Da Rác phải đi đi lại lại mãi mà vẫn chưa chữa được cho chồng. Anh ghẻ bảo cô:

- Tôi chỉ cứu cô có một ngày, công cô đã cứu tôi nhiều hơn gấp trăm lần. Tôi phải chịu ơn cô nhiều. Người tôi mắc bệnh, chưa chắc đã lành. Cô nên đi lấy chồng khác cho khỏi

khổ.

- Anh nói không phải rồi. Cành lìa cây thì cành khô. Người hết thở thì chết. Lúc tôi sắp hết thở thì anh đã cứu tôi.

Anh ghê vẫn còn nằm yên một chỗ. Cha mẹ nàng đã giết trâu làm lễ cưới cho con. Hàng xóm chê Da Rác đẹp mà lấy người ghê lở. Nhưng Da Rác không buồn: Nàng vui vẻ dọn thịt, dọn rượu ra mời mọi người. Khách đang ăn uống thì có một chàng trai lạ đi vào. Chàng trai này vừa khỏe, vừa đẹp lại cưới một con ngựa hồng có nhạc, có yên, tay cầm roi da bịt bạc. Thấy chàng trai đẹp, khách ăn cưới đều chào, làm thân:

- Chào người lạ, người lạ ở làng xa hay gần?

- Tôi từ trên nguồn xuống.

- Nhà đã có người nấu cơm chưa? (ý hỏi đã có vợ chưa?).

- Nhà tôi còn thiếu đàn bà! (ý nói chưa có vợ).

Người con trai lạ cùng ngồi ăn cơm, uống rượu, lại xin ngủ nhờ. Nửa đêm anh lân la nói chuyện yêu đương với Da Rác. Da Rác đuổi anh anh ra. Anh nói khích:

- Đẹp thế này mà đi lấy người ghê lở, hôi thối, tiếc lắm thay!

Mày đi đi! Tao là gái có chồng!

Da Rác kêu to. Cả nhà thức dậy. Chàng trai kia bị đuổi ra khỏi nhà. Một buổi trưa, Da Rác đưa chồng ra sông tắm. Biết mình bẩn thỉu, chồng Da Rác nhường cho vợ tắm phía trên. Nhưng Da Rác bảo:

- Làm vợ không được tắm phía trên chồng.

Hai người nhường nhau, bỗng chồng Da Rác bị thụt xuống vực, rồi bị nước cuốn đi. Da Rác chạy hô hoán người làng ra cứu thì chàng trai đẹp lại đến chặn đường, trêu ghẹo:

- Trai đẹp không thương mà lại thương người ghẻ lở. Tôi thương cô nhiều rồi!

Da Rác gạt tay người kia ra, chạy xuôi theo dòng nước kêu to:

- Chồng tôi bị trôi! Ai cứu hộ!

Nước cuốn chồng Da Rác trôi đi rất nhanh. Cô nhảy bổ xuống nước, bơi theo. Nhưng người trai kia nắm tay cô giữ lại:

- Người ghẻ lở là tôi, mà trai lạ cũng là tôi đây. Tôi thử lòng cô đó thôi.

Da Rác không tin, gạt tay anh kia ra, nhảy xuống sông bơi theo chồng. Người con trai kia cũng lao theo xuống sông. Anh ghẻ lở biến thành chàng trai khôi ngô, tuấn tú. Da Rác sợ quá hai tay ôm mặt. Chàng trai bảo:

- Đừng sợ. Ghẻ lở chỉ là cái vỏ bên ngoài thôi. Người thật tôi là đây này.

Thực ra anh chàng ghẻ lở là tiên chứ không phải người trần. Vì mãi chơi nên bị đày xuống trần, anh giả ốm để thử lòng Da Rác mà thôi.

Bây giờ Da Rác mới hé môi cười, rồi dắt chồng về khoe với mẹ. Hai người thật đẹp đôi, đi đến đâu đường làng sáng trưng đến đó. Nhưng cô vừa về đến cổng, bà mẹ vác chổi chạy ra, vừa mắng, vừa chửi:

- Mày đi tắm với chồng, sao lại bỏ chồng đi với trai? Đồ con gái hư...

- Không phải trai... chồng con đó.

- Mày còn dám nói dối mẹ mày. Chồng mày là người ốm yếu bệnh tật, có đâu như thế này.

Mẹ Da Rác vác chổi đánh cả con rể. Anh vội vàng hóa thành người ghẻ lờ. Bấy giờ bà mới tin. Bà liền đưa rể vào khoe với chồng. Cha Da Rác mừng quá, cho giết trâu mời dân làng đến chung vui. Chồng Da Rác cũng treo lên mái nhà gọi mời người làng:

- Hỡi người làng, hãy ngừng cày ruộng, ngừng đi gieo lúa, thôi đi bắt cá, đừng đi hái rau... Về đây giết trâu, giã gạo, ăn thịt, uống rượu cho vui...

Làng dưới, làng trên ùn ùn kéo đến. Gạo thịt nhà Da Rác không đủ mời khách ăn. Chồng Da Rác ra sau nhà cầm cái roi ngựa bịt bạc, đánh vào gò mối. Đánh một roi, trong gò mối vọt ra một con trâu béo. Đánh một roi nữa là hàng thúng gạo nếp hiện ra. Roi thứ ba ra gạo, ra rượu. Người làng ăn uống liên chín ngày, chín đêm. Chồng Da Rác lại bảo:

- Thôi! Ăn uống nhiều rồi! Bây giờ phải đi rẫy, đi ruộng, tủa bắp, gieo lúa... đi ngay kéo trẻ mùa.

Anh lại cầm roi đánh vào gò mối. Đánh một roi, dao rựa trong gò mối tuôn ra lèng xèng. Đánh một roi nữa, tuôn ra cuốc, rìu. Roi thứ ba, ra giống lúa, giống bắp. Roi thứ tư ra giống bầu bí, cà, mướp. Anh bảo người làng:

- Ai phá rừng thì lấy rìu, lấy rựa. Ai xuống ruộng thì lấy

cuộc lấy cày. Ai thiếu nhiều lấy nhiều, thiếu ít lấy ít. Thiếu bao nhiêu lấy bấy nhiêu...

Người làng tự ý lựa chọn các thứ. Chồng Da Rác lại hóa ra hai ngôi nhà lớn. Cột kèo toàn bằng gỗ gụ, gỗ lim. Vợ chồng anh một ngôi. Còn một ngôi dành cho cha mẹ vợ.

Từ đó, vợ chồng Da Rác sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Lươn thần và cậu bé nghèo khổ

Xưa ở một buôn nhỏ ven rừng có một cậu bé mồ côi sống với bà nội. Hai bà cháu sống rất nghèo khổ, cơm không đủ ăn, chăn không có mà đắp, nhà cửa trống tênh trống toàng, dột nát không đủ che nắng che mưa.

Cậu bé có một ông cậu. Ông cậu rất giàu có, lúa bắp đầy kho, chiêng chế đầy nhà, nhưng keo kiệt, tham lam, độc ác. Chẳng bao giờ ông cậu cho cháu một chút gì, lại còn tỏ ra khinh bỉ hai bà cháu nghèo khó.

Có một lần, bà của cậu bé ốm nặng, nhà lại chẳng có cái gì để ăn. Cậu bé nói với bà:

- Bà ơi! Cháu đến nhà cậu vay lúa nhé!

Bà cụ đã biết tính ông cậu. Nhưng không còn cách nào khác, bà đành bảo cháu:

- Ừ, cháu mang gùi đến nhà cậu mà vay. Ông cậu ngồi trên nhà uống rượu, thấy cháu đến biết là để vay lúa, liền xuyt chó ra cắn. Cậu bé gọi thật to:

- Cậu ơi! Cậu cho cháu vay một gùi lúa.

Ông cậu chẳng buồn đứng dậy, cứ ngồi trong nhà nói vọng ra.

- Mày tưởng nhà tao giàu lắm sao? Lúa nhà tao đã hết, một giỏ cũng chẳng còn. Ngô nhà tao cũng hết, một túm cũng chẳng có.

Rồi lão tiếp tục uống rượu, chẳng để ý gì đến cháu nữa. Cậu bé đành mang gùi không về.

Về đến nhà, cậu bé liền lấy rổ ra suối xúc cá, cậu xúc mãi, vẫn chẳng được con nào. Bỗng cậu xúc được một con lươn nhỏ xíu, cậu toan vứt đi, nhưng lại nghĩ bụng: ta cứ đem về nuôi, rồi nó sẽ lớn. Cậu đem lươn về nhà, thả vào một vũng nước. Hôm ấy, hai bà cháu đành nhìn đói.

Sáng hôm sau. Cậu bé chạy ra vũng nước xem. Lạ quá, con lươn nhỏ xíu hôm qua, nay đã to bằng cột nhà. Lươn đã tự đào cho mình một cái ao lớn.

Ngày hôm sau nữa, cậu bé lại thăm lươn, cậu hoảng sợ: Lươn đã trở thành to lớn lạ thường. Lươn to như một thân cây cổ thụ trong rừng. Cậu bé toan bỏ chạy thì lươn nói:

- Đừng sợ. Cậu bé cứ trèo lên lưng tôi, cùng tôi bơi ra biển. Cậu bé sẽ có nhiều quần áo đẹp, nhiều đồ vật quý.

Cậu bé hết sợ, leo lên lưng lươn. Lươn dặn:

- Cậu không được nói gì nhé!

Rồi lươn bơi theo suối ra sông, rồi ra biển rộng. Lươn bơi đến một vùng giàu có, tấp nập người đi lại. Đây là chợ của người Prum chuyên bán quần áo, chiêng ché. Lươn bơi vào bờ, nằm trên bãi cát ven biển trông như một hòn đá lớn. Trời nắng, mình lươn sáng lấp lánh, rất đẹp.

Đến trưa, có một chiếc thuyền buôn bị đắm ở gần bờ, những chiếc mền đẹp, những quần áo sắc sỡ và những chiêng ché cổ bị sóng đánh dạt vào, vớt lên mình lươn. Bất ngờ, lươn cựa mình bơi ra khơi, rồi đưa cậu bé trở về nhà, mang theo nhiều quần áo đẹp, nhiều đồ gỗ quý. Về đến khúc suối gần nhà, lươn bảo cậu bé:

- Bao giờ cậu cần gì, cứ ra gọi tôi. Tôi sẽ nổi lên giúp cậu.

Cậu bé về nhà. Từ đó, hai bà cháu sống sung túc hơn trước.

Một hôm, ông cậu có việc gì đi qua nhà cháu. Hắn ngạc nhiên thấy ngôi nhà lạnh lặn hơn trước. Nhìn vào trong nhà, hắn thấy nhiều đồ vật quý. Hắn leo lên nhà, vội vã đến nỗi suýt ngã nhào. Hắn hỏi cậu bé:

- Nay, mày ăn cắp ở đâu những chiếc ché, những chiếc chiêng này, những mền, những áo mới này?

Cậu bé liền kể chuyện lươn thần cho ông cậu nghe. Nghe xong, ông cậu nổi máu tham. Hắn đồ dành cậu bé:

- Cháu ạ, cháu đừng nói với ai chuyện này nhé! Bây giờ, cháu bảo lươn đưa cậu đi được không?

Cậu bé dẫn ông cậu ra suối. Nghe cậu bé gọi lươn liền nổi lên ngay. Lươn cũng đưa ông cậu ra sông, ra biển, đến chợ của người Prum. Lươn nằm im, nên ai cũng tưởng lươn là hòn đá to, tranh nhau bày lên những đồ vật quý lên lưng lươn để bán.

Ông cậu thấy thế cứ gào thét thật to:

- Lươn ơi! quay về mau đi thôi.

Lươn nghe ông cậu gào lên, phát hoảng vội vã bơi ra biển. Những đồ vật quý rơi hết xuống biển. Ông cậu cũng bị ngã

xuống nước, phải uống một bụng nước đầy.

Về đến nhà, ông cậu ra sức chửi rửa lưng và cậu bé. Hắn cho rằng lưng và cậu bé cố tình chơi xỏ mình. Vừa giận vừa tiếc của, ông cậu lấy xà gạc chém đứt đầu lưng rồi bỏ ra về.

Cậu bé chôn xác lưng ở ven suối. Ngày hôm sau, ra suối cậu ngạc nhiên thấy chỗ mồ lưng đã mọc lên một cây tre vàng óng, cao vút lên trời. Đến trưa gió thổi mạnh, cây tre nghiêng ngả bốn bề, cây ngã mãi xuống vùng biển. Những nhà giàu thấy cây tre đẹp, tranh nhau phơi mền, phơi áo. Gió ngừng thổi, cây tre liền đứng thẳng dậy. Thế là những đồ vật quý lại rơi xuống gốc cây cho cậu bé đem những thứ đó phân phát cho người nghèo.

Biết chuyện, ông cậu lại nổi máu tham đến dỡ dành:

- Này cháu! Cháu lại mới xúc được con lưng, con cá nào có phép lạ phải không? Cháu cho cậu đi lấy của cải với!

Cậu bé thật thà kể chuyện. Ông cậu liền chạy ngay ra bờ suối. Cây tre đẹp vẫn đứng cao vút lên trời. Gió chưa thổi, ông cậu liền trèo lên cây tre để vít cho nó ngã xuống. Hắn trèo lên, trèo lên mãi, cuối cùng cây tre cũng ngã xuống dần. Tre ngã xuống một vùng biển. Những nhà giàu cũng tranh nhau phơi mền, phơi áo lên cây. Ông cậu thấy thế vội kêu lên:

- Tre ơi! Mau mau đứng thẳng lên.

Ông cậu vừa nói dứt lời, cây tre liền đứng thẳng ngay dậy. Ông cậu bị rơi từ trên ngọn tre cao xuống, thân thể đập nát đầu đòn rồi chết.

Bà cụ đã khoẻ trở lại, hai bà cháu sớm hôm chăm sóc mảnh vườn, cuộc sống của họ thật vui vẻ, đầm ấm.

Chàng Lùn

Có một cặp vợ chồng đã luống tuổi, bà vợ mới có thai. Được ít lâu ông chồng chết. Đến tháng đẻ, bà vợ sinh được

một bé con trai. Đứa bé chân tay ngắn cùn. Bà mẹ chưa biết đặt tên con là gì nên gọi luôn là thằng Lùn.

Lớn lên, Lùn rất khỏe. Nó chẳng biết làm nghề gì ngoài việc ngày ngày vào rừng kiếm củi. Có điều Lùn gánh rất khỏe. Một gánh củi của nó đun hàng năm chưa hết.

Nghe tin Lùn gánh củi giỏi, một tên nhà giàu trong làng đến thuê. Hấn bảo:

- Nếu mày vác củi cho nhà tao đủ đun hàng ngày thì tao sẽ nuôi hai mẹ con mày.

Lùn nhận lời. Mới đến hôm trước, sáng hôm sau tên nhà giàu đã bảo Lùn:

- Hôm nay nhà tao đã hết củi đun, mày đi kiếm củi về cho nhà tao đi.

Lùn chẳng nói chẳng rằng, vác rìu đi vào rừng ngay. Tối mịt vẫn chưa thấy Lùn về, tên nhà giàu sốt ruột nói với mẹ Lùn;

- Con bà lấy củi giỏi lắm, sao hôm nay trời đã tối mịt mà

nó vẫn chưa về? Hay là bị hổ, gấu ăn nó thịt rồi!

Bà mẹ Lùn nghe tên nhà giàu nói thì càng lo hơn, bèn khóc âm lên. Bỗng lúc ấy ngoài cửa có tiếng “huych” thật mạnh. Lùn hát vác củi xuống sân, rồi chạy vào nhà hỏi:

- Cả nhà ăn cơm chưa? Sao mẹ lại khóc?

Tên nhà giàu chạy ra sân xem Lùn lấy về được bao nhiêu củi. Hắn rất ngạc nhiên, vì thấy củi vút ngổn ngang khắp sân rộng thênh thang. Lúc ăn cơm mẹ Lùn hỏi sao Lùn về muộn. Lùn nói nhỏ với mẹ rằng:

- Buổi sáng lúc con vào rừng thấy một con rắn vằn rất to cắn một cô gái xinh đẹp chạy qua. Sấn tay con cầm cái rìu bổ vào đầu rắn một phát. Rắn không chết vẫn cắn cô gái chạy. Con lần theo vết máu qua ba quả đồi, bầy vật nướng thấy nó chui xuống cái hang sâu giữa rừng. Con không thể chui vào hang được nên đành quay về con mới tìm củi nên con về muộn.

Hai mẹ con giữ kín chuyện, chẳng hề nói với ai. Lùn ngày ngày vẫn vào rừng.

Cách mấy ngày sau, vua loan báo cho khắp thiên hạ biết công chúa mất tích. Ai biết người hoặc con gì bắt công chúa sẽ được thưởng lớn. Ai tìm được và cứu sống công chúa sẽ được lấy làm vợ.

Mọi người ra sức đi khắp nơi khắp ngả tìm kiếm, nhưng chẳng thấy tung tích của công chúa. Còn Lùn thì vẫn ngày tháng cắm cúi với nghề kiếm củi của mình, chẳng hay biết gì về việc nhà vua bị mất con gái.

Tên nhà giàu được tin vua loan báo, hắn nói với vợ:

- Chuyến này tôi tìm được công chúa, thì bà có bằng lòng cho tôi lấy công chúa làm vợ không?

Mụ vợ tên nhà giàu mỉa mai:

- Thiên hạ hàng nghìn tai, nghìn mắt tìm chẳng thấy, ông chỉ có hai tai, hai mắt thì làm sao tìm được.

Tên nhà giàu quả quyết:

- Không lo. Thằng Lùn giỏi lắm. Để tôi đi hỏi nó xem sao. Tên nhà giàu hỏi Lùn. Lùn thật thà đem hết chuyện đánh rần kể cho tên nhà giàu nghe. Tên nhà giàu mừng lắm. Hắn nghĩ ra một kế về nói với vợ.

Vợ hắn nói:

- Ông tham lắm, đã có tám vợ rồi còn muốn lấy thêm nữa à? Lùn cứu được công chúa thì để cho nó lấy.

Tên nhà giàu không nghe. Chờ sáng, hắn gọi Lùn dậy và theo Lùn tới cửa hang.

Đêm ấy mẹ Lùn nói với Lùn:

- Coi ơi! Mẹ nghe được vợ chồng nhà giàu bàn nhau ngày mai con đưa nó đi tìm công chúa, cứu được công chúa, nó sẽ lấy làm vợ và giết con. Mẹ sinh con như cây có một cành. Con đừng đi mà để mẹ sống một mình.

Lùn nói với mẹ:

- Mẹ đừng lo. Cứ để con đi, cứu người là việc tốt không nên từ chối mẹ ạ.

Tơ mờ sáng hôm sau tên nhà giàu đã giục Lùn đưa đi tìm công chúa. Đến cửa hang hắn bảo:

- Tao lấy dây ròng mày xuống hang. Khi tìm được công chúa, mày buộc vào dây này, rồi giật ra hiệu, tao sẽ kéo công chúa lên. Khi công chúa lên khỏi hang, tao lại thả dây xuống kéo mày lên.

Lùn nghe theo, để hấn ròng mình xuống hang. Vừa tới ngạch vào hang, Lùn đã trông thấy một cô gái xinh đẹp nhưng nét mặt sợ sệt, lo âu. Ngay cạnh cô gái là một con rắn to nằm cuộn tròn đang ngủ. Cô gái thấy Lùn liền hỏi:

- Anh xuống đây là gì?

Lùn sẽ đáp:

- Tôi xuống đây cứu công chúa!

Cô gái hỏi:

- Không được đâu. Nó giỏi lắm, ai động vào nó, sẽ bị nó cắn chết đấy.

Lùn nói:

- Cô không sợ. Tôi giết hấn để cứu cô. Cô ngồi đầu ngồi đó, đừng chạy đi chỗ khác.

Nói xong Lùn xông lại gần rắn, giơ rìu bổ một nhát mình rắn đứt làm hai đoạn, đuôi quần quai vung văng khắp chín ngạch hang. Cuối cùng rắn chết, Lùn đưa cô gái ra chỗ ngạch hang và bảo:

- Tôi buộc cô vào dây để người ta kéo cô lên trước, rồi người ta lại thả dây xuống kéo tôi sau.

Công chúa nói:

- Anh ở dưới này, tôi cũng không muốn lên.

Lùn nói:

- Lên hai người một lúc, sợ dây đứt. Công chúa lên trước về nhà kéo nha vua mong đợi.

Công chúa không nói gì thêm, liền tìm cái bát bể làm đôi đưa cho Lùn một nửa rồi nói:

- Đây là vật làm tin. Chàng giữ một nửa. Sau này gặp nhau ta lấy hai mảnh bát này ghép lại sẽ nhận ra nhau.

Lùn cầm mảnh bát, lấy dây buộc vào người công chúa rồi giật mấy cái cho người trên cửa hang kéo lên.

Thấy động dây, tên nhà giàu kéo được công chúa lên rồi lấy đá lấp cửa hang lại.

Lùn chờ mãi, không thấy ở trên ròng giầy xuống, biết là hấn đã lấp hang và cướp công chúa đi rồi. Lùn tìm mọi cách để lên, nhưng hang sâu không sao lên được. Đến bữa, Lùn lấy dao xẻo thịt rắn ăn. Được một năm thịt rắn hết, Lùn phải ăn đến xương rắn. Chẳng bao lâu xương cũng hết.

Một hôm Lùn phá cái hang tối để lấy lối ra. Lùn ráng sức lấy búa ghè vào hang đã bồng từ ngạch hang có tiếng vọng ra:

- Ai tài giỏi thế. Cứu tôi, tôi sẽ cứu lại.

Tôi là con trời bị vua Rồng giam ở đây thôi. Cứu tôi với.

Lùn lấy búa bẫy khe đá, tức thì một con rắn ở trong bò ra sáng rực cả hang. Rắn dài lắm. Nó bò mãi mà vẫn chưa thấy cái đuôi. Vừa ra khỏi khe đá, rắn trườn ngay xuống biển. Lùn thấy rắn bò mất tiếc ngẩn người, mới trách mình “biết thế ta cho nó một nhát có phải được thịt ăn không”. Đang nghĩ vẫn vợ, bỗng Lùn thấy một chàng trai tuấn tú đến trước mặt Lùn và nói:

- Chàng là ân nhân của tôi. Chàng cứu tôi khỏi bị giam ở

hang đá. Bây giờ tôi muốn đưa chàng lên trời.

Lùn lại hỏi:

- Tại sao lại lên trời.

- Tôi là con trời đi buôn bán ở xứ vua Rồng, vua Rồng bắt tôi làm rể, tôi không chịu, mới bắt nhốt ở hang. Anh đi theo tôi, tôi sẽ đưa anh đi đường nước, ra biển, rồi đưa anh lên trời thăm cha tôi.

Lùn nghe theo. Chàng trai và Lùn lên được tới trời. Chàng trai đòi vua Trời phải thưởng cho ân nhân cứu mình. Trời cho Lùn nhiều vàng, bạc, trâu, ngựa, vải vóc... nhưng Lùn đều từ chối. Đến hôm sắp từ giã nhà Trời, chàng trai con Trời nói với Lùn rằng:

- Anh cứu tôi khỏi chết, bố tôi cho gì anh cũng không lấy; tôi biếu anh một con vịt và ba ống cào cào, anh đem về trần gian, có ngày sẽ cần đến nó.

Lùn đem vịt và cào cào xuống trần, tìm đường về với mẹ. Trên đường đi, Lùn một tay ôm vịt, một tay ôm ba ống cào cào. Chàng đi mãi miết, đi ròng rã một ngày, chân mỗi bụng đói. Lùn ngồi nghỉ chân bên vệ đường, bụng nghĩ: Lúc này có cơm ăn thì sung sướng biết bao nhiêu!

Mệt quá, Lùn thiu thiu ngủ. Ngay lúc ấy, con vịt kêu lên ba tiếng. Lùn mở choàng mắt thì chẳng thấy vịt ở đâu nữa, còn trước mặt mình lại là một cô gái xinh đẹp ngồi trong một quán cơm. Cô gái bảo:

- Xin mời chàng vào ăn cơm. Tôi là “vịt” đây!

Lùn đáp:

- Tôi chẳng có đồng tiền nào. Ăn cơm lấy gì mà trả.

Cô gái lại tươi tỉnh mời:

- Chàng cứ vào ăn tôi không lấy tiền đâu.

Lùn ăn xong, tìm ba ống cào cào thì chẳng thấy đâu nữa, chỉ còn lại ba ống không. Cô gái bảo Lùn úp ống xuống đất và nhắm mắt lại sẽ thấy. Lùn làm theo, khi mở mắt, chàng lại nhấc ống lên xem, thì thấy rất nhiều trâu, bò, ngựa, dê, gà, lợn từ trong ba ống chui ra, không biết bao nhiêu mà đếm cho xuể. Lùn nhìn cô gái, thì cô gái lại không ngồi trong quán cơm nữa mà ngồi trên khung cửi trong ngôi nhà nguy nga lộng lẫy. Cô gái tươi cười nói với Lùn:

- Em là con trời, xuống cùng chàng để kết duyên vợ chồng.

Lùn không từ chối được nữa, thuận lòng lấy cô gái làm vợ. Ngay ngày hôm sau, Lùn cùng vợ đi đón mẹ về ở cùng để phụng dưỡng mẹ. Từ đó hai vợ chồng Lùn và mẹ già sống rất hòa thuận hạnh phúc. Lùn rất yêu quý vợ và không rời nửa bước. Một hôm vợ Lùn bảo với Lùn rằng:

- Anh phải đi làm công việc mới có ăn chứ. Gia tài ta có nhiều, nhưng chỉ ngồi ăn không, thì chả mấy lúc mà hết, lại đói mất.

Lùn đáp:

- Tôi đi làm, tôi nhớ mình lắm.

Vợ nói:

- Mai anh đi làm ruộng. Nếu nhớ tôi anh mang theo cái hình của tôi cắm ở bờ ruộng.

Hôm sau, Lùn đi làm mang theo cả hình của vợ cắm ở bờ ruộng để thỉnh thoảng ngắm cho đỡ nhớ. Bỗng một luồng gió từ xa thổi đến cuốn tấm hình bay đi mất. Lùn buồn lắm, về

nhà nói cho vợ biết. Vợ Lùn bảo:

- Nó mất thì thôi. Tôi không thể cùng anh làm vợ chồng lâu được. Bố tôi chỉ cho tôi về giúp anh thành nhà, thành cửa, rồi tôi lại phải trở về Trời.

Lùn nghe vợ nói vậy, càng buồn hơn. Buồn đến hai ba lượt chợ vẫn chưa nguôi.

Khi tấm hình của vợ Lùn bị gió cuốn đi, người làm của tên nhà giàu vô tình nhặt được đem về cho chủ xem. Tên nhà giàu thấy tấm hình một người đàn bà đẹp đem lòng mê người đàn bà trong tranh, hấn liền sai người đi dò xem người trong tấm hình kia ở đâu. Đây tớ đi dò la mới hay người đẹp kia là vợ của Lùn. Tên nhà giàu sai người kiệu mình đến và bảo Lùn:

- Nghe nói vợ mày đẹp lắm, bảo nó ra đây cho tao xem mặt nào.

Vừa lúc vợ Lùn ở trong nhà đi ra, tên nhà giàu nhìn thấy thì quả thật đó là một người đàn bà xinh đẹp nhất trần gian. Hấn mê mẩn tâm thần và hấn dụ giọng bảo Lùn:

- Ta đổi vợ cho nhau nào!

Lùn đáp:

- Không đổi.

Vợ Lùn nói ngay.

- Anh cứ đổi đi.

Lùn lại nói:

- Tôi không bằng lòng cho đổi.

Tên nhà giàu lại xoay kế khác:

- Tao có chín vợ, vợ nào cũng đẹp, tao đổi cả dinh cơ và chín vợ của tao lấy vợ của mày có được không?

Lùn vẫn khăng khăng không chịu.

Vợ Lùn ghé tai nói thầm với Lùn:

- Anh cứ thuận lòng đi. Bố tôi chỉ cho tôi đi giúp anh xong rồi trở về, chứ không ở với anh lâu. Anh cứ nhận lời!

Lùn nghe theo vợ, thuận ý đổi vợ cho tên nhà giàu. Tên nhà giàu gọi chín vợ tới bảo:

- Tôi muốn đổi chín cô cho thằng Lùn để lấy một vợ của nó.

Người vợ thứ chín nhận ra Lùn là người đã cứu mình ở dưới hang năm xưa nên cô nói: - Tôi xin lấy Lùn.

Lùn trông thấy vợ thứ chín của tên nhà giàu quen mặt chợt nhớ ra chuyện cũ, liền hỏi:

- Nàng có nhớ tôi không?

- Tôi còn nhớ lắm. Chính chàng là người cứu tôi năm xưa ở dưới hang rắn.

Rồi hai người lấy hai mảnh bát khớp lại với nhau vừa khít. Hai người nhìn nhau rung rung nước mắt. Tên nhà giàu thấy hai người khóc mới bảo rằng:

- Hai người trước kia có tình ý với nhau thì lấy nhau đi. Đổi thôi! Đổi thôi!

Nói xong, tên nhà giàu cho đẩy tứ kiệu Lùn và chín vợ về theo. Lúc ấy, Lùn nhìn vợ “vịt” không nở rời. Biết ý, vợ “vịt” nói với Lùn:

- Anh đi đến chân núi, nói rằng anh quên cái khăn rửa

mặt, quay về để gặp em nói chuyện đôi câu. Lùn nhớ lời vợ dặn, đi đến chân núi bảo bọn người khiêng kiệu dừng lại để quay về lấy khăn rửa mặt. Lùn trở lại nhà cũ, lùn không thấy vợ “vịt” đâu nữa, Lùn nhìn nhà thì chỉ thấy trơ lại một bãi đất bằng.

Từ đấy Lùn được chín vợ và cả dinh cơ của tên nhà giàu để lại, nhưng Lùn chỉ giữ lại người vợ thứ chín là người chàng đã ước hẹn, còn thả tám người vợ kia về nhà với cha mẹ. Từ đó Lùn cùng vợ và mẹ già sống đầy đủ hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Mẹ rùa và nàng Lan Chi

Ngày xưa, ngày xưa bên kia sườn núi, trong một thung lũng xanh tươi, có đôi vợ chồng nghèo sinh sống, họ chỉ có một cô con gái duy nhất, tên nàng là Lan Chi.

Một buổi sáng, người vợ như thường lệ vác cần câu đi câu cá, đang theo dõi phao, bà bất ngờ bị mù hàng xóm lên đây xuống ao chết đuối. Hai người xong, mù thần nhiên ra về như không có việc gì xảy ra...

Một thời gian sau, mù làm cho cha của Lan Chi xiêu lòng nhận lời lấy mù, rồi mù cùng con gái dọn về ở chung với cha con Lan Chi.

Lan Chi đẹp người lại đẹp nết, còn con gái riêng của mù thì ghê thì vừa xấu xí ngu dốt lại độc ác.

Mù thì ghê vốn đã căm ghét con chồng, nên tìm cách để hãm hại cô bé. Mù thường xuyên hành hạ mắng chửi Lan Chi.

- Sáng nay, mày đã cho heo gà ăn chưa hả con kia?

Còn đứa con riêng của mù thì được nuông chiều hết mực, suốt ngày sẵn đón hỏi han:

- Con yêu quý của mẹ, con có thích loại vải này không?

Để vui lòng dì ghẻ, Lan Chi phải làm quần quật suốt ngày, tối đến mọi người ngủ say, cô lên ra bờ hồ khóc than cho thân

phận hẩm hiu của mình.

Một hôm, Lan Chi đang ngồi khóc thì một con rùa lớn bỗng nổi lên khỏi mặt nước bơi đến bên cô. Rùa nhìn con gái rồi cất tiếng nói:

- Đừng khóc nữa, mẹ sẽ giúp con mọi việc!

Sau đó Lan Chi quay về nhà thì thấy mọi việc đã đâu vào đấy. Từ đó, cô gái thường ra bờ hồ quần quít yêu quý rùa như mẹ mình trước kia vậy....

Cùng thời gian này vua đang muốn tìm vợ cho hoàng tử. Để chọn được dâu hiền, nhà vua quyết định tổ chức lễ hội để tìm người vừa ý, từ thành thị đến thôn quê tiếng chiêng trống vang lên rộn rã. Sứ giả cưỡi ngựa loan khắp mọi nơi...

- Nghe đây! Nghe đây! Tất cả các thiếu nữ tới tuổi lấy chồng phải về kinh đô dự hội...

Trên các nẻo đường từng tốp thiếu nữ xinh đẹp trong bộ trang phục đủ màu sắc kéo nhau về kinh thật nhộn nhịp... Mụ dì ghẻ cũng chạy tới chạy lui tìm quần áo đẹp cho đứa con riêng...

- Với chiếc áo khoác thêu kim tuyến này, váy nhung này, đồ trang sức quý này, con của mẹ sẽ đẹp như tiên cho xem!

Còn Lan Chi thì mụ chỉ cho mặc bộ quần áo rách bằng gai ngắn cũn cỡn, chờ cho mọi người đã đi hết, Lan Chi vội chạy nhanh ra bờ ao gọi:

- Mẹ rùa! Mẹ rùa ơi!

Mẹ rùa nổi lên mặt nước và cho cô bộ quần áo bằng lụa và vòng xuyên bằng bạc, Lan Chi thay quần áo mới cùng các bạn gái đi về hướng kinh thành.

Trong biết bao nhiêu thiếu nữ xinh đẹp đang đồn về kinh thành dự hội, Hoàng tử chỉ yêu mến một mình Lan Chi. Họ cùng sánh bước chuyện trò.

Lúc đó, đưa con gái của mẹ dì ghé đứng nhìn với đôi mắt ganh tỵ, nó nghĩ thầm: - Sao giống con Lan Chi quá? Nhưng nó làm gì có bộ áo đẹp như vậy?

Ngày hội rồi cũng tàn, Lan Chi xin phép ra về nhưng Hoàng tử không muốn chia tay, chờ có dịp thuận tiện Lan Chi đã ra khỏi hoàng cung. Sự vắng mặt bất ngờ của nàng làm hoàng tử bàng hoàng vội đi tìm khắp mọi nơi...

Lúc về đến nhà, Lan Chi liền chạy ra bờ ao để rửa quần áo và vòng xuyên lại cho mẹ rửa.

Ngày ngày trôi qua, mẹ dì ghé sinh nghi và để tâm theo dõi.

- Sao dạo này nó vui vẻ thế nhỉ?

Một hôm, mẹ dì ghé nghe trộm được Lan Chi và mẹ rửa đang nói chuyện với nhau... Mẹ bèn lập mưu hãm hại mẹ rửa...

- À ra thế! Rồi mày sẽ biết tay ta!

Về nhà mẹ kêu ốm kêu đau kêu rên, nằm lì trên giường không ăn uống gì, làm như người sắp chết tới nơi, mẹ bí mật trát một lớp bùn mỏng dưới chiếu và mỉm cười nham hiểm...

- Thế này thì ai biết được!

Lúc chồng về tới, mẹ giả đồ đau đón rên rỉ than vãn...

- Ối! ối! ối! Tôi bị gãy xương... tôi chết mất!!!

- Trời!!! Bà làm sao thế?

Để cho chồng tin, mẹ lăn qua lăn lại làm bùn khô gãy kêu

răng rắc...

Mụ dì ghẻ nói:

- Bây giờ chỉ ăn thịt rùa nướng tôi mới khỏi bệnh. Ông ra hồ bắt con rùa về cho tôi.

Nghe tin dữ, Lan Chi lập tức chạy ra bờ ao báo tin:

- Mẹ rùa ơi! Nguy đến nơi rồi.

Nghe xong, mẹ rùa liền dặn:

- Con dùng dụng đến miếng nào nhé và hãy nhặt hết xương đem chôn đi!

Mụ dì ghẻ sai chồng ra ao bắt rùa về và bảo Lan Chi nướng rùa để mụ ăn thịt. Nàng vừa khóc vừa mang rùa bỏ chạy, mụ dì ghẻ thấy vậy liền đuổi theo giăng lấy rùa, rồi tự tay mụ quăng rùa vào lửa.

- Cho mày vào đấy mà chỉ vẽ cho nó.

Sau khi mụ ăn thịt xong, Lan Chi lén thu nhặt hết xương rùa đem chôn xuống đất. Ít lâu sau, từ chỗ đất chôn xương rùa mọc lên một cây xum xuê, xanh tốt, trên các ngọn cây đều nở những bông hoa vàng tuyệt đẹp, hương thơm bay ngào ngạt.

Tiếng đồn vang đến kinh đô và hoàng cung về cây hoa kỳ lạ này. Hoàng tử cùng quần thần đến tận nơi xem cây lạ. Quả thật là cây quý, hoa đẹp và thơm lạ lùng, chàng vừa giơ tay định sờ vào bông hoa thì lạ thay cuống hoa lập tức dài ra vươn lên cao quá tầm tay hoàng tử...

- Thật kỳ lạ, hay là hoa thần?

Hoàng tử lập tức truyền...

- Ai ngắt được bông hoa kia, người ấy sẽ trở thành vợ của ta.

Ngay khi ấy hai mẹ con mù đi ghề xin thử vận may.

- Chúng thần xin được hái hoa dâng hoàng tử!

Nhưng cả hai đều không thể nào chạm được vào bông hoa:

Khi Lan Chi tiến lại gần cây bông thì cuống hoa liền ngắt lại! Lan Chi ân cần nói:

- Hoa ơi! Cho ta xin nhé!

Và nhẹ nhàng hái một bông hoa thơm.

- Xin kính dâng hoàng tử!

Lúc đó, hoàng tử mới để ý và nhận ra ngay cô gái mà mình đã gặp trong ngày hội mà lâu nay chàng hằng mong nhớ.

Hoàng tử đưa nàng về cung ra mắt vua cha và hoàng hậu.

Vua và hoàng hậu rất hài lòng và cho tổ chức lễ cưới linh đình.

Lọ nước thần

Hôm người cha chết, trời nổi mưa gió to lớn, anh nông dân nghèo chỉ còn biết kêu trời: Cha già bị bệnh, anh không có tiền chạy thuốc. Nay cha qua đời, cũng không mua được tấm ván chôn cha. Anh đành bó chiếu, vác xác cha ra đồng dưới trời mưa tầm tã.

Trên đường trơn nhầy, anh rúi bị vấp té, làm xác cha rơi xuống bị nước cuốn mất tấm. Anh tìm mãi không được, đành đau khổ trở về nhà.

Đêm đó, anh nằm ngủ, bỗng có một con rồng xanh hiện đến van xin anh hãy đưa xác cha anh đi chôn nơi khác, vì hiện cái xác đó làm nó đau đớn vô cùng.

Anh nông dân liền hỏi rồng xanh thì được biết hiện xác của cha anh đang vướng vào khe đá ở ngoài cửa sông, vì nơi đó là hàm con rồng nên nó đến báo mộng.

Tỉnh dậy, anh nông dân bàng hoàng, nửa tin, nửa ngờ, anh đến khe đá ở cửa sông quả nhiên thấy xác cha nằm ở đó. Anh vớt lên đem đi chôn ở gò cao. Đêm đến, rồng xanh lại hiện đến vui vẻ cảm ơn anh nông dân, rồi tặng anh một lọ thuốc trường sinh, dặn anh ta hãy cất kỹ và muốn sống lâu thì đem ra dùng.

Anh nông dân liền đem lọ thuốc giấu kín trong buồng không

cho ai biết. Ít lâu sau anh lấy vợ. Một hôm, mải làm cho xong đám cỏ lúa, anh về chậm. Chị vợ ở nhà lục lội trong ruộng chột bắt gặp lọ thuốc trường sinh. Mở ra xem thì hương bay ngào ngạt, dính vào tay chỗ nào thì chỗ đó trở nên đẹp đẽ khác thường.

Chị vợ liền đem cả lọ thuốc ra sau hè đổ vào nước để tắm và thật kỳ lạ, chị ta vụt trở nên đẹp như tiên. Anh nông dân về trông thấy thì hết sức ngạc nhiên, gạn hỏi chị vợ bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Anh chồng lấy lọ thuốc trường sinh ra xem quả thấy không còn một giọt.

Việc đã lỡ rồi, lại thấy vợ xinh đẹp như tiên nga, anh chồng đã không giận vợ, còn yêu thương vợ hơn trước.

Câu chuyện vợ anh nông dân bỗng chốc xinh đẹp như tiên được mọi người trầm trồ bàn tán, chẳng bao lâu chuyện này lan truyền đi khắp nơi, đến tận cung Vua.

Vua vốn là kẻ dâm dăng, háo sắc, nghe đồn về sắc đẹp của vợ anh nông dân, liền cho đòi vào cung bắt làm cung nữ. Vợ chồng đang tình mặn nghĩa nồng, bỗng bị rẽ thúi chia yên, nhưng lệnh của Vua thì ai dám trái! Họ đành phải nuốt nước mắt chịu cảnh nhớ thương. Nhất là anh nông dân chẳng biết làm sao để giành lại được vợ.

Một hôm anh ra sau hè, chỗ vợ anh đã tắm rửa bằng lọ thuốc trường sinh hôm nọ thì thấy một khóm hành trồng cạnh đó bỗng to lớn khác thường. Anh bèn nhổ hết khóm hành gánh lên kinh vừa bán vừa rao:

Lá bằng đòn gánh

Củ bằng bình vôi

Ai mua hành tôi

Thì thương tôi với ...

Hôm đó người vợ ở trong cung, nghe người bán hành rao lên những lời kỳ lạ, nhận ra tiếng của chồng mình chị liền mừng rỡ cất tiếng cười.

Nhà Vua từ hôm bắt được người đẹp vào cung, đã tìm đủ mọi cách để làm cho nàng cười, nhưng lúc nào nàng cũng buồn xo chỉ ngày đêm khóc lóc. Bấy giờ thấy nàng vừa nghe người bán hàng rao, liền bật cười vui vẻ. Vua cho quân hầu gọi anh bán hàng vào cung. Vua muốn tự mình làm cho người đẹp tươi cười, nên bắt anh hàng hành bí mật đổi quần áo, rồi gánh hành vừa đi vừa cất tiếng rao:

“Lá bằng đòn gánh

Củ bằng bình vôi

Ai mua hành tôi

Thì thương tôi với...”

Anh nông dân trong bộ quần áo nhà Vua bèn hạ lệnh bắt ngay tên bán hành láo xược dám làm náo loạn cung đình và sai đem chém.

Quần thần vốn đã vô cùng căm ghét tên bạo chúa, nên lập tức thi hành. Sau đấy anh nông dân được lên làm vua, cùng vợ trị vì đất nước, muôn dân được no ấm thanh bình.

Bông hoa năm cánh

Một hôm, người mẹ lên chùa lễ Phật, đưa con gái đi theo. Lần đầu tiên cô gái mới được ra khỏi nhà, mặc dầu đã đến tuổi lấy chồng. Vì là con gái duy nhất, nên bố mẹ cô hết sức nâng niu chiều chuộng, và cũng giám sát chặt chẽ như “gái cấm cung!”

Bấy giờ có một vị thần muốn mượn cô gái đồng trinh làm chỗ đậu thai, nhân lúc cô gái ra vườn chùa ngắm cảnh, hiện làm một bông hoa có năm cánh rất đẹp. Cô gái thích quá, ngắt lấy ngắm nghía hồi lâu, rồi bỗng rụng bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó, cô gái mang thai. Cha mẹ nàng ngạc nhiên và xấu hổ vô cùng. Hết tra hỏi đến dụ dỗ, nhưng cô gái ngậy thơ ấy cũng chẳng làm sao hiểu được. Tất cả mối ngờ của cha mẹ đều đổ dồn về nhà chùa. Đoán là có một sư ông đã quyến rũ con gái mình ngày lễ Phật đạo nọ, họ bèn đuổi con lên chùa và nói:

- Mày lên đó mà ở với sư, đừng vác mặt trở về bôi nhọ nhà tao nữa.

Hoà thượng trụ trì chùa đó không biết làm thế nào, đuổi đi cũng không nổi, đành phải nhận nuôi nàng và dựng một túp lều sau chùa cho nàng ra ở đó.

Khi đến gần ngày sinh, cô gái bỗng nằm chiêm bao thấy có

một vị thần đến trước mặt, dặn rằng:

- Đừng đặt tên con vội, cứ để đến lúc chúng nó biết nói, chúng nó sẽ cho biết tên.

Đến ngày, cô gái sinh một lúc năm người con trai, giống nhau như tạc. Chúng lớn như thổi, đứa nào đứa nấy sồn sồn mạnh khỏe. Khi chúng biết nói, người mẹ hỏi đến tên con, thì đứa thứ nhất trả lời:

- Sức con có thể vác nổi một quả núi, con là Mạnh Mẽ.

Đứa thứ hai nói:

- Người con dù có dao băm, búa đánh cũng không chết, con là Minh Đồng Da Sắt.

Đứa thứ ba tiếp:

- Con có thể ngồi một nơi biết được mọi việc trong thiên hạ, tên con là Vén Mây Xem Trần.

Đứa thứ tư:

- Con có thể sống dưới nước cũng như trên cạn, tên con là Khô.

Đứa cuối cùng nói:

- Con thì dù ngồi trong lửa cũng cứ dễ chịu như thường, tên con là Uớt.

Năm anh em lớn lên lo làm việc nuôi mẹ. Hằng ngày Mạnh Mẽ lên rừng kiếm củi về đổi lấy gạo. Mỗi một gánh củi của chàng chứa đầy một sân. Tiếng tăm của anh chàng truyền khắp mọi nơi trong nước. Hồi ấy nhà vua cần nhiều củi để dùng vào một lễ rất long trọng của triều đình. Vua cho triệu Mạnh Mẽ đến, bảo kiếm củi cho mình và hứa mỗi gánh củi

đưa đến sẽ đổi cho một gánh gạo.

Mạnh Mẽ kiếm củi mau như chớp. Rừng tuy xa nhưng mỗi một ngày chàng đi đi về về không biết bao nhiêu là lần, mỗi lần đưa củi đến lại gánh gạo về. Đến nỗi lúc viên quan trông nom kho gạo cho nhà vua thấy gạo kho đã vơi quá nửa, hắt lạt đặt đến báo cho vua biết. Vua nói:

- Thế thì phải bắt nó chết mới được!

Bèn cho đòi Mạnh Mẽ đến và bảo:

- Nhà ngươi làm việc như thế chắc là mệt. Thôi cho về nghỉ sức; mười ngày nữa sẽ đến đây phục mệnh.

Mạnh Mẽ về nhà kể chuyện cho anh em nghe. Vén Mây Xem Trần vốn đã đọc được những ý nghĩ không tốt trong đầu nhà vua, bèn bảo Khô đi thay cho Mạnh Mẽ. Mười ngày sau, Khô đến gặp vua, Vua cứ tưởng hắn là anh chàng gánh vơi kho gạo của mình hôm nọ, bèn thét ngay lính bắt dìm xuống bể cho chết. Khô cứ để cho bọn lính bắt trôi lại và dìm xuống nước, nhưng dìm lần đầu lồi lên, Khô vẫn sống trơ trơ. Dìm lần thứ hai, thứ ba, Khô vẫn vui vẻ ca hát. Họ lại dìm nữa, nhưng dù dìm thế nào cũng không làm cho chàng chết được. Tức mình, lại sợ mệnh vua, bọn chúng mới làm một cái cũi bỏ Khô vào cùng với rất nhiều đá tảng, dùng dây đem thả xuống đáy biển, nhưng mấy tuần sau vớt lên vẫn thấy Khô sống như thường. Cuối cùng chúng phải đưa anh chàng về kể chuyện cho vua hay. Vua chưa tìm ra cách gì giết được, bèn bảo anh về, hẹn mười ngày sau nữa lại đến.

Vén Mây biết lần này vua dùng mưu độc đốt chết nên bảo Ướt đi thay. Ướt đến nơi thì vua đã sai dọn sẵn một căn lầu

bằng gỗ dựng riêng biệt sau vườn, xung quanh chất đầy củi. Vua cũng tưởng Uót là anh chàng hôm nọ, bèn mời gã lên lầu, sai dọn mâm cỗ đầy rượu và thức ăn ngon, cho ăn. Doạn bảo quân lính đóng chặt mọi cửa lại rồi phóng hoả. Lửa liếm rần rần cháy khắp mọi nơi. Nhưng Uót ta vẫn ngồi một nơi chén tí ti. Và khi cánh cửa đổ xuống, chàng nói vọng ra cho chúng nghe:

- Ô! ở đây mát quá!

Vua lắc đầu, chưa biết làm thế nào để giết cho được, đành bảo anh về nhà, mười ngày sau nữa lại đến.

Lần này Vén Mây bảo Minh Đồng Da Sắt đi. Khi anh chàng này đến nơi, vua thét đao phủ mang ra xử trảm. Nhưng bao nhiêu gươm dao đụng vào người đều quần cả lại mà không làm cho anh chàng chết được. Đao phủ tức giận đâm mũi mác vào nách gã, gã chỉ cười ré lên như bị ai cù. Thấy vậy, Vua rất bực mình, nhảy xuống rút bảo kiếm, hai tay cầm giáng xuống chém rất mạnh, nhưng bảo kiếm chỉ gãy đôi, mà tội nhân thì không việc gì. Cuối cùng Vua bảo anh ta về nhà, mười ngày nữa lại đến.

Thấy chàng kiếm củi có phép lạ nên lần này Vua không có ý định làm hại nữa. Vén Mây biết được ý đó nên mười ngày sau đưa cả bốn anh em đến kinh đô. Vua thấy cả năm người giống nhau như tạc, hỏi chuyện mới biết họ đều là con của một vị thần. Vua chọn Vén Mây lên ngai vàng, nhường ngôi và gả con cho, rồi bỏ đi tu.

Nàng dâu thông minh

Mọi người ở khắp vùng này đều khen họ là một cặp vợ chồng đẹp người, tốt nết. Chồng là một chàng trai trung hậu, còn vợ thì chẳng những xinh đẹp mà còn rất thông minh.

Nhưng mẹ chàng trai lại là một bà già cay nghiệt, không quý mến cô con dâu thông minh, cũng không quý mến con trai. Suốt ngày bà gây khó dễ cho hai vợ chồng để tìm cách đuổi họ đi ở nơi khác.

Một hôm bà gọi con trai lại bảo:

- Từ nay trở đi, hàng ngày vợ chồng mày muốn làm điều gì phải hỏi tao!

Hôm sau người con đến trước mặt mẹ, hỏi:

- Thưa mẹ, hôm nay hai vợ chồng con phải làm gì ạ?

Bà mẹ suy nghĩ một lát rồi nói:

- Hôm nay hãy mua cho tao một ít thịt, thứ thịt không nạc không mỡ cũng không có xương!

Chàng trai buồn rầu, bực bội kể với vợ những lời mẹ dặn. Nàng nghe xong liền nói:

- Mình biết ở đâu có người giết heo không?

- Biết.

- Thế thì được, chúng ta tới đây ngay.

Họ đến nhà hàng thịt. Nàng dâu thông minh mua một cổ dĩa dày heo khá to đem về luộc chín rồi nói với chồng:

- Mình mời mẹ đến ăn đi!

Bà mẹ vội vàng đi tới, mở vung nồi ra xem. Bà thầm nghĩ: Làm sao mà bắt bẻ nó được, nhưng bà càng thêm ghét nàng dâu thông minh.

- Hôm sau, khi nghe con trai hỏi, hôm nay phải làm công việc gì? Bà mẹ nói:

- Hôm nay chúng mày phải làm công việc sao cho “dưới sạch quang, trên vàng óng!”

Chàng trai buồn rầu trở về. Nghe chàng kể lại, nàng dâu thông minh liền hỏi:

- Nhà ta có vườn chè không?

- Có.

- Thế thì được, chúng ta đi nhổ cỏ vườn chè đi?

Hai vợ chồng lên đồi chè phát sạch cỏ dại, hoa đồng. Nàng nói với chồng:

- Mình về mời mẹ đến xem công việc của chúng ta.

Bà mẹ vội vàng đi tới. Lúc này đúng giữa trưa, mặt trời từ không trung rọi xuống. Ngắm nhìn thì quả đúng phía trên là từng lớp chè non vàng óng, phía dưới là một đám đất trống đã dọn sạch quang. Nhìn thấy vậy bà mẹ thầm khen là giỏi, nhưng bà vẫn không chịu.

Một hôm người con trai trung hậu đến trước mặt mẹ chưa

kip hỏi, thì bà đã nói:

- Hôm nay chúng mày phải làm công việc mà trên như mặt trời mọc, phía dưới như hoa tuyết rơi.

Lần này thì chàng trai thấy khó mà làm vừa lòng bà mẹ nghiệt ngã, nhưng nghe xong nàng chỉ hỏi chồng:

- Nhà có cửa và gỗ hồng đào không?

- Có.

- Thế thì được. Mình mời mẹ đến xem công việc của chúng ta.

Bà mẹ vội vàng đi tới. Thấy con trai và con dâu đang cưa mấy khúc gỗ. Trên mặt khúc gỗ màu hồng như mặt trời, nóng như lửa. Phía dưới khúc gỗ mùn cửa rơi lả tả như hoa tuyết bay. Nhìn thấy vậy bà mẹ chỉ lẳng lặng không nói gì, nhưng trong bụng thì căm lắm.

Rồi một hôm bà gọi và bảo người con trai đến.

- Hôm nay chúng mày phải đem cơm cho người ta ăn, những người ấy đi qua sông bằng cầu, nhưng lại không cất bước.

Thấy chồng lo lắng, người vợ cười.

- Thế thì được, mình đến mời mẹ đến chỗ bến đò ngay ở đầu làng.

Hai vợ chồng mang cơm đi trước, bà mẹ vội vàng đi theo. Tới nơi bà thấy con trai và nàng dâu, đang nắm từng nắm cơm trắng tinh, đem cho những người qua đòngang. Bà mẹ không khỏi kinh ngạc: Quả nó là đứa thông minh, nhưng điều đó chỉ làm tăng thêm lòng ghen ghét trong bà.

Bà mẹ bảo con trai:

- Mày sửa soạn một ít quà bánh đưa vợ về bên ngoại, nhưng phải dặn vợ mày khi về nhớ mang cho ta ba thứ quà là: củ cải trắng long đỏ, ba ba không chân, đầu tôm hùm không có ngạnh.

Được về thăm cha mẹ, người vợ mừng lắm, nói với chồng.

- Mình không phải buồn lo, nhất định em sẽ tìm được ba thứ đó đem về biếu mẹ.

Người chồng trung hậu đưa người vợ thông minh về nhà cha thăm mẹ đẻ.

Bà mẹ chồng nghĩ thầm: “Lần này thế nào cũng trị được chúng nó”. Ít hôm sau nghe nói con trai và con dâu đã trở về, bà mẹ vội vàng chạy ra cổng đón. Bà đoán chắc rằng họ không thể tìm được ba thứ quà như vậy, bà sẽ mượn cớ đó mà đuổi hai vợ chồng ấy đi cho khỏi ngứa mắt.

Hai vợ chồng bước vào nhà, bà nhìn thấy trong thúng của con dâu có đựng một quả trứng gà, một chiếc bánh dày, một nắm bánh phồng. Bà biết rằng ba thứ quà như vậy vẫn không làm cho chúng nó chịu bó tay. Bà tức giận đến sinh bệnh, rồi bà ốm nặng, ít lâu sau bà mẹ cay nghiệt già từ cõi đời.

Từ đó nàng dâu thông minh và chồng yên ổn làm ăn, tự do như đôi vịt trên sông, vui sướng như đôi chim trên rừng.

Cuộc sống hạnh phúc của họ lan truyền đi khắp bốn phương, cuối cùng đã đồn đến tai Vua. Ông vua này một lòng muốn cưới người con gái thông minh này làm vợ. Vua phái rất nhiều quân hầu, vượt qua sông lớn đục ngầu, đi qua hồ đầm lầy lội, hỏi núi thăm sông, tìm tới nhà hai vợ chồng. Bọn quân hầu nói rõ ý muốn của nhà Vua cho người chồng trung hậu biết. Chàng vô cùng lo sợ, cô gái thông minh an ủi chồng:

- Không nên lo buồn! Mình hãy nói cho họ là em không ham ngôi đế vương, khanh tướng, chỉ muốn biết ý nhà Vua thế nào?

Bọn quân hầu truyền đạt ý chỉ của nhà Vua:

-Nếu nàng tìm được tấm vải đỏ che kín mặt trời, Hoàng thượng sẽ bỏ ý định lấy nàng làm vợ. Nếu không, chúng tôi phải đưa nàng về Kinh.

Nàng dâu thông minh liền nói:

- Tấm vải đỏ tôi đã có, nhưng phiền các ông về tâu với nhà Vua đo trước cho biết mặt trời rộng bao nhiêu, dài bao nhiêu để tôi còn may cắt cho vừa.

Nhà Vua nghe bọn quân hầu về tâu lại, biết đây là một cô gái có tài ứng phó hiểm có. Nghĩ một lát, Vua lại truyền lệnh:

- Bọn bây đến đó nói với nàng rằng, nếu không muốn lấy Vua thì nàng hãy tìm cho được một con gà trống đẻ trứng.

Khi bọn quân hầu trở lại, truyền lệnh của nhà vua, cô gái thông minh im lặng suy nghĩ một lát, rồi nói:

- Lần này tôi phải đi với các ông thôi!

Người chồng thấy vậy hoảng hốt, muốn cùng được đi với nàng. Nhưng nàng an ủi chồng:

-Mình cứ yên tâm ở nhà, em đi ít ngày là em sẽ trở về thôi!

Nàng đi theo bọn quân hầu về hoàng cung. Vừa thoáng nhìn, Vua đã thấy đó là một người đàn bà tuyệt đẹp và nghĩ thầm: “Một người vợ đẹp như thế này, sao chồng nàng lại để cho đi dễ dàng như vậy? Mà sao anh ta không tới xin một chức quan tước gì đó gọi là đòi trả công ơn nhỉ?”

Vua buột miệng hỏi:

- Chồng nàng sao không cùng đến?

Nàng trả lời:

- Chồng thiếp đang ở cữ!

Vua lấy làm kỳ lạ hỏi lại:

- Chồng nàng là đàn ông sao lại ở cữ được?

Nàng dâu thông minh trả lời dứt khoát:

- Chồng thiếp vừa mới sinh con trai.

Vua kêu lớn:

- Nhà ngươi biết mắc tội “khi quân” thì sẽ ra sao chứ?

- Tâu bệ hạ, thiếp biết, nhưng tại sao gà trống lại có thể đẻ trứng được ạ?

Nghe hỏi lại như vậy, nhà vua trợn mắt, há hốc mồm biết mình đã bị lừa, trong triều văn võ bá quan thì cười lên ầm ỉ.

Cô gái thông minh mỉm cười đàng hoàng ra khỏi hoàng cung.

Nàng theo con đường cũ trở về. Nàng qua sông lớn nước đục ngầu, đàn cá chúc nàng bình yên. Nàng vượt qua núi cao, vực thẳm, đàn chim hót cho nàng nghe. Mặt trời mọc, mây vui lòng làm chiếc dù che nắng cho nàng. Đêm tối xuống, mặt trăng vui lòng làm chiếc đèn lồng soi cho nàng bước đi. Ít lâu sau nàng trở về quê cũ, sống chọn đời với người chồng trung hậu.

Thần núi tản viên

Ở chân một ngọn núi cao sừng sững, cứ mỗi sáng tinh mơ thì có một người tiểu phu vác búa vào rừng đốn củi. Mọi lần, anh chặt một ít cây khô ở rừng, được nặng gánh thì trở về nhà; nhưng lần này anh định chặt thêm một cây gỗ cứng để đem về chống túp lều tranh, nên anh phải đi vào rừng sâu. Đang đi anh chợt nghe có tiếng trẻ khóc. Anh đứng lại nghe xem tiếng khóc ấy ở đâu thì thấy ở phía trước mặt, dưới một lùm cây to, có một con dê rừng rất lớn đang lấy chân trước bới một đồng cỏ khô, tiếng khóc ở đồng cỏ vọng ra.

Người tiểu phu rón rén đến núp sau một cây lớn, xem con dê làm gì. Con vật bới đồng cỏ rất nhẹ nhàng, ở trong có một đứa trẻ còn đỏ hỏn, bu bẫm, rồi nó nằm xuống cho đứa trẻ bú. Đứa trẻ bú lấy bú để bầu sữa căng, một lát sau con dê đứng dậy liếm mớ tóc bờm xờm của đứa trẻ, rồi chạy đi. Con dê vừa đi khỏi thì một đàn chim bay đến phủ cỏ khô lên người đứa trẻ, chỉ trong chớp mắt đã bay vù cả đi.

Người tiểu phu lẩm bẩm một mình: “Số mệnh đứa trẻ này thật kỳ lạ”. Anh đến bới đồng cỏ khô, thì thấy đó là một đứa con trai. Anh bế nó lên, đem về nhà nuôi. Đứa bé rất chóng lớn. Người tiểu phu chăm lo như con đẻ của mình. Tin là đứa trẻ có một số mệnh kỳ lạ nên đặt tên cho nó là Kỳ.

Lớn lên, Kỳ rất khỏe mạnh, ngày ngày Kỳ vác búa theo cha vào rừng đốn củi. Một hôm, Kỳ chặt một cây lớn đến hai người ôm, chặt từ sáng tinh mơ đến nhá nhem tối mà vẫn chưa xong, nên đành bỏ dở ra về.

Sáng hôm sau, anh đến chỗ gốc cây hôm qua định chặt tiếp, thì hết sức ngạc nhiên: cái cây bị chặt dở hôm qua bây giờ lại liền ruột liền vỏ như chưa có một vết búa nào chạm đến! Thấy thế, Kỳ không ngả lòng, anh lại giáng nhũng nhát búa thật mạnh vào chỗ thân cây đã chặt hôm trước. Tuy anh cố gắng hết sức, nhưng đến nhá nhem tối anh vẫn chưa hạ xong cây. Sáng sớm hôm sau, Kỳ lại vác búa định tiếp tục công việc còn bỏ dở thì anh thấy vết chặt hôm trước, hôm nay lại liền như cũ. Anh không nản chí, lại bắt đầu chặt, nhưng anh vẫn chưa chặt xong. Lần này anh không về mà leo lên một cây ở gần để rình xem cây tự liền da liền thịt như thế nào?

Đến nửa đêm, trăng sao vàng vạc đầy trời, bỗng có một ông già chống gậy đi từ từ đến cái cây bị chặt dở. Ông cụ chỉ cây gậy vào cây, trong chớp mắt vết chặt lại liền như cũ. Kỳ vội tụt xuống chạy đến hỏi ông cụ:

- Tôi khó nhọc lắm mới sắp hạ được một cây lớn, sao cụ lại phá công việc của tôi như thế?

Ông cụ đáp:

- Ta là Thái Bạch Tinh Quân đây, ta không muốn người chặt cây cổ thụ này. Thôi ta cho người cái gậy này, người hãy đi tìm cây nhỏ mà chặt.

Nói xong ông cụ trao cho Kỳ cái gậy chống ở tay, rồi biến mất.

Một hôm, trong lúc đi chơi thơ thẩn ven sông, thấy một con rắn lớn bị đánh đập đầu đã chết từ lâu, Kỳ liền cầm gậy chỉ vào đầu rắn. Bỗng nhiên con rắn sống lại, ngẩng đầu nhìn Kỳ rồi bò xuống sông bơi đi mất.

Một buổi tối Kỳ đang ngồi trong lều tranh thì một chàng thanh niên tuấn tú khăn áo chỉnh tề, đem châu báu đến tạ ơn Kỳ. Chàng xưng là Tiểu Long Hầu, con Long Vương ở biển Nam, bị trề chần trâu đánh đập đầu chết ở bờ sông và được Kỳ cứu sống hôm nọ. Kỳ nhất định không nhận lễ vật. Chàng thanh niên có ý bần khoản, cố mời kỳ xuống thủy cung chơi. Chàng đưa cho Kỳ một ống linh tê để rẽ nước đi xuống. Được Kỳ xuống chơi, Long Vương rất lấy làm mừng rỡ, mở yến tiệc linh đình thết đãi. Đến khi về, Long Vương đưa tiễn đủ thứ vật lạ dưới biển, nhưng Kỳ nhất định không nhận. Sau Long Vương lấy ở tráp ra quyển sách nói với chàng rằng:

- Ngài cứu sống con lão, lão không biết lấy gì đáp lại. Nay biểu vật gì ngài cũng không nhận, lão xin có quyển sách này tặng ngài. Dùng quyển sách này ngài ước gì được nấy.

Kỳ nhận sách ước và trở lại trần gian. Từ đó, chàng cầu được ước thấy, có phép biến hóa, trở nên một vị thần cứu dân độ thế. Thần đi qua bể Thần Phù, theo dòng sông lớn, đi ngược mãi lên, tìm nơi đất cao phong cảnh đẹp cắm chỗ ở. Đến một nơi thấy có ngọn núi cao chót vót ba tầng, tròn như cái tán, thần hóa phép mở rộng con đường qua các hang động và các suối lên các đỉnh núi. Ở trên ấy bỗng hiện lên lâu đài nguy nga. Khi đã định cư rồi, Thần thường xuống núi đi xem phong cảnh đẹp và dùng phép cứu nhân dân rất nhiều. Ngọn núi thần ở là núi Tản Viên, nên người ta gọi thần là Thần Tản Viên hay Sơn Tinh.

Cô gái lấy chồng trần

Một phụ nữ góa chồng từ thuở còn trẻ, nhưng ở vậy nuôi hai mụn con gái. Năm tháng trôi qua, con bà đã trở nên khôn lớn. Cả cô chị lẫn cô em đều xinh đẹp, tươi tắn, y hệt mặt trăng rằm. Trai làng đã lăm kè lân la, manh mối. Nhưng các cô vẫn chưa kén được người nào ưng bụng.

Một hôm, người mẹ mang rổ ra xúc cá. Xúc được gần đầy rổ cá bà toan về, nhưng vừa định bước lên bờ, thì có một con trần lớn lao đến quán chặt lấy hai chân bà. Bà già hoảng hốt ngã vật ra ngất. Lúc tỉnh dậy bà thấy hai chân mình vẫn bị trần quán lấy; bà hết lời van xin, cầu khẩn đất trời, van xin trần cho bà sống để bà về với hai đứa con gái non trẻ của bà.

Nghe bà già van vãn, trần bèn nói: “Tôi sẽ hứa tha cho bà nhưng bà phải hứa là gả con gái cho tôi!”

Vừa lúc ấy có người đi ngang qua, bà lão liền nhấc người đó về gọi hai đứa con.

Được tin, cả hai cô gái đều tất tưởi chạy đến. Thấy mẹ bị trần quán, hai cô hoảng hốt khóc thét lên. Bà già bảo muốn cứu được mẹ thì một trong hai con hãy nhận lấy trần làm chồng. Thấy hai cô im lặng bà hỏi cô chị. Cô chị trả lời: “Con thương mẹ lắm, thương nhiều như lá rừng, nước suối, nhưng con không không thể lấy trần dữ làm chồng!” Nói rồi cô òa

lên khóc nức nở. Bà lão lại hỏi cô em. Cô em khẽ cúi đầu, nước mắt giàn giụa nói cùng mẹ: “Thôi mẹ ơi con đành nhận lời làm vợ con ác thú để cứu mẹ! Mẹ và chị hãy về đi”.

Thấy cô em ứng lầy mình làm chồng, trần lập tức buông thả bà già ra. Cô chị thở phào, vội vã dắt mẹ ra về. Bà mẹ ngoái lại nhìn cô bé nước mắt đầm đìa, chân chẳng muốn dời.

Đêm đó, cô gái nhỏ theo trần về hang làm vợ nó. Nàng sợ sệt và buồn khổ. Lúc trời vừa sắp sáng khi đã thiếp đi, nàng cảm thấy một bàn tay thật mát đặt nhẹ lên trán và cả hơi thở ấm nồng. Nàng hốt hoảng tỉnh dậy, thì trước mắt nàng là một chàng trai khỏe mạnh, tuấn tú. Chàng trai dịu dàng nói với nàng: “Em à! Đừng có sợ! Ta là chồng của em đây, ta là chàng Trần!”.

Cô gái bàng hoàng tưởng như còn đang mơ màng, nàng dụi mắt nhìn lại vẫn là chàng trai trẻ đẹp, xinh xắn. Còn bộ da trần mốc meo thì vứt ở góc hang. Nàng sung sướng vô kể. Sáng hôm sau hai vợ chồng vào rừng kiếm tre, gỗ dựng một túp nhà sàn bên cạnh một con suối.

Từ đấy vợ chồng cô gái út sống với nhau rất hạnh phúc. Sáng sáng, vợ lên rừng hái măng, nhặt củi, chồng khoác tấm da trần xuống suối bắt cá, mò cua, tối về bên bếp lửa, chồng trút bỏ bộ da trần, cùng vợ ăn uống, chuyện trò. Cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ thật êm đềm, thanh thản.

Tiếng đồn vợ chồng cô em gái út lấy chồng trần giờ đang sống hạnh phúc đã đến tai cô chị. Nhưng cô chị chẳng tin điều lạ lùng ấy. Một đêm nọ cô chị đã lườn rình trốn mẹ đi đến thẳng nhà cô em rình đón. Qua ánh lửa bập bùng, cô chị nhìn thấy hai vợ chồng cô em đang chuyện trò đầm ấm. Chàng

trai chồng của cô gái thật là khỏe đẹp. Nhìn cảnh đó, cô chị tiếc rẻ và tự trách mình sao lại dại dột đã không nghe lời mẹ lấy chồng trần.

Lòng tham của cô chị nổi lên, cô trốn mẹ đi vào rừng tìm trần. Đi mãi đi mãi nhưng cô chỉ gặp toàn hùm, beo, rắn rết. Một ngày kia cô chị gặp một con trần già đang nghỉ dưới gốc cây. Cô bước đến và cất tiếng hỏi: “Này ông trần, ông coi tôi xinh xắn thế này; ông có ưng bụng lấy tôi làm vợ không?”. Con trần thấy động tĩnh dậy. Nó mở căng đôi mắt ti hí nhìn người con gái. Đã mấy ngày nay nó bị đói mồi, nên ngọt ngào: “ô thế thì thích quá, cô hãy về nhà tôi đi!”. Cô chị liền theo con trần già về hang của nó, bụng chắc mấm sẽ được may mắn như cô em út. Nhưng cô chị vừa bước khỏi cửa hang thì trần già lấy đá chèn cửa hang lại. Mặc cho cô la hét trần già vẫn xò tới dùng đuôi quật chết cứng cô gái rồi vươn cổ nuốt lũng.

Thấy cô gái lớn đi lâu không về bà mẹ vô cùng lo lắng. Bà lật đật đến nhà cô út hỏi han sự tình. Nhưng cô út cũng chẳng rõ gì cả. Bà già ôm cô gái út khóc lóc thảm thiết. Đến khuya, khi chàng rể trở về nhà, bà mới thôi khóc. Chàng rể trần bỏ bà đi vào rừng. Chàng đến hang trần già hỏi. Trần già đang nằm phênh bụng ra thở. Biết cô chị bị trần già nuốt, Chàng rể Trần liền xò lại bóp cổ trần già chết, rồi mổ bụng trần già ra, cứu cô chị sống lại.

Từ ngày đó cô chị làm ăn chăm chỉ, thương mẹ và quý mến em gái vô cùng.

Sự tích tên, nổ, súng, đạn

Xưa có một cô gái mồ côi rất xinh đẹp nhưng nhà nghèo nên chẳng có ai lấy làm vợ. Cô gái thấy mình đã lớn tuổi mà chưa có người đến hỏi mới bỏ làng ra đi may chăng có gặp người nào thương mình thì lấy làm chồng. Cô đi hết làng gần, làng xa mà cũng chẳng có ai hỏi đến. Buồn quá, cô ngồi tựa gốc cây ở vệ đường khóc. Bỗng có con chim đậu trên cành cây hót:

Không cần đi tìm, không cần đi đâu

Ngày còn dài, tháng còn lâu

Trở về nhà, trở về nhà!

Cô còn trẻ! Cô còn đẹp!

Ngày còn dài! Tháng còn dài!

Giờ cô nghèo, giờ cô chưa có.

Cô chịu khó sẽ có ngày!”

Cô gái lấy làm lạ, mới hỏi chim rằng:

Chim ơi! Chim bảo ta vậy à?

Làm cách gì bảo ta tìm chồng!

Chim cất tiếng hót:

“- Bố mẹ cô chết sớm.

Khó khăn nhiều, vượt qua.

Về đi, trở lại nhà.

Làm gì cũng không được bỏ dở!”

Cô gái nghe chim hót thế, chắc là có điều gì linh thiêng mới trở về nhà. Vừa tới đầu núi, cô nghe có tiếng nói từ trong vọng ra:

“Tay phải tôi cầm gạo nếp.

Trái tôi nắm gạo tẻ.

Cô nào muốn làm vợ tôi.

Về bên tay phải mà săn gạo nếp.

Cô gái chạy lại phía có tiếng nói trông thấy một chàng trai cao lớn, khỏe mạnh từ trong núi đi ra, vừa nhìn cô vừa cười. Cô gái biết là chim làm mối cho mình lấy chàng trai này, bèn đánh bạo đến nắm tay chàng và nói:

- Anh là chồng của tôi. Sao anh để tôi đi tìm mãi?

Chàng trai cũng nắm tay cô gái. Thế là họ thành vợ thành chồng.

Ba năm sau, cô gái sinh được một con trai, mới ba tháng mà nó đã biết nói và ăn rất khỏe. Một hôm chú bé hỏi bố:

- Bố ơi! Ngày trước bố ở chỗ nào?

Người bố thân nhiên đáp:

- Ngày trước bố ở trong rừng, trong núi. Người con lại hỏi:

- Ở rừng, ở núi thì bố ăn thứ gì?

Người bố lại đáp:

- Ở rừng, ở núi nhiều thức ăn sống.

Chú bé không hỏi nữa.

Ít lâu sau, chú bé lớn lại càng ăn khỏe. Người bố mới gọi con đến bảo:

- Lúa ngô nhà ta sắp hết rồi, ngày mai con cùng bố vào rừng kiếm gì ăn thêm chứ con ăn khỏe thế thì không mấy lúc nhà chẳng còn gì mà ăn đâu!

Cậu bé nghe vậy thích lắm. Sáng hôm sau hai cha con dậy sớm đi vào rừng. Người bố nói với con:

- Bây giờ hai cha con đi hai ngã, đến trưa hẹn gặp ở tảng đá ngay bờ suối. Như thế mới kiếm được nhiều thức ăn hơn.

Nói xong hai cha con mỗi người đi một phía. Đến trưa người bố về ngồi ở tảng đá, tay cầm mấy củ khoai bết đất, còn người con trai thì mang rất nhiều thứ. Bố thấy con có vẻ no nê, mới hỏi:

- Con kiếm ở đâu mà nhiều thứ thế?

Người con khoe:

- Con đi ngược dòng khe này, nhiều quả cây và củ rừng lắm. Chỉ có con vượn chuyền cành là không bắt được mà thôi! Bố có cách gì bắt nó được không?

Người bố nghĩ một lúc rồi nói:

- Khó gì. Con làm một cái nỏ và mười hai cái tên, đi mà bắn. Khi bắn, thấy đầu nó quay đi thì nhắm đuôi mà bắn mới trúng.

Về nhà người con làm cái nỏ và mười hai mũi tên rồi đi luôn vào rừng. May quá, vừa vào rừng cây trước mặt thì người

con thấy một con vượn đen đang đánh đu trên cành cây. Thấy, vượn nhảy tót lên cành cao tít. Chú bé giương nỏ nhắm bắn vào đầu vượn. Vượn sợ quay mặt về phía sau. Nhớ lời bố, chú bé bắn một mũi tên trúng đuôi vượn, vượn chết lảo xuống đất. Chú bé xách vượn về nhà làm thịt. Cả nhà được một bữa no nê.

Một lần khác, chú bé lại hỏi bố:

- Bố ơi! ở rừng, ở núi có nhiều hoẵng, nó chạy nhanh lắm, tên bắn cũng chẳng ăn thua. Bố có cách gì không? Người bố nói:

Con phải đi qua năm ngọn núi, mười con suối đến một ngọn đồi trọc, ở đó có nhiều sấu, con đem về làm súng mới bắn nổi hoẵng.

Chú bé đã qua năm ngọn núi, mười con suối thì đến một ngọn đồi trọc, quả nhiên có rất nhiều sấu. Chú đem về nhà, dùng tay nặn được hai khẩu súng. Nhưng súng nặn ra rồi không có đạn. Người con mới hỏi bố:

- Bố ơi! Súng làm ra rồi, lấy gì mà bắn. Người bố đáp:

- Ngày mai con vào trong hang đá to, chờ đến lúc mặt trời tắt, con hãy vơ lá đất lên thấy vật gì sáng sáng trong đám cỏ, củi mục, con nhặt cho vào bếp nếu nó cháy xèo thì con nhặt về.

Sáng hôm sau người con vào hang, chờ đến tối, làm y như lời bố dặn, rồi về nhà làm ra thuốc súng. Có thuốc súng rồi, người bố bày cho con đi lấy hạt cây đậu no nhe vỏ cứng cho thuốc súng vào, bắn đi rất xa.

Từ đó hai bố con ngày nào cũng đi săn và được rất nhiều

thịt. Một hôm hai bố con đang nhồi đạn ở sân, thì mẹ cậu bé chạy về nói cho biết:

- Ở trong dốc núi kia có con đười ươi hay bắt người và phá nương rẫy lắm. Bố con rủ nhau đi mà bắn!

Hai bố con đi ngay. Người con bàn với bố:

- Con đi ngược suối lên phía trên núi, bố đi vòng đón phía dưới. Khi nào nghe tiếng súng nổ phía dưới thì con xuống giúp bố, có tiếng súng phía trên thì bố lên giúp con.

Nói rồi, mỗi người đi một ngã. Một lát, bỗng phía trên có tiếng súng nổ. Lúc đó người con thấy một con đười ươi đang đứng cạnh một gốc cây to đang ngửa mặt lên trời cười, liền bắn luôn ba mươi phát đạn. Đười ươi không chết, nó vừa cười, vừa hỏi:

- Mày có còn thuốc không? Cho tao hút một điếu!

Người con đáp:

- Chỉ còn một điếu thôi.

Cũng vừa lúc người bố đến thấy con đang nói chuyện với đười ươi mới ra hiệu cho con tránh ra rồi giơ súng bắn một phát vào bụng đười ươi. Đười ươi bị đạn, cười rú lên nói:

- Ủi chà chà! Thuốc của anh ngon quá. Anh cho tôi hút một điếu sao mà say thế?

Chưa dứt lời đười ươi ngã lăn ra chết.

Hai bố con liền tìm ống bương cho thịt vào luộc ăn. Ăn no họ lăn ra ngủ bên cạnh đồng xương, mỗi người quay đầu một phía, chân chụm vào nhau và cùng gác lên đồng xương đười ươi.

Nửa đêm, một con đười ươi khác không thấy bạn về, nó bèn đi tìm. Khi thấy xác bạn bị người ăn thịt và có hai người nằm ngủ chụm chân vào nhau, nó cười sằng sặc rồi nhảy vào vỗ người bố. Người con thức giấc, biết việc chẳng lành, thấy đười ươi xô vào bố, nó vội nắm lấy lưng con ác thú lôi lại. Đười ươi quay lại, chồm vào người con thì người bố nhồm dậy giật lưng nó lại. Đười ươi hoảng quá, chạy tót vào rừng, ngồi rũ một mình: “Sợ quá! Sợ quá! Thằng người ấy có hai đầu bốn chân, sợ quá, sợ quá!”

Hai bố con chú bé không ngủ được, mới vác nốt số thịt về chia cho dân làng. Sáng sớm hôm sau, khi ngủ dậy, người con không thấy bố đâu cả. Mới nghĩ rằng bố mình là người trời xuống đây bày cách cho dân làng săn bắn và để cho mẹ mình khỏi khổ thôi.

Cũng từ đấy, dân làng học theo chú bé chế súng, làm đạn, vào rừng săn bắn các loài thú rừng, chim muông.

Sinh con rồi mới sinh cha

Xưa có hai anh lính được giải ngũ cùng một đợt, trở về làng làm ăn, một người nhờ có vốn liếng nên làm ăn được phát đạt mới nghĩ đến người bạn của mình ở làng bên cuộc sống đang khó khăn, anh đem mười quan tiền cho bạn vay. Hai năm sau, người này lại lấy 5 quan tiền nữa giắt trong mình đi sang thăm bạn định cho bạn vay thêm. Khi đến trước cổng, người này cẩn thận lấy 5 quan tiền bỏ vào một cái lỗ, đoạn lên tiếng gọi bạn.

Vợ chồng người bạn đón đả ra chào. Mặc dù lúc này làm ăn có tiền, nhưng vợ chồng người bạn xấu bụng, tưởng rằng anh đến đòi nợ nên bàn nhau ám hại.

Đêm đó được vợ chồng bạn đãi đằng cơm nước xong xuôi, người này đi nằm, đánh một giấc ngủ ngon để mai sáng trở về, vì vợ anh ở nhà cũng sắp sinh. Chẳng ngờ vợ chồng người bạn nhân lúc anh ngủ say xông ra đâm chết, rồi đem vùi thây ở gốc cây khế ngọt.

Ít lâu sau cây khế trở hoa, đâm trái nhưng chỉ độc nhất có một trái thôi. Người vợ liền bẻ xuống ăn, rồi thụ thai, sau sinh được một đứa con trai.

Thằng bé này đến 10 tuổi cũng chưa biết nói. Vợ chồng

đều buồn rầu, tìm thầy, tìm thuốc chữa chạy nhưng thằng bé
câm vẫn hoàn câm. Thành linh một hôm thằng bé bỗng nói:

- Xin cha mẹ hãy đi mời quan huyện đến đây.

Cả vợ lẫn chồng đều hết sức ngạc nhiên, nhưng mừng khi
thấy thằng bé biết nói, nên cả hai tức tốc đi mời quan huyện
tới nhà.

Thằng bé lên tiếng tố cáo về vụ giết người của hai vợ chồng
người bạn, và tự xưng là người bị giết trước kia.

Quan huyện không tin, thì người này chỉ chỗ mình đã giấu
năm quan tiền ở ngoài cổng và xin cho đào dưới gốc cây khế,
nơi mình bị giết chết và vùi xác ở đấy. Quả nhiên đúng như
lời tố cáo.

Quan huyện bắt ngay vợ chồng người bạn ác tâm giam lại
rồi cho đứa bé trở về quê quán của mình...

Khi người này về tới làng thì cảnh vật trong làng thay đổi
quá nhiều. Thằng con trai của anh đã có vợ có con rồi.

Do đó người đời có câu này truyền tụng:

"Sinh con rồi mới sinh cha

Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông!"

Viên ngọc quý

C hàng ta tên là Thiên Phú, có nghĩa là trời cho giàu. Mà Thiên Phú giàu thật. Trong nhà lúa đầy bồ, vàng đầy rương, ruộng cò bay thẳng cánh, nhà cao cửa rộng, ngang dọc năm bảy gian, chỉ có điều tài sản trên là do người chà để lại cho.

Khi cha chết, sản tiền của, chàng ăn xài phung phí. Những người theo Thiên Phú là phường vô lại, chỉ quen nịnh hót, suốt ngày rượu chè be bét... ham mê cờ bạc.

Người lão bộc khuyên nhủ nhiều lần không được, lão buồn rầu lắm, không nỡ nhìn cậu chủ mình ngày càng sa sút... Một đêm, lão đến vái lạy trước bàn thờ chủ cũ, rồi lặng lẽ bỏ đi.

Lão bộc đi rồi Thiên Phú lại tiếp tục quay cuồng trong những cuộc vui thâu đêm suốt sáng... Rồi một đêm kia, uống rượu sau bí tử, Thiên Phú về nhà loạng choạng thế nào lại quơ tay làm đổ ngọn đèn, lửa cháy thiêu cả căn nhà từ đường còn lại.

Thế là của cải hết sạch, Thiên Phú trở nên nghèo khó, bạn bè đều xa lánh. Một hôm chàng đói lả không còn lê bước được nữa, chàng thiếp đi như người chết. Một con quạ bay qua kêu inh ỏi làm chàng choàng dậy tóm được... quạ xin tha chết đền ơn viên ngọc ước.

Nó nói Thiên Phú được giàu sang cũng đừng làm điều bất nghĩa... Nhân nghĩa là vàng còn của cải chỉ là gạch đất thôi. Thiên Phú mân mê viên ngọc và thử ước... Bỗng trước mặt chàng hiện ra một rương tiền vàng và nhiều chuỗi ngọc lấp lánh.

Nhờ viên ngọc ước, Thiên Phú sắm lại nhà cửa ruộng vườn như xưa, những kẻ xa lánh chàng ngày trước nay trở lại xun xe bợ đỡ. Chàng chỉ lắc đầu cười nhạt.

Một lão nông nghèo được chàng giúp đỡ qua cơn hoạn nạn, nhớ ơn nên muốn gả con gái cho chàng.

Thấy cô gái xinh đẹp hiền lành, Thiên Phú bằng lòng cưới nàng, ai cũng cho đó là hạnh phúc. Quá tin vợ, chàng kể chuyện viên ngọc ước cho nàng nghe. Một hôm Thiên Phú vắng nhà, lúc trở về không gặp vợ, viên ngọc ước cũng biến mất thì chàng mới vỡ lẽ.

Sang nhà tìm vợ thì chợt chóa mắt trước ngôi nhà đồ sộ rực rỡ... Nàng xưa đuổi. Chàng buồn bã cúi đầu ra đi, chán nản ngồi xuống thì một ông Tiên hiện ra cho chàng hai hột đậu, bảo hạt trắng ném trước nhà vợ chàng, còn hạt màu xanh trồng ở nhà chàng.

Mấy ngày sau, vườn cô Na vợ chàng bỗng mọc lên một cây hoa trắng rất đẹp. Cô hái và khoe với cha. Nhưng lạ thay... vừa hít mùi hương thơm vào thì tự nhiên chiếc mũi của hai cha con nàng Na bỗng dài ra mãi như chiếc vòi chú voi.

Hai cha con cuống cuống ôm lấy chiếc mũi dị kỳ than khóc, mọi người xúm lại xem... Bấy giờ Thiên Phú mới đến, chàng bảo cha con cô Na: "Khi nào đưa viên ngọc ước cho chàng cầm

trong tay, thì chàng sẽ giúp hai cha con nàng có chiếc mũi như xưa!” Họ bằng lòng trả viên ngọc...

Sau khi cầm viên ngọc, Thiên Phú liền đưa đóa hoa màu xanh bảo hai cha con nàng cùng hít. Thật là mầu nhiệm, lập tức hai cái mũi dài liền biến mất. Mũi của họ trở lại bình thường... nhưng cả tiền bạc nhà cửa của họ đều biến mất... chỉ còn đồng gạch vụn.

Thiên Phú không màng đến giàu sang, chàng cầm viên ngọc ra đi khắp nơi, giúp đỡ kẻ nghèo khó, sống đầy tình nghĩa với mọi người. Thật đúng với câu:

Cửa là gạch, nghĩa là vàng.

Cửa ăn thì hết, nghĩa mang suốt đời.

Viên ngọc dơi

Bệnh dịch hiểm nghèo đang gây mối nguy hại to lớn cho dân làng. Nhiều người chết, nhiều người đang ở trong tình trạng “thập tử, nhất sinh!” Tất cả mọi người đành bó tay vì người già bảo rằng, chỉ có viên ngọc của con dơi khổng lồ ở tận đỉnh núi mới có thể chữa khỏi được bệnh mà thôi.

- Biết ai đi tìm ngọc dơi để chữa bệnh cho dân bây giờ?

Động lòng trước tai vạ của mọi người, một chàng trai mồ côi, song rất khỏe mạnh và mưu trí nghĩ rằng:

- Ta chỉ có một mình, phen này ta sẽ liều thân lên núi tìm ngọc về cứu nguy cho bà con mới được.

Anh liền tìm gặp già làng xin ra đi tìm ngọc quý.

- Già làng bảo: Đã từ lâu không ai dám liều thân đi tìm thuốc. Giờ đây con ra đi thật phức đức cho dân làng. Con phải thật cẩn thận vì con dơi khổng lồ này rất nguy hiểm.

Mọi người liền chuẩn bị thức ăn, y phục và vũ khí tiễn chàng lên đường.

Không quản gian khổ, ngày đi, đêm nghỉ, chàng trai ngày càng tiến sâu vào rừng thẳm. Vừa tới sườn núi, anh giật mình vì tiếng huýt gió vang rền, rồi tiếng thở phì phì của một con

rắn độc to lớn xuất hiện: “Ta phải thật bình tĩnh mới được”.
Chàng tự trấn an và nói:

- Hồi con rắn ác độc kia, phen này mi sẽ không còn làm
hại được mọi người nữa rồi!

Anh rút gươm xông tới. Suốt cả ngày anh và con rắn quấn
nhau kịch liệt. Đột nhiên con rắn chồm tới, mổ thẳng xuống
đầu anh. Nhanh như cắt, anh nép mình vào thân cây. Con rắn
mất đà, đâm bổ xuống đất. Anh nhảy ra, dùng hết sức chém
đứt đầu con rắn:

Mệt mỏi, kiếm bị mẻ mất một miếng, anh nghĩ: “Ta mất
sức quá nhiều vì con rắn này” rồi nằm lăn ra ngủ lấy sức. Khi
tỉnh dậy, mặt trời cũng bắt đầu lặn xuống chân núi. Thấy
mình khỏe khoắn, anh vội vã lên đường. Khi mặt trời khuất
bóng, thì anh cũng đến tận đỉnh núi. Bỗng có một cơn gió
mạnh nổi lên xô ngã cây rừng.

Anh ngược nhìn, đôi cánh khổng lồ che kín cả một góc
trời: “Con dơi đây rồi! Thì ra mày bay làm ngã cả cây”.

Hết mũi tên này đến mũi tên khác, anh liên tục bắn vào
con dơi cho đến khi không còn mũi tên nào nữa. Thế mà không
mũi tên nào trúng đích! Con dơi bắt đầu tấn công lại, nó bay
vòng quay trên đầu đối thủ, bất thành linh, nó lao xuống đập
mạnh đôi cánh tạo ra cơn gió hất tung anh lên không trung.
Vừa rơi xuống đất, nhìn lên anh thấy con dơi cũng vừa quay
trở lại. Đợi cho con dơi hạ xuống gần, anh liền chém tới tấp
nhưng không gây được thương tích gì cho nó.

- Nguy mất, ta không thể chém đứt da nó thì làm sao hạ
nó được.

Bị đau, con dơi càng hung hăng hơn, nó tấn công liên tục. Chống đỡ một lúc sau thì lưỡi kiếm bị gãy làm đôi. Một lần nữa, bằng đôi cánh của mình, con dơi tung anh văng lên cao. Rồi nó hạ xuống cắn trúng chân anh: “Có lẽ ta chết mất”. Lúc ấy anh dường như tuyệt vọng.

Nhưng nhờ sức mạnh hơn người nên anh chỉ ngắt đi, còn con dơi thì bay đi khi thấy anh nằm im tưởng anh đã chết. Bỗng nhiên ánh sáng lóe lên và một ông già xuất hiện.

- Hồi chàng trai dũng cảm, ta là Thần Núi, ta sẽ giúp cháu, cháu hãy mau chóng vào hang dơi, tận cuối hang cháu sẽ tìm thấy viên ngọc trên tảng đá tròn. Nhanh lên cháu, vì đến sáng con dơi quay về thì nguy.

Anh giật mình tỉnh dậy, không còn thấy đau ở chân, nhớ lại lời chỉ dạy của Thần Núi, anh liền tìm đến hang dơi. Trong hang nồng nặc mùi hôi thối. Vào càng sâu thì lối đi càng đầy chông gai, sỏi đá, lại càng tối nên không nhìn thấy được gì. Với quyết tâm, anh lần vào và cũng đã tìm thấy viên ngọc: “Đây rồi! Ta sẽ cứu được mọi người khỏi bệnh tật”. Anh reo lên, quên hết cả mệt nhọc, hiểm nguy.

Sau khi cẩn thận cất viên ngọc vào áo, anh lật đật men theo sườn núi trở về. Vì trời tối, anh bị lạc hướng. Mải đi, đến sáng thì anh thấy mình ở một nơi xa lạ.

- Đây là đâu? Ta bị lạc rồi. Thôi cứ tắm rửa cho khỏe rồi kiếm đường về! Nghĩ vậy, anh lội xuống một con suối trong vắt.

Đang tắm rửa, anh nghe có tiếng khóc. Anh vội tìm đến.

- Cô làm sao mà khóc thế? Chắc có điều gì không hay, tôi

có thể giúp được gì không?

Cô gái buồn rầu kể:

- Cảm ơn lòng tốt của anh. Nhưng anh sẽ không giúp em được đâu. Nơi đây, hàng năm mọi người phải tế cho hung thần một mạng người. Còn ba ngày nữa thì đến lượt em dâng mạng cho hung thần.

- Thật sao? Tôi sẽ tìm cách giúp cô!

Sau khi kể mọi chuyện, cô gái dẫn anh về nhà. Mọi người tiếp đãi anh thật tử tế.

- Cô hãy yên tâm, tôi có cách cứu cô rồi! Trong hai ngày nữa, tôi sẽ trở lại.

Từ già cô gái, anh lặn lội vào rừng tìm đốn những cây rần chắc và đóng thành một cái cũi có hai ngăn. Đúng hẹn, anh trở lại dẫn cô gái ra bìa rừng chờ tế thần.

- Nghe kỹ đây, khi nào hung thần đến thì cô dụ hấn chui vào cũi kia, còn cô thì ngồi vào ngăn bên trong. Tôi nấp trên cây và sẽ cứu cô.

Chẳng bao lâu, hung thần đến.

- Ha, ha, ha... Cô bé đến nộp mạng cho ta đấy à! Thật tuyệt!

Cô gái khóc và nói:

- Tôi nộp mạng cho ngài đây, xin ngài hãy chui vào trong này.

Chỉ kịp nuốt nước miếng, hung thần chui ngay đầu vào trong cũi.

Chỉ đợi có thế, chàng trai từ trên cây nhảy xuống dùng kiếm giáng sức chặt vào cổ hung thần, máu nó phun lênh

láng. Anh liền tháo cũi, dẫn cô gái về nhà. Mừng vì con thoát chết và nhất là thoát khỏi sự đe dọa của hung thần nên gia đình, dân làng tổ chức đám cưới cho họ.

Xong đâu đấy, dân làng tặng cho họ một con ngựa quý, quà cáp để họ trở về quê cũ. Nhờ có ngọc dơi, hai vợ chồng anh ngày đêm đi cứu chữa cho mọi người. Kể từ đó không còn dịch bệnh nào nguy hiểm đe dọa cuộc sống của nhân dân quê anh nữa.

Con thỏ trên mặt trăng

Thỏ, khỉ, rái cá và chó rừng ở đâu không biết chữ ở khu rừng này, chúng sống với nhau rất thân thiết và hòa thuận. Chúng kết bạn với nhau, cùng chia xẻ con mồi kiếm được, cũng như giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn.

Một hôm, có một ông lão, thân thể gầy gò da bọc lấy xương, quần áo rách tả tơi, chống gậy lê từng bước một, đi xin ăn. Từ thân hình lão toát ra một mùi hôi thối khó chịu, nên ai cũng ngại và lánh xa. Đi đến đâu, miệng lão cũng thều thào, van nài: “Tôi đói lắm, nhờ bà con làm phúc cho tôi miếng ăn...”.

Các muông thú thấy vậy đều làm ngơ hoặc lảng xa, không con nào chịu giúp cho ông lão một miếng ăn, hay một cây rừng để đỡ dạ.

May sao ông lão gặp được khỉ đang đi hái trái rừng cho con. Khỉ bèn chọn những chùm trái chín mọng ngon nhất biểu ông lão và nói:

- Tôi chỉ có thứ này, vậy xin cụ vui lòng nhận cho, ăn tạm đỡ đói.

Lão ăn mày nhận quả, cảm ơn khỉ rồi tiếp tục chống gậy bước đi. Đến bên bờ suối, ông lão gặp con rái cá. Biết rõ tình cảnh của ông lão, rái cá mang cho tất cả cá lớn, cá bé giấu bên

gốc cây mà rái cá đã lặn ngụp bắt được từ sáng đến chiều. Nhận cá xong, lão ăn mày như lần trước, cảm ơn rái cá rồi ra đi.

Đi một hồi lâu, lão ăn mày gặp chó rừng. Chó rừng nghe lão thều thào xin ăn liền cho ông một miếng thịt nai vừa kiếm được từ một con mồi ăn thừa của hổ bỏ lại. Lão ăn mày nhận lấy miếng thịt, cảm ơn chó rừng, rồi lại tiếp tục ra đi.

Qua một chặng đường dài, lão lại gặp thỏ đang ngồi bên cạnh cửa hang để ngắm trăng.

- Thỏ ơi! Già đói quá, sắp chết mất thôi! Có cái gì ăn được, thỏ hãy làm phúc cứu lão với.

Giọng người ăn xin run run, thều thào gần như tuyệt vọng.

Nhìn hình dáng tiều tụy, xanh xao như sắp kiệt sức của người ăn mày, thỏ vừa cảm động, vừa ái ngại. Lâu nay thỏ có bao giờ dự trữ thức ăn ở trong hang đâu? Đói thì ra rừng tìm những đợt cây, hay đám cỏ non chén một chậu no dạ, rồi tìm bóng râm nằm nghỉ. Thỏ đang lúng túng suy nghĩ thì giọng ông già lại van nài thôi thúc. Thỏ thấy không thể làm ngơ trước cảnh một cụ già đang bị cơn đói hành hạ như vậy. Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu thỏ. Thỏ từ tốn nói với ông lão.

- Xin cụ ngồi tạm nghỉ chân, chờ tôi một lát. Tôi sẽ biếu cụ thức ăn ngon.

Nói xong, thỏ nhặt những cành củi khô rơi vãi, chất thành một đống trước cửa hang, rồi châm lửa đốt cháy bùng lên. Thỏ quay lại nói với ông lão ăn mày: "Xin ông hãy dùng lấy thịt của tôi đây!". Nói xong thỏ nhảy vào đống lửa đang bốc cháy ngàn ngạt.

Tự nhiên, một làn gió lạnh buốt từ đâu thổi đến, lướt ngang

qua dập tắt ngay ngọn lửa làm thổ ngạc nhiên, ngỡ ngác. Chưa hết bàng hoàng, thổ nhìn lại, thì người ăn mày rách rưới ghẻ lở đã biến mất. Trước mắt thổ là một vị thiên thần, đầu đội mão vàng, phát ra hào quang rực rỡ, đôi mắt sáng, tay cầm gậy phép óng vàng, cất giọng nói vang như tiếng sấm:

- Này chú thổ! Ta là thần Porácinh đây. Ta vừa giả làm người nghèo đói để thử lòng muôn loài dưới trần gian. Đáng phục thay cho tấm lòng cao cả, quên mình vì kẻ khác của ngươi. Gương sáng ấy đáng được người đời ca ngợi. Hôm nay trăng tròn, ta sẽ ghi lại hình dáng của ngươi bằng hình vẽ đẹp trên mặt trăng để muôn loài cùng chiêm ngưỡng.

Nói xong, thần Porácinh đưa đầu chiếc gậy phép về phía mặt trăng vẽ mấy nét nguệch ngoạc, rồi biến mất. Từ đó mỗi khi trời không mây, trăng sáng, đứng ở trần gian nhìn lên, người ta thấy thổ con đang ngồi giữa mặt trăng.

Đồng bào Khơ Me Nam Bộ, hàng năm đến ngày rằm tháng mười âm lịch, hay làm cỗ đẹp bằng nếp tươi - món ăn, theo quan niệm của họ, thổ thích nhất - để cúng con vật đã biết quên mình vì người khác. Lễ này gọi là lễ Oc - om-bóc hay còn gọi là lễ Thơ-vay Pơ-rắc Chanh (Lễ cúng thần trăng).

Sự tích Bã Tiên

Ngay xưa nơi đây là làng Potau Ling ca có nghĩa là cháu của một dòng sông. Có người cho rằng bãi cát hồi đó có Tiên xuống đánh cờ vì còn bàn đá.

Thật ra là chẳng ai nhớ là đã qua bao nhiêu mùa lúa chín, chỉ biết rằng có một cô gái dân tộc Mạ vừa lớn là đã thạo cái tay bẻ củi nấu cơm, khỏe cái vai gùi nước uống. Nhà cô gái ít người, nghèo khó, mẹ bị liệt cả hai chân, cha bị đui mù hai mắt, mọi việc trong nhà, ngoài rẫy đều do một mình cô làm cả.

Có một chiều, khi ông mặt trời xuống núi, cô gái ra suối lấy nước nấu cơm. Khác với mọi hôm, mặt nước suối trở nên trong xanh kỳ lạ. Cô gái soi mình, cười vui và chải tóc.

Thời gian qua nhanh, cô gái giật mình vì thấy chị trăng thanh dưới suối. Chị trăng bảo cô gái: “Về đi thôi kẻo người già đang đợi!”.

Khi về đến sân nhà, cô gái nghe thấy cha mẹ nói với nhau:

- Sao con mình đi lấy nước lâu thế?

Vừa lúc ấy có hai cụ già, một cụ đang tư lự ngồi vạch vẽ gì đó trên một tảng đá lớn. Một cụ râu tóc bạc trắng, tay cầm cái gậy mây đỏ và một cụ râu tóc ngắn hơn, tay cầm cây kiếm sáng loáng, hỏi cô gái:

- Cháu ơi, cho già xin hộp nước!

- Nước đục quá, không uống được! Để cháu ra lấy nước trong hơn!

- Cảm ơn cháu, nhưng không sao, uống được!

Cô gái đưa nước mời hai ông già uống và hỏi:

- Hai cụ từ đâu đến ạ?

- Ta ở xa đến, đến để xem buôn làng có yên ổn không!

- Dạ thưa hai cụ! Cách đây không lâu, bọn cướp đến đây đốt nhà, đánh đập mọi người. Mẹ cháu bị đánh liệt cả hai chân, cha cháu bị đánh mù cả hai mắt, ông cụ đầu buôn bị đánh gãy hai tay... Thật khổ vô cùng! Mời hai cụ lên nhà chơi đã!

- Ta phải về, nhưng bảy hôm sau nữa ta sẽ quay trở lại thăm nhà!

Ông già râu tóc ngắn vỗ vai cô gái:

- Con hãy giữ cây kiếm này. Nếu lũ cướp đến đây, nó sẽ giúp con giữ yên buôn làng khe suối...

Nói chưa hết câu, hai ông già đã biến mất.

Trăng lên cao, con gà rừng gáy trước, con gà nhà gáy theo sau. Cô gái bước lên sàn nhà, chưa qua bốn bậc thang, lũ cướp đã bao vây phía dưới. Chẳng rõ mặt lạ quen, cô gái hỏi “Ai đấy?” và mời lên nhà chơi uống nước. Lũ cướp lên nhà, chúng chẳng thềm chào hỏi ai, lấy cây củi dài đang cháy dưới nồi cám heo liền đốt nhà, cướp của. Lập tức cô gái lấy kiếm chém đầu lũ cướp. Ba tên tướng cướp rơi đầu. Người trong buôn xông ra bắn tên, phóng lao đánh đuổi mấy tên cướp còn lại dưới sàn nhà. Trước bà con buôn làng cô gái nói lớn:

- Hồi quân giặc cướp! Muốn vô đây, hãy đón nhận lưỡi kiếm này!

Mấy tên cướp sống sót, nghe sợ tháo chạy như ma đuổi.

Cô gái xuống sàn và cùng bà con kéo mấy xác tên cướp đi chôn.

Duổi cướp xong, bà con đem rượu cần ra uống.

Đúng bày đêm sau, hai ông già trở lại... Lần này, có thêm cô gái theo sau. “Đúng rồi! Hai ông già Tiên và cô gái chắc cũng là cô Tiên...” cô gái làng nghĩ vậy thì cô gái Tiên đã đến chuyện trò thân mật:

- Buôn mình có “suối mắt mèo” không? Cô gái Tiên hỏi.

- Có, suối ở buôn này trong hơn mắt mèo nhiều. Cô gái làng đáp và dẫn cô gái Tiên ra thăm suối. Bên bờ suối trong, cô gái Tiên và cô gái làng luyện kiếm.

Trong buôn, các già Tiên nói chuyện với các già làng. Chuyện nói dài, dài mãi. Chuyện nói nghe vui như hát... Già Tiên hỏi già làng:

- Muốn sống yên vui hay để đầu rơi máu chảy?

- Sợ máu chảy, đầu rơi, muốn sống yên vui chứ! Nhờ các già Tiên bảo với lũ cướp không được lên đây gây hấn thù oán hận.

Các già Tiên gật gù:

Có ở hiền mới gặp lành.

Các già làng nghe sướng cái tai và hỏi lại tiên:

- Thật Không?

- Thật! Các già làng dưới đó cũng đã thề với ta là từ nay “

Rau ăn chung một lá, cá ăn chung một con..." vì tất cả làng buôn đều là con cháu chung của rừng núi...

- Phải rồi, phải sống yên vui và thương mến nhau!

Các già làng nói lại to hơn câu nói của già Tiên, và sai trai làng dẫn con trâu to nhất đàn nướng thịt thết đãi già Tiên. Hai già Tiên không nhận ăn trâu, hẹn đợi đôi bạn gái về đã. Một lát sau, hai cô gái cầm kiếm hơn hờ trở về. Cô gái làng nói trước:

- Nơi đây, sau này sẽ mãi mãi là làng buôn, có con sông lớn, có bãi cát dài và có muôn loài cá lớn...

- Làm sao mà biết được? Một già làng hỏi.

- Nghe hai thanh kiếm nói với nhau là thế! - Cô gái làng nói.

Các già làng không tin, bảo đánh kiếm lại nghe thử. Hai cô gái đánh kiếm trước các già và buôn làng. Đúng là kiếm nói với nhau như thế!

Người người vỗ tay theo nhịp kiếm nói. Tiếng hát, tiếng chiêng tha thiết, rộn ràng. Tiếp theo, mười bảy cậu con trai nhỏ mang ná ra bắn tên và nhảy múa, lúc uyển chuyển, nhịp nhàng, lúc như gió cuốn ngựa phi... Điệu múa cuốn hút mọi người, điệu múa tung bừng từ sân làng đến suối nước.

Cuộc vui đang rộn rã, bỗng các già Tiên và cô Tiên biến mất.

Trời xẩm tối lại. Đêm dài lại dài thêm. Sương xuống lạnh lùng. Mười bảy cậu trai nhỏ hóa thành mười bảy tảng đá nhỏ bên bờ suối trong... Và bỗng vang lên một tiếng sấm long trời lở đất. Con rồng đất bay lên phun nước. Nước chảy thành sông Đồng Nai, có nhiều cá lạ. Đồi bờ có bãi cát trắng, có làng buôn xanh...

Một thời gian sau, nước chảy mãi, chảy mãi để trơ ra những tảng đá trên bãi cát. Tảng đá bằng lớn dành cho các già Tiên, già làng ngồi nói chuyện xưa... Cô gái làng lại vui đấu kiếm. Con trai, con gái làng từ sông Đồng Nai đứng lên, con trai con gái Tiên từ trên trời cao bước xuống. Mùa vui hoa nở khắp rừng. Bảy ngày đêm ăn uống bên sông, bảy ngày đêm liên miên yến tiệc. Các già Tiên trao tặng các già làng nhiều chiêng hay ché quý. Nhiều con trai làng thành rể già Tiên, nhiều con trai Tiên thành rể già làng...

Các già làng tặng các già Tiên con cá sấu làm chó giữ nhà, con cá chép làm con heo tăng gia, con cá lăng làm con gà gáy sáng, con rùa làm tô mức canh, con ba ba làm cái đĩa đựng thịt, và cá pìt làm ngọn lửa...

Chuyện xưa lắm rồi không ai nhớ nữa...

Nhưng nhớ cái ngày nay là đoạn thượng nguồn sông Đồng Nai giữa buôn Khiêu và buôn Brul Đậu có một tảng đá lớn và nhiều hòn đá nhỏ nhô lên trên bãi cát dài khi mùa khô nước cạn...

Người già nói: đó là bãi cát có đá tiên đấy!

Giờ người ta gọi ngắn hơn là BÃI CÁT TIÊN.

Chiếc thoi vàng

Một gia đình làm nghề dệt vải có hai chị em gái. Sau khi cha mẹ chết, người chị trở nên lười biếng. Nhưng cây thế là chị nên chiếm hết của cải của cha mẹ để lại và bắt người em phải dệt vải cho mình. Ngày ngày, trừ những lúc đi gánh nước hoặc vào rừng kiếm củi, còn từ sáng đến tối, người em không lúc nào được rời khung cửi. Dệt được bao nhiêu vải người chị đem ra chợ bán lấy tiền bỏ túi. Vì thế người chị ngày càng giàu có, ăn sang, mặc đẹp; còn người em ngày một rách rưới, nước chà nhuộm vải bám vào tay, bắn lên mặt, làm nước da cô đen thui và xấu xí.

Một hôm, như thường lệ, người em dậy sớm dệt vải, không hiểu sao hôm ấy cô ngồi ở khung cửi đưa thoi, thoi chạm vào sợi, thấy sợi bị đứt, cô gài thoi vào thắt lưng nối lại từng sợi. Lần thứ hai thoi chạm mạnh hơn, sợi đứt nhiều hơn, lần thứ ba thoi lao đi làm đứt một quãng sợi... Nhưng cô không nản, lại gài thoi vào thắt lưng, chăm chú nối lại từng sợi một. Cô mãi miết nối sợi dệt vải nên mặt trời lên đỉnh nóc nhà lúc nào không biết. Người chị ngủ dậy, không thấy có nước nóng để rửa mặt, không có cơm canh bày sẵn, liền quát mắng em. Cô em hốt hoảng, vội vàng dời khung cửi, ra cửa lấy đòn xâu mấy chiếc ống bương ra giềng gánh nước.

Ra đến giếng, cô cúi xuống mức nước, chẳng may chiếc thoi gài ở thắt lưng rơi xuống giếng. Cô sợ hãi về nói với người chị. Vừa nghe tin người chị đã xỉa xối, mắng chửi như tát nước vào mặt người em và bắt cô phải đi tìm con thoi về ngay. Người em lội thủ trở lại giếng, khóc nức nở hồi lâu rồi lội xuống giếng tìm con thoi. Nước mỗi lúc một sâu, khi ngập đầu thì bỗng nhiên người em thấy hiện ra một cái hang, cô lần theo vách hang tìm kỹ từng hốc đá, bới từng ngọn cỏ lá cây, nhưng không tìm thấy cái thoi đâu cả. Càng đi hang càng rộng, bỗng cô nhìn thấy trước mặt một ngôi nhà nhỏ xíu giống như túp lều canh nước. Một bà lão tóc bạc phơ hiện ra, đi lại phía cô và hỏi:

- Con ở đâu đến đây, tìm kiếm gì mà bới từng ngọn cỏ, lá cây, hốc đá?

Cô gái kể hết từ đầu câu chuyện, bà lão cầm tay cô gái nói:

- Con không tìm thấy cái thoi của con nữa đâu. Thoi rơi xuống đây, bọn trẻ chăn trâu đã cho vào bếp.

Cô gái òa lên khóc:

- Con không tìm được thoi, về chị gái sẽ mang con ra chợ bán như bán một tấm vải choàng rách nát.

- Đừng khóc con ạ, con hãy đi vào nhà với già, già sẽ tìm cho con cái thoi khác.

Cô gái thôi khóc và bước theo bà lão. Nhà bà lão rất nghèo, giường nằm là một hòn đá to mặt phẳng rải lá khô, nồi cơm là những ống bương to, chậu rửa mặt là một ống vại vỡ. Cô ở với bà lão, sớm sớm cô dậy quét nhà, gánh nước thổi cơm rồi đi nương. Cô chăm chỉ làm mọi việc, bà lão được nghỉ chân, nghỉ tay càng thương yêu cô gái. Ngược lại cô gái từ ngày ở với bà cụ không còn bị ai chửi mắng giày vò nên lúc nào cũng vui tươi.

Nhưng đến ngày thứ chín cô chợt nhớ đến con thoi và người chị ở nhà, lòng buồn rười rượi. Bà lão biết ý mới gọi cô lại bảo:

- Già đã đi tìm được con thoi cho con rồi đấy, mai già sẽ đưa con về.

Nói xong bà lão đưa cho cô gái một cái thoi rất đẹp. Sáng hôm sau cô gái dậy thổi cơm, đun nước nhưng khi dọn cơm lên, cô không chịu ăn, nước mắt cứ rơi lã chã. Bà lão hỏi sao không về mà lại khóc, cô trả lời:

- Con về nhớ và thương già quá già ơi!

Bà lão tiễn cô gái đi một đoạn và dặn:

- Trên đường về, qua rừng xanh thấy quả xanh con chớ có hái, quả chín con chớ ăn. Con hãy lấy một quả rụng dưới gốc mang về.

Nói xong bà lão biến mất.

Bỗng nhiên có một trận mưa rào. Nước mưa làm cô ướt từ đầu đến chân, nhưng rồi lại khô ngay, cô cảm thấy trong mình nhẹ nhõm lạ thường. Trước mắt cô hiện ra một con đường rộng thênh thang hai bên đường là những vườn cây, xum xuê, lá lấp lánh, quả long lanh như ngọc. Cô cứ thẳng theo con đường mà đi, nhớ lời bà lão dặn, đi hết rừng cây khô nhặt lấy một quả rụng bỏ vào túi.

Ra khỏi hang, bước lên bờ giếng, cô gái bỗng trở thành một nàng tiên xinh đẹp, bộ quần áo cô mặc toàn là lụa lấp lánh, nước da trắng trẻo, con thoi của cô là một con thoi vàng, và quả rụng mà cô đã nhặt biến thành một hũ bạc.

Về đến nhà, thấy sự lạ, người chị đơn đả hỏi dò cho ra lẽ, người em thật thà kể hết đầu đuôi câu chuyện. Vốn có lòng

tham, người chị sau khi đoạt chiếc thoi vàng và hũ bạc của người em, vẫn chưa đủ, lại tìm cách xuống hang lấy nữa. Hôm sau người chị ra giếng gánh nước, vớt chiếc thoi xuống nước và giả vờ ngồi khóc.

Một lúc sau, cô ta cũng lội xuống giếng và vào hang, và cũng lại gặp được bà lão tóc bạc. Nhưng quen thói lười biếng, hôm đầu người chị còn dậy sớm một chút, từ hôm thứ hai trở đi, hôm nào cũng vậy, bà lão đi nương về thối cơm chín mà người chị vẫn chưa dậy. Chưa hết bảy ngày mà cô ta nặng nề đòi về, vì cô ta nóng lòng đòi được tắm nước mưa tiên để trở thành nàng tiên đẹp và hái được nhiều quả vàng, quả bạc. Bà lão tiễn cô ra về, và lúc chia tay bà lão cũng dặn cô như lần trước dặn người em gái.

Bà lão biến mất và tiếp theo là một trận mưa xối xả. Người chị ướt sũng từ đầu đến chân, nhầy nhụa, nhóp nhép. Một rừng cây rậm rạp hiện ra giữa rừng có một con đường nhỏ chạy heo hút. Người chị vợ lấy những quả xanh trên cành và những quả chín rụng dưới gốc.

Về đến nhà mọi người lấy làm lạ, người chị nước da đen thui như vải nhuộm chàm. Một túi đầy những quả mà cô ta nhặt được chỉ toàn là những cục đá. Người chị lẩn trốn vào buồng, lấy nước tắm rửa mãi vẫn không thể nào sạch được, không dám ra ngoài nữa.

Người em vốn đã chăm chỉ làm ăn lại có vàng bạc nên ngày càng trở nên giàu có, hạnh phúc. Cô có thể giúp chị bạc, vàng, nhưng không sao giúp chị trở lại xinh đẹp như cũ.

Nghe đâu cô chị xấu hổ quá cứ ngồi lì ở trong buồng cho đến lúc chết.

Chị em nhà Cóc Tía

(Sự tích con Cóc)

Trong nhà nó có hai chị em, mỗi người một tính nết. Người chị xinh đẹp, tham lam, lười nhác. Người em què tay, nhưng rất siêng năng làm lụng. Người chị cậy khỏe, cậy xinh, sáng trưa chiều tối chỉ luẩn quẩn nào gương, nào lược. Chơi bời vô độ nên chẳng bao lâu người chị đã gầy khô hơn que củi, mặt mũi héo tóp như một xác chết. Người em mang tật: Tay phải co quắp từ thuở lọt lòng, mọi việc như cầm dao, cầm cày, vốc cơm ăn cũng nhờ ở bàn tay trái. Quanh năm chỉ có một bộ váy áo, chần rách như tổ đĩa. Một năm no, trời làm lũ lụt lớn, nước ngập hết làng, cây cỏ, lúa, ngô hết đất cắm chân. Người em bèn ngồi ôm lấy chóp núi đá, kêu trời gọi đất. Một quá, người em ngủ thiếp đi bảy ngày bảy đêm liền. Thấy em ngủ lạng, người chị ngỡ là em đã chết, bèn cười bè chuối chèo đi, bỏ mặc em trên chóp núi. Người em mở mắt choàng dậy thì nước vẫn chưa rút. Đợi khi mặt trời đến, người em liền kêu to:

- Ông trời!

Ông trời dừng lại hỏi:

- Cháu muốn gì?

Người em nói:

- Ông cứu lấy chị cháu, chị cháu bị lũ nhận chìm mất rồi. Ông cứu được, cháu muốn chị cháu được lấy ông Mặt Trời làm chồng.

Ông Mặt Trời cười bảo:

- Chị cháu đến nhà Tiên ông. Cháu hãy gieo hạt này ở chóp đá của cháu thì cháu muốn cái gì sẽ được cái ấy.

Nói xong, ông Mặt Trời lặn đi. Cùng lúc ấy người chị chèo bè chuối đến gõ cửa nhà Tiên ông, bè chuối giạt lên bờ sông thì người chị hò hét:

- Cho tôi gặp chàng Tiên đẹp nhất.

Tiên ông nhìn ra thấy có người con gái lạ, lại đòi gặp Tiên, liền mời vào nhà. Người chị nói luôn:

- Tôi không lấy ông đâu, ông già mà xấu, cho tôi lấy chàng Tiên đẹp nhất.

Tiên ông gật đầu bảo:

- Ừ!

Nói rồi Tiên ông khoát tay một cái, lập tức từ trong nhà có một chàng trai đi ra, nắm lấy tay người chị. Chàng trai là dòng họ của Cóc Tía, cho nên Tiên ông đặt tên chàng là chàng Cóc Tía. Từ đấy, vợ chồng người chị sống cuộc đời sung sướng trong cảnh Tiên.

Người em gieo cái hạt của ông Mặt Trời cho vào kẽ đá, nàng lấy bàn tay trái của mình vờ rêu lá, giạt cả vạt áo của mình phủ cho hạt được nguyên lành. Chẳng bao lâu từ kẽ đá vươn ra một dây bầu, quả to như cái sọt. Nàng lăn bầu xếp ra rìa núi. Núi bầu cứ nối nhau, nối nhau mọc xa, vùng nước lũ

cứ thu hẹp dần nhường chỗ cho bầu ở. Một ngày kia, người trên Tiên thấy có nhiều núi nhô lên chật cả gầm trời. Vợ chồng Cóc Tía nhìn xuống thì thấy người con gái cầm dao bằng tay trái cứ quần quật bổ bầu ra chia cho mọi người. Người chị nhận ra kẻ ngồi với núi bầu là đứa em của mình, lòng ghen ghét lại nổi lên. Mụ liền kéo tay chồng bảo:

- Cái con què ấy còn sống, nó có nhiều bầu kia kìa. Chàng Cóc Tía chưa kịp hỏi thêm đầu đuôi ra sao thì mụ đã nắm tay chồng bảo nhảy ào xuống các chỏm núi bầu. Nhảy khỏi nhà trời, vợ chồng hần hiện nguyên hình một đôi Cóc Tía. Đôi vợ chồng Cóc Tía ngồi chồm chồm trên một quả bầu. Người em hỏi:

- Cóc muốn gì? Cóc nói:

- Ta muốn nhận mày là em gái.

Người em lắc đầu:

- Chị ta lên trời lâu rồi.

Cóc bảo:

- Tao là chị đây; còn đây là anh rể của mày.

Người em ngồi nghe Cóc Tía vợ kể lại chuyện cũ gặp lũ to, chèo bè chuối lên trời ra sao... Nghe mãi, tin lời Cóc là phải, người em liền nhận anh chị và cho ở chung trên ngọn núi cùng chăm nom dây bầu với mình. Khi ấy, ông Mặt Trời đi qua, dừng lại nói với người em:

- Anh chị đã về với cháu đấy.

Người em nói:

- Vâng.

Ông Mặt Trời bảo:

- Bây giờ ta cho cháu một người chồng, cháu hãy bỏ quả bầu xấu nhất ra thì gặp chồng.

Người em liền bỏ quả bầu vắn vẹo xấu xí, vỏ bầu tách ra thì có một chàng trai khôi ngô, tuấn tú hiện ra, nhận là chồng của người em. Hai vợ chồng người em lại lấy quả bầu xếp thành bậc thang thấp dần. Họ xếp quả bầu đến đâu thì mực nước lui xuống đến đó. Đồng ruộng làng mạc lại hiện về như xưa. Bà con làng xóm trở về làm ăn sinh sống yên ả.

Cũng từ đây, vợ chồng Cóc Tía được người em đưa xuống cùng ăn ở, làm lụng với dân bản. Người chị không ghen ghét em gái như xưa nữa.

Vì đâu cây cọ có gai?

N gày xưa, không biết từ bao giờ nữa, muôn loài trên mặt đất đều biết nói chuyện với nhau. Lúc ấy có sáu loài kết bạn với nhau thân lắm: ấy là “Tào Mào” (beo), “Tào Chiếp” (gấu), “Tào Gọi” (chồn hôi), Hươu, Nai và Người. Tuy gọi là thân nhau, nhưng ai cũng thấy mình là hơn cả, chẳng ai chịu phục tài ai. Lúc nào chúng cũng nghĩ cách khoe tài. Một hôm, Tào Mào thấy mình đầy sức mạnh, chắc hẳn là hơn hẳn các bạn. Vì thế, nó hung hăng bảo:

- Xưa nay ai cũng biết tôi là chúa tể cả một vùng rừng núi. Các anh đã nghe tôi gầm bao giờ chưa? Nhất định các anh phải hoảng lắm.

Sáu bạn kia thấy thế đều đáp:

- Sợ gì anh? Chỉ được cái bộ gầm gừ thế thôi chứ làm được việc gì! Không sợ!

Tào Mào nghe thế tức lắm bèn nhảy tót vào rừng gầm lên một tiếng thật to. Xong nó chạy trở ra hỏi:

- Đã thấy chưa? Tôi gầm lên một tiếng mà nghe cây rừng vặn mình rảnh rảnh. Các anh thấy có ghê không?

Nhưng sáu bạn kia vẫn chỉ thản nhiên lắc đầu, chẳng tỏ vẻ hoảng sợ gì.

Tào Chiếp lê thân nặng nề ra đứng trước các bạn:

- Đây là Tào Mào mới xoàng thế thôi, còn tiếng tôi kêu hùng lắm. Tôi thì các anh biết đấy, cứ nói đến gấu thì ai cũng phải kính nể. Cây cỏ cứng thế nào tôi cũng cắn đứt. Cây cao bao nhiêu tôi cũng trèo được. Ông Khoái thấy tôi phá tổ ăn mật, chúng kéo nhau hàng ngàn đứa ra đốt, tôi cũng không sợ. Các anh có sợ tôi không?

Cả bọn kia đáp liền, vẻ coi thường:

- Tiếng kêu của Tào Mào muôn cây còn phải sợ rụng cả lá, mà chả làm ai trong bọn tôi sợ, thì tiếng kêu của anh dọa sao nổi?

“Được rồi các anh sẽ thấy”. Tào Chiếp nghĩ bụng thế rồi cũng hăm hở chạy vào rừng. Từ trong đám cây vọng ra tiếng “lục khục, lục khục” rất to, nhưng đến lúc nó chạy ra khỏi thì mấy bạn kia về mặt vẫn không có gì là sợ hãi. Tào Chiếp thè lưỡi, cào lên mặt đất, vừa nguợng vừa buồn. Tào Gội thấy hai bạn đều không làm được gì nhưng vốn tính nó láu táu nên nhảy ngay ra:

- Tôi tuy bé hơn, nhưng tiếng kêu thì nghe thê cả tai, các anh cứ đợi đấy, nghe xem đã.

Cả ba bạn cười rộ:

- Mày bé loét choắt, bé hơn cả Tào Mào, Tào Chiếp, xưa nay chả ai coi vào đâu, kêu làm gì cho phí cả hơi!

Tào Gội luôn tọt vào bụi kêu “ét, ét” rồi vội ló ngay ra:

- Sợ chứ? Sợ chứ?

Nhưng cả bọn bạn kia lại cười to, Tào Gội đành ngồi thè

lưỡi liếm bàn chân cho đỡ ngứa.

Nai bước lại gần các bạn, đồng dặc nói:

- Tôi cao, có sừng, lại chạy nhanh như gió. Các anh có sợ tôi không?

Cả bọn nói:

- Không sợ!

Nai phóng xuống chân núi kêu “ ắc, ắc!” mấy tiếng rồi hỏi các bạn. Cả bọn đáp:

- Không sợ! Mày kêu vui tai lắm.

Hươu ngoe nguẩy cái đuôi cụt, lún cún đến trước mặt các bạn nói:

- Tôi nhẹ người, nhẹ thân, nhanh nhẹn như con sóc. Tôi nhảy một bước xa sáu bảy sải, các anh có sợ không?

Cả bọn cười khẩy:

- Chúng tao to lớn thế này chẳng ai sợ, mày bé loắt choắt thế kia thì ai thêm sợ mày.

Hươu xuống núi kêu mấy tiếng “ óong, óong!” lên và hỏi. Cả bọn nói:

- Mày hát hay quá! Hát nữa đi!

Đến lượt Người hỏi:

- Các anh có sợ Người không?

Cả bọn đáp:

Dữ như Tào Mào, ác như Tào Chiếp, láu táu như Tàu Gỏi, chạy nhanh như Hươu, Nai còn chẳng sợ nữa là! Anh là Người, sức lực được bao nhiêu làm sao mà chúng tôi lại sợ được! Người

không nói gì, đứng đĩnh đi vào rừng cầm đá đánh quẹt, lửa bật sáng như chớp lờ lờ rồi hời vọng ra:

- Các anh nhìn thấy chưa? Đã thấy Người tài chưa?

Cả bọn nói to:

- Cái ấy khi trời mưa đông chúng tôi thấy luôn, có gì lạ?

Người lại lấy đá nhen lửa, châm vào đám lá khô. Ngọn lửa bùng lên, loang khắp mọi chỗ. Khu rừng sáng rực lửa và tiếng cành cây khô nổ lộp độp làm cả ba bạn sợ hãi quá, quay đầu chạy, mỗi con một phía. Tào Mào nhanh chân vọt mình qua đồng lửa chạy thoát, mình chỉ bị bén tí lửa nên từ đấy có vằn đen. Chú Tào Chiếp mình nặng nề chậm hơn nên khi chui được khỏi khu rừng thì khắp người đã cháy đen sì. Vì thế chú ta cứ đen như vậy cho đến tận ngày nay. Hươu, Nai chạy thoát được vòng lửa nhưng cả người cũng bị ám khói nên vàng cả lông.

Tào Chiếp chân thấp, cố chạy thực mạng nhưng quay đầu về phía nào cũng chỉ thấy lửa đỏ. Lẽ ra chú ta chết thiêu rồi đấy. Nhưng chú đã gặp may, đang chạy thì chú gặp gốc cọ. Cọ lên tiếng:

- Chạy đi đâu thế kia?

- Lửa đuổi đến nơi rồi kia kia? - Tào Chiếp run sợ hỏi: Anh không thấy hay sao? Nó sẽ đến đây và đốt cháy cả anh nữa đấy, anh Cọ ạ!

Cọ bình thản đáp:

- Tôi mặc nhiều áo lấm, có cháy cũng không hết được tôi đâu. Anh có sợ thì nấp vào trong tàu lá của tôi, tôi nép mình che cho khỏi chết cháy!

Tào Chiếp vội chui vào giữa tàu cọ để tránh lửa. Lúc ấy ngọn lửa lan đến, tạt qua tàu cọ. Lúc lửa đã đi qua Tào Chiếp mới biết mình thoát chết. Nhưng tàu lá cọ thì héo quắt lại. Nhìn thấy vậy, Tào Chiếp thấy mình may mắn và cây cọ tốt bụng quá, liền bảo:

- Anh tử tế quá. Thấy tôi gặp nạn, anh có bụng cứu tôi thoát chết, còn anh thì bị cháy xém thế kia. Tôi xin đền ơn anh thứ này.

Nói xong, nó liền bẻ một cái răng, cắm vào cuống tàu cọ rồi bảo:

- Vì tôi mà anh bị yếu người đi, tôi xin biếu anh cái răng sắc nhọn của tôi để nó đứng bên mình anh cho khỏi bị kẻ khác xô vào bắt nạt, anh lại chẳng thể đi đâu được, có cái răng nhọn bên mình cho thêm cứng cáp.

Từ đấy cây cọ mới mọc lên đầy gai dài, xếp xòe ra như cái ô dù, che mưa che nắng mà sống lan ra trên khắp các đồi. Nhưng muôn loài cũng không khôn ngoan bằng người; người lấy luôn những tàu lá ấy về che mưa che nắng ngay trên nóc nhà của mình.

Sự tích cái vỏ dao

Này nay, dân bản đi nương ai cũng đeo bên mình một con dao được đút trong một cái vỏ. Truyện ấy không có gì lạ, nhưng đó lại là một câu chuyện xảy ra từ xa xưa.

Hồi ấy, tại một bản nọ, có anh Vốt là một người vạm vỡ, khỏe mạnh. Bố mẹ qua đời chỉ để lại cho anh một con dao cùn và một con chó gầy. Vốt gọi chó, cầm dao lên nương làm việc đến khi tắt mặt trời mới về. Thấy chủ làm quần quật nuôi mình, con chó bèn thưa rằng:

- Ngày mai ông cho con một nắm cơm, con sẽ đi tìm kho gạo của nhà trời mang gạo về cho ông.

Vốt vuốt lưng chó, bảo:

- Mày đừng đi đâu xa, tao chỉ có mày làm bạn lên nương, vắng mày tao cũng không yên lòng đâu.

Con chó lại nói:

- Con sẽ cho ông hai cái tai con để ông giữ lấy làm bạn.

Nói xong con chó liền dứt phăng cặp tai, ngoạm lấy đưa cho chủ, rồi lẳng lặng ra đi. Vốt chờ con chó đã năm mùa bẻ bắp. Thóc, lúa, ngô, bầu, anh xếp tràn lan cả sân. Bây giờ có sẵn cơm ăn mà con chó chưa trở về. Anh nhớ thương con chó

khóc sung cả hai mắt. Lâu lâu, hai con mắt của Vốt lò và mù hủn. Vốt cầm chiếc dao và sờ soạng tìm đôi tai chó anh vẫn cất giữ trong góc nhà. Sờ mãi không thấy, anh liền kêu lên:

- Chó ơi mày về mà ăn no.

Lập tức đôi tai chó liền biết nói:

- Chó không về nữa, chó cho chúng con sống lại làm bạn với ông đây.

Vốt hỏi:

- Chúng mày là ai?

Tai chó bảo:

- Chúng con là hai tai của con chó gầy mà ông đang cất giữ đây mà.

- À, thế thì chúng mày lại gần đây. Hai tai chó liền lại gần bàn tay Vốt. Vốt nắm lấy và hỏi:

- Thế chúng mày ở với tao thì muốn làm việc gì?

Tai chó trả lời:

- Chúng con làm vỏ cho cái dao cùn của ông, để ông đi đâu cũng thất chúng con đi theo.

Vốt gặt đầu. Thế thì bỗng chốc hai cái tai chó liền ốp lại với nhau, làm thành cái vỏ dao (tức là bao dao). Vốt cầm dao tra vào vỏ, hỏi rằng:

- Thế này đã được chưa?

Tai chó nói:

- Tốt lắm rồi, ông phải lấy dây đai cột vỏ dao vào lưng ông nữa.

Vốt làm theo, thế là lưng Vốt thắt cái võ, xỏ con dao hẳn hoi. Bây giờ Vốt lại hỏi:

- Tao phải gọi chúng mày là taichó hay là võ dao nhỉ?

Tai chó và cả con dao cùng nói:

- Bây giờ chỉ xin ông cho gọi là cái võ dao thôi ạ.

Thế là từ đây Vốt có võ để xỏ con dao, Vốt truyền cho mọi người cùng đeo gỗ ghép theo hình võ dao của mình. Ai cũng có võ để dứt dao khi đi nương từ đây!

Đức Phật Bà và vị Hoà thượng

(Sự tích con nhái)

Ngày ấy, cách đây khoảng một ngàn năm, đạo Phật đã được truyền bá rộng khắp trên đất nước ta. Các vị tu hành được từ Vua, quan cho chí dân thường hết sức quý trọng. Trong số các hoà thượng, có một vị trẻ tuổi nhưng đã nổi tiếng chân tu. Mọi “thị dục” của bản thân, hoà thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền. Nhà vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, mời về cung, phong cho tước Quốc Sư và sai tửu bố một ngôi chùa ở phía nam kinh thành để cho sư trụ trì. Nhưng hoà thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi đến các chùa chiền trong thiên hạ để hành đạo.

Một hôm, hoà thượng tìm đến một ngôi chùa xa ở tận phương Bắc, ở đó có một sư bạn trụ trì mà đã lâu ngày chưa gặp.

Từ lâu Phật Bà Quan Âm đã nghe tiếng đồn về vị hoà thượng này. Lần này, Phật Bà định bụng thử xem con người đó có đúng như lời truyền tụng không? Nếu quả đúng là vị chân tu thì sẽ đưa về Tây Trúc, cho hóa thành Phật.

Lúc hoà thượng sắp qua một con sông rộng, Phật Bà hóa thân là một cô con gái rất đẹp chống đò cập bến chờ khách qua sông. Hôm ấy cũng theo phép mẫu nhiệm của Phật Bà, khúc sông đó trờn vãng về. Khi hoà thượng vào trong khoang đò

thì cô gái nhỏ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng chèo thuyền tiến đến một bãi cát vắng đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ hỏi cô lái vì sao không đi thẳng qua bờ bên kia. Cô lái dò chỉ đợi có câu hỏi ấy là buông chèo, nở một nụ cười rất tình tứ rồi cũng chui vào khoang thưa: “Em thấy thầy đẹp trai quá nên cấm lại đây chờ xin một chút tình yêu!”. Hòa thượng nghe nói con gái ở vùng này có nhiều người đào đẽ, nên nghiêm nét mặt lại:

- A di đà Phật! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.

Nhưng cô lái dò đâu có chịu, cô cố sấn lại gần gợi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lặng mở gói lấy cuốn kinh Kim Cương Tam Muội ra tụng. Tiếng đọc của sư mỗi lúc một lớn, át cả tiếng của cô lái dò. Nhưng cô lái dò vừa cười cười nói nói vừa lấy tay che lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài dò, giọng nghiêm khắc:

- A di đà Phật! Trong người bản tăng có một tờ lệnh chỉ của hoàng đế. Trong đó hoàng đế đã ra lệnh là hễ người nào chạm vào người bản tăng sẽ bị án trăm quyết. Vậy bản tăng mong người đừng chạm vào phép của thiên tử.

Không ngờ cô gái chẳng những không sợ mà còn lấn thêm. Cô nói:

- Em đang muốn chết đây! Em chỉ mong chàng đoái thương một tí rồi chết cũng thỏa.

Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái dò lại thi hành một mưu khác, cố quyến rũ cho bằng được. Cô bắt đầu cởi áo ra. Khi chiếc yếm cổ đuôi nhạn bỏ xuống thì hòa thượng nhắm mắt lại. Trong con dò chật chội, tay hòa

thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lầm nhảm đọc kinh. Tiếng của cô gái như mật rót vào tai:

- Chàng thương em một tí... Chàng nhìn ra ngoài xem, không có một ai cả. Nhưng mọi cảm dỗ vẫn không sao lay chuyển được hòa thượng.

Phật Bà Quan Âm rất cảm động. Những người con của Đức Phật như thế này rất xứng đáng chiếm một chỗ ngồi trên Niết Bàn. Nhưng đã thử thì phải thử cho trót. Lần tấn công thứ chín, cô gái vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở cô con gái trẻ và đẹp phảng phất ở trên má, nét mặt của hòa thượng vẫn không thay đổi.

Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ thành lũy tường là kiên cố lại bị hạ một cách bất ngờ như thế. Bàn tay hòa tượng tự nhiên đặt lên ngực nàng. Thôi thế là chỉ trong một phút, vượt hết hơn hai mươi năm tu luyện.

Giận vì hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của "thị dục", mà đã như thế thì thanh danh cũng không còn đáng đếm xỉa nữa, Phật Bà đã nắm lấy cổ hòa thượng vút ngay xuống sông như người ta vút một cái rác, Phật Bà vẫn cho là chưa đáng tội, còn bắt hóa làm con nhái là một loài động vật hạ đẳng. Cũng vì thế mà người ta nói rằng, ngày nay dòng dõi của loài nhái vẫn còn giữ cái thói quen của tổ tiên: khi bị chặt đầu làm thịt, chúng vẫn chấp hai chân trước lại với nhau như người đang vái.

Một điều ước

(Sự tích con kênh kênh)

Trong xóm kia có hai người sống trong hai cảnh đời trái ngược. Một người giàu nứt đổ đổ vách, của ăn của để tận ngoài ngõ, chê gạo cơm đỏ không ăn, trong nhà thịt rệu ê hề. Lại có một người tàn tật, ít khi được bát cơm nóng, dưa rau không đủ no.

Lão nhà giàu thị tiền thị của, ra khỏi nhà là thuê người vồng, người khiêng. Chơi bời vô độ nên tóc còn đen, răng chưa rụng mà người lão đã gầy khô như cái xác chết. Anh chàng nhà nghèo mang tật từ lúc bé, chân tay co rúm, lưng còng, cổ vẹo, đi một bước cũng khó khăn. Quanh năm chỉ có hai manh quần áo rách. Một năm kia, tiết nắng kéo dài, rau cỏ cũng khó mọc. Những đám rau già quanh làng đã hết, anh chàng tàn tật cố bò ra cây sung giữa đồng, nhặt quả ăn thay cơm. Đường từ nhà ra đây chẳng xa xôi gì. Người khỏe, hút chưa tàn điếu thuốc đã đi đến nơi. Nhưng anh chàng tàn tật phải bò suốt từ sáng sớm tinh mơ cho đến nửa buổi chiều.

Cố lê được đến gốc cây sung, anh đã mỏi mệt rã rời chẳng làm sao nhặt được quả rụng cho vào mồm. Đến chiều, khi mặt trời sắp lặn, có một cơn gió thổi qua rất mạnh. Cành sung oằn xuống, quả rụng chập chát. Anh tàn tật cố gượng dậy,

lê đi nhặt lại thành đống, định để ăn dần. Đêm đó anh ngủ bên gốc cây sung. Sáng ngày hôm sau có một đàn chim từ hướng đông bay vút đến, đáp xuống ngọn cây sung.

Đàn chim bay đi tìm quả sung chín, nhưng gió đã thổi rụng cả từ hôm qua, nên chúng ngỡ ngác, tìm kiếm khắp nơi.

Trông thấy đám quả sung của anh tàn tật, đàn chim đứng nhìn nhưng không dám lại gần. Anh tàn tật nhặt sung vãi ra:

- Có đó, chim vào đây mà ăn...

Nghe anh nói, con chim có một cái khoang trắng trên cổ, óng ánh như bạc nói lại rõ như tiếng người vậy:

- Chim không có công nhặt, sao người cho nhiều quả?

- Cây trời sinh, tôi không trồng, không tưới. Công nhặt quả có đáng là bao. Có đói thì cứ ăn.

Anh tàn tật lại bốc sung vãi thêm ra. Lũ chim không sợ nữa xúm lại ăn. Ăn xong, con chim có khoang cổ lại hỏi:

- Người tàn tật mà tốt bụng. Quả ăn trù cơm được mà không tiếc. Tôi đền lại cho người một điều ước để trả ơn.

Đàn chim bay đi, anh chàng tàn tật ngồi một mình, ngẫm nghĩ về điều ước con chim đã cho. Lâu nay nghèo khổ, chưa biết được cái gì là sung sướng, nên cũng chẳng biết ước điều gì. Chợt thấy mấy người lính kiệu một viên quan đi qua. Trông viên quan rất oai vệ, mà toán lính cũng bảnh bao. Anh chàng tàn tật định ước được là một trong hai hạng người này. Nhưng khi bọn họ đến quãng đường lầy, thì toán lính bị thụt sâu, không đi nhanh được. Viên quan thì cau có, quát tháo, cầm gậy vụt toán lính...

Thấy vậy anh chàng tàn tật tự bảo:

- Làm lính thì bị quan đánh, mà làm quan thì... mặt mũi cau có, đánh người thế kia, chẳng ai thương được.

Anh bỏ ý định ước làm quan, làm lính. Một chốc, có mấy người thầy cúng đi qua. Người nào cũng quảy một xâu thịt, mấy chai rượu, tay chống gậy, đầu đội khăn rằn, khăn đỏ, buông xuống tận vai, trông có vẻ an nhàn lắm. Anh chàng tàn tật muốn ước làm thầy cúng. Bỗng cái cổ vẹo của anh đau nhói lên. Cái cổ này, cha mẹ anh ngày xưa đã tốn bao nhiêu tiền mời thầy cúng cúng mãi mà không khỏi, rốt cục vẫn tiền mất tật mang. Nhớ việc cũ, anh lại tử bảo:

- Thầy cúng là người dối trá. Người ốm mất tiền mà chẳng khỏi bệnh. Làm thầy cúng người ta cũng chỉ cho.

Một chốc anh lại thấy một lão nhà giàu đi đòi nợ về. Anh chàng tàn tật toan ước làm người nhà giàu, để được ấm no sung sướng. Nhưng lão nhà giàu đi chưa khuất đã thấy một toán người đến, tay dắt trâu, vai gánh thóc, mồ hôi nhễ nhại, mặt mũi hốc hác, khổ sở. Anh bèn hỏi:

- Sao có trâu dắt mà không vui, có thóc gánh trên vai mà còn khóc?

Người kia chỉ lão nhà giàu đang đi:

- Sắp đến mùa cày mà lão bắt mất trâu. Lúc giáp hạt mà lão ấy đòi nợ. Ông ấy là chủ nợ. Chúng tôi là con nợ.

Cảnh khổ sở, nợ nần thì anh biết quá rõ. Anh lắc đầu nghĩ:

- Làm người giàu sẽ gây khổ cho người nghèo. Đắn đo một lúc, anh tàn tật nhìn lại mình. Thấy cổ vẹo, lưng còng anh liền ước:

- Thôi, chim hãy cho tôi lành lặn, có đủ sức khỏe, nhổ thóc

gốc cây sung này.

Lời ước vừa dứt, lưng anh đã thẳng ra, cổ hết quẹo, người to lớn lực lưỡng. Anh bước đến ghé vai vào cây sung, hai tay ôm choàng, nhổ thử. Cây sung bật cả gốc rễ. Anh cởi áo túm mớ quả sung còn lại, vác cả cây sung về trồng trước làng. Tên nhà giàu thấy anh tàn tật đã béo tốt phương phi liền đến hỏi:

- Mày làm sao chóng được khỏe vậy?

Anh tàn tật kể chuyện sức khỏe cho nhà giàu nghe, nó muốn vợ chồng con cái và mẹ nó được béo tốt như anh tàn tật, liền về dắt cả lũ đến nói với anh:

- Mày béo khỏe vậy là tốt lắm rồi. Mớ quả sung còn lại cho tao xin. Người nhà tao ai cũng gầy guộc quá. Tao muốn họ đều có sức khỏe như mày.

Anh tàn tật cũng không định để mớ quả sung lại làm gì, nhưng anh chưa kịp nói thì chúng đã xúm lại cướp mỗi đứa một vốc, chạy miết ra đồng, ngồi thu lu bên chỗ cây sung anh đã nhổ trốc gốc chờ chim đến. Đàn chim đến thật. Mẹ, vợ và con lão nhà giàu không hiểu đổi chác thế nào, nên cứ trố mắt nhìn. Còn tên nhà giàu thì đưa quả sung ra nhử chim, mồm nói:

- Cây sung bị thằng tàn tật nhổ mất rồi. Từ nay kiếm được một quả sung chẳng dễ gì! Đây, những quả sung này ngon lắm, ngon gấp mười lần quả sung của thằng tàn tật kia! Chim có chịu đổi một trăm điều ước tao mới đổi.

Đàn chim đã đói, nhưng mỗi lần chỉ cho được một điều ước, nên không đổi được cho tên nhà giàu. Khi mặt trời gần lặn, đàn chim chấp cánh sắp bay, tên nhà giàu mới chịu đổi.

Được điều ước nó cười hả hê, giục cả nhà đứng dậy, rồi lớn tiếng:

- Cho cả nhà tao trẻ lại... này, khỏe này, béo này...

Nhưng nói chưa hết câu, thì những cái mồm của họ nhô ra nhọn hoắt, tay biến thành cánh, móng chân biến thành vuốt, lông mọc khắp người, hôi thối, khét lẹt. Cả nhà nó hóa thành một đàn Kênh Kênh. Lũ Kênh Kênh bay dạt vào rừng. Giàu có, ăn uống sung sướng quen miệng, nay đã hóa thành Kênh Kênh, chúng vẫn giữ nguyên cốt như lúc còn làm người.

Tiếng gọi Mặt Trời

(Sự tích gà gáy sáng)

Cứ theo truyền thuyết mà At Muhêkat kể lại, thì thuở xưa trái đất còn rất mềm, lung lay, bồng bênh, có tới mười hai mặt trời, mười hai mặt trăng. Ngày cũng như đêm, ánh sáng mặt trời, mặt trăng rọi chiếu gay gắt xuống mặt đất, do đó khí hậu vô cùng nóng bức và khó chịu.

Pô-Kuk Prahimuk là vị thánh chúa tể ở thượng giới có nhiều phép màu biến hóa ra muôn loài. Pô-Kuk cho thánh Jibrahimuk và các vị thánh khác giáng trần vào ngày thứ sáu, mùng một, để lo sắp đặt và cai quản mọi vật trên trần gian. Mỗi vị thánh hạ giới đều phải vào thánh đường học kinh kệ, luyện tập.

Tại một thánh đường nọ, sau khi cầu kinh, phần vì mệt mỏi, phần vì quá chén, tất cả các vị thánh đều ngủ say. Lợi dụng cơ hội đó, chúa tể của quỷ Sa tăng là Munumas Sibai Kayông từ lâu đã muốn làm đảo lộn thế gian, thừa dịp này đã lên vào thánh đường, dùng phép thần thông hóa thành bốn tên quỷ Sa tăng, rồi ra lệnh cho bọn này nhổ hết mấy cây cột chính của ngôi thánh đường, đem vứt xuống biển sâu. Còn Munumas thì lấy trộm cái nỏ thần và tên vàng trên ngực vị thánh Pô Kuk, bắn tan hết mười một mặt trời và mười một

mặt trăng. May sao có một mặt trăng và một mặt trời chạy thoát.

Mặt trời và mặt trăng còn lại đã hoảng sợ chạy trốn lên vũ trụ. Trái đất lúc bấy giờ trở nên tối tăm, mù mịt, lạnh lẽo. Hơi lạnh thấm buốt các vị thánh đang ngủ say, làm cho các vị thức giấc. Khi tỉnh dậy các vị thánh vô cùng bàng hoàng, ngỡ ngác, chỉ thấy tối mù mịt, hoàn toàn một màu đen u ám. Mọi vật vô cùng hỗn loạn, loài người và loài vật kêu la thảm thiết. Còn bọn ma quỷ thì mặc sức hoành hành, phá phách.

Pô Kuk sau một lúc bàng hoàng liền hóa phép nhỏ ba giọt nước mắt lên bàn tay, rồi ngài lại nhỏ thêm lông mày để vào giữa. Sau đó Pô Kuk niệm chú hóa thành cây nến, rồi hóa lửa để đốt thấp sáng. (Ngày nay người Chàm cúng tế thần thường thấp nến bằng sáp ong là do tích này vậy). Nhờ ánh sáng của cây nến, ngài thấy mấy cây cột chính của thánh đường bị nhỏ mất, cái nỏ thần và tên vàng của ngài cũng không còn nữa. Xung quanh ngài chỉ còn là một sự mù mịt và vô cùng hỗn loạn.

Lúc còn mặt trăng, mặt trời, ánh sáng gay gắt, làm cho con người, vật khó chịu. Đến khi mặt trăng, mặt trời mất đi, ánh sáng mới trở nên cần thiết và đáng quý xiết bao.

Để tìm căn nguyên xảy ra, thánh Pô Kuk ngửa bàn tay bắm độn, gieo quẻ bói. Và được biết rằng Munumas Sibai Kayông cùng loài quỷ Sa tăng đã gây ra cảnh tối tăm này.

Pô Kuk truyền cho thánh Jibrael gọi tất cả thú vật chim muông, và cả loài người lại để nghị bàn. Khi mọi người đã tề tựu đầy đủ, Pô Kuk hỏi:

- Hồi con người và muôn loài, ai có thể giúp Pô Kuk vượt biển cả sang xứ Mukah để tìm lại mặt trăng mặt trời, đem ánh sáng về trần gian, loại trừ ma quỷ?

Tất cả mọi người đều lắc đầu bất lực, duy chỉ có vợ chồng vịt là tình nguyện giúp đỡ Pô Kuk đi tìm mặt trời, nhưng vợ chồng vịt lại kêu là đang bận ấp trứng nên chưa có thể đi ngay được. Còn vợ chồng gà thì cũng muốn đi, vì cho rằng trong muôn loài chỉ có mình mới có giọng hay nhất, nhưng lại không bơi được trên mặt nước như vịt. Thánh Pô Kuk liền truyền cho gà mái ở nhà ấp trứng, và ấp luôn trứng cho vợ chồng vịt. Còn gà trống nhờ được trời phú cho giọng gáy to và hay nên vui lòng nhận việc đi gọi mặt trời.

Gà trống trèo lên lưng vịt. Vịt bơi nhanh ra đại dương. Khi đến địa phận xứ Mukah, Pô Kyk thấy mặt trời và mặt trăng đang trốn trong con người của thần Rătnôlăk, Pô Kuk liền hóa phép cho mặt trăng và mặt trời ra khỏi con người thần Rătnôlăk. Nghe tiếng gọi tha thiết của gà trống hết lần này đến lần khác, Mặt trăng và Mặt trời thuận lòng đem ánh sáng trở lại cho trái đất và muôn loài.

Từ đó, quả đất lại được Mặt trăng, Mặt trời chiếu sáng. Nhưng không còn gay gắt như lúc trước nữa, mà hòa dịu, mát mẻ, có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông như ngày nay.

Để tránh tai họa như mười một mặt trăng, mười một mặt trời đã quá cố, Mặt trăng và Mặt trời còn lại không chiếu sáng liên tục như trước nữa, Mặt trời đem ánh sáng cho muôn loài một ngày lại nghỉ một ngày, khi nào có tiếng gọi tha thiết của gà trống mới lại tới. Ngày Mặt trời đi ngủ, ta gọi là đêm.

Mặt khác các thánh lại vâng lệnh Pô Kuk giảng thế, tái lập lại trần gian. Riêng loài người được giao việc cai quản, làm chủ muôn loài.

Ngoài ra Pô Kuk cũng truyền cho loài người đừng uống rượu ham mê sắc dục, phải chịu khó làm ăn và dóc lòng tiêu trừ ma quỷ. Ngày nay mỗi lần làm phép đuổi tà ma, các thầy pháp người Chàm đều gọi tên Pô Kuk đứng đầu. Còn gà trống vẫn đều đặn sau một ngày mặt trời đi ngủ, lại tiếp tục cất tiếng gọi “ò... ó... o...” tha thiết, để gọi mặt trời thức dậy đem ánh sáng cho muôn loài. Và để ghi công loài vịt, Pô Kuk cấm loài người không được dùng loài vịt làm thịt để cúng thần linh. Còn loài gà mặc dầu cũng có công như nhờ biết ấp trứng, con sinh sôi nhanh, nên ngài cho phép loài người được giết chúng để cúng thần.

Gà trả ơn Vịt

(Sự tích gà ấp trứng vịt)

Theo lệ đã định, cứ tới mùa hoa quả là lũ thú vật trong khu rừng kia phải nộp thuế cho vua. Mỗi lần, một giống phải chở thuế đi.

Năm ấy đến lượt Sết Sành thu thuế và chở thuế nộp Vua. Đường xa, nắng nhiều, Sết Sành đi từ sáng sớm tới chiều vẫn chưa tới kho thuế, phải tìm nơi ngủ qua đêm. Quanh quẩn mãi, Sết Sành mới tìm tới tổ chim xin nghỉ tạm. Chim đang ấp trứng, trứng sắp đến ngày nở. Chim không nghe. Nói đi, nói lại, khẩn khoản mãi, chim cũng động lòng, Sết Sành được như ý.

Đêm, gió chẳng có, mưa cũng không, tự nhiên cây gần đó đổ! Sết Sành giật mình, hốt hoảng đập tung ổ trứng bay ra, trứng chim vỡ hết. Đàn con mà chim mong đợi bao ngày, nay đã bị hại từ trong trứng rồi. Đau đớn, chim bay tới kiến vua. Vua bắt Sết Sành, Sết Sành đổ lỗi tại cây: “Cái cây không đổ, tôi làm sao giật mình mà đập trứng vỡ được?”. Vua sai dẫn cây đến. Cây rũ hết lá cành, khóc hết nước mắt, tố cáo lũ mối ăn ruỗng gốc cây. Vua sai cả đoàn quân đi bắt lũ mối về. Nhưng mối chối quanh mãi, vì sợ gà mổ mới tìm đến gốc cây ẩn nấp. Lỗi này chỉ tại gà thôi, gà cứ đến gốc cây tìm mối, bới tung ra,

mỗi ngày một ít, sức cây yếu dần nên cây phải đổ.

Gà bị bắt, vua không cho cãi, sai lính vớt ngay xuống nước cho chết đuối. Gà không biết bơi, càng vỗ cánh càng ướt, chìm dần. May sao vịt trông thấy thương tình bạn láng giềng, liền bơi tới cứu, công bạn vào bờ. Gà nhớ ơn cứu sống của vịt, ngỏ lời nhận ấp thay trứng cho vịt, từ đó vịt chỉ việc đẻ, không phải ấp trứng như xưa nữa.

Bộ hung dâng trí

(Sự tích con bộ hung)

N gày xưa trời ở thấp lắm, thấp đến mức người trần gian giờ chày lên giã gạo cũng chạm vào bụng. Người trần gian lại ngày một đông, sáng tinh mơ đã thi nhau giã gạo có khi đâm vào bụng trời ngay cả khi lúc Trời còn đang say sưa trong giấc ngủ. Vào những ngày tết nhất, đến khuya người ta vẫn còn giã gạo, Trời buồn ngủ lắm mà bụng vẫn cứ bị những nhát chày thực vào đau điếng.

Nhà Trời tức lắm không biết làm thế nào, bèn ra lệnh cho trần gian bớt ăn đi, may ra mới có thể yên thân được. Thế là nhà Trời gọi Bộ hung đến để truyền chỉ:

- Mày xuống trần gian truyền lệnh của ta: Từ nay trở đi, ba ngày người trần mới được ăn một bữa, mỗi bữa chỉ được ăn ba lưng!

Bộ hung vốn dâng trí, cứ nói trước quên sau. Đã ba lần truyền sai lệnh bị nhà Trời quở phạt. Nhưng được cái tính ngoan ngoãn, hề nhà Trời sai thì làm ngay. Nên vừa ra khỏi cửa là hắn luôn mồm lắm bẩm:

- Ba ngày ăn một bữa, mỗi bữa chỉ được ăn ba lưng.....

Hắn cứ thế đi từ trên trời xuống trần gian. Một chàng đi

cày thấy Bọ hung lấm bầm cái gì đấy liền lắng tai nghe. Rồi anh ta nấp vào sau bụi cây, khi Bọ hung đi qua liền hét lên một tiếng. Bọ hung giật bắn người vì bất ngờ, quên khuấy câu mình đang nói. Hấn tức mình đỏ mặt tía tai định cãi nhau với anh kia nhưng trước hết phải nhớ câu mình đang nói là gì đã. Nghĩ mãi không ra, anh kia bèn nhắc:

- Có gì đâu, mày đang nói câu: “Một ngày ăn ba bữa, còn ăn vặt không kể”.

Bọ hung mừng rỡ rít, quên cả việc định đòi co với anh chàng kia và cứ thế tiếp tục đi:

- Ngày ăn ba bữa, còn ăn vặt không kể.....

Nghe nói có Bọ hung đem lệnh nhà Trời xuống, vua tôi trần gian cả một đám đông cận thần nghênh đón để nhận chiếu chỉ. Khi nghe Bọ hung nói:

- “Ngày ăn ba bữa.....”.

Vua tôi trần gian nghe hoảng quá, ăn nhiều vậy thì làm bao nhiêu cho đủ. Trước ăn mỗi ngày có hai bữa đã phải già gạo làm Trời mất ăn mất ngủ, kỳ này chắc nhà Trời càng quở trách to đây.

Bọ hung truyền lệnh xong liền trở về trời. Nhà Trời từ ngày ra lệnh cho người trần gian ăn ít đi, mà sao già gạo nhiều hơn trước, lấy làm lạ, bèn triệu vua trần gian lên hỏi nguyên do.

Vua trần gian kể lại khi nhận lệnh các quần thần đều đến đông đủ để nghinh chiếu chỉ của nhà Trời do Bọ hung truyền xuống là phải ăn nhiều hơn trước. Bấy giờ nhà Trời mới vỡ lẽ việc Bọ hung truyền sai lệnh.

Nhà Trời tức quá liền cho gọi Bọ hung đến đánh cho một trận. Sau đó, cắm cái xẻng vào đầu đày đi làm nghề xúc phân. Từ đó Bọ hung phải đi xúc phân không kể đêm ngày.

Lệnh đã truyền đi không thu lại được nữa, dân chúng hạ giới ngày đêm giã gạo không ngơi tay. Nhà Trời mất ăn mất ngủ liên miên đành phải chuyển lên thật cao để con người không còn đụng chạm tới nữa.

Người cháu hiếu thảo

(Sự tích chim hít cô)

Ngày xưa, có hai cô cháu ở chung với nhau một nhà. Người cô đã già, chồng chết từ lâu. Đứa cháu còn bé, chừng mười hai tuổi, mồ côi cha mẹ. Nhà họ nghèo, chỉ có vài sào ruộng không đủ sống, cho nên cô cháu ngày ngày phải đi mò cua bắt ốc hoặc mót trái kiếm ăn. Mấy năm trời được mùa, hai cô cháu tuy không lấy gì làm đầy đủ nhưng cũng sống vui. Ngày ngày cháu theo cô xách giỏ ra đồng miệng hát có vẻ thích chí.

Nhưng không may vụ hạ năm ấy mất mùa. Rồi tiếp đến vụ mùa vì nắng hạn nên cũng chẳng ăn thua gì. Trời không nắng lắm nhưng nhất định không mưa làm cho các hồ ao đều khô không khốc. Ruộng nứt nẻ hết. Hai cô cháu cũng như dân làng kéo nhau đi mò cua ốc ở các vùng cạn nước. Nhưng cua ốc bắt mãi cũng phải hết, mà trong nhà thì gạo đã kiệt từ lâu. Biết tìm cái gì mà nuôi nhau đây. Người ta có sức khoẻ lên rừng chặt củi về đổi lấy những cái ăn được mà sống qua ngày. Riêng hai cô cháu sức yếu đành nằm nhà nhìn đói, cái chết đang đe dọa họ.

May sao, buổi sáng hôm ấy có người hàng xóm sang báo tin cho cô cháu biết là có mấy đám lúa ở làng bên cạnh đã bắt

dầu gặt. Bà cô thấy mình yếu lả rồi đứng lên không vững nữa, chỉ có cháu là hơi tỉnh. Anh chàng gắng ngồi lên. Một người láng giềng đem cho một bát canh rau. Cháu húp vào thấy khoẻ cả người, vội đứng lên đi theo họ.

Họ đến vừa kịp buổi gặt, nhưng người gặt thì ít mà người mót thì đông. Tất cả đều đói nhưng mót rất khoẻ. Họ đánh liều sấn vào bứt lúa mặc kệ chủ ruộng cầm roi đánh không tiếc tay.

Mãi đến chiều, người cháu mới đem lúa về. Lèo tèo chỉ có một nắm bằng cái chổi xuể. Nhưng anh chàng không ngại. Hắn đập, sấy, rang rồi bỏ vào cối giã. Chỉ một lúc sau hắn đã bỏ vào nồi bắc lên bếp, hí hửng vì sắp có cháo ăn qua ngày.

Khi nồi cháo bắt đầu sôi thì người cô bỗng trở mình và rên khừ khừ. Cháu lật đật vào lật chiếu thăm cô. Cô rên rĩ kêu đau bụng, bảo cháu đi xin cho mình một tí gừng. Thấy cô có vẻ nguy kịch, cháu vội chạy vào xóm xin gừng.

Sau khi cháu đi, người cô gắng dậy ngồi vào bếp đun lửa cho nồi cháo. Lúc cháo chín, cô bỏ muối vào nếm thử một hớp. Chất ngừ cóc vào bụng trôi đến đâu, thịt da như sống lại đến đấy. Thấy cháu vẫn chưa về, cô múc ra một bát để dành phần cháu rồi lại ngồi ăn. Loáng một cái, cô đã ăn hết phần của mình. Cô lên chông nằm nhưng trong bụng lại vẫn thấy thèm. Thấy cháu vẫn chưa về, cô nghĩ “Thằng bé có lẽ được người ta cho ăn rồi nên mới lâu thế. Nếu hắn đói thì gừng được hay không cũng phải về sớm”. Nghĩ vậy người cô lại lồm cồm dậy ăn xén vào cháo của cháu một ít. Cô đi ra ngoài cửa nhìn, vẫn không thấy tăm dạng của cháu. “Chắc nó được ăn rồi còn ngồi lại sưởi. Ta có thể ăn nốt đi cho nó”. Nghĩ thế cô yên tâm lại

húp thêm một húp nữa vào phần của cháu.

Cho đến khi người cháu mang gừng về thì bát cháo chỉ còn một tí nước ở dưới đáy. Cháu hỏi cô, cô không trả lời. Nhưng cháu cũng đoán được hết. Cháu ôm mặt khóc nức nở nhưng lại nghĩ: “Vì cô quá đói nên mới phải thế!” Người cháu bưng bát cháo lại chống cô nằm, thực ra chỉ còn ít nước với hơi cháo, và nói:

- Thôi còn ít nữa, hít nốt đi cô! Rồi anh lả đi, giọng yếu dần: Hit đi cô! Hit đi cô!

Sáng hôm sau, mãi đến trưa vẫn chưa thấy cháu dậy, cô lại gần đưa tay sờ vào người cháu, thì ôi thôi người cháu đã lạnh toát từ bao giờ.

Từ đó trở đi vào khoảng trời khuya, người ta nghe có tiếng chim kêu náo nùng trong không gian: “Hít cô! Hít cô!”. Tiếng chim kêu một điệu đều đều của người cháu hiều thảo nhắc những ngày sống gian khổ của hai cô cháu.

Người bạn tình nghĩa

(Sự tích chim Quắc)

Có đôi bạn chí thân tên là Quắc và Nhân. Họ đều là họ trò con nhà nghèo, lại đều mồ côi cha mẹ. Quắc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bống lộc chẳng có là bao nhưng Quắc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đổi lại, có lần Quắc bị ốm nặng, giá không có bạn chăm sóc ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế, đôi bạn phải xa nhau.

Trong khi Quắc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang đến các vùng xa lạ làm thuê, làm mướn. Trải qua một thời kỳ lang bạt, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một nhà buôn giàu có. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, người chủ rất yêu mến, chẳng bao lâu Nhân được ông gả con gái cho.

Vợ Nhân có nhiều cửa riêng. Vì thế Nhân nghiễm nhiên trở thành một phú ông có cơ nghiệp kha khá ở trong vùng.

Nhân giàu nhưng không quên tình bạn cũ. Nhân vẫn nhớ tới lời thề “Sống chết sướng khổ có nhau” với Quắc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng được thấy Quắc còn sống. Tuy Quắc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng đến nói với cha mẹ học trò cho con em chuyển sang học với một cụ đồ khác rồi đưa

Quốc về nhà mình. Nhân dặn người nhà phải coi Quốc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bê trễ. Nhưng tính vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường coi thường. Và, chị ta không cùng sống những ngày hàn vi với Nhân nên làm sao biết được tình nghĩa sâu đậm giữa Quốc và chồng mình. Thấy chồng trọng đãi khách lúc đầu ngang không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ: “Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì chưa chắc tôi đã sống để gặp nàng”. Vợ Nhân chỉ lẩm bẩm: “Khéo! Bạn với bè! Chỉ có ngồi ăn hại”.

Dần dần vợ Nhân bức mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự dung ở đâu đến chẳng giúp ích gì cho nhà mình, chỉ chêm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát nhưng sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy day nghiến chồng:

- Chẳng phải bố già, không phải khách nợ, ở đâu lại rước về thờ phụng: ăn no lại nằm. Thôi liệu mà tổng quách đi!

Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt người chồng chỉ sợ mất lòng bạn. Nhân một mặt chăm chút cho bạn hơn trước, một mặt khuyên dỗ vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vắn tắt ấy. Về phần Quốc thì chàng hiểu tất cả. Đã hai lần Quốc cáo bạn xin về nhưng Nhân cố sức giữ. Thấy bạn chí tình, Quốc lại nấn ná ít lâu.

Nhưng hôm đó Quốc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm nặng nề. Quốc nghĩ, nếu mình không đi sớm thì sẽ có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu từ biệt bạn như mấy lần trước thì sẽ bị bạn chèo kéo không cho đi.

Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lên ra đi. Để cho bạn khỏi mất công tìm kiếm, khi qua một khu rừng, chàng cõ khăn áo treo lên một cành cây bên đường. Đoạn Quắc lần mò đến xứ khác, tiếp tục làm ông đồ dạy trẻ.

Thấy mất bạn, Nhân bỏ đi tìm. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mé rừng phía Nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ đó là khăn áo của bạn, Nhân thương cảm: “Ta nuôi bạn thành ra hại bạn! Chắc bạn ta bị cướp giết chết”. Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác: “Bạn ta ra đi trong túi không có một đồng một chữ thì đâu có gặp cướp cũng không có can gì. Đây, một là bị hùm beo ăn thịt, hai là lạc trong rừng sâu”.

Nhân bắt đầu vào rừng tìm Quắc, không thấy có vết máu, chàng lại càng hy vọng. Bỗng hết chông gai, chui hết bụi rậm, Nhân luôn luôn cất tiếng gọi: “Anh Quắc ơi! Quắc! Quắc!”. Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong khu rừng mênh mông. Cho đến hơi thở cuối cùng, người bạn chí tình ấy vẫn không quên gọi: “Quắc! Quắc!”. Rồi sau đó Nhân chết hóa thành chim quốc, cũng gọi là chim đỗ quyên.

Vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về thì lấy làm hối hận. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía Nam. Nghe tiếng “Quắc! Quắc!”, chị ta mừng quá kêu to: “Có phải anh đấy không anh Nhân!”. Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng “Quắc! Quắc!”. Vợ Nhân cứ theo tiếng gọi tiến vào rừng sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, chết bên cạnh một gốc cây.

Nhà sư và trái tim kẻ cướp

(Sự tích con Bìm bịp)

T huở trước có một sư thầy đã bốn mươi năm ăn chay niệm Phật nơi cửa chùa mà vẫn chưa thành chánh quả. Ông ta bèn quyết chí khăn gói ra đi để hỏi Đức Phật xem tại sao lại như vậy. Ông ta đi mãi, ròng rã sáu tháng trời. Một đêm nọ đang ở trên một ngọn núi cao, nhìn xuống chân núi ông thấy có ánh đèn le lói, bèn lần theo ánh đèn tới nơi, thì ra đó là ngôi nhà lẻ loi giữa rừng. Nhà tu hành xin vào nghỉ trọ. Một người đàn bà ra mở cửa và nói là chồng đi vắng không dám cho đàn ông lạ mặt ngủ trọ.

Vừa lúc đó, ông chồng của bà ta về, một mực đổ oan cho kẻ lạ mặt có ý sàm sỡ với vợ mình và đòi giết bằng được nhà tu hành. Nhà tu hành chấp tay kêu oan mà kẻ lẽ sự tình cùng chủ nhà. Nghe xong, ông ta dịu sắc mặt, hỏi người tu hành:

- Tôi đã giết bốn mươi mạng người rồi, đã sát hại nhiều sinh linh quá, bây giờ hối hận, không biết có thể trở thành người lương thiện được không, nếu tu hành thì có thành chính quả được không?

Nhà tu hành an ủi:

- Con người cốt ở tấm lòng, nếu thật lòng hối cải thì tất là

đáng thiêng liêng sẽ biết tới. Không ngờ nhà sư vừa nghe đến đây, chủ nhà đã phanh ngực áo lấy dao moi tim mình đưa cho thấy tu, và nhờ ông ta chuyển tới Đức Phật, nói xong liền tắt thở. Nhà sư đọc kinh siêu thoát cho người đàn ông nọ, rồi lại khăn gói lên đường, mang theo quả tim của người bất hạnh.

Nhà tu hành rời căn nhà lẻ loi ấy ra đi. Lúc này đang là mùa nóng. Trời nắng như thiêu như đốt. Ngày thứ nhất quả tim của kẻ xấu số bắt đầu nặng mùi, nhà tu hành vẫn cứ gói kỹ lại mang theo. Ngày thứ hai quả tim sinh mùi hôi, nhà tu hành vẫn kiên nhẫn mang đi. Đến ngày thứ ba thì mùi thối nồng nặc, ruồi nhặng bay theo đen kịt. Không thể chịu được nữa, nhà tu hành bèn nghĩ bụng: tu gì cái thằng kẻ cướp ấy, thôi ta quẳng nó vào bụi cây cho rảnh thân. Thế là nhà tu hành quẳng quả tim nọ vào bụi cây ven đường rồi đi tiếp. Đi được một đoạn, nhà tu hành gặp một cụ già râu tóc bạc phơ nhưng mặt mày lại phương phi, hồng hào. Nhà tu hành bèn quỳ xuống lạy, rồi kể bao nhiêu công lao tu hành và đoạn đường vất vả, cùng ý định tới đây của mình. Cụ già đỡ nhà tu hành dậy và phán hỏi:

- Dọc đường có ai gửi gì không?

Lúc này nhà tu hành mới sực tỉnh ngộ, bèn quay lại tìm quả tim mình đã vứt đi. Tiếc cho phận mình sắp thành chánh quả, nghe lời ông già, nhà tu hành trở lại loanh quanh tìm hết từ bụi này sang bụi khác, hết ngày này sang ngày khác mà chẳng thấy quả tim đâu, cứ thế một ngày kia ông ta chết rụi ở nơi bụi rậm và biến thành chim bìm bịp. Mầu lông của chim nửa nâu nửa đen giống chiếc áo nhà tu hành ngày xưa. Người ta cho rằng sở dĩ chim bìm bịp cứ hay chui rúc hết bụi cây này sang bụi cây khác là để đi tìm lại quả tim nọ.

Hổ vằn thua mưu Thỏ

(Sự tích bộ lông vằn của Hổ)

Hổ, Thỏ, Rái cá và Gà cùng ở chung một nhà. Lúc đó, Hổ chỉ khoác lên mình bộ lông màu nâu thẫm như màu củ nâu. Mắt Rái cá thì tròn như mắt mèo. Da mặt Gà trông xám xịt màu đất, còn tai Thỏ thì dài và rất nhiều lông, chứ chưa trụi và ngắn như bây giờ. Hàng ngày, Thỏ, Rái cá, Gà cùng đi cắt tranh gánh xuống làng bán, lại vào rừng làm rẫy trồng ngô, tủa lúa. Gà dùng hai cái chân khoẻ bới đất, Rái cá vun thành luống, còn Thỏ thì trồng tủa. Chỉ có Hổ ỷ mình lớn xác lại có thanh gươm dài và sáng quắc, nên chẳng chịu làm gì, cứ đi chơi rong rồi về xem có cái gì ngon thì tranh ăn trước. Có một lần Hổ đi chơi một mạch đến ba tháng liền.

Lúc nó đi thì mảnh đất sau nhà còn là khu rừng hoang. Khi nó về đã thành một rẫy ngô to, bắp sắp già. Con Hổ nhìn thấy bắp ngô vàng rất muốn ăn, đứng ngoài cửa nói, giọng hống hách:

- Chứ chúng bây không thấy tao về sao mà không đem ngô ra cho tao ăn?

Gà tức giận nhảy ra toan đá, Rái cá cũng nhe răng định liều chết với Hổ một lần. Còn Thỏ thì biết sức mình không thể địch lại con Hổ già, có lưỡi gươm rất sắc. Nó liền chạy ra

ngăn Gà, Rái cá lại và ôn tồn nói với Hồ:

- Tôi thấy anh về, nhưng ngô chưa già. Nếu đã ăn được thì tiếc gì mà không mang ra cho anh ăn!

- Chà! Bụng ta đang đói mà ngô chín vàng rồi đó chứ? Chúng mày đã nói dối thế thì tao tự đi lấy ăn vậy.

Hồ đi ra rẫy. Nó đưa lưỡi gươm chặt ngang một nhát đã mất một vạt ngô. Thỏ tiếc đứt ruột nhưng vẫn phải nén giận làm lành:

- Thôi, ngô còn non, anh ăn tạm bằng ấy đi, bao giờ nó già hãy ăn nữa.....

Vừa nhai nhồm nhoàm, Hồ vừa nói:

- Ừ, thế cũng được. Tao còn về đây nhiều lần. Chúng mày phải dành phần thật nhiều cho tao đấy nhé!

Ăn xong, Hồ lại đi, Thỏ nói với Rái cá và Gà:

- Ta không tìm cách cướp lấy thanh gươm của nó thì nó còn phá ta. Hai anh ở nhà chặt rào, rào rẫy ngô lại. Tôi đi cướp gươm Hồ.

Con Thỏ lấy một thanh tre vót thành một cái gươm đem đốt qua lửa cho đen. Làm xong, Thỏ lấy tro bôi vào mình, lần theo dấu chân đi tìm Hồ. Đi được nửa ngày thì thấy con Hồ đang ngồi bên bờ suối, cắm cây gươm trước mặt. Thỏ nói:

- Vóc dáng anh Hồ to thế kia mà dùng gươm bé bằng ấy sao vừa sức?

Con Hồ ngẩng lên. Vì Thỏ đã phủ lên mình một lớp tro, nên Hồ không nhận ra Thỏ ở cùng nhà. Lại thấy Thỏ vác một thanh gươm dài gấp đôi gươm mình, liền hỏi, giọng vẫn trịnh

thượng:

- Vậy thì mày đưa lưỡi gươm của mày cho tao?

- Ai chứ ông thì tôi tiếc gì.

Con Hồ ranh mãnh lại nói:

- Tao sợ gươm mày không sắc?

- Anh cứ thử xem ai hơn ai, nước dưới suối kia kìa anh chém thử gươm của anh trước đi.

Con Hồ cầm lưỡi gươm của nó chém thật mạnh xuống nước. Lưỡi gươm bật lại ngoằn ngoèo.

- Úi, thế thì gươm anh thua đứt gươm tôi rồi!

Con Thỏ cầm thanh gươm tre xuống suối thông thả rạch xuống mặt nước. “Lưỡi gươm” xén nước rất ngọt. Hồ liền đổi ngay gươm cho Thỏ.

Thỏ lấy được thanh gươm của Hồ mang về nhà thì Rái cá và Gà đã rào xong rẫy ngô và nhà ở. Con Hồ đi lang thang thêm mấy hôm, không tìm được thứ gì ăn, nó lại về rẫy ngô. Nhưng rẫy đã rào kỹ rồi nên Thỏ, Rái cá và Gà cứ ngồi trong nhà rang ngô ăn. Hồ ngửi thấy mùi ngô rang thơm lừng, hống hách:

- Dờ rào cho tao vào ăn ngô, mau!

Thỏ, Rái cá và Gà ngồi im. Hồ đe:

- Chúng mày không biết tao có lưỡi gươm mới à? Lưỡi gươm này dài và sắc hơn trước hai lần. Không dờ rào ra, tao chém một cái đứt hết.

- Đừng có dọa dẫm, chúng tao không mở đầu! Thỏ bảo.

Con Hồ lấy hết sức mạnh vung gươm chém vào rào một

nhất, lưỡi gươm tre gãy làm đôi. Hồ ngồi tiu nghỉu một lúc rồi làm dữ:

- Chúng mày không cho tao ăn chung thì tao cắn nát đầu.

Nói rồi nó dùng hai cánh tay khỏe có bộ vuốt sắc định phá rào chui vào. Biết chưa trừ được Hồ. Thở đầu dụi:

- Tôi muốn để anh chặt rào xem thanh gươm mới sắc bằng nào đó thôi. Chứ ngô thì chúng tôi có tiếc gì.

Con Hồ lại ở đó, lại ăn, lại nằm rồi lại đi chơi. Nó tung hoành, hống hách muốn gì được nấy. Thỏ nói nhỏ với hai bạn:

- Chưa giết được nó thì làm ăn chưa yên. Phải tìm cách giết nó đi thôi.

Một hôm vào mùa cỏ tranh khô. Thỏ xuống làng rồi về bảo:

- Có một nhà giàu đổi thịt lấy tranh. Một xe tranh lấy một gánh thịt.

Hồ háu ăn thịt mà lâu nay chưa được bữa thịt nào, nay nghe Thỏ nói, Hồ hỏi dò:

- Người ta chịu đổi thịt sao chúng mày không đi cắt tranh!

- Có đi cắt chứ, nhưng mới ở dưới làng về đến đây thì cắt vào lúc nào?

Thỏ nói vậy rồi giục Rái cá và Gà đi đón gổ đóng xe. Đóng xong, ba con xúm lại cắt tranh xếp đầy một xe. Xếp xong, con đẩy con kéo, cố làm cho chiếc xe lắc qua xịch lại cho con Hồ gai mắt. Quả nhiên, con Hồ muốn ăn thịt, thấy Thỏ, Rái cá và Gà kéo chiếc xe đi chậm chạp, nó nạt nộ:

- Chúng mày làm ăn chẳng nên thân gì cả. Tránh ra cho

tao kéo.

-Chúng tôi đâu dám, chỉ xin anh lên xe giữ tranh cho khỏi đổ. Chúng tôi sẽ cố đẩy xe nhanh hơn. Nghe Thỏ nói, Hổ bằng lòng. Thấy Hổ mắc mưu, ba bạn mừng lắm. Thỏ kéo Hổ lên xe, lấy dây buộc thật chặt vào đồng tranh rồi bảo Gà đi trước dẫn đường, còn mình và Rái cá đi sau đẩy xe. Xe ra khỏi rẫy, con Hổ tham ăn luôn mồm giục: “kéo xe thật nhanh lên, nhanh nữa lên!”. Thỏ lấy cây kéo lửa đốt xe tranh. Tranh khô, gió thổi mạnh, lửa tấp vào tai Thỏ, làm tai Thỏ chai lại và cháy hết lông. Còn Rái cá tránh không kịp cũng bị lửa cháy sưng húp cả mắt. Ngọn lửa lại quật về phía trước làm cho mặt Gà đỏ gay. Trên xe, Hổ đang nằm khoải chí trên đồng tranh thấy vậy hoảng sợ, vùng dậy. Vì Thỏ trói không chặt nên Hổ không bị chết thui, Hổ chỉ bị lửa cháy sém hết lông; chỉ còn lớp lông dưới các nuộc dây Thỏ buộc là chưa cháy nhưng cũng sém vàng. Hổ vùng ra được, nó đuổi Thỏ, Rái cá và Gà chạy tán mát mỗi con một nơi. Hổ nhìn lại mình, bộ lông nguyên màu của nó đã thành một bộ lông có khoang vằn. Cho đến ngày nay, loài hổ vẫn mang bộ lông như thế.

Cái trống thần

Một hôm có ba anh em nhà kia đi làm nương về, nghỉ chân ở dưới cây dâu da. Thấy dâu da chín đỏ ba anh em bèn trèo lên hái.

Đang ăn, người anh Cả trông thấy một cái trống treo lủng lẳng trên cành đa bên cạnh, nói với hai em:

- Trống thần kia kìa, chúng mày nhìn lên cây đa mà xem. Xuống thôi!

Nói đoạn, người anh Cả tụt ngay xuống đất, anh Hai cũng vội xuống theo. Chàng Út thì vẫn ung dung hái quả, nói với hai anh:

Đói bụng thì xin mấy quả dâu da chín, có làm gì đâu mà sợ.

Nói xong, chàng Út ngắt dâu da, ném vào mặt đỏ của trống kêu “pung pung”. Bỗng có tiếng từ cây đa phát ra:

- Đứa nào nghịch trống thế?

Hai anh sợ hãi, run lấy bẫy, trách em:

- Đã bảo mà, trống của thần em cứ ném mãi. Thần quở đấy!

Út vẫn không sợ, nhìn cây đa, đáp:

- Tôi đây.

Thần hỏi:

- Nhà ngươi muốn làm gì?

- Tôi muốn mượn cái trống thần có cho mượn không?

- Mày mượn làm gì?

Út nói:

- Mượn đi hỏi vợ.

Thần bảo:

- Vậy lấy đi. Trống này đánh vào bên xanh làm cho người chết, đánh vào bên đỏ, người chết khắc sống lại. Hãy nhớ cho kỹ. Lấy vợ xong đem trả tao.

Út thích quá, trèo lên cây đa gỡ trống xuống. Chàng cắt một cây song buộc trống, cùng hai anh mang cày, liềm, trống về nhà.

Ra khỏi rừng, trời đã nhá nhem tối. Ba chàng thấy có ánh lửa trong một hang đá, bèn lần tới. Họ thấy ba người con gái xinh đẹp đang nấu cơm. Chàng Út lên tiếng:

- Tối rồi, chúng tôi về nhà không kịp. Cho chúng tôi nghỉ nhờ một đêm nhé?

Một cô nói:

- Đây là hang hùm. Chúng tôi bị nó bắt về đã lâu. Người lạ tới, hùm ăn thịt đấy. Ba chàng mau đi đi.

Út bảo:

- Sợ gì, cứ cho chúng tôi nghỉ tạm.

Cô gái nói:

- Không sợ chết thì tùy, muốn nghỉ cứ nghỉ.

Ba chàng lấy lá trái xuống một góc hang, nằm ngủ.

Nửa đêm, hùm đi kiếm mồi về, ngủ thấy hơi người, nó hỏi các cô gái:

- Có ai trong hang thế, đem ngay ra cho tao ăn thịt!

Ba nàng ấp úng chưa kịp đáp, chàng Út đã vùng dậy chạy ra quát:

- Con hổ kia, răng mày to bằng ngón nào mà đòi ăn thịt chúng tao?

Hùm quát:

- Mỡ to mắt ra mà nhìn?

Rồi hùm tự đắc nhe nanh, răng nó to bằng ngón chân cái. Chàng Út cười, bảo:

- Thế đã mùi gì! Bì sao được với răng của tao!

Chàng giờ lưỡi cày ra. Thấy lưỡi cày vừa to, vừa nhọn, hùm sợ quá. Chàng Út lại nói:

- Vuốt mày sắc được là bao? Hãy đưa cho chúng tao xem thử!

Hùm chìa móng, Út chê:

- Bé thế, cùn thế, làm gì nổi ai! Xem móng của tao đây này.

Rồi chàng giờ liềm ra, hùm sợ xanh mặt.

Út lại bảo:

- Đuôi mày được mấy gang? Có giỏi so với đuôi tao!

Hùm chìa đuôi, Út lắc đầu:

- Đuôi mày ngắn cùn, đuôi muỗi chẳng nổi còn làm được

gi! Xem đây!

Nói đoạn chàng thò cây song ra tít ngoài hang.

Hùm hoảng quá. Nó cố trấn tĩnh găm lên một tiếng vang động cả vách núi. Nó nói:

- Đã nghe tiếng tao găm chưa? Nếu mày không kêu được thế, mau ra đây cho tao ăn thịt.

Út lấy trống, gõ vào đầu xanh. Tiếng trống vừa dứt, hùm lăn ra chết.

Ba anh em đưa các cô gái về làng, mỗi người cưới một nàng làm vợ. Ngày ngày họ mang trống thần đến những nhà có đám ma, cứu người chết sống lại.

Út đã cưới vợ, nhớ lời hẹn cũ, ba anh em Út mang trống trả lại thần cây đa. Từ đấy ba chàng không cứu thêm được người nào nữa. Nhưng dân làng vẫn quý mến và biết ơn họ. Từ đấy đã thành lệ, mỗi khi đưa ma, cúng tế, người ta đều gõ trống để tưởng nhớ đến ba anh em nhà Út.

Chàng ngốc học khôn

Ngày bố mẹ còn sống có cưới cho Ngốc một người vợ và diu đất vợ chồng Ngốc làm ăn. Khi bố mẹ qua đời hai vợ chồng Ngốc được thừa hưởng một ngôi nhà, một đám vườn và vài sào ruộng. Nhưng thấy Ngốc dần dộn, vợ anh có ý định bỏ anh đi lấy người khác nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ hơn một năm trời không trở lại. Giữa lúc ấy có một thầy khóa góa vợ, thấy vợ Ngốc coi được thì muốn tranh lấy. Bố mẹ vợ Ngốc vốn ham của và ham chức vị nên hồi hả nhận lời. Bèn bảo chàng rể mới cứ chuẩn bị lễ vật rồi làm lễ cưới bừa, dù Ngốc có biết cũng không hơi sức đâu mà kiện tụng, vả chẳng anh em họ hàng nhà Ngốc chẳng còn có ai để mà bày vẽ. Về phía Ngốc, tuy bị vợ bỏ, nhưng anh cũng không biết làm thế nào để khuyên dỗ vợ trở lại với mình, cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện thừa kiện, vì đối với anh việc đó to lớn rắc rối quá, như chim chích lạc vào rừng vậy.

Lật đật mà ngày cưới đôi bên đã đến. Ngốc ta tuy biết, nhưng vì chẳng có ai bày mưu tính kế, nên anh chỉ biết âm ức trong lòng. Mãi đến trước ngày cưới một hôm, một bà hàng xóm thương hại Ngốc, đến báo tin:

- Ngốc ơi, mày sắp mất vợ rồi. Chỉ nội nhật ngày kia là chúng nó làm lễ cưới, mày có biết gì không?

- Có biết! Ngốc đáp.

- Thế tại sao mày không làm cách gì để trị cho chúng một mẻ?

- Làm cách gì bây giờ, làm thế nào bây giờ? Rắc rối quá.

- Không biết thì phải đi học khôn với người ta chứ! Thấy ai nói điều gì hay thì ghi lấy vào dạ. Ngốc chỉ lẩm bẩm “Rắc rối quá”.

Bà hàng xóm bực mình ra về bụng nghĩ: “Đúng là bày về cho thằng Ngốc còn khổ hơn dẫn lợn đi cày!”

*

* *

Hôm sau, chàng Ngốc dậy sớm quyết định đi học khôn một phen như lời bà láng giềng khuyên bảo. Anh cứ thẳng đường đi mãi. Khi mặt trời đã lên cao, anh vẫn chưa có dịp học được cái gì, vì mọi người còn bận công việc làm ăn của họ. Qua một bãi cỏ rộng, anh thấy lũ trẻ chăn trâu đang chơi đùa vui vẻ. Anh sán lại gần, bỗng nghe một đứa nói: “Thênh thênh ngồi đám cỏ xanh hơn ngồi chiếu hoa”. Ngốc ta thấy câu nói hay hay, liền lẩm nhẩm học thuộc lòng.

Anh lại đi thêm một đoạn đường dài. Đến một bờ ruộng, anh thấy có một người đang hì hục đào lỗ, đặt hom, rồi đốt một nắm rạ, quạt khói vào hang chuột. Bỗng có một con chuột từ trong hang thò đầu ra khỏi lỗ lại thụt ngay vào. Người kia giơ ngón tay chỉ và nói: “Thập thò, thập thò, không lo thì chết!”. Ngốc ta thấy câu nói hay hay lại lẩm nhẩm học thuộc.

Bỏ người bắt chuột, chàng Ngốc lại tiếp tục cuộc hành trình. Qua một cánh đồng khác, anh nhìn thấy có hai người

lục điền tát nước, đang ngồi nghỉ dưới gốc cây, hút thuốc. Người này bảo người kia: “Thượng điền tích thủy, hạ điền khan”. Ngốc ta cho là câu nói hay, lại lẩm nhẩm học thuộc.

Bấy giờ trời đã trưa, anh lại đi thêm một đoạn đường nữa. Trước mặt anh là dòng sông nước chảy xiết. Giữa sông, anh nhìn thấy có một cái bè gỗ đang xuôi dòng. Một ông lão đứng ở trên đôi gân đấy nhìn xuống cái bè bỗng chốc thốt lên một câu: “Cây gỗ lớn trôi ở sông không thể quay trở lại”. Ngốc ta cho là câu nói hay quá, lại lẩm nhẩm học thuộc.

Buổi chiều, trên đường về, anh đi qua một hàng cơm. Có hai người từ trong cửa hàng bước ra, mặt đỏ gay đang chuyện trò với nhau rôm rả. Sau đó một lát, họ từ giã nhau, người này nói với người kia: “Thôi cơm no rượu say, tôi xin vô phép, mai ta lên quan sớm”. Ngốc ta lại học thuộc lòng câu này. Cho như thế là đủ, và đi bộ suốt ngày đã mệt, bụng lại đói, chàng Ngốc bèn trở về nhà thổi cơm ăn, rồi lên giường nằm nhấm lại những câu vừa học. Đoạn ngủ quên lúc nào không biết.

Ngày hôm sau Ngốc ăn mặc chỉnh tề đi sang nhà bố mẹ vợ. Khi đến nơi đã thấy khách khứa tấp nập, cỗ bàn bày la liệt, hai họ đang chia nhau ngồi vào tiệc. Ngốc ta chẳng nói chẳng rằng bước vào cổng. Một người nhà chạy vào loan báo cho bố mẹ vợ Ngốc và chàng rể mới biết là chàng rể cũ tự nhiên không mời mà đến. Mọi người cười ồ tỏ ý khinh thường, nhưng cũng bảo người nhà ra mời Ngốc vào xem hán ta định làm gì. Họ ngạc nhiên thấy Ngốc ung dung ngồi phịch xuống một đám cỏ trước sân, vừa ngồi vừa nói:

- Thênh thênh ngồi đám cỏ xanh hơn ngồi chiếu hoa.

Cho rằng lời nói có ngụ ý thách thức, nhiều người từ chỗ

coi thường Ngốc chuyển sang lo lắng. Họ bèn đứng lối nhỏ ở cửa nhìn ra để dò thái độ. Ngốc đang ngồi, nhìn thấy họ, sức nhớ đến câu thứ hai đã học được, liền chỉ ngón tay vào nhà và nói:

- Thập thò, thập thò, không lo thì chết.

Từ lo lắng, mọi người chuyển sang sợ sệt khi cảm thấy trong câu nói thứ hai của Ngốc không phải chỉ là sự thách thức mà còn có ý đe dọa. Thấy khóa hết đứng lại ngồi, rấm rứt như sắp có tai vạ. Hấn bảo bố vợ Ngốc: “Thằng này không phải ngốc nghếch đâu, tôi cho rằng nó đang âm mưu gì đây”. Nhưng ông thì vẫn coi thường Ngốc chỉ đáp: “Anh đừng lo, nó ừ li như một hòn đá, nó chẳng dám phá đám đâu?”.

Tuy nhiên, ông cũng ra lệnh cho mời chàng Ngốc vào nhà, nhưng chỉ đưa anh vào ngồi ở những mâm phía dưới dành cho kẻ hầu người hạ. Đó là hạng cỗ xoàng không có nem, mọc, giò chả, lại cũng không có rượu. Họ thấy Ngốc ta vui vẻ bước vào ngồi lên chiếu. Và sẵn đói bụng, anh cầm đĩa bát ăn rất ngon lành. Bố vợ bảo nhỏ chàng rể mới: “Con thấy không. Thậm chí nó cũng không biết nhục. Bố nói có sai đâu mà”. Nhưng đang ăn, Ngốc ta cũng không quên câu nói thứ ba đã học được, nên anh ngừng lại, mỉm cười nói:

- Thượng diên tích thủy, hạ diên khan.....

Nghe câu đòi rượu uống một cách rất văn hoa, thầy khóa sợ xanh cả mặt. Hấn bụng bảo dạ: “Nó nói được những câu như thế thì nhất định nó không chịu để mất vợ đâu, chỉ tại lão già khuyên dỡ, một hai nói nó chẳng biết gì ta mới bùi tai. Việc này rồi sẽ lỗi thôi to, nó mà kiện lên quan không khéo

vào tù cả nút.

Nghĩ vậy, hắn biết là đại, liền hăm hăm làm mặt giận, bỏ ra về. Thấy chàng rể mới toan bỏ cuộc, bố vợ chạy ra cố sức níu hắn lại, bảo: “Con cứ nghe bố ngồi lại mà đợi cho xong đám cưới. Nó là thằng Ngốc, nó nói gì thì mặc nó”. Những người khác cũng chạy ra giữ thầy khóa ở lại. Trong khi kẻ lôi người kéo ngoài sân thì trong nhà người ta cũng bung rượu đến cho Ngốc. Cầm chén rượu, Ngốc ta sực nhớ tới câu thứ tư, anh nói ngay:

- Cây gỗ lớn trôi sông, không thể quay trở lại!

Thầy khóa đang chần chừ, nửa muốn về, nửa muốn ở lại, chợt khi nghe câu nói ấy, thầy liền bước thẳng ra cổng không ngoái cổ lại, vừa đi vừa lẩm bẩm: “Nó chửi chửi” mình đấy! Thế mà ông lão cứ một hai bảo nó ngốc đặc”. Thấy Ngốc ăn nói khôn ngoan khác trước, người bố vợ lúc này mới chợt dạ, sai người ra tiếp Ngốc tử tế. Sau khi uống mấy chén rượu mặt đã đỏ gay, chàng Ngốc đặt đĩa đứng dậy ra về. Đến sân, anh còn ngoảnh lại nói nốt câu nói cuối cùng:

- Thôi, com no rượu say, tôi xin vô phép. Mai ta lên quan sớm!

Cả nhà nghe câu nói đồng dục bao nhiêu hồn vía đều lên mây. “Thằng này nó dọa đi kiện đấy! Chắc có đứa nào làm thầy cho nó. Đành phải bảo con gái trở về với nó, không thì oan gia”. Tuy nghĩ vậy, bố vợ Ngốc vẫn chưa tin là Ngốc đã có thể biết đường kiện cáo, bèn cho tên người nhà là Kênh chạy sang nhà Ngốc rình xem Ngốc làm gì để biết mà lo liệu.

*

*

*

Chàng Ngốc từ nhà bố mẹ vợ trở về đánh một giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, thấy trong người ngứa ngáy khó chịu, liền cởi áo xoay trần bắt rận. Giữa lúc đó Kênh đã lén tới trèo lên một cây ổi ở góc vườn, nhìn vào cửa sổ để nghe ngóng. Hắn chỉ thấy Ngốc quay lưng về phía mình, người đang cúi xuống trước một vật gì trắng trắng. Kênh bụng bảo dạ: “Có lẽ hắn đang viết đơn kiện”. Trong lòng hồi hộp, Kênh nín thở lắng tai nghe. Lúc này Ngốc bắt được hai con rận lớn, bèn reo lên:

- A! Thằng Dục và con Cái! Phải giết chúng mày mới được!

Kênh giật thót mình. Chưa bao giờ hắn lo sợ đến thế. Vì Dục và Cái chính là tên vợ chồng lão chủ nhà hắn. Hắn nói thầm: “Như vậy là hắn đã viết tên ông và bà chủ mình vào đơn”.

Kế đó, Kênh lại nghe tiếng Ngốc nói:

- Lại thằng Béo, giết.

Béo là tên thầy khóa. Kênh vừa cố lắng tai nghe. Tiếng của Ngốc vọng ra:

- Lại con Lớn, giết.

Lớn là tên vợ Ngốc. Kênh vẫn lắng tai nghe. Lại có tiếng của Ngốc:

- À, thằng Kênh! Giết, giết hết.

Kênh sửng sốt: “Không ngờ hắn viết cả tên mình vào đơn. Thật là tai bay vạ gió”. Kênh vội tụt xuống đất rồi chạy vào nhà van lạy Ngốc, nước mắt giàn giụa:

- Thưa ông, ông tha cho con. Việc gả bán là ở ông bà chủ của con và thầy khóa cả. Phận con là đầy tớ có biết gì đâu. Xin ông

sinh phúc tha cho, đừng viết tên con vào đơn!

Ngốc nói:

- Vậy thì mày hãy về bảo với ông bà phải trả vợ cho tao.

Nghe nói, Kênh ba chân bốn cẳng chạy về. Đến nhà, hấn vừa hỏn hển vừa kể lại mọi việc. Mẹ vợ Ngốc bảo chồng:

- Thôi ông ạ! Vô phúc đáo tụng đình! Bảo con chịu khó trở về với nó đi thôi. Trả lễ lại cho thầy khóa! Đừng để cửa trong nhà tự rụng vô có đội nón ra đi!

Chàng Cóc

Trong một gia đình nọ, bà vợ cứ sồn sồn, chẳng năm một thì lại sinh đôi, nên chỉ mới dăm năm đã có chín người con gái lớn sần sần như nhau và đều rất đẹp. Con trai trong làng cứ ao ước được làm rể nhà này. Trong số các cô gái thì Hơ Di, cô gái thứ ba là người xinh nhất. Mỗi lần chị đi vào rừng, tất cả hoa lá đều sùng sờ ngấm chị, tất cả chim chóc đều ca hát mừng chị. Chị chẳng những đẹp mà còn chăm làm, bất cứ việc gì chị cũng làm được, không chịu thua ai.

Một hôm, chín cô gái vào rừng cắt cỏ tranh về làm nhà. Trời nắng chang chang, mọi người lại quên mang theo nước. Hơ Di khát khô cả cổ. May sao giữa tảng đá lớn đen sì to như con voi nằm giữa rừng lại có một hốc nhỏ, chứa đầy nước trong vắt. Hơ Di lấy tay vốc uống. Nước ngọt và thơm, uống đến đâu gan ruột mát đến đấy.

Chiều hôm ấy Hơ Di thấy khang khác trong người. Ít lâu sau, bụng cứ to dần: chị đã có mang. Hơ Di khổ sở vô cùng. Những lời nhieếc mắng đay nghiến của dân làng làm cho chị càng thêm khổ não. Gần ngày sinh, chị vẫn đi làm nương rẫy và cắt gianh, hái củi như thường. Một hôm, đang cắt gianh thì chị trở dạ. Quần quai một hồi, chị đẻ ra một con Cóc. Mọi người xúm đến xem. Có người thương, nhưng cũng có người

dè bửu, bảo chị nên vứt con Cóc đi cho rảnh.

Hơ Di như đứt từng khúc ruột. Dấu sao cũng là giọt máu của mình, nỡ nào đang tâm vứt đi! Trông thấy nó xấu xí không thành người, ai cũng ghét bỏ, chị lại càng thương, nhưng chỉ sợ bố mẹ không cho nuôi. Trong số người đi làm hôm đó, có Y hình rất thương Hơ Di. Anh bảo:

- Để tôi về hỏi hai bác xem sao!

Một lúc sau, Hinh trở ra bảo:

- Chị hãy đem con về.

Hơ Di bọc con vào tàu lá chuối rừng, trở về nhà. Về đến nơi, các chị em của Hơ Di xúm vào xem. Họ định quật chết con Cóc, sợ nó sẽ gây tai họa về sau. Hơ Di hoảng quá, mang con chạy vào rừng. Tìm được một chiếc lán nhỏ bỏ không, chị liền ôm con vào ở đó. Bụng chị đói cồn cào, cả ngày chưa có một hột cơm nào vào bụng. Chị chưa biết làm thế nào, thì bỗng nghe Cóc nói:

- Mẹ đói lắm phải không? Mẹ cứ ra khóm cây kia, ở đấy có một buồng chuối chín, mẹ lấy mà ăn!"

Hơ Di nghe lời con, chạy ra tìm. Quả nhiên chị tìm được chuối ăn. Hơ Di vô cùng kinh ngạc, chị nghĩ trong tấm da Cóc xấu xí này chắc có một vị thần linh ẩn hiện. Từ đấy chị nghe theo mọi ý muốn của Cóc.

Chị đến nhà trưởng làng xin một manh chiếu về lót cho con nằm, và ngày ngày để đứa con ở nhà chị vào rừng hái măng, đào củ, làm rẫy, phát nương.

Một hôm, thấy mẹ mệt nhọc, Cóc bảo mẹ:

- Mẹ ạ, con muốn đi làm rẫy, phát nương giúp mẹ.

- Thấy mẹ ngần ngừ, Cóc vội nói:

- Mẹ đừng ngại, con làm được mà!

Hơ Di rất cảm động. Chị lấy chiếc cuốc nhỏ xíu buộc vào chân con, Cóc cứ thế nhảy đi, khi đã khuất mắt mẹ, Cóc liền cởi chiếc áo da ra và biến thành một chàng trai cao lớn, đẹp đẽ lạ thường. Thấy anh, gió không thổi nữa, chim thú rừng cũng ngậy ra mà đứng nhìn, mấy cô gái phát rẫy bàng hoàng bỏ rơi dao lúc nào không biết. Anh cầm cuốc chạy nhanh như tên đến một cánh đồng rộng bao la. Anh hỏi con chim gáy đang ăn ở đấy:

- Này chim ơi! Chim có bay qua được cánh đồng này không?

- Úi! Cả đời mẹ lẫn đời con tôi thay nhau bay tiếp cũng chẳng qua được nữa là mình tôi!

Chàng Cóc liền hóa phép, tức thì một đoàn người hiện ra trước mắt. Anh giao cho họ phát cây làm cỏ, rồi cuốc đất, trồng lúa, trồng khoai. Chiều tối công việc xong, anh lại khoác tấm da Cóc vào người, rồi nhảy về nhà. Hơ Di dọn cơm cho con ăn, Cóc chỉ ăn qua loa... Hôm sau, Cóc bảo mẹ:

- Con nghe nói chủ làng có đàn trâu một trăm con. Mẹ đi xin cho con chăn, mẹ nhé.

- Chết! Làm gì thì làm chứ không chăn nổi đàn trâu đó đâu. Bốn năm người mà chăn không xuể nữa là một mình con. Con bé tí tẹo đi chăn thì chúng dẫm chết mất. Trâu nhà họ nhiều con dữ lắm.

- Mẹ khỏi lo, con có làm được con mới dám nói với mẹ. Mẹ cứ xin cho con chăn trong ba năm.

Hơ Di chiều con, đến nói với chủ làng. Chủ làng bảo:

- Được, có điều tao giao hẹn trước, nếu trâu béo, không phá hoại cây cối thì tao sẽ trả công đầy đủ; nếu trâu gầy hoặc đi phá hoa màu, hoặc mất con nào thì hai mẹ con phải đến làm tôi tớ cho tao suốt đời. Chiều nay, mẹ đưa nó đến đây.

Chiều hôm đó, Hơ Di bỏ Cóc vào gùi, mang đến trình chủ làng. Sợ chủ làng thấy mình nhỏ bé mà khinh thường nên vừa gặp mặt, Cóc đã chào hỏi rất hoạt bát. Rồi Cóc kể chuyện này sang chuyện khác cho chủ làng nghe. Chủ làng mê quá, cứ đòi kể mãi. Kể cho đến khuya chủ làng buồn ngủ điu mắt, mới cho Cóc nghỉ.

Sáng day, Cóc hái một nắm quả ké, ném lên đầu các con trâu để đánh dấu. Cóc xua cả đàn ra đồng và bảo đàn trâu:

- Trâu ơi, trâu là bạn của ta. Trâu cứ ra đồng tha hồ mà ăn lúa cho no.

Đàn trâu ulla xuống đồng, gặm hết cả ruộng lúa. Con nào con nấy no căng bụng. Tối đến trước khi lùa trâu về, Cóc lại hóa phép làm cho lúa mọc lại tươi tốt như trước. Chủ làng xem đàn trâu, thích lắm. Hứa sẽ thưởng cho Cóc.

Thấm thoát ba năm trôi qua, Cóc về bảo mẹ đến nói với chủ làng cho Cóc xin thôi việc và dặn mẹ nếu lão trả tiền thì đừng lấy, mà cứ xin cho được một con trâu trắng. Hơ Di làm theo lời con dặn. Chủ làng bảo:

- Con chị chăn trâu tốt lắm, ta rất bằng lòng. Còn nó có muốn xin một con trâu trắng, ta cũng không tiếc, nhưng chính nó cũng biết đấy, cả đàn trâu của ta có con nào trắng đâu?

Hơ Di về nói lại cho con nghe, Cóc bảo:

- Không, nhà chủ làng có con trâu trắng hai chân nho nhỏ đấy, mẹ ạ!

Lúc đó, Hơ Di mới hiểu là con mình muốn xin con gà trắng. Chị trở lại nói với chủ làng. Chủ làng bằng lòng ngay.

Hơ Di trở về mang theo con gà trắng. Thấy con vui vẻ, chị sung sướng hỏi con:

- Bây giờ con còn cần mẹ làm gì nữa không?

- Mẹ ạ, con muốn có một chiếc cần câu để câu cá, mẹ con ta ăn.

Hơ Di bèn tìm một cây trúc thật đẹp làm cần câu cho con. Cóc mang cần câu ra bờ suối, đặt trên bờ rồi nhảy xuống nước một hồi, bắt lên một xâu cá. Cóc xách về cho mẹ. Hơ Di kêu lên:

- Úi trời, nhiều quá! Thế mà mẹ cứ nghĩ con không câu được.

Chị định đem nấu tất cả. Cóc bảo:

- Không cần nấu nhiều, chỉ nấu hai con cũng tha hồ ăn, mẹ ạ.

Hơ Di nấu xong đến mở nồi ra xem thì lạ thay, không phải là hai con mà là đầy một nồi cá.

Chị biết con mình có phép lạ, trong bụng mừng lắm!

Sắp đến mùa hội đâm trâu hàng năm. Cứ đến ngày đó, người ta kéo từ làng này sang làng khác dự hội.

Cóc đòi mẹ cho đi lấy nước. Cóc mang theo con gà trắng, một ống nứa nhỏ, trong đựng ít gạo. Mỗi lần qua một con sông Cóc lại bỏ ống nứa xuống nước và nói:

- Nếu có cha tôi ở dưới sông thì ống này chìm xuống.

Qua hai con sông, ống nữa vẫn nổi. Đến sông thứ ba ống nửa chao mấy cái, rồi chìm hẳn. Cóc vội thả con gà trắng xuống, dòng sông bỗng đục ngầu, sóng nổi cuộn cuộn.

Cóc cười, bảo:

- Cha đừng dọa con, con không sợ đâu!

Mặt nước bỗng trở lại yên lặng, rồi từ dưới nước hiện lên một người đàn ông vóc dáng to lớn. Cóc nháy tới. Người cha bế con lên. Hai cha con trò chuyện hồi lâu, rồi chia tay. Cóc hẹn với cha đến ngày hội đâm trâu sẽ đưa mẹ tới.

Ba hôm sau, Cóc cùng mẹ sang làng bên dự hội. Gần tới bờ sông hôm trước, Cóc bảo mẹ đi chậm lại, còn mình chạy lên trước gọi cha. Lúc Hơ Di tới thì thấy một người đàn ông đang đặt Cóc trên bàn tay. Chị sợ quá, kêu to:

- Anh không được bắt con tôi!

Cóc cười, bảo mẹ:

- Mẹ ơi, cha con đây, hôm nay cả họ nhà ta cũng sẽ đến dự hội đâm trâu với ta.

Một chốc, từ dưới nước kéo lên rất nhiều người, ai nấy ăn mặc rất lịch sự. Họ mổ trâu ăn mừng, vui chơi suốt một buổi, đến chiều mới rủ nhau về. Còn lại ba người, Hơ Di mới bảo chồng:

- Anh đã gây cho tôi bao nỗi khổ, tôi phải chịu đắng cay một mình suốt mấy năm nay.

Thần Nước là cha của Cóc, bảo vợ:

- Tôi rất yêu nàng, nhưng vì kẻ ở nước, người ở cạn không

lấy được nhau nên mới phải như vậy.

- Sao anh không hiện lên cho tôi gặp.

- Phải chờ cho con nó có được con gà trắng của nhà chủ thì tôi mới hiện ra được.

Thôi, bây giờ con nó đã khôn lớn, nàng cứ ở với nó, nó sẽ làm cho nàng được vui.

Sau đó hai mẹ con Hơ Di từ già Thần Nước ra về. Mùa gió bão sắp đến, chiếc chòi của hai mẹ con ở đã ọp ẹp. Cóc bảo mẹ:

- Chúng ta phải đi nơi khác dựng nhà thôi mẹ ạ.

Hai mẹ con thu xếp ít đồ đạc vào người rồi ra đi, đi mãi, cho tới khi tới vườn mía Cóc trồng trước kia. Hơ Di vừa mệt lại vừa đói. Cóc bảo mẹ:

- Bẻ mía kia mà ăn cho đỡ mệt mẹ ạ!

- Mía kia của người ta, bẻ sao được.

- Cứ bẻ mà ăn, mẹ đừng sợ.

Ăn mía xong, hai mẹ con lại đi ngang qua nương sắn, nương lúa. Tới gần chỗ lâu đài mà Cóc đã hóa phép trước kia. Cóc bảo mẹ:

- Mẹ đứng đây chờ con!

Cóc ung dung nhảy vào, lên võng nằm đu đưa một lúc, rồi sai quân lính ra mời mẹ vào. Hơ Di rất sợ hãi, chị cho là người ta đã bắt mất con mình và ra bắt nốt mình. Chị nhất định không đi. Lính trở vào báo với Cóc, Cóc liền ra mời mẹ ngồi võng và bảo:

- Bây giờ mẹ con ta ở lại đây. Nhà cửa này là của mẹ con ta.

Trâu bò, nương rẫy đều là của ta. Con sẽ cho người mời cha lên với mẹ.

Mấy hôm sau Thần Nước đến. Bấy giờ Thần Nước mới làm lễ cưới Hơ Di. Cả làng mở hội, mổ trâu, mổ lợn ăn uống luôn ba ngày.

Một hôm, Cóc bảo mẹ:

- Mẹ ơi, con đã lớn rồi con muốn lấy vợ.

- Con ưng ai thì con đi tìm đi!

Ở làng Vu Dơ-ria, có hai cô con gái rất đẹp. Cóc liền biến thành một chàng trai tuấn tú hùng dũng, cưới con ngựa ô cao lớn đến. Nhưng chậm mất rồi hai cô con gái đã nhận lời lấy hai người con trai của trời là Dơ-róc và Dơ-rây. Cóc đành lên ngựa trở về.

Mùa xuân đến, Dơ-róc và Dơ-rây làm cỗ rất to mời làng đến dự lễ cưới. Họ đang ăn uống vui chơi thì có một chàng trai trẻ phóng ngựa qua làng. Dơ-róc, Dơ-rây cho người giữ lại và mời vào dự tiệc. Thấy chàng trai tuấn tú, các cô gái trong đám tiệc nhìn chàng chăm chăm, buông cần uống rượu, quên cả ăn. Chàng trai lên võng nằm đu đưa một hồi, rồi bắt đầu kể chuyện. Chàng kể lại chuyện một chàng dũng sĩ đánh nhau với quỷ dữ để cướp lại người yêu. Chàng vừa kể, vừa hát. Lúc đầu, chàng còn nằm võng, về sau chàng đứng dậy. Giọng hát của chàng hùng tráng, lâm li, có lúc nhẹ nhàng êm ái như tiếng kơ-nhi, có lúc sôi nổi như tiếng trống, tiếng chiêng thúc quân ra trận. Tất cả trai gái trong bữa tiệc hồi hộp lắng nghe. Các cụ già suốt buổi cầm bầu rượu mà quên uống. Dơ-róc và Dơ-rây lúc đầu cũng bị thu hút vào câu chuyện, nhưng khi thấy vợ sắp cưới của mình theo sát chàng trai thì nổi cơn

ghen, hăm hăm về chỗ ngồi nốc rượu tì tì, mắt long sòng sọc.

Câu chuyện kể hết, chàng trai chào mọi người, rồi bước ra khỏi nhà, lên ngựa phóng đi. Mọi người bàng hoàng như một giấc mơ đẹp. Nhiều trai gái muốn chạy theo níu lại, nhưng ngựa chàng đã phóng xa...

Mấy hôm sau, theo tục lệ, nhà gái làm lễ gả chồng cho con gái. Sau lễ này, con gái mới chính thức làm vợ người. Làng xóm ở hai bên lại họp nhau ăn uống vui chơi. Chàng trai hôm trước lại phóng ngựa đến. Hai cô dâu quên cả Dơ-róc và Dơ-rây, tiến lại ngồi cạnh chàng, Dơ-róc và Dơ-rây liền chỉ cho cha cô gái thấy và bảo:

- Con gái ông bỏ chúng tôi theo thằng kia rồi đấy!

Người cha vội đến ghé vào tai hai con, nhưng cả hai đều trả lời:

- Kệ chúng con, chúng con yêu ai thì theo người ấy.

Dơ-róc và Dơ-rây giận dữ đứng lên, giậm chân rung chuyển cả sàn, rồi bỏ đi. Chúng còn quay đầu lại, hăm dọa:

- Sáu tháng nữa, cả nhà này ra tro.

Họ hàng nhà gái kinh sợ. Hai cô gái cũng nắm lấy chàng trai xin cho đi theo. Chàng trai bảo:

- Dân làng đừng sợ. Hai cô đừng sợ. Nếu chúng cả gan gây tai họa cho làng, tôi sẽ giết chúng.

Rồi chàng từ biệt ra về, hẹn sẽ có ngày trở lại. Sáu tháng trôi qua. Trời hôm đó bỗng nhiên u ám, một cơn bão ghê gớm nổi lên. Núi rừng rung chuyển. Suối khe nổi nóng. Nhà cửa, cây cối đổ ầm ầm, cát bụi bay mù mịt. Biết là Dơ-róc và Dơ-

rây trả thù, chàng Cóc chạy vội đến làng Vu Dơ-ria. Chàng hóa phép biến thành một con rắn khổng lồ chắn ngang luồng gió. Gió bị cản lại. Dơ-róc và Dơ-rây chạy tới định chém rắn, nhưng một chú Cóc nhỏ ngồi chễm chệ trên lưng rắn hỏi chúng:

- Hai chú bé đi đâu?

Dơ-róc và Dơ-rây trợn mắt quát:

- Chúng ta là con nòi tới phá sạch làng này, giết sạch lũ bay chứ còn đi đâu nữa.

Nói xong, Dơ-róc chặt một nhát đứt đôi con rắn. Cóc liền biến thành chàng trai cao lớn, một tay múa khiên, một tay cầm gươm đánh nhau với chúng. Gươm chạm gươm thành chóp loé, gươm chém khiên thành sét nổ. Họ đánh nhau dưới đất, họ đánh nhau trên trời, mặt trăng. Họ đánh nhau suốt một năm, từ mùa xuân này qua mùa xuân khác. Gươm của Dơ-róc, Dơ-rây đã mòn trơ sống. Chúng vừa mệt, vừa đói, chàng Cóc cũng mỏi nhừ. Thấy chúng đói, chàng Cóc vút cho chúng hai nắm cơm và bảo:

- Cho chúng mày nghỉ mà ăn đã.

Ăn xong, hai bên lại đánh nhau tiếp. Hồi lâu Dơ-róc và Dơ-rây khát quá, phải quay đi tìm nước. Cóc liền chém mạnh một nhát, đầu Dơ-róc đứt làm đôi, Dơ-rây chưa kịp xoay trở cũng bị chém luôn. Hai cái đầu rơi xuống biển, biến thành hai hòn đảo.

Chàng Cóc quay trở về, nhưng giữa đường gặp một câu vồng chắn lối. Câu vồng hỏi:

- Này, anh chàng kia, đi đâu về mà lấm mồ hôi, mồ kê thế?

- Tôi vừa giết hai tên Dơ-róc và Dơ-rây về đây.

- À, ra mày vừa giết em tao?

Nói xong Cầu vòng xông vào, dùng lửa đốt chàng Cóc. Cóc hóa phép ra nước chống lại. Đánh được ba ngày, cả hai đều nghỉ tay. Một con chim cú cu bay tới đậu vào vai chàng Cóc và cất tiếng gáy “cúc cu”. Cóc vuốt ve chim:

- Ta mệt lắm, ta sắp chết rồi, chim còn hót làm chi nữa?

- Anh hãy cho em ăn, em sẽ bày cho cách giết Cầu vòng.

Cóc lấy mấy hạt gạo cuối cùng của mình cho chim ăn. Chim ăn xong, bảo:

- Cầu vòng thích nghe kể chuyện. Anh cứ kể chuyện thật hay. Khi nó mê đi, anh sẽ chém được nó.

Theo lời chim, Cóc bắt đầu kể chuyện. Mặt trời xua mây đi, núi đứng lặng yên, suối chảy chậm lại để nghe cho rõ. Cầu vòng cũng xếp guơm đao lại, đến sát bên chàng. Hấn há hốc mồm mà nghe, mắt dờ ra như mắt người chết. Nhanh như chớp chàng Cóc chặt một nhát đứt ngang Cầu vòng. Cầu vòng đổ xuống một tiếng “ầm”. Và trong cổ nó thòi ra một cái bình.

Chàng Cóc cầm lấy bình, rồi bước qua xác Cầu vòng mà đi. Được một đoạn, anh gặp hai hàm răng khổng lồ mở ra chắn lối, như một cái hang đá. Hàm răng hỏi:

- Mày đi đâu về?

- Ta vừa giết Cầu vòng về đây.

- À, té ra em tao bị mày hại rồi?

Hàm răng xông tới định nhai nghiền chàng Cóc. Hai bên đánh nhau suốt ba ngày đêm, hết đánh nhau dưới nước, đánh

trên bộ, lại quẩn nhau lên trời. Cả hai đều mệt. Lúc họ nghỉ tay, con chim cu mách bảo chàng:

- Cái Hàm răng ma đó bằng xương rất cứng, không chém được đâu. Hãy lấy lửa mà đốt.

Cóc liền đốt cháy cả một khu rừng. Chẳng mấy chốc Hàm răng ma bị đốt ra tro. Trên đường về, Cóc lại gặp một thằng bé cầm dao ra chặn đường, hỏi:

- Anh này đi đâu về?

- Ta vừa đốt hàm răng ma về đây.

- À, ra mày vừa hại anh tao, tao phải trả thù.

Nói xong hắn vác lao đâm Cóc, Cóc rút gươm chém, nhưng thằng bé nhanh nhẹn lạ thường, không thể nào chém trúng được. Chim cu bay qua liền nhắc:

- Anh lấy cái bình của Cầu vồng mà hút nó vào.

Quả nhiên, chàng Cóc vừa giơ cái bình ra, thằng bé đã bị hút vào bình, chết ngạt trong đó.

Sau khi thắng năm đứa con Trời hung ác, chàng Cóc mới về tới quê nhà. Lúc này xóm làng chàng đã xơ xác, nương rẫy đã tan hoang. Chàng liền hóa phép làm cho mọi vật tươi tốt trở lại và xóm làng giàu đẹp hơn xưa.

Sau đó chàng Cóc lại đến gặp lại làng Vu Dơ-ria và cưới hai cô gái đẹp làm vợ.

Sự tích Tháp Bà

Khi cô Huệ vừa lớn lên thì cha mẹ qua đời, Huệ phải bỏ nhà đi tha phương cầu thực. Về sau Huệ lưu lạc đến kinh thành Đông Đô. Nhờ có giọng hát hay nên làm nghề đào hát.

Đào Huệ nổi danh tài sắc nên được nhiều vương tôn công tử gắm ghé, nhưng không muốn lấy chồng, định ở vậy theo đuổi nghiệp cầm ca.

Khi Đông Đô bị giặc Minh chiếm đóng, dưới sự cai trị khắc nghiệt của chúng, dân tình hết sức lầm than: nào sưu cao thuế nặng, nào phải mò ngọc trai dưới biển, lên rừng tìm ngà voi, tê giác dâng cho chúng, đào Huệ xót thương cho đồng bào bị áp bức, nhưng cô cũng chẳng làm gì được.

Lúc ấy, Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn được dân chúng trong nước theo về rất đông. Được ít lâu, cô đào Huệ mở một quán rượu tại kinh thành. Quân sĩ nhà Minh hằng ngày lui tới rầm rập. Không ít người nguyên rửa cô: “Rõ xương ca vô loài, không biết nhục lại còn làm thứ để cho bọn giặc mua vui!”

Nghe vậy, nhưng cô đào Huệ vẫn bỏ ngoài tai.

Lúc đó quân Minh thua trận ở Tuy Động, Bồ Cô, kéo về Thăng Long rất đông, thường đêm chúng kéo đến quán rượu của cô đào Huệ ăn uống ca hát. Là cô gái có sắc, có duyên lại

chưa có chồng, nhưng chưa một tên tướng giặc nào chiếm đoạt được cô đào hát tài danh ấy.

Đêm đó, trước giờ nghia quân Lê Lợi tiến đánh thành Đông Đô, hàng đám quân Minh vẫn đang say khướt trong quán của cô đào Huệ. Rồi trên sông Nhị người ta thấy nổi lên những bao tải buộc kín trong đó có xác bọn giặc Minh.

Ngày nghia quân vào giải phóng thành Đông Đô, cô đào Huệ bị quân giặc giết chết.

Sau khi đuổi được quân Minh ra khỏi nước Nam, Lê Lợi lên làm vua, trong dịp khao binh, thưởng tướng nhà Vua phong cho cô đào Huệ làm “Phúc Thần Kiến Quốc Trinh liệt phu nhân”. Dân chúng nhớ ơn đã lập đền thờ bà ở huyện Thọ Xương, tục gọi là đền Đông Hương.

Bấy giờ mọi người mới biết cô đào Huệ đã bí mật giúp nghia quân lấy tin tức của giặc, giết và cho trôi sông nhiều quân nhà Minh khi chúng say khướt trong quán rượu. Khi chúng phát hiện ra đã không ngần ngại giết chết cô đào tài sắc đã làm chúng mê một thời.

Nơi thờ bà được gọi là tháp Bà, hằng năm cúng tế rất linh đình, nhưng dân chúng không bao giờ dùng hoa huệ, tức là tên tục của Bà.

Trương Chi My Nương

N gày xưa có anh Trương Chi, người thì rất xấu nhưng hát lại rất hay. Cô My Nương mới ở lầu Tây... Câu hát đã quá quen thuộc với người Việt Nam. Chẳng ai biết câu chuyện tình ấy xảy ra từ thời nào, nhưng ai cũng biết My Nương là con gái quan tể tướng. Nàng tiểu thư xinh đẹp ở nơi lầu son gác tía, nhưng vì bị “cấm cung” trong một ngôi lầu ở bờ sông nên thường tơ tưởng vãn vơ. Bấy giờ, có một chàng trai con nhà thuyền chài, tên là Trương Chi, cứ ngày ngày đến thả lưới ở khúc sông đó. Chàng có tiếng hát rất quyến rũ. Mỗi khi chèo thuyền, tiếng hát của chàng cất lên vang vọng làm cho My Nương nghe mà mê mẩn. Có một dạo, Trương Chi không đến đánh cá ở khúc sông đó, My Nương trở nên sầu tư. Ít lâu sau, chàng lại đến, My Nương lại vui vẻ mở cửa sổ trông xuống và lắng nghe tiếng hát. Dần dần nàng say mê tiếng hát của anh chàng nên đã mắc bệnh tương tư, thuốc thang chữa mãi không khỏi. Cả nhà lấy làm lạ và lo lắng vì bệnh ngày một nặng. Quan Tể tướng tra gạn, biết chuyện bèn cho người đi gọi Trương Chi vào dinh.

Vừa thấy mặt chàng, Tể tướng đã nổi giận: “Một kẻ nghèo hèn, xấu xí như thế này mà lại làm cho con gái ta phải tương tư hay sao?”. Nói rồi ngài đuổi thẳng Trương Chi ra khỏi dinh

và còn cảm chàng không được bén mảng đến khúc sông trước lầu Tây.

My Nương vốn khao khát muốn gặp chàng, nhưng vừa trông thấy Trương Chi, nàng ôm mặt kêu lên: “ông anh sao khéo trêu người, người có giọng hát mê hồn ấy lại là chàng trai đen đui, xấu xí này sao?”

Trương Chi bị đuổi ra khỏi khúc sông quen thuộc, nhưng từ khi thấy My Nương chàng lại tương tư, ngày đêm mơ tưởng đến người đẹp ở lầu Tây. Tiếng hát của chàng vẫn quyến rũ nhưng có phần hồn tử, ai oán. Giận cho duyên phận hẩm hiu, chàng nhảy xuống sông tự tử. Hồn Trương Chi nhập vào cây bạch đàn được quan Tể tướng vô tình mua về, sai tiện làm bộ đồ trà cho con gái. Mỗi lần rót nước vào chén, My Nương thấy hiện trong đó bóng dáng anh chàng đánh cá ngày xưa và văng vẳng đâu đây tiếng hát mê hồn của chàng. My Nương cầm chén, nhớ đến chuyện cũ rung rung giọt lệ. Khi những giọt nước mắt của My Nương rơi vào, tự nhiên cái chén cũng tan ra nước.

Tích núi Bà Đen

Ngay xưa, núi Bà Đen gọi là núi Một. Trên đó có một tượng đá rất linh thiêng. Người Việt Nam, Cao Miên, Chăm... xúm nhau dọn đường để lên cúng Phật. Họ phải đi từng đoàn vì dọc đường cộp beo rất nhiều.

Thuở ấy Lý Thị Thiên Hương là cô gái văn hay, võ giỏi gốc ở Trảng Bàng (Tây Ninh). Thuở nhỏ nước da của cô đen đúa nhưng lớn lên trở nên xinh đẹp.

Mỗi ngày rằm, cô đều lên núi lễ Phật. Trong làng có một chàng thanh niên tên Lê Sĩ Triệt đem lòng yêu mến cô.

Một hôm, viên quan Cao Miên ra lệnh cho tên võ sư bắt cô về làm thiếp. Lúc cô Lý Thị Thiên Hương bị tên võ sư nọ đánh bại, bỗng nhiên Lê Sĩ Triệt xông ra cứu được. Về nhà, cô thuật lại cho cha mẹ hay và Lê Sĩ Triệt cũng tới thưa chuyện với ông bà xin cưới cô làm vợ. Cha mẹ cô đồng ý, định chọn ngày lành tháng tốt làm lễ thành hôn cho hai người. Nhưng lúc ấy nhằm lúc Võ Tánh chiêu binh giúp Gia Long đánh quân Tây Sơn, Lê Sĩ Triệt tòng quân nên đám cưới đành hoãn lại.

Một hôm, Thiên Hương đang lễ Phật ở trên núi thì bọn cướp từ Cao Miên kéo sang bao vây chùa. Nàng phải chạy vào rừng và mất tích luôn.

Qua đời Minh Mạng, có vị hoà thượng trụ trì trên ngôi

chùa ở vùng núi Tây Ninh. Một h

ôm đang niệm Phật, sư cụ thấy một cô gái có nước da đen đúa nhưng xinh đẹp hiện ra nói văng vẳng:

- Ta là Lý Thị Thiên Hương, khi mười tám tuổi bị bọn cướp rượt ở núi Một nên té xuống hố mà chết. Nay ta đắc quả rồi. Hoà thượng nên xuống triền núi phía Đông Nam tìm thi hài ta mà chôn cất dùm...

Đúng như lời, hoà thượng tìm được xác của cô đem chôn cất. Vì tiếng đồn, vài người Cao Miên đến coi đám ma nọ nhưng vừa tới là họ hộc máu ngã chết.

Quan Thượng quốc công Lê Văn Duyệt bèn lên núi để biết hư thực. Ngài hứa dâng sớ vào triều để truy phong cô Thiên Hương nếu cô làm thế nào cho ngài thấy tận mắt sự hiển hách. Thiên Hương bèn nhập vào xác một đứa con gái đang đứng trước mặt quan Quốc Công và nói:

- Hồn của thượng quan nay mai được thăng chức "Thần kỳ linh hiển" nhưng xác của thượng quan phải bị hành hạ.

Quan Thượng quốc công Lê Văn Duyệt nói:

- Bốn chức không cầu xin biết tương lai của mình. Bốn chức muốn biết rõ căn do của nàng.

Cô gái bèn rơi nước mắt thuật lại việc chết oan của mình và nhắc lại duyên tiền định với Lê Sĩ Triệt. Quan Quốc Công không khỏi giật mình: Lê Sĩ Triệt là một võ tướng, theo Võ Tánh thời Gia Long. Sau khi thành Bình Định thất thủ, Võ Tánh bị chết, ông cũng tuần tiết theo. Sau đó đã được phong chức Thần tướng. Cô gái lại cho biết thêm: Vì muốn trường sanh bất tử nên hai người không chung chăn gối với nhau.

Nhờ vậy nàng đắc đạo và được phép xuống cõi trần để cứu dân độ thế.

Dứt lời, cô gái nọ nhào ngựa, bất tỉnh nhân sự hồi lâu mới tỉnh.

Quan Thượng Quốc công bèn thay mặt nhà vua mà phong Lý Thị Thiên Hương chức vị “Linh Sơn Thánh mẫu” ngự ở núi Một, tức là núi Bà Đen bây giờ.

Quan Âm tái thế

Ngày xưa tại chùa Phước Thọ có một ni cô trẻ đẹp, pháp danh là Tuệ Không. Đã đẹp về sắc ni cô Tuệ Không lại là bậc văn hay chữ tốt ít kẻ nam nhi nào sánh bằng.

Bởi vậy chùa Phước Thọ không lúc nào vắng bóng người đến chiêm ngưỡng tài của ni cô.

Người ta tranh nhau đến xin tranh, xin chữ viết, nhưng ni cô Tuệ Không chẳng tặng cho ai cả chỉ để họ xem tại chùa rồi thôi.

Nhiều người vì ngưỡng mộ tài đức của ni cô nên tặng vàng bạc rất nhiều, trước sau ni cô đều từ chối, không nhận.

Một hôm ni cô Tuệ Không dời khỏi chùa Phước Thọ đi ra ngoài ngoạn cảnh. Giữa đường ni cô gặp một lão ăn mày kêu van xin ăn. Ni cô muốn giúp đỡ lão ăn mày, ngặt vì không tiền, cũng không có cơm gạo mang theo. Rốt cuộc ni cô đành hẹn với lão ăn mày ngày mai đến chùa sẽ được giúp đỡ.

Hôm sau, lão ăn mày y hẹn đến chùa Phước Thọ tìm Tuệ Không. Ni cô trao cho lão những chữ viết rất đẹp của mình và bảo:

- Cụ cứ cầm tờ giấy có chữ viết này đến các nhà giàu mà bán tức được nhiều tiền, khi nào hết cụ lại đến đây.

Lão ăn mày nghe theo lời của Tuệ Không đem mảnh giấy có chữ viết đi bán, nhiều người tranh nhau mua nên bán được giá cao. Lão lại đến xin ni cô chữ viết nữa, ni cô sốt sắng đem cho. Nhiều lần như vậy, lão ăn mày trở nên giàu có, thừa ăn thừa mặc hưởng cảnh ấm no. Bấy giờ lão mới nghĩ đến sự đền ơn, đáp nghĩa ni cô. Lão dựng lên một cái thảo lư ở ngoài cửa tam quan chùa Phước Thọ, xin làm thủ hộ, ngày lo quét dọn trong chùa.

Trong làng, có kẻ thổ hào mạnh tâm muốn chọc ghẹo ni cô, đã nhiều lần bị ni cô cự tuyệt nên hấn đâm ra thù oán, bèn ngầm mướn một bọn côn đồ, chờ cơ hội làm nhục ni cô.

Một hôm, Tuệ Không đi vào núi để tìm rễ cây làm thuốc. Thừa dịp này bọn côn đồ men theo. Đợi đến quãng vắng, chúng liền ủa ra bao vây, đùa cợt rất là xàm xỗ. Một mình ở giữa chỗ vắng vẻ, ni cô biết mình khó thoát khỏi tay bọn chúng, nên đem lời phải trái khuyên lơn chúng không nên làm điều sai quấy. Nhưng bọn chúng toàn là kẻ vô lương còn biết gì phải trái. Đã không nghe lời khuyên lơn, chúng lại còn đâm ra khinh nhờn, dứu nắm tay, dứu nắm chân, dứu toan giở trò cường hiếp. Ni cô chống cự gần đuối sức, tưởng đã bị ô nhục, rất may vào lúc đó, lão ăn mày chạy đến, dùng gậy đánh lại bọn côn đồ. Nhờ liễu chết và lòng quả cảm nên lão ăn mày đánh đuổi được bọn chúng, đưa ni cô trở về chùa bình yên vô sự.

Từ đó, lão ăn mày luôn lo công quả cho chùa và hết lòng bảo vệ ni cô, thành ra tên thổ hào và bọn côn đồ không dám giở trò gì nữa cả.

Tục truyền rằng, ni cô Tuệ Không là Quan Thế Âm tái thế còn lão ăn mày là một vị hộ pháp hóa kiếp.

Chiếc bầu nước của Ròng

Có hai anh em nhà kia mồ côi cả cha cả mẹ từ lúc còn nhỏ tuổi. Bố mẹ quá nghèo, chết đi chẳng để lại ruộng nương vườn tược gì, nên chúng phải sống rất chật vật, không nơi nương tựa, phải kiếm ăn bằng nghề chăn bò thuê, hoặc lên rừng kiếm củi, bẫy thú rừng đem bán lấy tiền sống qua ngày.

Cùng con một nhà, cùng sống nghèo khổ như nhau nhưng hai anh em lại mỗi người một nết. Người anh thì lười biếng, ngày làm ngày chơi. Được ăn một bữa no là lăn ra ngủ suốt ngày. Trái lại, người em thì siêng năng chăm chỉ làm lụng vất vả suốt ngày không kể nắng mưa gió rét. Ngày ngày, người em đi chăn bò thuê cho nhà chủ ở trong làng, chiều về lại hái củi trên rừng đem bán. Với bà con làng xóm, người em đối xử rất chân tình, sẵn lòng giúp mọi người khi họ cần đến.

Một hôm người em lên rừng thăm bẫy. Bẫy hôm ấy chỉ mắc một con chồn nhỏ. Anh mang chồn về định làm thịt như mọi ngày, thì con chồn bỗng cất tiếng nói:

- Anh ơi! Anh đừng giết tôi, nếu anh cần tôi sẽ giúp anh mọi việc.

Nghe chồn nói, anh vô cùng ngạc nhiên.

- Anh cần gì, tôi cũng sẽ giúp được - Chồn đáp - Tôi biết

hát, tôi còn gọi được những thứ mà anh ước muốn. Đoạn con chồn liền hát một bài cho anh nghe. Tiếng hát trong trẻo lạ thường. Tiếng hát êm ái du dương, lúc trầm lúc bổng như thác chảy, suối reo.

Hát xong, chồn nói tiếp:

- Anh hãy đưa tôi đi khắp các bản làng. Tôi sẽ hát cho mọi người nghe. Anh sẽ kiếm được tiền để sinh sống.

Chàng trai liền dắt chồn đi khắp các làng bản và nói cho mọi người biết rằng con chồn này biết hát, mọi người cười, tỏ ý nghi ngờ. Có một lão nhà giàu thách:

- Này anh kia! Nếu thật là con chồn của anh biết hát thì tôi sẽ mất cho anh bảy con bò.

Trước mặt mọi người, con chồn liền cất tiếng hát.

Thế là lão ta đã phải mất bảy con bò cho anh.

Cứ như vậy, ngày này qua ngày khác, anh dắt con chồn đi khắp nơi. Đến đâu chồn cũng hát và mọi người lại cho tiền hoặc đồ vật. Nhờ đó, cuộc sống của chàng trai chẳng những đỡ vất vả mà dần dần anh có đủ các thứ trâu bò, ruộng vườn, cây bừa.

Thấy người em làm ăn ngày một khấm khá, một hôm người anh sang lân la và hỏi chuyện. Người em thật thà kể lại hết đầu đuôi sự việc. Người anh thầm nghĩ, nếu anh ta có được con chồn, chắc sẽ chẳng phải làm lụng gì, chỉ cần ngồi đấy mà ăn. Thật sung sướng vô cùng. Hắn gạ gẫm người em mượn bằng được con chồn. Người em tốt bụng không nỡ từ chối dù đây là thứ giúp anh kiếm ăn hàng ngày.

Hôm sau, người anh dẫn con chồn đi đến một làng gần

đấy. Nét mặt hơn hở, hấn luôn mồm khoe với mọi người:

- Con chồn của tôi biết làm đủ mọi việc, nó lại còn biết hát.

Nghe vậy mọi người nóng lòng chờ con chồn hát. Một người đứng ra thách:

- Này anh kia! Nếu con chồn của anh biết hát, ta sẽ mất cho anh một chuồng bò, nhưng nếu anh nói dối đánh lừa mọi người tôi sẽ bắt con chồn.

Người anh hí hửng, quát lớn:

- Con chồn kia! Mà hãy hát đi để tao có một chuồng bò.

Nhưng con chồn lặng thinh. Anh ta quát đến lần thứ ba, con chồn cũng không hát. Mọi người cười ồ lên và mắng anh ta một hồi.

Vừa tức con chồn lại vừa thẹn, hấn đã đập chết con chồn và quăng vào bụi rậm chẳng để cho người khác bắt lấy. Sau đó, với nét mặt hăm hăm, hấn quay về nhà. Thấy anh về mà chẳng thấy chồn đâu; người em liền hỏi:

- Chồn đâu anh?

Người anh không kể rõ đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra mà lại quát mắng người em.

- Mà nói láo! Chồn đâu có biết hát. Tao đập nó chết và quăng vào bụi rồi. Nói rồi bỏ đi

Người em ngậm ngùi thương tiếc con chồn. Anh bèn đi tìm xác chồn. Sau mấy ngày trời tìm kiếm, anh thấy đồng xương chồn ở trong một bụi rậm. Anh liền mang xương về gọt làm một cái lưỡi câu và một cái lược. Hàng ngày, mỗi lần dùng

lược xương chôn chải đầu thì vàng bạc rơi xuống trước mặt, dùng lưới câu đi câu cá thì cá cắn rất nhiều. Mỗi ngày anh câu được hàng thuyền cá và “chải” được hàng bát vàng.

Thấy vậy, người anh lại hỏi mượn lược và lưới câu xương chôn. Người em vẫn vui vẻ cho anh mượn, nhưng mỗi lần người anh chải đầu chỉ thấy toàn bụi bặm, chấy rận rơi xuống. Mang lưới câu đi câu cá thì bị đứt dây mất luôn cả lưới, chẳng được con cá nào. Hấn tức giận sang mắng người em một trận, và nói lưới câu bị rơi xuống sông mất rồi. Lần này thì anh ra bỏ đi. không bao giờ quay trở lại.

Người em lại cất công ra sông tìm lưới câu. Tìm hết ngày này qua ngày khác mà không thấy. Một hôm, người em đang đi dọc bờ sông, bỗng gặp một bà cụ già tóc bạc phơ. Anh lễ phép chào bà cụ và hỏi:

- Chào cụ! Cụ già cả đáng được nghỉ ngơi, vậy mà còn vội vã đi đâu một mình ở chốn hoang vắng này.

Nghe anh nói năng lễ phép, bà cụ kể lại cho anh nghe là chồng cụ ở nhà bị lưới câu mắc vào cổ họng đã mấy hôm nay. Vì vậy, bà phải đi tìm thầy thuốc đến chữa.

Nghe xong, anh đoán có thể là lưới câu xương chôn mà anh đang tìm. Anh nói với bà:

- Bà yên tâm. Bà không phải đi đâu nữa. Cháu có thể chữa khỏi bệnh cho cụ ông.

Gặp người tốt bụng hứa sẽ giúp đỡ trong lúc đầu óc bối rối nên bà cụ rất vui mừng. Cụ liền giao cho anh một túi tiền, mời anh tìm mua thuốc giúp và hẹn anh sáng hôm sau bà sẽ lại đón cũng tại chỗ này, để đưa anh về nhà. Anh từ chối túi

tiền và nói rằng tiền thuốc không đáng là bao, xin cụ khỏi bận lòng.

Anh đi mua một quả trứng và một ít thuốc. Đúng sáng hôm sau, anh trở lại chỗ cũ đã thấy bà cụ đã chờ sẵn ở chỗ hẹn.

Thấy anh đến, bà cụ nói với anh là nhà bà ở dưới vực sông. Chồng bà là Rông. Mấy hôm trước đi kiếm ăn, cần phải lưới câu và mắc ở cổ họng.

Anh còn đang lúng túng chưa biết làm thế nào để xuống được vực thì bà cụ bảo anh nhắm mắt lại. Anh làm theo rồi bước theo bà cụ. Anh nghe bên tai tiếng nước réo ào ào. Một lúc sau bà cụ nói: “Đến nơi rồi, hãy mở mắt ra”. Anh mở mắt và thấy mình đang ở trong một lâu đài nguy nga tráng lệ, xung quanh là nước mênh mông. Đó là thủy cung, nơi Rông ở. Bà cụ đưa anh vào một căn phòng rực rỡ vàng son. Rông bị hóc lưỡi câu đang nằm cuộn tròn rên hừ hừ. Cổ Rông sưng to.

Biết là Rông cần phải lưỡi câu của mình do người anh đem đi câu cá làm đứt, anh liền bảo Rông ngửa cổ lên há mồm ra. Anh đập quả trứng vào miệng Rông. Trứng gà trơn làm cho lưỡi câu tuột ra khỏi cổ. Anh gấp lưỡi câu ra rồi bơi thêm ít thuốc.

Mấy hôm sau Rông khỏi hẳn.

Để tạ ơn chàng trai đã cứu mình, Rông đưa cho anh một túi cát và dặn: trên đường về nhà không được đổi tay xách túi cát. Rông lại cho anh thêm một bầu nước đựng ở sau lưng. Anh chào Rông rồi ra về.

Lần này, bà cụ lại bảo anh nhắm mắt lại. Vẫn nghe tiếng

nước réo rào rào. Khi mở mắt ra, anh đã thấy mình ở chỗ bờ sông hôm trước.

Trong phút chốc, anh quên bằng lời dặn của Rông. Càng đi túi cát càng nặng, mỏi quá, anh đổi tay xách túi cát. Về đến nhà, anh mở túi cát ra xem, thì cát vẫn nguyên cát, không biến thành vàng được. Khi đó anh mới nhớ lại lời dặn của Rông là không được đổi tay xách túi cát. Tuy vậy anh cũng chỉ tiếc rẻ đôi chút rồi quen ngay.

Còn bầu nước anh đem treo trên cột nhà, nhưng từ đó có điều lạ là: cứ mỗi khi đi đâu về tới nhà, anh thấy nhà cửa gọn gàng, quét dọn sạch sẽ, có sẵn mâm cơm với đầy đủ các món ngon rất ngon và nóng sốt. Anh phấn khởi mừng thầm nhưng cũng lo âu, vì không đoán được việc gì đã xảy ra khi anh đi vắng.

Một hôm anh dậy sớm giả vờ đi cày. Đi mới được nửa đường, anh quay lại, trèo lên gác bếp ngồi nhìn. Một lúc sau, tự nhiên bầu nước chao động. Người trong bầu nước lần lượt chui ra. Họ nói cười vui vẻ và chia nhau mỗi người một việc, kẻ quét nhà, nấu cơm, gánh nước, người thịt gà, thịt lợn, nấu rượu rất khéo. Anh sung sướng lắm. Nhân lúc mọi người đang mải mê làm việc, anh nhảy ào từ trên gác xuống. Những người lạ mặt vội chui vào bầu nước. Anh nhanh tay túm được áo cô gái xinh đẹp.

Nàng nhìn anh ngượng ngùng en then. Anh cầm tay cô gái chưa biết nói gì thì nàng đã nói, nàng là con gái Rông, xin được làm vợ anh. Đó cũng là ý muốn của cha nàng để đền ơn anh đã chữa khỏi cho ông căn bệnh hiểm nghèo.

Thế là từ đó anh đã có vợ. Hai vợ chồng sống đầm ấm và

hạnh phúc, nhưng chẳng được bao lâu thì tai họa ập đến.

Một hôm, viên quan hầu cận của vua đi săn qua đây. Gặp người vợ xinh đẹp của anh, bọn chúng ngẩn ngơ nhìn, ngắm rồi quay về tâu với vua. Nhà vua vốn rất ham mê sắc dục, nghe vậy liền ra lệnh cho bọn hầu cận bắt bằng được cô gái đem về.

Nhìn thấy sắc đẹp tuyệt vời của nàng, vua vô cùng sung sướng và lập tức phong cho nàng làm hoàng hậu. Anh chồng đi làm về chẳng thấy vợ đâu, nhà cửa vắng tanh vắng ngắt, đồ đạc bị lục phá tan hoang. Anh hỏi bà con láng giềng. Mọi người nói cho anh biết: vợ anh đã bị vua sai quân đến bắt mang về kinh đô.

Anh đau buồn và thương nhớ người vợ yêu quý vô hạn. Anh quyết tâm tìm vợ. Một hôm anh lên đường đi tìm vợ và mang theo một bộ da hổ rất đẹp của mình. Ngày này qua ngày khác, hết trèo đèo lội suối lại xuyên rừng, quần áo bị gai cào rách tả tơi, anh vẫn không nản chí. Gần đến kinh thành, anh khoác bộ da hổ vào rồi đi vừa đi vừa hát nghêu ngao. Bọn lính hầu nhà vua và các quan trong triều đình đổ xô ra xem. Thấy một người kỳ lạ múa máy hát hò, bọn chúng bò lăn ra cười. Cười chảy cả nước mắt. Các loài vật như gà, vịt, lợn, chó, trâu bò cũng xúm lại vểnh tai nghe, ra điều rất thích thú.

Về phần vợ anh từ ngày bị vua bắt làm hoàng hậu, nàng vẫn nhớ nhung chồng khôn xiết. Nàng chẳng nói chẳng cười. Tên vua đã tìm đủ mọi cách làm cho nàng cười mà nàng vẫn u sầu buồn tủi. Hôm ấy nghe nói có người hát hay múa giỏi ở ngoài đường, nàng cùng các cung nữ ra xem. Nàng nhận ra chàng trai đó chính là chồng mình. Nàng cười sung sướng.

Thấy nàng cười, vua mừng quá, liền nghĩ kế đoạt lấy chiếc áo da hổ của chàng kia để mặc và mua vui cho hoàng hậu. Vua tiến đến gần chàng trai và quát:

-Thằng ăn mày kia! Cái áo của mày có cái gì mà đẹp, có phép lạ gì mà làm cho hoàng hậu xinh đẹp của ta phải cười thế? Hãy đưa cho ta mặc thử.

Anh cởi áo cho vua. Vua mặc áo da hổ vào rồi cũng múa máy quay cuồng. Hắn tưởng rằng như vậy sẽ làm hài lòng người con gái xinh đẹp. Không ngờ “con hổ” vừa múa may, các con vật như voi, trâu, bò, chó, mèo liền xông ra quật, cào xé hắn. Vua chết ngay tại chỗ.

Hoàng hậu mừng rỡ đón chồng về triều trước sự ngạc nhiên của mọi người. Vì vua đã chết nên anh lên làm vua xứ đó.

Từ đó hai vợ chồng sống hạnh phúc và cùng nhau cai quản đất nước trong cảnh thanh bình.

Chàng Cóc lấy vợ tiên

Một hôm hai vợ chồng nhà nọ lên nương trồng bí. Trong túi hạt bí giống có một hạt to lớn khác thường. Họ trồng hạt bí đó ở một hốc riêng trước nhà. Hai vợ chồng quý cây bí lắm và hàng ngày chăm sóc rất chu đáo.

Cây bí lớn nhanh như thổi, chẳng bao lâu đã ra hoa. Nhưng sau bao nhiêu lần ra hoa, cây bí cũng chỉ đậu mỗi một quả. Quả bí lớn nhanh và rồi chín đỏ rất đẹp. Hai vợ chồng thích lắm. Những lúc rỗi rãi, họ lại ngắm nghía quả bí không biết chán.

Một buổi sáng, người chồng lên rừng kiếm củi. ở nhà người vợ thấy chẳng còn rau gì ăn bèn ra vườn hái quả bí về định bụng nấu canh. Khi bà đưa dao lên định bổ, tự nhiên có tiếng nói phát ra từ bên trong quả bí.

- Mẹ ơi! Mẹ bổ cẩn thận kẻo dao chém vào người con đấy.

Bà ngạc nhiên và sợ hãi, nhưng vẫn cẩn thận bổ đôi quả bí. Một con Cóc từ trong lòng quả nhảy ra, hỏi bà:

- Mẹ ơi! Hôm nay bố đi đâu hở mẹ?

Nghe Cóc nói tiếng người, lại nhận mình là mẹ, bà kinh hoàng, sợ hãi. Bà thầm khấn trời phật phù hộ. Bà đánh bạo nói cho Cóc biết bố lên rừng hái củi từ sáng sớm.

Giữa lúc ấy thì người chồng về đến nhà, bà vợ kể lại cho chồng nghe chuyện Cóc từ trong quả bí chui ra nhận làm con. Hai ông bà rất lấy làm sung sướng và thậm hiểu đó là phúc trời ban cho. Tuy là Cóc, nhưng cũng giúp được cha mẹ khỏi việc: Kiếm củi, đi nương, trồng bí,... việc gì Cóc cũng làm giỏi. Ông bà quý Cóc lắm, quý như con của chính mình đẻ ra.

Ngày tháng trôi đi. Hai vợ chồng nhà nghèo sống trong không khí gia đình đầm ấm. Mặc dù vậy hai ông bà vẫn không khỏi buồn tủi và xấu hổ khi nghĩ đến việc lấy vợ cho Cóc. Nuôi con lớn lên, người ta tìm cách dựng vợ gả chồng cho con, còn con mình là Cóc, biết lấy ai bây giờ.

Một hôm bà vợ phàn nàn với ông chồng.

Sao trời không ban cho ta đứa con tử tế, mà lại cho con Cóc. Rồi sau này không biết đời nó sẽ ra sao đây.

Đón được ý nghĩ của bố mẹ, Cóc nói:

- Bố mẹ đừng lo nghĩ quá nhiều. Rồi sau này con sẽ lấy được vợ.

Hai ông bà đang buồn tủi, nghe Cóc nói vậy, bà mẹ buồn cười và nói với Cóc:

- Ai chịu lấy con bây giờ?

Thấy mẹ buồn rầu, Cóc liền thưa:

- Mẹ ạ, rồi con sẽ tự đi hỏi vợ. Bố mẹ sẽ có một cô dâu hiền thảo xinh đẹp.

Nghe Cóc nói, cái mừng, cái tủi chen nhau trong ruột gan ông bà. Ông bà mong có đứa con dâu, nhưng lại rất khó tin lời ở Cóc.

Vài ngày sau, Cóc xin phép bố mẹ lên thiên đình hỏi con gái út của Ngọc Hoàng làm vợ. Bố mẹ Cóc hoảng hồn tưởng Cóc bị điên, nhưng thấy Cóc vật nài xin đi, chiều ý con ông bà cũng chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cho con đi. Ròng rã mấy ngày trời vất vả, vượt qua chín tầng mây, vượt các trạm gác nhà trời, Cóc đã lên được trên thiên đình. Đợi đến đêm Cóc rùng mình, làm cho nhựa Cóc bắn đầy giường Ngọc Hoàng nằm. Ngọc Hoàng đang ngủ bị nhựa Cóc dính đầy mình gây lở loét khó chịu. Bao nhiêu danh y khắp nơi đều được mời vào cung chữa cho Ngọc Hoàng, nhưng bệnh vẫn không khỏi. Ngọc Hoàng rất sợ về bệnh tật của mình, bèn phán rằng:

- Kẻ nào chữa cho ta khỏi bệnh, ta sẽ gả công chúa út cho.

Lúc ấy, Cóc mới đến thưa với Ngọc Hoàng:

-Kẻ hèn mọn này có thể chữa khỏi bệnh cho Ngọc Hoàng, chỉ mong ngài hãy giữ lời hứa.

Ngọc Hoàng thấy Cóc xấu xí đã định thôi, nhưng đúng lúc ấy thì mình mẩy ngứa ran không sao chịu được, Ngọc Hoàng liền phán:

- Ta xin hứa!

Ngài vừa nói xong, Cóc bèn kêu lên ba tiếng. Lập tức nhựa Cóc trên thân thể Ngọc Hoàng bay hết sạch. Cóc lại thè lưỡi liếm qua khắp người Ngọc Hoàng một lượt. Bệnh ngứa lở lui dần, vài ngày sau Ngọc Hoàng khỏi hẳn.

Khi bệnh đã lui, Ngọc Hoàng tráo trở không muốn giữ lời hứa. Vì Ngọc Hoàng nghĩ rằng con gái ngọc ngà của mình lại phải làm vợ anh chàng Cóc xấu xí thì vừa tội nghiệp cho con, lại vừa xấu danh tiếng cho mình.

Ngọc Hoàng nói với Cóc:

- Ta cảm ơn người đã chữa khỏi bệnh cho ta. Bây giờ, người muốn lấy bao nhiêu vàng bạc châu báu thì cho ta biết. Ta sẽ trả ơn người hậu hĩnh.

Biết Ngọc Hoàng bội ước, Cóc nhắc lại lời Ngọc Hoàng đã hứa.

Thấy khó nuốt lời đã hứa, Ngọc Hoàng bèn nghĩ ra một kế nhằm làm cho chàng Cóc không thể lấy được công chúa.

Ngọc Hoàng nói như quát:

- Nhà ngươi phải san phẳng ba quả núi trước mặt kia cho ta trong một buổi sáng. Nếu làm được, ta sẽ gả con gái cho.

Cóc ung dung nhận lời. Sáng hôm sau, trước mặt đông đủ các quan trong triều. Cóc hướng về phía ba quả núi cao sừng sững, hô lên ba tiếng. Ba quả núi rung chuyển ầm ầm sụt xuống bằng phẳng như một cánh đồng.

Rất phục tài Cóc, nhưng Ngọc Hoàng vẫn chưa chịu, ông ta lại quát:

- Nhà ngươi đã san phẳng rồi, giờ hãy đắp lại cao như trước.

Cóc lại hô lên ba tiếng, từ đám đất bằng phẳng, ba quả núi lại sừng sững mọc lên như cũ.

Ngọc Hoàng vẫn không chịu gả con gái xinh đẹp cho chàng Cóc xấu xí nhưng tài ba, nên lại đưa ra điều kiện mới. Ông ta lấy ba mươi ống hạt giống rau dền bảo Cóc đem gieo trên ba đám nương rất rộng, hẹn trong một buổi sáng phải xong.

Cóc đưa hạt giống đến mỗi đám nương rồi hô lên ba tiếng,

lập tức hạt ra đã rải đầy đám nương.

Ngọc Hoàng vẫn tiếp tục tìm cách thoái thác lời hứa ban đầu. Ông ta lại ra điều kiện thu hồi tất cả các hạt giống rau dền đã gieo ở ba nương trên, không được thiếu một hạt.

Một lần nữa chú Cóc khôn ngoan lại bình tĩnh trở lại. Chỉ trong giây lát, tất cả các hạt rau dền đã được Cóc thu hồi lại đầy đủ như cũ.

Ngọc Hoàng không thể từ chối được nữa, đành phải gả con gái cho Cóc.

Hôm đưa công chúa về nhà chồng, Ngọc Hoàng giao cho con một thanh gươm, một cái gậy và dặn khê:

- Trên đường đi, con hãy dùng thanh gươm và cái gậy này giết chết nó rồi trở về với cha.

Cóc dẫn vợ về nhà. Cóc nhảy lộp bộp đi trước dắt ngựa, còn nàng công chúa ngồi trên ngựa, ăn mặc lộng lẫy và vô cùng xinh đẹp. Đi được một đoạn đường, nhớ lời cha dặn, nàng đã rút gươm ra, nhưng nghĩ Cóc là người có tài, lại có công chữa bệnh cho cha, nàng liền trả lại gươm vào vỏ, tiếp tục theo Cóc về nhà.

Nói sao cho hết được nỗi vui sướng của bố mẹ khi thấy con đã lấy được vợ tiên. Bà con trong làng kéo nhau tới chúc mừng hai ông bà già và vợ chồng Cóc. Họ thậm khen chàng Cóc tài giỏi lấy được vợ đẹp, nét na, khen hai ông bà ở hiền gặp lành có phúc lớn.

Con nàng tiên thì rất buồn cho số phận mình phải lấy Cóc con, mặc dù nàng rất phục tài Cóc. Những ngày đình đám hội hè, trai gái trong làng bản và những đôi vợ chồng trẻ rủ nhau

đi chơi hội. Riêng nàng là gái có chồng mà phải đi một mình thui thủi.

Một hôm trong vùng mở hội đông vui lắm. Cóc bảo vợ đi dự hội trước, còn chàng sẽ ra sau vì còn đang bận chút việc. Nàng vâng lời ra đi. Khi vợ đã ra khỏi nhà, Cóc trút lột Cóc, hóa thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú và thắng ngựa đi dự hội.

Trong đám dự hội làng hôm đó bỗng dung xuất hiện một chàng trai khỏe mạnh, đẹp trai, thổi kèn rất hay, múa những điệu múa uyển chuyển, nhịp nhàng. Các cô gái làng nhìn chàng không chớp mắt và trong lòng thầm ao ước được kết duyên với chàng trai khỏe mạnh tài ba nọ. Vợ Cóc cũng say ngất nhìn chàng. Nàng vừa buồn tủi, vừa xấu hổ. Nàng mong muốn chồng mình được giỏi giang như thế.

Hội đã sang ngày thứ ba, nàng ngờ ngợ vì chàng trai kia đối xử với nàng rất đặc biệt, nhưng không thể tin đó là chồng mình. Giữa lúc ấy bà mẹ Cóc chạy đến tìm nàng cho biết: Không hiểu chồng con đi đâu mà trên giường chỉ có mỗi tấm da cóc xù xì. Nàng đã đoán ra phần nào nên vội vã quay về nhà để biết thật giả ra sao. Nàng chạy một mạch về. Chẳng thấy Cóc ở nhà. Nàng đem bộ da Cóc ra đốt và định bụng sẽ đi đón chồng về.

Khi da Cóc đã bị đốt, thì ở ngoài đám hội, chàng trai đang múa hát vui vẻ bỗng thấy người nóng ran. Biết là có điềm chẳng lành, chàng hốt hoảng chạy về nhà. Đẩy cửa bước vào, chàng thấy vợ đang đốt bộ da Cóc. Chàng dập ngọn lửa, đoạn ôn tồn nói với vợ:

- Em vội vàng quá. Giá như để lâu thêm ít nữa, anh sẽ lên ngôi trị vì xứ này. Anh chính là thần trên trời xuống làm con của hai ông bà nghèo khổ hiếm hoi kia. Bây giờ thì anh không thể lên làm vua được nữa. Thôi, em hãy đem chỗ da Cóc còn lại cắt làm bốn phần cho vào bốn cái chum, chôn ở bốn góc nhà.

Nàng vâng lời làm theo lời chồng dặn. Ba tháng sau, chàng bảo vợ đào chum lên. Bốn cái chum đầy ắp những vàng bạc. Họ chỉ giữ lại đủ sống, còn bao nhiêu đem chia sẻ cho dân bản.

Anh lười lấy vợ khi

Một bà mẹ goá nuôi hai người con trai đến tuổi trưởng thành nhưng cuộc sống vẫn cứ chật vật. Bà nghĩ: giá thằng anh cũng như thằng em thì đâu đến nỗi, đằng này vừa lười chầy thây lại ăn khỏe, thành ra một đứa làm, một đứa ăn nên chẳng làm sao mà dư dật được. Một đêm bà mẹ nằm mơ thấy một vị thần cao lớn khuôn mặt phúc hậu hiện ra và bảo rằng:

- Nay các con bà đã lớn hãy để cho chúng tự làm lấy nuôi thân. Hai đứa phải ra đi tự kiếm kế sinh nhai và tìm vợ. Những mỗi đứa phải đi về một hướng khác nhau thì mới hết cảnh đói nghèo.

Tỉnh dậy, bà ngẫm nghĩ, tuổi bà đã cao, mắt bà mờ, chân đi chậm, nay các con đi cả, lấy ai lo chăm sóc bà sớm hôm, lúc trái gió trở trời. Liệu hai đứa có kiếm ăn nổi không?

Sáng hôm ấy, bà gọi hai con lại kể rõ sự tình và bảo:

- Các con hãy nghe lời thân, lời mẹ mà ra đi để kiếm sống. Đi đường hãy cẩn thận, hãy chịu thương chịu khó. Có thể mẹ mới yên lòng, mẹ ở nhà có thể tự xoay xở được.

Nghe lời mẹ, hai anh em bịn rịn ra đi. Bà mẹ ngậm ngùi tiễn hai con ra đến ngã ba sông rồi nói:

- Hai nhánh sông này, một dòng trong một dòng đục. Dòng sông trong chắc là bắt nguồn từ một nơi rất xa và rất hoang vắng, qua nhiều ghềnh, nhiều thác mới đến đây. Còn dòng sông đục, chắc là ở gần đây có nhà cửa xóm làng, trâu bò tắm nhiều nên nước mới đục. Ai đi theo dòng sông này, chắc chắn chẳng mấy chốc sẽ gặp nơi có người ở. Các con mỗi người hãy đi theo một ngã. Bây giờ tùy các con chọn với nhau.

Người anh vốn lười biếng, hần nghĩ dọc dòng nước đục có nhà cửa, làng mạc, ta sẽ đi theo tới các vùng đó, kiếm sống cho đỡ vất vả. Hần nhanh mồm nhận đi theo dòng nước đục. Nói xong không kịp chào mẹ và em, hần xăm xăm ngược dòng nước đục ra đi.

Còn người em nghĩ, dòng suối trong có hoang vắng thật, nhưng với đôi bàn tay chăm chỉ, với sức lực khoẻ mạnh của mình, ta sẽ khai khẩn đất đai cày bừa, lập làng lập xóm. Cuộc sống sẽ khấm khá lên. Anh rất tin ở sức mình. Anh chào mẹ và hăm hở ngược dòng sông trong.

Ngày này qua ngày khác, gặp thú dữ, anh giết thú giữ rồi lại đi tiếp. Gặp suối sâu rừng rậm, anh mở lối đi. Mặc đói, mặc rét, anh vẫn không hề nản chí. Đến một vùng kia, anh bỗng gặp một con sâu nằm ở giữa đường. Thấy sâu bé nhỏ, anh không nỡ bước qua. Anh nhặt con sâu để sang bên đường, vì sợ trâu bò hoặc thú lớn đi qua giẫm phải thì tội nghiệp nó. Anh định đi tiếp, nhưng cảm thấy hơi mệt vì đã đi từ sáng đến giờ chưa nghỉ, anh định bụng chỉ nghỉ một lát lấy sức, nhưng vừa ngồi xuống anh đã thiếp đi.

Tỉnh dậy, anh thấy mình nằm trong một toà lâu đài nguy nga tráng lệ, chăn đệm thơm tho, đẹp lộng lẫy. Anh bàng

hoàng, ngơ ngác cố nhớ lại quãng đường anh đã đi và những việc anh đã làm. Anh không thể giải thích tại sao mình lại vào một nhà giàu sang thế này. Anh toan bỏ chạy thì một cô gái xinh đẹp xuất hiện. Cô gái cười dịu dàng và nói với anh những lời rất thân mật và ân tình như người quen cũ. Cô gái ngỏ ý muốn được làm vợ anh.

Anh lại càng ngạc nhiên, chưa biết làm thế nào, thì cô gái lại nói tiếp:

- Em là con gái của Trời. Tấm lòng chân thật, đức tính cần cù, lòng dũng cảm và nỗi khổ của anh đã khiến cho thần cảm động. Các thần sai em xuống giúp anh. Em chờ anh đã lâu. Thấy một mình thân gái ngồi chờ không tiện, em hóa làm con sâu nằm ở trên đường mà hôm qua anh gặp đó.

Nghe cô gái nói rõ ngọn ngành, anh cảm thấy rất sung sướng. Nhưng nghĩ phận mình nghèo khổ, nhà cửa chẳng có, một thân một mình, biết đâu lấy nàng rồi lại làm khổ nàng. Anh nói với cô gái:

- Tôi nghèo lắm, khổ lắm, nhà cửa không có. Đồ cưới của tôi chả có gì, làm sao lấy được nàng.

Cô gái khuyên anh đừng lo gì. Đây là giang sơn của các thần. Từ nay anh muốn gì sẽ có thứ ấy.

Từ chối mãi không được, anh nhận lời lấy cô gái làm vợ và ở lại đó luôn. Hai vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc.

Nhưng chẳng bao lâu, vào một buổi chiều, nghe tiếng quạ kêu, nghe con chim chiền chiện hót véo von, anh bỗng nhớ quê hương, nhớ mẹ già da diết. Anh ngỏ ý với vợ muốn về thăm quê, thăm mẹ. Vợ anh bằng lòng và cùng đi với anh về

quê. Hai vợ chồng về đến quê nhà. Bà mẹ vẫn chờ các con từng ngày một. Cuộc sống vẫn hiu quạnh, khổ sở. Túp lều nhỏ dột nát hơn xưa.

Khi thấy các con về, bà mừng quá, ôm chầm lấy cô con dâu rồi bà oà lên khóc nức nở.

Nàng dâu rất cảm động liền hóa phép biến túp lều nhỏ bé thành toà nhà lộng lẫy nguy nga. Trong nhà, ngoài sân không thiếu thứ gì. Trâu bò, lợn, gà đầy chuồng. Mấy mẹ con sống sung sướng không ai bằng.

Nhưng rồi ít lâu sau nhớ tới người anh vẫn biệt tăm biệt tích, người em xin phép mẹ cho đi tìm anh. Mẹ anh bằng lòng.

Anh lại theo đường cũ ra đi. Đến ngã ba sông, anh ngược dòng nước đục đi mãi miết, bảy ngày sau anh gặp một con khỉ cái đang giặt ở bờ sông. Nhận ra một trong những cái áo đó là của mình, anh hỏi con khỉ:

- Đây là quần áo của anh tôi! Anh tôi ở đây à?

Khỉ chẳng nói chẳng rằng, nó chỉ nhe răng cười. Hỏi đến lần thứ ba cũng vậy. Anh tức quá liền đập chết con khỉ rồi lần theo dấu chân nó đến hang đá. Vừa bước vào hang anh thấy anh mình đang chơi đùa với một đàn khỉ con. Hai anh em gặp nhau, mừng mừng, tủi tủi, em hỏi anh:

- Chị đi đâu rồi?

Chị đi giặt ở ngoài bờ sông - anh trả lời.

Người em liền hỏi:

- Chị dâu đâu mà chị dâu. Em thấy một con khỉ cái đang giặt quần áo của anh. Em hỏi mấy lần nó chẳng nói, chẳng

rằng, lại còn nhăn nhó cười. Em đập nó chết rồi.

Người anh tỏ ý thương tiếc và bảo:

- Khỉ cái là vợ anh đấy. Em đập chết rồi, giờ còn đàn khỉ con này ai nuôi cho? Rồi người anh kể rõ sự tình.

Hôm cha tay với mẹ và em ở ngã ba sông, anh ngược dòng đục đi mãi, đi mãi. Đi bảy ngày liền, mỗi gỏi chôn chân, lương thực ăn đã cạn. Đường ngược dòng sông ngày càng hẹp lại và mất hút. Làng bản chẳng thấy đâu. Mệt quá, anh ngồi nghỉ ở ven sông. Đang mơ màng sắp thiếp đi, anh bỗng nghe những tiếng kêu chí choé như ai đang đùa ở đầu nguồn. Anh mở mắt ra, bỗng thấy ở khúc sông trước mặt một đàn khỉ đông đến hàng ngàn con đang tắm. Dòng sông đục ngầu. Thấy có người, đàn khỉ ngơ ngác nhưng chỉ thấy có một mình anh, dáng điệu mệt nhọc, bơ phờ, chúng không sợ. Chúng đùa giỡn dưới sông, chúng ném quả rừng vào anh tới tấp. Đói quá, anh nhặt quả ăn ngấu nghiến. Khỉ đầu đàn thấy vậy, ra hiệu bảo anh về hang. Thà đi theo đàn khỉ còn hơn chết đói. Anh nghĩ vậy và đi theo đàn khỉ về hang.

Đến hang rồi, khỉ đầu đàn ra hiệu muốn lấy anh làm chồng. Bí quá lại ngại đi nữa, anh đồng ý lấy khỉ làm vợ. Ngày ngày đàn khỉ vào rừng kiếm hoa quả về nuôi, anh thấy cuộc sống như vậy cũng được, nên đã sống với đàn khỉ cho tới khi em đến.

Nghe xong lời anh kể, biết được hoàn cảnh của anh, người em liền khuyên:

- Anh đừng lo gì, cứ về với em. Đàn khỉ con tự khắc sẽ sống được.

Hai anh em đưa nhau về nhà. Về đến nhà thấy không còn nhà cửa là túp lều nữa mà là một toà lâu đài tráng lệ, mẹ vẫn khỏe mạnh, người anh rất vui mừng và thán phục em.

Được vài hôm, đàn khỉ lần theo dấu vết, kéo đến nhà hai anh em. Chúng mang theo đá cục, gây gộc định đến báo thù cho khỉ đầu đàn.

Thấy đàn khỉ kéo đến, người em chạy ra đóng cổng lại rồi bày ra giữa sân hàng chục chum rượu, lại đem một tổ ong bỏ về và một ổ rắn ra đặt ở đó. Xong xuôi, cả nhà leo lên gác, đóng kín cửa lại.

Đàn khỉ phá cổng ừa vào. Thấy thức ăn bày sẵn chúng xúm lại tranh nhau uống rượu chí choé. Cả đàn khỉ say lảo lóc. Nhiều con không biết gì. Nhiều con ngứa ngáy chọc vào tổ ong. Có con nghịch ổ rắn. Thế là đàn ong bay ra đốt, rắn cũng xông ra cắn. Cả đàn khỉ, con thì lăn ra chết, con thì bị què. Bọn còn sống sót vừa hoảng sợ vừa tức tối, con nọ tưởng con kia tự đánh lẫn nhau rồi bỏ chạy.

Dọc đường, cả đàn gặp một con bò, chúng tranh nhau nhảy lên lưng bò. Có con leo lên đầu lên cổ, có con trèo lên bám lấy đôi sừng. Bò bị đàn khỉ những nhặng, quấy rầy rất khó chịu, khỉ bám đầy đặc làm bò không nhìn thấy đường mà bước. Bò tức quá liền húc chết đàn khỉ.

Từ đó khỉ không còn con khỉ dám đến quấy rầy hai anh em nữa. Và cũng từ đó người và khỉ không bao giờ lấy nhau nữa.

Sự tích cầu vồng

Khi yêu nhau, người ta cứ nghĩ chỉ cần ở bên nhau là đủ, ngoài ra không cần đến cái gì khác. Đôi bạn trẻ này cũng vậy. Ngày ngày họ rủ nhau đi chợ, đi hết nơi này đến nơi khác không chịu về nhà.

Đến khi tiền bạc đã tiêu hết không còn cái gì để ăn nữa, cô gái mới rủ người yêu về nhà mình, nhưng chàng trai không chịu. Vốn là con nhà khá giả, anh ta rất lười làm việc, ăn xong chỉ biết đi chơi, Anh ta nghĩ về cũng chẳng làm được việc gì, sợ dân làng chê cười. Còn người yêu của anh vốn xuất thân trong một gia đình nghèo, quen với lam lũ, nên cô chỉ muốn trở lại với quê nhà để đi làm nương, kiếm củi, chứ đi mãi như thế rồi cũng đến chết đói.

Rủ mãi người yêu không về, cô đành từ biệt anh ta rồi bỏ về nhà, trở lại cuộc sống làm ăn như cũ. Chăm chỉ đi làm nương rẫy, nhanh chóng ăn nên làm ra và quên đi cái thói lêu lổng lười biếng và quên luôn cả người yêu cũ.

Một hôm bỗng nhiên cô thấy người yêu của mình quay trở về và tỏ lòng ăn năn, hứa sẽ về làm ăn và ở với cô. Nghe anh thề thốt, cô tin ở sự chung thủy của anh ta. Cô chấp nhận lời hứa hẹn của anh. Từ đó hai người trở thành vợ chồng, sống với nhau. Tính chăm chỉ của người đã lười cuốn anh chồng.

Thời gian đầu, họ làm việc rất chăm chỉ, dân làng không còn ai nghĩ xấu về họ nữa.

Cuộc sống ngày một đầy đủ, thóc gạo, ngô ăn đã thừa nhiều lắm. Một hôm chồng lại bảo vợ:

- Mình làm như vậy đã thừa ăn, làm nhiều nhà cũng không có chỗ mà đựng - bây giờ ta đi chu du thiên hạ cho thoải mái một chút chứ, lâu quá, chỉ có vui đầu mà làm chẳng đi đâu được cả.

Vốn xót thương chồng, nể chồng nên cô gái nhận lời đi chơi.

Họ ra đi, không chủ tính đi về đâu mà chỉ biết là mang theo rất nhiều thức ăn. Họ cứ đi mãi, không kể ngày đêm và cái tật mãi chơi trở lại với họ. Đi xa lắm rồi. Thức ăn cũng đã hết. Bây giờ họ không biết tìm kiếm cái gì để ăn được cho qua ngày đoạn tháng. Họ đành dừng tạm túp lều để ở và phải đi tìm kiếm rau rừng để ăn cho qua bữa, qua ngày. Người vợ vốn rất thương chồng, đến bữa ăn lại dành hết miếng ngon cho chồng. Còn anh chồng thì lười chỉ biết ăn xong lại nằm. Cứ sống như vậy người vợ thấy khổ sở quá, có lúc cô muốn quay trở lại quê cũ nhưng lại sợ dân làng, bạn bè chê cười.

Người vợ chán nản và buồn bã lắm nhưng không biết làm thế nào, đành phải chịu ở với chồng.

Một hôm bỗng trời mưa to, gió lớn. Hai vợ chồng ở nhà. Đang lúc đó thì thấy một ông già chống gậy, đầu tóc bạc phơ, râu dài đến xin nghỉ trọ.

Người vợ thấy ngại vì thấy chồng mình lười, nhà cửa thì rách nát không có chỗ ngủ. Chị đang phân vân thì anh chồng

vốn đã lười biếng lại có tính kiêu căng, thấy ông già ăn mặc rách rưới, bần thủ anh ta không thèm trả lời và bảo vợ đuổi ông già đi.

Nghe lời chồng chị vợ nói với ông già là chồng không cho nghỉ vì nhà chật quá, ông già đáp lại:

- Ta là người trên Trời xuống đây để xem các người dưới trần gian ăn ở như thế nào? Đến đây ta thấy hai vợ chồng mày nghèo mà lười biếng không có ăn, nhà cửa lại rách nát và tính tình lại còn rất xấu, không có tình thương đối với mọi người. Ta sẽ trừng phạt hai vợ chồng mày.

Từ nay trở đi, chúng mày sẽ không được sống ở trần gian nữa. Ta hóa phép cho chúng mày biến thành cây cầu vồng sống lơ lửng trên trời. Khi trời vừa mưa vừa nắng mới được ra nhìn thiên hạ. Còn ngày thường thì phải chui vào trong mây mà ở. Nói xong, ông già biến mất.

Hai vợ chồng nghe vậy vừa sợ hãi vừa ân hận nhưng đã muộn rồi. Hai vợ chồng liền biến thành cây cầu vồng lơ lửng ở trên mây, mà nửa lơ mơ là người chồng lười biếng, kiêu căng, còn phần sáng đẹp là người vợ chăm chỉ, thương người nhưng chẳng may lấy phải anh chồng xấu nét.

Ngày nay, khi trời đang nắng lại mưa to thì ta thấy cầu vồng xuất hiện. Đó chính là hình ảnh của đôi vợ chồng bị trời trừng phạt.

Kiện trời

N gày xưa ở một làng nọ có đôi vợ chồng ăn ở rất hiền lành, làm nhiều điều phúc đức cho dân bản nên được mọi người quý mến. Mặc dù sống với nhau đã lâu và tuổi cũng đã cao, nhưng họ vẫn chưa có con.

Hai vợ chồng cảm thấy cô đơn. Lòng mong có đứa con trai nối dõi tông đường và đỡ dần lúc tuổi già làm họ nhiều đêm mất ăn mất ngủ. Nghĩ về cảnh hiu quạnh của tuổi già, hầu như họ chỉ còn biết lấy việc nhân nghĩa phúc đức làm nguồn an ủi duy nhất.

Một đêm bà vợ mơ thấy một ông già đem đến cho mình một quả đào ăn. Sang hôm sau tỉnh dậy bà thấy trong người khang khác và càng ngày càng thấy bụng to ra. Lúc đó bà mới biết là mình có mang. Hai vợ chồng rất lấy làm sung sướng, nhưng lạ thay bà có mang đã lâu mà mãi chưa thấy sinh con. Hai vợ chồng lo quá, cứ cầu Trời khẩn Phật để mau chóng được nhìn thấy mặt con.

Đã bao mùa ngô qua đi, giống lúa đã cấy xuống đất ba lần rồi mà bà vẫn chưa đẻ. Một hôm hoa đào nở rất đẹp, hai vợ chồng rủ nhau ra vườn xem hoa. Tự nhiên vợ kêu đau bụng rồi ngồi xuống gốc cây đào và đẻ ra một đứa con trai. Lúc đó đứa bé đã biết đi, biết nói và rằng cũng mọc đủ hết rồi. Hai vợ

chông lầy lậm lạ vừa xấu hổ vừa buồn, nhưng họ không bao giờ lộ vẻ buồn đó cho con biết. Họ rất mực quý con trai của mình, chăm sóc, dành dụm cho từng miếng ăn, manh áo cái quần.

Còn đứa con trai. Từ khi sinh ra suốt ngày ăn xong rồi ngủ, không chịu đi đâu và chẳng chịu làm gì cả.

Thấy con đã lớn dần mà cứ lười thế bố mẹ đâm lo ngại, không hiểu sau này nó sống làm sao?

Vào một năm nọ, trời hạn hán đã lâu, đất đai khô nẻ nước rất hiếm, cây cối tàn héo, trồng cây gì cũng không mọc được, trâu bò, lợn gà đã bắt đầu chết vì thiếu nước. Nếu trời cứ tiếp tục không mưa thì cả người cũng sẽ chết hết.

Một hôm, anh con trai nói với bố mẹ là để cho mình lên kiện trời. Bố mẹ nói với con:

-Từ bé con chưa đi đâu bao giờ, làm sao mà con đi lên đến tận trời được.

Mặc bố mẹ không bằng lòng, anh cứ nài nỉ đòi bố mẹ cho đi bằng được, anh nói:

-Con đi được. Bố mẹ đừng lo cho con.

Rồi anh bảo bố mẹ nói với dân làng vào rừng tìm cho anh một cây gậy gỗ thật tốt để chống dọc đường lên trời.

Bố mẹ anh nói điều mong muốn của anh với dân làng. Dân làng một lòng ra sức cùng nhau vào rừng tìm gậy tốt cho anh. Dân làng còn gói cơm, thịt và góp gạo đưa cho anh đi ăn dọc đường.

Khi nhận gậy và lương ăn, anh dặn:

Bao giờ tôi đi mòn hết chiếc gậy này thì sẽ trở về.

Anh đi, cứ hướng thẳng mặt trời mọc mà đi. Đi đến đâu anh cũng hỏi đường lên mặt trời, và ai cũng bảo anh đi thẳng hướng mặt trời mọc.

Anh đã đi không biết bao nhiêu tháng, năm, gậy đã mòn hết một nửa, gạo đem theo đã ăn hết.

Anh nghỉ lại ở một gốc cây ven đường nhìn thẳng về phía mặt trời lặn. Anh nhìn thấy mặt trời cứ càng ngày càng đi xuống phía núi rồi biến mất. Trời tối sầm lại. Anh mệt quá, ngủ thiếp đi. Trong đêm tối mơ màng, nửa tỉnh, nửa mê anh nghe tiếng ếch xanh kêu. Rồi tỉnh dậy anh thấy mình đang nằm trong một cái nhà nguy nga, lộng lẫy. Một ông già hiện ra trước mặt anh và ôn tồn nói:

-Con đã lên đến Trời rồi đấy. Con cần cái gì mà phải vất vả lên đây?

Anh đáp:

- Ở dưới trần gian bị hạn hán lâu lắm rồi, không có nước để cày cấy, đến nước uống cũng không tìm đâu ra, nếu ông không thả nước xuống thì dưới kia sẽ chết hết, mùi hôi thối bốc lên trên này ông cũng không ở được.

Nghe anh nói xong, ông già liền đi bắt cho anh một con ếch xanh và bảo:

-Con đem con ếch này xuống, khi nào không có nước nó sẽ kêu lên và ta sẽ thả nước xuống.

Anh nhận con ếch và lễ phép từ biệt ông già để trở về trần gian. Dem được con ếch xanh về đến nhà thì chiếc gậy của anh cũng vừa mòn hết, tóc anh đã bạc, cha mẹ anh không còn

nữa. Trời vẫn hạn không còn đủ nước uống, mọi vật trên trái đất đều đang ngắc ngoải.

Thấy vậy anh liền thả con ếch ra, ếch kêu lên ba tiếng, thế là trời tối sập lại. Một lúc sau mưa đổ xuống ầm ầm, nước ngập khắp nơi. Dân làng mừng lắm. Họ vô cùng cảm ơn anh và đổ ra đồng cày cấy.

Tất cả cỏ cây chẳng bao lâu đã xanh tươi trở lại như trước.

Sau khi đi lên trời trở về sức anh yếu dần, chẳng bao lâu thì anh mất. Trước khi chết anh còn dặn lại dân làng:

-Sau khi tôi chết đi, hãy trông coi con ếch xanh cẩn thận không ai được đánh giết nó và phải thả ếch xuống ruộng nước. Khi nào thấy ruộng cạn thì nó biết và kêu lên trời. Trời sẽ đổ mưa xuống.

Từ đó trở đi, cứ thấy ruộng cạn là con ếch xanh đó lại kêu lên và trời lại mưa xuống. Gặp con ếch xanh ở đâu mọi người đều quý nó, không ai đem đánh, giết nó và ăn thịt nó. Người ta bảo rằng hễ ai đánh con ếch xanh, nó kêu lên trời, trời nghe được, trời sẽ không đổ nước xuống.

Cứ nghĩ đến cảnh hạn hán khi xưa mà sợ vì thế không một ai dám đụng đến chú ếch xanh.

Sự tích sấm sét

Ở một vùng nọ, có một làng dân cư rất đông đúc, Họ cùng nhau làm nương, làm ruộng, chăn trâu, chăn bò, lấy củi, hái quả đắng sâm, hái nấm hương, mộc nhĩ. Cuộc sống thật yên vui, thanh bình.

Vào một năm, có hai họ rủ nhau đi phát nương chung. Đây là hai họ to nhất trong làng, họ cùng phát nương trên một mảnh đồi, phát được hai mảnh nương cũng to nhỏ khác nhau. Họ ít người phát được ít nương hơn họ đông người, nhưng đến khi chia nương để trồng ngô thì họ ít người lại muốn giành lấy phần nương rộng hơn. Hai họ đang thân mật với nhau, nhưng từ khi tranh nhau mảnh nương, hai họ trở nên bất hoà. Họ lánh mặt nhau, gặp nhau không chào hỏi.

Năm đó thời tiết thuận hoà. Mùa màng bội thu. Sau vụ gặt hái dân làng mở hội rất to. Trẻ, già, gái, trai ăn uống vui chơi thoả thích. Không khí của ngày hội đang tung bừng nhộn nhịp thì bỗng nhiên thấy hai họ trên lại to tiếng chửi mắng nhau. Nhiều người đến can ngăn, hoà giải nhưng không được. Họ nào cũng muốn giành phần thắng về mình.

Chiều đến, mặt trời sắp rơi xuống núi, dân làng bắt đầu rủ nhau ra về. Thời gian như thúc giục hai họ kết thúc cuộc tranh cãi. Bà con cũng xúm lại khuyên can nhưng lời khuyên

lúc này đối với họ cứ như dầu đổ vào lửa. Họ chẳng những không chịu hoà giải mà còn muốn giải quyết bằng một trận đánh nhau. Ngày hôm đó việc đánh nhau chưa được chuẩn bị, vũ khí chưa được mài sắc, các chàng trai cũng chưa sẵn sàng. Do vậy, họ đành giao hẹn sẽ đánh nhau một trận quyết liệt vào dịp khác, khi mà hai bên đã có sự chuẩn bị chu đáo.

Từ đó hai họ chỉ chú tâm vào việc chuẩn bị rèn dao, luyện võ chờ ngày sát phạt nhau, chẳng còn lo làm, lo ăn nữa.

Các bà mẹ cả hai họ đều lo lắng cho số phận của con trai mình. Họ chỉ sợ trường họ sẽ bắt con mình đi giết người và cuối cùng lại bị người giết.

Ngày tháng trôi qua. Lại một vụ mùa nữa được gặt hái. Dân làng lại mở hội mừng vụ mùa bội thu. Lần này hai họ không dự hội chung với dân làng. Hai trưởng họ đã hẹn nhau đến một thung lũng hoang vắng để quyết chiến. Họ nào cũng tin ở sức mạnh của họ mình. Người trong họ mang theo xôi, thịt rượu, chỉ chờ đánh thắng là tổ chức ăn mừng ngay tại chỗ.

Cuộc giao tranh đã kéo dài hai ngày mà không hề phân thắng bại, ánh lửa loé lên từ gươm giáo làm sáng cả vùng trời. Tiếng va chạm của các loại vũ khí ngày càng mạnh và càng dồn dập, tiếng la hét của mọi người tham gia giao tranh ngày càng ghê rợn. Những âm thanh hỗn độn đã làm mất giấc ngủ của vị thần thổ địa.

Cuộc giao tranh đang diễn ra ác liệt thì họ thấy một ông già lạ mặt người cao to, đầu bạc, râu dài chống gậy đến nơi giao tranh và nhìn cảnh đó với vẻ bức tức.

Ông già hỏi:

-Các người làm gì mà kêu la dữ dội làm mất cả giấc ngủ của ta?

Hai họ tranh nhau giải bày điều hay lẽ phải cho họ mình. Không cần nghe hết những lời nói quanh co của mọi người, ông già nói:

-Các người đã làm âm vang cả một khu rừng; đã làm đổ máu, như bắn cả mặt đất. Ta sẽ phạt các người. Từ nay các người không được sống trên đất này nữa. Các người sẽ phải chết đi và phải biến thành mây, thành gió. Thích đâm chém nhau thì lên đấy mà đánh, đừng làm ảnh hưởng đến người khác.

Nói rồi, ông già biến mất.

Hai họ lập tức biến thành mây, gió và chờ dịp quay lại đánh nhau ở ngay trên trời.

Ngày nay, mỗi khi trời sắp mưa, những đám mây đen lại kéo đến và sấm chớp nổ âm ầm. Tiếng sấm là tiếng kêu la của người hai họ; ánh chớp là ánh lửa toé ra từ những thanh gươm, thanh giáo của những người thích đâm chém nhau hơn là hưởng thái bình, no ấm..

Sự tích cây lúa

Ngày xưa con người sống rất khổ, họ không có áo mặc, không biết ăn cơm, mà chỉ ăn rau rừng, cỏ dại qua cho ngày đoạn tháng. Họ phải sống lang thang hết vùng này đến vùng nọ. Nơi nào có nhiều thức ăn thì họ dừng lều sống tạm ở đó. Khi hết thức ăn, họ lại đi nơi khác. Tuy vậy con người vẫn sinh sôi ngày một đông, trong khi đó thức ăn ngày một ít.

Vào một năm, thời tiết không thuận hoà, thức ăn ít hẳn đi nên kiếm ăn rất khó khăn. Nhiều người phải đi tìm thức ăn rất xa. Trong số đó có hai vợ chồng khoẻ mạnh rủ nhau đi đến một nơi thật xa để kiếm cái ăn. Họ đi đã lâu, chân đã mỏi, bụng đói cồn cào mà vẫn chưa tìm được chỗ nghỉ chân. Đến chiều, khi mặt trời sắp xuống núi, họ nhìn thấy một đàn chim bay rồi sà xuống một vùng cỏ nâu vàng. Họ đến đấy và dựng một túp lều nhỏ tạm trú chân ở đó.

Ngày ngày người vợ lên núi kiếm rau rừng, cỏ dại, còn chồng đi bẫy chim. Cuộc sống tạm ổn. Ngày nào cũng vậy, khi mổ những con chim bẫy được, họ thấy trong bụng nó chỉ có những hạt màu vàng. Con nào cũng béo tròn, thịt ăn lại thơm ngon.

Một hôm vợ nói với chồng:

-Mình thấy những hạt màu vàng này chim ăn được có khi người cũng ăn được đấy.

Chồng gặt đầu, tỏ vẻ đồng tình. Rồi họ ăn thử và thấy thơm ngon, ăn vào no lâu hơn rau rừng, ăn một thời gian, họ cảm thấy người khỏe hơn.

Hai vợ chồng ra rừng thử lấy những hạt đó về để dành ăn dần. Năm tháng trôi qua, người và chim ăn nhiều, những hạt màu vàng cũng ít dần. Hai vợ chồng thử trồng một ít những hạt vàng ở gần túp lều. Họ thấy những cây này càng ngày càng xanh tốt.

Đến ngày thu hoạch, họ thấy trồng một hạt mà thu lại một chùm hạt. Năm sau họ trồng nhiều hơn nữa. Từ đó hai vợ chồng ít lên rừng kiếm rau cỏ dại mà trồng nhiều hạt này để làm đồ ăn.

Vài năm làm thuận lợi, hai vợ chồng đã thu hoạch được nhiều hạt màu vàng. Ăn không hết, họ bàn nhau đưa những hạt đó về cho người quen cũ trồng.

Sau nhiều ngày vất vả đi tìm, cuối cùng họ tìm được người quen ở một vùng rất xa xôi. Hai vợ chồng kể lại cách làm ăn của mình trong những năm tháng xa cách và đưa cho mọi người những hạt vàng làm giống. Mọi người thầm cảm ơn hai vợ chồng sống phúc đức gặp may, tìm được hạt vàng để ăn thay rau rừng lại còn lấy được giống cho mọi người trồng.

Hạt vàng đó chính là hạt lúa chúng ta ăn ngày nay.

Chàng đi săn và nàng thủy tiên

N gày xưa, ngày xưa ở một làng nọ, có hai vợ chồng già sinh được ba người con trai. Khi các con lớn lên hai ông bà cho chúng đi học lấy mỗi người một nghề. Anh cả học nghề vẽ, anh hai học nghề văn, chàng út học nghề cung tên và thuật săn bắn. Cậu út ngày ngày mang cung tên vào rừng săn bắn.

Cách làng không xa lắm, có một khu rừng thiêng, không ai dám tới gần. Tương truyền rằng khu rừng đó là cửa rồng. Trong rừng có một dòng sông, bên bờ sông có một cái động rất đẹp. Rồng thường hóa phép thành người chờ ở cửa động. Có ai đi vào rừng, vô phúc lạc vào đó, liền bị rồng ăn thịt. Dân làng không ai dám đến khu rừng này để kiếm củi. Họ chẳng, có mấy anh em chàng thợ săn mãi đuổi theo con thú mới liều thân đi qua đó, nhưng họ chỉ đứng ở ngoài động không ai dám vào trong. Riêng có chàng út là không sợ. Chàng rất tin ở sức khỏe và tài cung kiếm của mình. Vì thế chàng vẫn đến khu rừng thiêng săn luôn.

Một hôm, như thường lệ, chàng đến săn ở khu rừng thiêng. Chàng ngồi trước cửa động, chờ thú đi qua. Bỗng có âm thanh

rất lạ từ trong động phát ra, nghe dịu dàng êm tai. Chàng nhìn vào động và vô cùng ngạc nhiên khi thấy một người con gái đẹp đang từ trong động bước ra. Đến tảng đá trước cửa động, nàng ngồi xuống rồi xổ mái tóc đen mượt, óng ả, dài như suối nước ra chải. Chàng đang mãi ngắm cô gái thì bỗng có tiếng sột soạt. Một con hổ dữ xuất hiện. Nhanh như cắt nó nhảy xổ đến vỗ cô gái rồi tha đi. Cô rú lên một tiếng kinh hãi, chàng trai liền giương cung bắn, mũi tên lao đi, cắm vào đầu con hổ. Hổ lăn ra chết. Cô gái được cứu thoát. Đó chính là nàng Thủy Tiên con gái rồng. Nàng nhìn quanh, nhưng không thấy người giết hổ cứu mình đâu cả. Thủy Tiên liền rút lấy mũi tên cắm ở đầu con hổ ra đem cất đi. Biết là chỉ có những người thợ săn giỏi mới dám đến đây, nàng tin rằng sẽ có dịp gặp lại họ để so thử mũi tên và từ đó tìm ra người bắn hổ, rồi nàng sẽ trả cái ơn to lớn đó. Thế rồi từ đấy, ngày nào nàng cũng ra tảng đá trước cửa hang ngồi chờ đợi.

Một hôm có một toán thợ săn đi qua đây, họ rất lấy làm lạ, khi thấy một cô gái dịu dàng, xinh đẹp ngồi trước cửa động. Cô niềm nở mời họ vào trong động chơi. Ban đầu, toán thợ săn còn ngần ngại, nhưng sau thấy là một cô gái xinh đẹp, dáng vẻ rất hiền dịu và lại, họ có đồng người, sẵn cung mạnh, tên bén, nên mạnh dạn theo nàng bước vào. Cô nói chuyện với họ rất vui vẻ. Trong khi đó cô vẫn cố lén so các ống tên của những người thợ săn, nhưng không có ống tên nào có mũi tên cắm ở đầu hổ mà cô vẫn giữ. Cô buồn lắm.

Toán thợ săn càng nói chuyện càng thấy mến cô gái. Họ không còn sợ nữa. Thế là thành quen, ngày nào đi săn qua đây họ cũng ghé vào động một lúc.

Câu chuyện về cô gái xinh đẹp nọ ngày càng lan rộng. Toán thợ săn rủ bạn đến ngày một đông hơn. Các chàng trai trong xóm biết chuyện cũng kéo đến. Lúc đầu họ sợ, sau quen dần. Nhiều chàng trai làng đâm ra mê cô gái và đến thăm cô luôn. Biết bao nhiêu thợ săn, biết bao nhiêu chàng trai cũng tới đây nhưng nàng Thuỷ Tiên vẫn chưa tìm được người chủ của mũi tên kia.

Nàng vẫn cố chờ đợi và nuôi hy vọng sẽ gặp được người thợ săn tài giỏi đó.

Lại nói về cậu út. Hôm ấy, sau khi bắn chết con hổ dữ, thấy cô gái dần dần tỉnh lại, chàng liền quay về nhà, không muốn để cô gái trông thấy mình. Nhưng vẻ đẹp và vẻ duyên dáng của cô gái kia đã xâm chiếm trái tim chàng. Lâu ngày không gặp nàng, chàng đâm nhớ nhung sâu nào.

Một hôm, chàng lại đến khu rừng ấy để săn. Vừa đến cửa động, chàng đã thấy một con sói to lớn, hung dữ lao vào cửa động, rồi một tiếng thét thất thanh vang lên. Con sói vụt lao ra, tha theo cô gái đẹp. Cây cung của chàng rất đặc biệt, ở cần cây cung của chàng có dính một cái lá non, trên lá khoét một lỗ nhỏ. Con thú chạy dù nhanh đến đâu, khi chàng đã ngắm qua lỗ lá non đó thì bao giờ mũi tên cũng trúng đích. Chàng giương cung, mũi tên bay đi cắm đúng đầu con sói. Nó ngã vật ra, thét lên một tiếng rồi chết. Cô gái dần dần hồi tỉnh, cô mở gói thuốc tiên đem theo xoa thuốc vào vết xây xước. Lập tức vết thương lành ngay. Cô gái trở lại xinh đẹp, dịu dàng như trước. Cô lại đưa mắt nhìn xung quanh. Nhưng người đã cứu nàng lại biến mất, không còn đâu nữa. Nàng đến chỗ con sói chết, rút mũi tên đem so, thấy giống nhau như tạc. Đúng

là mũi tên của người mà lần trước đã cứu cô thoát chết. Nhưng người đó là ai? Nàng để ý tìm, nhưng hình như người đó cũng đoán biết được ý định của nàng, nên đã biến đi rất nhanh.

Nàng Thuỷ Tiên lại ngày ngày ra ngồi ở tảng đá trước cửa hang. Vẫn chỉ có toán thợ săn và mấy chàng quen thuộc hay đi lại nơi đây.

Còn chàng Út, mặc dù rất muốn gặp Thuỷ Tiên, nhưng cũng như lần trước, chàng không muốn gặp cô sau khi vừa ra tay cứu cô thoát khỏi nhanh vuốt thú dữ. Ngày lại ngày, nỗi buồn nhớ cô gái xinh đẹp cứ vương vấn trong lòng chàng.

Một hôm, không chịu được nữa, chàng kể đầu đuôi câu chuyện cho bố mẹ nghe. Bố mẹ chàng không ngăn cản việc chàng đến khu rừng thiêng nhưng dặn chàng phải cẩn thận, vì biết đâu đó lại là rồng hiện lên để báo thù loài người. Vô tình không biết có thể bị hại, chàng lại đến gặp ông thầy dạy mình ngày xưa. Thấy đang trú ngụ tại một ngôi miếu cách làng không xa. Sau khi nghe chàng thuật lại việc hai lần gặp cô gái xinh đẹp trước cửa động trong khu rừng thiêng, thầy suy nghĩ một lát, rồi khuyên bảo:

- Con vẫn nên cẩn thận thì hơn. Có thể cô gái đó là con của rồng. Cô muốn gặp con để trả ơn đã hai lần cứu cô thoát nạn. Con cứ đi gặp cô ấy, nhưng đừng nên theo vào trong hang sâu làm gì. Khi gặp cô ta cười ngửa cổ lên, con để ý xem nếu thấy ở cổ có một ngấn trắng thì đúng cô ta là con của loài rồng.

Nghe xong lời thầy dặn, chàng mạnh dạn vào khu rừng. Lần này chàng đã gặp được cô gái. Thuỷ Tiên mừng lắm. Cô linh cảm rằng chàng chính là người đã cứu mình. Vì nàng nghĩ, người cứu mình chắc không thể đi lẫn vào đám đông

thợ săn, mà phải đi một mình, nên mỗi lần giết thú dữ cứu cô xong đã nhanh chóng biến mất, không gây một tiếng động, không để lại một vết tích gì. Nhìn chàng trai trẻ, khỏe, từ đôi mắt toả ra một sức mạnh và hấp dẫn kỳ lạ, nàng càng tin ở ý nghĩ của mình là đúng. Hai người nói chuyện với nhau rất vui vẻ. Chàng Út càng thấy mến cô gái. Dần dần không còn sự e dè, ngăn cách ban đầu.

Trong khi chàng trai mãi vui câu chuyện, Thuỷ Tiên đã lén rút lấy một mũi tên từ trong ống tên của chàng. Mũi tên của chàng giống hệt mũi tên của nàng đang giữ. Nàng so từ chiều dài đến đôi cánh tên nhỏ xíu, xinh xắn, đều giống nhau. Thuỷ Tiên vô cùng mừng rỡ nhưng nàng vẫn giữ kín niềm vui của mình, chưa muốn cho chàng trai biết.

Câu chuyện kéo dài đến chiều. Thuỷ Tiên mời chàng vào động chơi. Chàng đồng ý.

Trong động, cảnh trí vô cùng rực rỡ. Những nhũ đá đủ các hình thù. Nước từ nóc hang chảy theo những cột nhũ đá ấy nhỏ giọt tí tách đều đều. ánh nắng từ ngoài cửa hang phản chiếu vào tạo nên muôn ngàn màu sắc đen xen nhau long lanh kỳ ảo. Nền động sạch bong, thỉnh thoảng vài con dơi hốt hoảng bay vù ra. Hai người vẫn cứ vừa trò chuyện vui vẻ, vừa đi vào trong động. Vào đã sâu, chàng trai cảm thấy hơi rợn người và trong hang tĩnh mịch khác thường. Nhớ lời thầy dặn, chàng nhìn kỹ các ngách hang. Bỗng chàng thấy ở những ngách nhỏ có vô số những đầu lâu, xương người nằm lả lóc. Đó chính là xương của những người xấu số vô tình đi vào rừng bị rồng bắt đưa vào hang ăn thịt. Đã mấy lần chàng cố ý trêu đùa cho Thuỷ Tiên cười, nhưng nàng

rất giữ ý, chỉ hơi mỉm cười. Thấy không nên vào sâu quá, chàng lựa lời từ chối, nói khéo với Thuỷ Tiên:

- Hôm nay, tôi đến đây không xin phép mẹ cha trước, nàng hãy để cho tôi quay về. Hôm sau tôi xin đến chơi lâu hơn.

Thuỷ Tiên biết chàng trai còn e dè vì là lần đầu gặp nhau. Nàng rất muốn nói rõ cho chàng trai biết mọi việc, nhưng sợ nói ra chàng sẽ không trở lại nữa, nên đành hẹn hôm khác để chàng lại tới, hai người sẽ gặp gỡ nhau lâu hơn. Thuỷ Tiên lưu luyến đưa chàng ra cửa hang, bịn rịn chia tay với chàng.

Chàng quay về nhà, trong lòng đầy nhớ nhung, tâm tư như mối tơ vò, nhưng chàng không nói cho ai biết việc đó. Mấy hôm sau, nỗi nhớ cô gái lại dần vặt chàng hơn. Chàng lại đến khu rừng. Hai người lại gặp nhau. Nàng lại đưa chàng vào động chơi, lại qua những ngách hang đầy xương người đến một vũng nước sâu thăm thẳm. Chàng thấy rợn người, từng đợt gió lạnh rít lên ghê sợ. Mặt nước trong xanh phẳng lặng. Người yếu bóng vía, chỉ cần nhìn thấy cảnh ấy cũng đủ chết ngất. Hôm nay chàng vẫn cố ý trêu đùa, nhưng Thuỷ Tiên cũng chỉ cười dè dặt hoặc có cười to cũng rất kín đáo cúi xuống bụng miệng cười, nên chàng vẫn chưa được nhìn thấy cổ Thuỷ Tiên có ngấn trắng hay không. Trời đã về chiều, Thuỷ Tiên có ý mời chàng đi nữa, nhưng chàng lại hẹn hôm khác. Hai người đi ra hướng cửa hang. Thuỷ Tiên nhìn chàng, muốn thổ lộ nỗi lòng mình, nhưng lại sợ chàng nghe rồi không dám đến nữa, nên lại hẹn gặp chàng vào hôm sau.

Chàng Út quay về. Khung cảnh âm u tĩnh mịch rợn người

trong hang làm cho chàng lo ngại, nhưng chàng đã yêu cô gái đó. Tình riêng muốn tỏ với nhau mà chưa nói được. Lòng chàng day dứt. Rồi ngày hôm sau không kìm được nữa, chàng lại tìm đến gặp nàng Thuỷ Tiên lần thứ ba. Hai người gặp nhau, nhìn nhau say đắm. Thuỷ Tiên lại dẫn chàng vào hang. Đến bên vũng nước nọ, họ dừng lại. Hôm nay nàng rất vui. Chàng lại cố trêu đùa nàng. Nàng không còn e dè như ban đầu nữa. Trong giây phút say đắm nhất, nàng đã quên đi tất cả. Nàng nói cười to, ngửa cổ lên cười để lộ một ngấn trắng ở cổ. Chàng lại nhìn xuống đáy vũng nước. Tít dưới kia thấp thoáng vài bóng rồng to lớn, hung dữ lượn qua, lượn lại. Mặc dù rất say đắm nàng, không nghi ngờ về tấm lòng trong trắng hiền dịu của nàng, nhưng lời dặn của thầy là lời dặn bảo, là lời thề, chàng không thể phản lại được. Thế là chàng lại cáo từ ra về và hẹn Thuỷ Tiên một hôm khác sẽ trở lại gặp nàng. Thuỷ Tiên bịn rịn tiễn chàng ra cửa hang.

Mấy hôm sau, Thuỷ Tiên vẫn ra cửa hang ngóng đợi chàng Út. Nhưng chờ hoài, chờ mãi mà không thấy chàng trai đến. Hết hy vọng lại chờ đợi, nhưng nàng không bao giờ gặp lại chàng nữa. Nàng ân hận vì mình chưa nói được lời cảm ơn với chàng. Về thuỷ cung gặp vua cha thì nàng cũng chưa muốn, ý định đền ơn trả nghĩa cũng không thành.

Ngày này qua ngày khác Thuỷ Tiên vẫn chờ chàng. Nhưng đến một hôm, biết chàng không còn trở lại được nữa, nàng đành quay trở lại thuỷ cung kể hết mọi việc với vua cha. Nàng bảo vua cha hãy quên đi mối thù với con người từ xưa, vì con người rất tốt. Họ đã cứu nàng mà không hề đòi trả ơn.

Vua rồng nghe con thuật lại câu chuyện về người đã cứu mình thoát chết. Vua rồng xúc động và khâm phục việc làm tốt đẹp của con người. Từ đó rồng không bao giờ lên rình bắt người ở cái động nọ hoặc bất kỳ nơi nào khác. Mối thù xưa được cởi bỏ. Những người thợ săn và những chàng trai dưới làng đi qua khu rừng, vào hang thăm cô gái cũng không gặp lại nàng nữa.

Cái động nọ trở nên hoang vu. Nhưng cánh rừng thiêng đã thuộc về con người. Dân làng lại rủ nhau lên rừng kiếm củi bình thường.

Mặt trời và mặt trăng

T hửa xa xưa trời và đất ở rất gần nhau. Một ngày có bảy mặt trời mọc, một đêm mọc bảy mặt trăng.

Vì trời ở thấp nên vòm trời rất hẹp. Ngày và đêm đều rất ngắn, chỉ thoáng một cái mặt trời đã lặn. Loài người cây cỏ, muông thú phải chịu cái nóng như nung vào ban ngày, cái rét cắt da cắt thịt vào ban đêm... Cây cỏ thú vật chết khô chết khát. Công việc nương rẫy đều bỏ đấy... ngày và đêm quá ngắn. Làm chưa kịp xong việc gì thì trời đã tối, mới đặt lưng chưa kịp ngủ trời đã sáng. Con người chết dần chết mòn, những người còn sống sót thì khổ sở trăm bề, tưởng như không còn lối thoát.

Trước họa muôn loài đang bị diệt vong, trên trái đất bỗng xuất hiện một vị thần khổng lồ tên là ông Sáng. Bất thành linh thần đứng phắt dậy, đội bầu trời cao lên. Do thần đứng dậy nhanh và đột ngột quá, bảy mặt trăng và mặt trời ở trên cao giật mình, hồn xiêu phách lạc, rơi hết xuống hang sâu. Từ đó loài người và muôn vật lại chịu tai họa khác. Trời đất tối tăm mù mịt, không nhìn thấy gì cả. Cỏ cây không mọc được. Muông thú không đi kiếm ăn được, chỉ nằm đói chờ chết. Nỗi khốn khổ lại tăng lên gấp bội. Muốn đi gánh nước không thấy lối, muốn lên nương không thấy đường.

Một lần nữa thần lại hiện lên bảo loài người hãy đi tìm mặt trời, mặt trăng trở lại. Thế là mọi người kéo nhau đến nhờ chàng trai khỏe mạnh nhất, giỏi giang nhất vùng đi tìm.

Chàng trai khăn gói ra đi. Đi mãi, đi mãi đến tận cùng trời, cuối đất, đến vùng người gieo lúa mạch, đến vùng người trồng lúa mì... Chàng gặp ai cũng hỏi, nhưng họ cũng chẳng biết mặt trời, mặt trăng ở đâu. Chàng lại đến vùng biển rộng, hỏi những người làm nghề chài lưới, họ cũng không hay.

Mỗi gói, chồn chân, thức ăn cho ngựa cũng đã cạn nên chàng dừng chân nghỉ lại tại một vùng nọ. Chàng nhờ mèo đi tìm, mèo tìm không thấy. Nhờ chó đi tìm, chó cũng không chịu đi. Nhờ trâu bò, gà vịt, lợn... nhưng không con nào chịu đi cả. Chàng sai hết các con vật, nhưng không con nào tìm được mặt trời, mặt trăng.

Chàng lại tiếp tục đi. Tới một vùng ven núi đá vôi hiểm trở, trùng điệp, chàng gặp một con hổ. Chàng hỏi hổ:

-Hối ơi! Hổ có thấy mặt trời, mặt trăng ở đâu không?

Hổ trả lời:

-Lúc tôi nằm ở cửa một cái hang nọ, tôi thấy mặt trời và mặt trăng đều rơi xuống đấy. Nhưng hang sâu quá tôi không nhìn thấy gì. Ông hãy đi hỏi bìm bịp. Tôi vừa nhìn thấy nó ở dưới hang lên, chắc nó biết rõ hơn tôi.

Chàng cảm ơn hổ, rồi tìm bìm bịp và hỏi:

-Bìm bịp ơi, bìm bịp có thấy mặt trời và mặt trăng ở đâu không?

Bìm bịp liền đáp:

-Mặt trời và mặt trăng ở dưới hang sâu không thể lên được

nữa. Họ bảo vì rơi từ trên cao xuống nên đã mất hết hồn vía. Bây giờ chỉ có cách là anh gọi hồn cho họ thì họ mới có thể lên được.

Tìm được hang nơi mặt trời và mặt trăng rơi xuống rồi, chàng liền quay lại nói với mọi người. Cùng lúc đó thần lại hiện lên và mách rằng: “Bây giờ loài người hãy đem những con vật không chịu đi tìm mặt trời, mặt trăng ra làm thịt hết. Dọn thịt các con vật đó cho mặt trời, mặt trăng và gọi hồn cho họ thì họ mới lên khỏi hang được. Nhưng hãy nhớ là sau khi mặt trời và mặt trăng lên khỏi hang, thì lấp cửa hang lại ngay lập tức. Rồi giao mặt trời và mặt trăng đó cho trời cai quản. Trời sẽ giữ đủ ánh sáng cho ban ngày, ánh trăng cho ban đêm. Hơn nữa bầu trời đã nâng cao, ngày đêm sẽ dài hơn trước”.

Nghe lời thần, chàng trai cử người bắt gà, lợn, trâu, bò về làm thịt, bày thành mâm đặt ở cửa hang. Sau đó, chàng gọi hồn mặt trời và mặt trăng:

Lên đi mặt trời ơi

Lên đi mặt trăng ơi

Thịt rượu đầy núi đá

Chiếu rải khắp cửa hang

Mặt trời không lên không sáng

Trăng không lên không tỏ

Lên đi mặt trời ơi!

Lên đi mặt trăng ơi!

Lên đi mặt trăng ơi!

Cũng được một lúc, mặt trời và mặt trăng ló lên khỏi miệng hang, chàng trai liền gọi mọi người lấp cửa hang lại. Rồi chàng làm lễ giao một mặt trời và một mặt trăng ấy cho trời cai quản. Mặt đất lại được hưởng ánh sáng của mặt trời. Cỏ cây nảy lộc đâm chồi. Muông thú mừng vui, loài người trên khắp mặt đất mở hội ăn mừng.

Từ đó trở đi, trên bầu trời cao rộng chỉ có một mặt trời và một mặt trăng. Ban ngày, mặt trời đem ánh nắng sưởi ấm cho muôn loài. Con người có đủ ánh sáng để làm việc. Còn ban đêm, mặt trăng mang ánh sáng xanh dịu tẩm mát cho trái đất. Con người có giờ nghỉ ngơi lao nhiều hơn.

Cũng từ đó trở đi, những con vật không tốt với loài người, lười biếng, không chịu đi tìm mặt trời và mặt trăng đều phải chịu hình phạt: Chó phải ăn cơm thừa, canh cặn, phải ăn phân người; trâu bò phải kéo cày... Chỉ có người là được làm chúa tể muôn loài, sống yên lành trên trái đất.

Sau đó trời còn giao các con vật lười biếng đó cho người cai quản và có quyền giết thịt chúng bất kỳ lúc nào.

Vì sao trời vừa mưa vừa nắng

Vào một năm, cả vùng bị hạn hán kéo dài, các cây cỏ giống vật như nằm trong lòng chảo rang khổng lồ. Họ đem gà lợn, trâu bò ra giết thịt để cúng trời, cầu mong trời mưa cho. Thế rồi trâu bò, lợn gà cũng hết, mà trời vẫn nắng như thiêu như đốt. Không thể ngồi nhìn nhau chờ chết được, dân làng lại rủ nhau đi săn thú rừng về cúng trời. Họ bắt được bao nhiêu là hươu, nai, lợn rừng, gấu. Săn mãi, những con thú to này hết dần, hoặc chạy trốn trong rừng rậm núi đá. Dân làng lại trở về cái đồi có nương rẫy để bắt gà rừng, con cuốc, bìm bịp đem về cúng trời tiếp, nhưng trời vẫn không thương, mặt trời vẫn đỏ lòm như miệng con hổ đang thèm mỗi phả đầy hơi nóng hùng hực. Săn mãi thú rừng cũng không tìm thấy đâu nữa, dân làng cứ chết trong cảnh cây khô rụng lá dần.

Hai vợ chồng nhà nọ nghèo quá, không có một con gà nào để cúng trời với dân làng, đi săn cũng không có cung tên để bắn thú rừng. Trong làng người tốt thì thông cảm, những người khó tính và giàu có, thì họ nhìn hai vợ chồng bằng đôi mắt con trâu đục chuẩn bị húc nhau. Họ cho rằng hai vợ

chồng ăn ở độc ác nên không có con đến việc lớn của làng như thế mà không có cách nào tìm lấy một con gà để cúng trời, chỉ sống nhờ vào lộc của mọi người. Trước cảnh như vậy, người vợ lúc nào cũng buồn khổ, lủi thủi như con rùa ở xó rừng, lên nương rẫy một mình với chiếc gùi vá chẳng chít những dây thừng.

Một hôm, người vợ nằm mơ thấy trời vừa mưa vừa nắng, họ được lên trời nhìn thấy những lâu đài nguy nga tráng lệ, những nóc nhà cao chót vót như ngọn núi. Khi tỉnh dậy, người vợ thấy mình vẫn nằm trên chiếc phản kê bằng mây hòn đá cặp kênh. Người vợ kể lại cho chồng nghe giấc mơ của mình. Chồng lắng nghe không nói gì. Vợ kể rồi suy nghĩ hồi lâu và nói với chồng:

-Minh sống quá nghèo, con cái không có, con gà để cúng trời cũng không. Dân làng ta không còn gì để cúng trời nữa, mình xin trời cho chết đi mới có thể được lên trời như giấc mơ đêm qua, và dân làng mới được nhờ. Tôi xin trời cho chết trước để được làm mưa tưới cho cỏ cây và cứu dân khỏi chết khát.

Người chồng nghe vợ nói như vậy thì rất cảm động, hai dòng nước mắt tuôn ra, rồi ôn tồn nói với vợ:

-Bà chết đi để làm mưa cứu dân làng, còn tôi cũng xin trời cho chết đi để được làm nắng sưởi ấm cho đồng ruộng và cỏ cây trên thế gian này.

Nói rồi, hai vợ chồng cầm bó hương cắm ở bốn góc trời, thắp hương xong, họ quỳ lạy xin trời cho chết để được làm mưa nắng. Lập tức trời liền đổ cơn mưa xen lẫn với nắng.

Dân làng biết được đức độ cao như núi, dài như sông của hai vợ chồng, liền nổi trống thổi kèn đưa họ đến nơi yên nghỉ cuối cùng, và lập miếu thờ. Hiện nay ngôi miếu đó vẫn còn ở gần phố Đồng Văn.

Từ đó trở đi, khi thấy trời vừa mưa vừa nắng tức là lúc hai vợ chồng nghèo gặp nhau và dân làng ở vùng Đồng Văn, Mèo Vạc thuộc tỉnh Cao Bằng lại thắp hương để tưởng nhớ tấm lòng cao cả của họ.

Chàng rùa đi hỏi con Vua

Ngày xưa có hai ông bà già nghèo nhất vùng, không con không cái. Năm ấy, người vợ già tự nhiên có mang, rồi đẻ ra một con rùa. Con rùa con vừa ra đời cũng là lúc người chồng nhắm mắt qua đời.

Bà già quý con rùa lắm. Bà nghĩ con gì cũng là con, vì nó ở bụng mình ra, cũng chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau. Bà già chăm sóc, cho nó nằm chung, cho nó bú, con rùa ngày một lớn, biết nói như người. Bà già càng thương quý nó, đi rừng kiếm được quả ngon cũng dành phần cho rùa con, kiếm được con cá, con tôm cũng nướng phần rùa. Rùa ăn xong cứ lục cọc đi khắp nhà, mẹ về nó biết chào hỏi, mẹ ốm đau nó biết leo lên giường thò đầu ra đặt lên trán.

Bà già ngày ngày lên đồi làm nương làm rẫy từ lúc gà chưa gáy, khi trở về gà đã vào chuồng ngủ. Đạo này bà thấy nhà cửa khác xưa hẵn, lúc nào cũng sạch sẽ, chẳng có tý rác và bụi bặm nào. Lợn gà đã có ai chăn, lại có cơm ăn bày sẵn trên bàn còn bốc khói. Cơm xong, bà chạy đi khắp bản: “Cảm ơn bà thím nhà dưới, cảm ơn bà bác nhà trên, cảm ơn cả làng cả bản”. Người làng nghe thấy thế lấy làm lạ. Họ bàn tán xôn xao “Chắc bà già hồi này bị lẫn thần rồi”. Lâu dần cũng chẳng ai để ý đến chuyện của bà nữa, mọi người ai cũng bận

lo ăn, lo mặc.

Một hôm rùa con nói với mẹ:

- Mẹ ơi! Con đã khôn lớn rồi, mẹ đi hỏi vợ cho con đi!

Bà già nghĩ tội phận, thương con bà nói:

- Thân con như thế kia, ai chịu lấy con làm chồng ?

- Mẹ cứ đi hỏi đi.

- Mẹ biết đi hỏi ai hả con?

- Nhà vua có cô con gái thứ ba đấy! Mẹ cứ đến hỏi nàng ấy cho con mẹ ạ!

Bà già vừa thương rùa con vừa ngạc nhiên lo sợ:

- Con ơi! Người ta là con của vua, còn mẹ con ta nghèo đói cơm chẳng đủ ăn, sao lại dám nghĩ đến chuyện đi hỏi con vua?

- Mẹ cứ đi hỏi đi! Họ sẽ bằng lòng đấy!

Không đành lòng trước ý định của con, cơm gói, cơm đùm, bà mẹ ra đi. Đến nửa đường bà mẹ lặng lẽ quay về.

- Con ơi! Nhà vua không gả con gái cho con đâu!

Rùa con thò đầu ra khỏi mai lắc lắc:

- Mẹ đã đi đến nơi đâu mà biết vua không chịu gả ?

Bà chợt dạ: “ Nó nằm trong mai ở tận xó nhà mà lại biết mình chưa đi đến chỗ nhà vua hỏi”, nhưng vẫn cứ bảo con:

- Mẹ đi thật rồi mà!

- Đâu phải! Mẹ mới đến con suối nước rồi quay về nói dối con thôi!

Mấy hôm sau, bà già lại đi. Lần này đến gần cổng nhà vua,

bà đi đi lại lại. Nghĩ đến chuyện gặp nhà vua mà khắp người đã nổi da gà, vì có khi chẳng còn đầu mà về ăn cơm. Bà bèn quay trở lại.

- Mẹ sợ lắm chẳng dám vào gặp nhà vua đâu!

- Mẹ ơi! Mẹ đừng sợ, mẹ cứ vào gặp vua hỏi hẩn hỏi đi.

Mấy hôm sau bà già lại ra đi. Lần này bà đánh bạo xin lính canh cho được vào gặp vua. Hai chân bà vừa bước đi vừa run lẩy bẩy như muốn quy xuống. Vua cho bà gặp, bà cũng đánh liều hỏi:

- Thưa đức vua! Tôi có đứa con là rùa thúc giục mãi bắt đến hỏi công chúa thứ ba làm vợ.

Vua tròn tròn đôi mắt, rồi cười khinh bỉ:

- Con ta là con vàng con ngọc. Con của nhà người nếu là người cũng chẳng xứng đáng nữa là con rùa. Nếu còn đến ta sẽ cho quân đem thiêu sống!

Bà già run rẩy lom khom đi về, kể lại cho rùa con nghe. Bà già vừa kể vừa khóc suốt suốt.

Rùa con lại nằng nặc nói:

- Mẹ cứ đến lần nữa đi mẹ ạ! Chắc lần này vua sẽ bằng lòng thôi.

Bà già vừa đi vừa nghĩ bụng “chắc lần này là được vào vạc dầu của nhà vua rồi”. Nhưng thương rùa con quá nên bà cứ nhắm mắt đi vào cung vua. Vua sai quân bắt bà già đem đi thiêu chết, bà năn nỉ thưa một câu trước khi chết.

- Thưa đức vua! Con nghe nói người đời truyền rằng “lệnh vua còn có ba hẹn mới làm. Con mới đến lần thứ hai. Xin vua cho con được nói vài lời đã!”.

- Ta bằng lòng cho bà già nói.

Bà già vẫn một mực xin vua gả con gái cho rùa con làm vợ. Vua tức giận quá lên tiếng thách:

- Ta bằng lòng gả, nhưng phải có đầy đủ các lễ vật. Phải trái lụa đỏ, lụa xanh từ nhà người đến nhà ta, có đủ ba mươi tấm da rái cá, một trăm hai mươi tấm da trăn, có đầy đủ rượu, thịt cho cả vùng ăn uống bảy ngày, tám đêm, có vàng bạc, châu báu cho con ta đeo đầy người, ngựa rước dâu phải là ngựa có sừng.

Bà già nghe thấy từng ấy thứ, người dầm mồ hôi nghĩ bụng “chắc chuyện này là vào vạc dầu thật rồi”. Vua e hèm một tiếng rồi phán:

- Nếu không đủ các lễ vật ấy thì cả hai mẹ con đều bị thiêu sống!

Bà già về đến nhà vừa kể vừa khóc hu hu. Rùa con thì có vẻ hào hứng, thò đầu ra gật gù nói:

- Mẹ đừng lo. Mẹ cứ sang báo cho nhà vua hẹn ngày cưới đi.

Bà già lại bủn rủn ra đi. Ngày cưới đã đến, chẳng thấy rùa con làm gì cả, nó vẫn cứ nằm trong chiếc mai ở gần xó bếp. Bỗng nó bảo mẹ: “Mẹ ơi! Mẹ nhờ dân bản lên rừng chặt hết lá chuối về trái từ nhà ta đến nhà vua, nhờ người hái các loại quả rừng về đặt trong nhà cho con, nhờ người bắt hộ con nai đực nằm trong hang sau bản về”.

Dân bản lo lắng cho mẹ con rùa, chắc sẽ sắp bước lên vạc dầu của nhà vua. Mọi người đều ra sức giúp làm các việc rùa con nhờ. Họ chẳng tin gì rùa con và lấy làm lạ, nhưng vì thương hại bà già, nên họ cứ giúp. Thế rồi các thứ đều mang

về đầy đủ. Nước máng dẫn về đã biến thành rượu, hoa chuối rừng đã biến thành gà thiên, vỏ cây dương biến thành da con rái cá, vỏ cây gụ day biến thành da con trăn, các loại quả biến thành vàng bạc, châu báu. Bồng chóc cả sân đầy lợn, gà vịt, ngan ngỗng. Lá chuối biến thành lụa vàng, lụa xanh, lụa đỏ. Con nai đực biến thành con ngựa có sừng. Nhà vua hả lòng, hả dạ được đủ mọi thứ lễ vật, bằng lòng cho rước dâu.

Nàng công chúa ba thấy người chồng đến đón dâu là một con rùa cứ bò đi lọc cọc thì chán chường lắm, nhưng vì phải theo lệnh vua cha nên nàng phải về nhà chồng.

Ngày ngày, con rùa nằm bên xó bếp chuyện trò với nàng. Đêm khuya nàng thấy hiện ra một chàng trai đẹp khỏe, người trên trần gian không ai sánh nổi, bước vào buồng, chuyện trò và gọi nàng là vợ. Một đêm nàng rình thấy chàng trai ấy chui từ chiếc mai rùa ra, chàng đi thẳng vào buồng tìm nàng chẳng thấy đâu định quay ra. Nàng công chúa đã chạy đến túm lấy chiếc mai rùa ném vào lửa. Chàng rùa thấy khắp người nóng ran chạy vụt đến thì thấy chiếc mai rùa đang cháy xém vội lấy ra dập. Từ đó chàng không chui vào mai rùa được nữa. Cũng từ đó thân rùa có từng khoang vẫn là do lửa cháy xém.

Lưỡi dao thần

Xưa kia, có một em bé mồ côi ở đợ chăn trâu cho nhà giàu. Đàn trâu nhà này đông lắm, không ai chịu cho em chăn chung. Quanh năm em phải một mình chăn riêng đàn trâu, giữa chốn rừng hoang, đồng vắng. Chẳng có ai trò chuyện. Đến bữa, tuy nắm cơm của mình đã ít ỏi, em cũng bê đôi, lấy một nửa vãi ra cho lũ chim ăn cho vui. Ngày tháng trôi qua, đàn ông đã đông gấp bội và em bé cũng đã trở thành một chàng trai khỏe mạnh.

Một hôm đang ngồi trong bóng cây trú nắng, gió rừng thổi mát quá, chàng ngủ quên, đến lúc thức dậy, thì đàn trâu đã đi mất. Tìm khắp cánh đồng mà chẳng thấy. Lo mất trâu, sợ chủ bắt đền, chàng liền theo bờ sông ngược lên, đi tìm. Đến chỗ con sông uốn khúc, nước xoáy tròn như chong chóng, hai bên bờ có nhiều cây lạ, hoa thơm, cỏ non tươi tốt, thì gặp đàn trâu. Đúng trưa, mặt trời đỏ rực như một chậu lửa. Nóng quá, chàng xuống sông tắm. Có một con rùa nước chỉ bằng quả trứng, bị hòn đá to đè lên một chân. Con rùa quấy mãi mà không sao rút chân ra được. Chàng trai thương con rùa, đến vãn hòn đá cứu sống nó.

Con rùa này là con vị Thủy thần, khi đi chơi, bị mắc cạn. Nhớ ơn cứu sống, Rùa bảo chàng trai:

- Ôn người, ta xin đền đáp! Nay ta cho chàng một cây thuốc sống. Giữ cây thuốc sống này bên mình, người sẽ sống mãi. Có ai chết, lấy cây thuốc này đắp vào miệng người chết sẽ sống lại. Người con gái nào dắt nó bên người thì có thể bay lên tận trời xanh.

Nói xong, rùa biến mất. Chàng chăn trâu chưa hết ngỡ ngác bàng hoàng, đã thấy cây thuốc trước mặt. Cây thuốc chỉ bằng que tăm, xanh như lá mạ; hai đầu bằng nhau, chẳng biết đầu là gốc đầu là ngọn. Chàng cởi áo cài cây thuốc vào rồi đánh trâu ra về.

Từ trên trời có ba cô tiên lại vạch mây bay xuống bãi Tiên, cả ba cô vút bừa khăn áo trên bờ, chạy ùa xuống nước tắm. Tắm xong lại rửa nhau vào rừng hái hoa, bắt bướm. Mải vui, cô tiên Út bị lạc, quá giờ định của Ngọc Hoàng, hai cô chị cuống quýt không tìm thấy em đành bay về trời, còn cô Út ngồi ôm mặt khóc.

Hôm sau chàng trai đánh trâu ra đồng, thấy vậy chàng đã nhường phần cơm cho cô, chàng chặt cây rừng dựng cho cô một cái lán nhỏ, ngày ngày nấu cơm, xách nước nuôi cô gái. Cảm động, cô gái nhận lời lấy chàng trai.

Lấy được người vợ xinh đẹp, nhưng chàng chăn trâu vẫn sống trong cảnh nghèo nàn. Tuy vậy, vợ chồng chàng ăn ở hòa thuận. Cẩn thận, chàng đem giấu chiếc áo vào tận dưới bồ thóc, sợ vợ vô ý mặc phải. Sau một năm, hai người sinh được một đứa con trai. Một hôm, chàng đuổi trâu đi chăn. Vợ chàng ở nhà, trút bỏ bồ thóc ra phơi. Trông thấy chiếc áo chồng giấu dưới đáy bồ, cô vợ đem ra ướm thử liền bay vút lên trời. Khi đuổi trâu về, thấy nhà vắng, con khóc, bếp không có lửa, chàng

chạy vào tìm chiếc áo tiên, thì chiếc áo đã mất. Chàng đứng ngồi không yên. Thương xót, khóc lóc... Chàng bế con đi tìm vợ, không biết bao giờ mới trở lại nhà cũ cảnh xưa. Trước khi đi, chàng bế con đến thăm lại chỗ xoáy nước. Con rùa lại chờ chàng ở đó. Rùa cho chàng thêm hai viên thuốc, một thanh đao, và dặn:

- Thuốc phải uống ngay mỗi ngày một viên. Còn thanh đao thì chớ để mất. Bao giờ gặp tai biến, đao sẽ tự giải nguy.

Chàng chăn trâu cho con uống một viên thuốc. Đứa bé mới biết ngồi, bỗng to lớn khỏe mạnh hơn cha. Chàng uống luôn viên thuốc còn lại. Người chàng cũng cao hơn, khỏe hơn trước năm bảy lần, đủ sức đi cùng trời cuối đất. Chàng liền đeo đao vào lưng, đưa con đi thẳng về hướng mặt trời mọc.

Đi được ba tháng, cha con chàng gặp một con rác. Con rác cao như bụi tre, chân to bằng chân cột đình. Rác thích ăn lươn sống, bắt hai con cha con chàng đi tìm lươn cho nó ăn. Nó bảo:

- Nếu cha con mày trốn, tao sẽ cắt đứt đầu. Trong vòm trời này, chỗ nào tao bay cũng đến, trốn đâu tao cũng tìm được.

Uống viên thuốc của thần Rùa, hai cha con chàng không sợ chết, nhưng biết làm sao trốn khỏi đôi cánh to như mái đình của con rác, nên phải chịu nghe nó để lần hồi tìm kế thoát thân. Ngày ngày, hai cha con chàng chăn trâu phải ra đồng, bắt cho nó mấy giỏ lươn. Đến mùa mưa bão, nước ngập trắng đồng, không còn chỗ bắt lươn. Con rác đói, nuốt người bố vào bụng. Chẳng thấy ngạt, cũng không biết đau, chàng liền cựa quậy, cào xé trong ruột non rác. Bị đau, nó vùng vẫy,

lăn lộn, giẫm quang một vùng cây rậm rạp. Cuối cùng, con rác phải chịu thua. Nó bảo:

- Tao không bắt mày đi tìm lươn nữa! Cha con mày muốn đi đâu thì đi...

- Mày chẳng làm sao hại được tao. Mày không thả, tao cũng chả cần!

Chàng chui lên cổ con rác nói vọng ra những lời đó, rồi cào cấu mạnh hơn.

Con rác nài nỉ: Thôi tha cho tao

Tao cho cha con mày hai cái lông của tao, nó rất cần cho những người đi biển.

Để con rác sống e nó cản trở đường đi, chàng rút dao cắt đứt ruột nó, rạch bụng chui ra, nhổ hai cái lông cánh, rồi đưa con đi tiếp về phía chân trời. Cha con chàng đi chẳng bao lâu đã hết đất, đến biển. Biển rộng mênh mông, nước xanh ngắt, sóng đập ào ào. Xung quanh vắng lặng, chẳng có người qua lại cũng chẳng có thuyền bè ngược xuôi. Hai cha con chàng đem thanh dao vào rừng đẵn một cây to, khoét ruột làm một chiếc thuyền. Người con lấy nước trầu của cha đang ăn sơn lên thành chiếc thuyền màu đỏ. Lại lấy hai cái lông con rác cắm đứng lên, đợi gió. Hai cái lông to xòe rộng như hai cánh bướm. Chờ đến ngày nổi gió, hai cha con chàng đẩy thuyền ra biển. Gió mạnh, thuyền rẽ sóng chạy băng băng, nhanh hơn ngựa hay chạy trên đất liền. Chạy qua bên kia biển, con thuyền ghéch mũi lên không. Gió lại thổi mạnh. Chiếc thuyền bay bổng lên trời, bay thẳng đến động tiên. Tiên ông đang ngồi xem sách thấy thuyền lao vút đến, liền hỏi các con:

- Đứa nào xuống trần mắc nợ, để người trần lên quấy thiên cung?

Cô tiên thứ ba thú tội “Ngày bị ở lại trần gian, cô trót nhớ thương một người chăn trâu nghèo khổ”. Tiên ông nổi giận, truyền trói cô tiên ấy lại, rồi giục quân ra chặn đánh, không cho hai cha con chàng chăn trâu vào làng tiên.

Quân tiên đổ ra đông như một bầy ong, vây chặt chiếc thuyền. Cha con anh chăn trâu xưa nay chưa hề biết chuyện cung kiếm, cũng như chưa bao giờ thấy quân hùng tướng mạnh, nay gặp quân nhà trời, người họ run cầm cập cứ cầm thanh đao nhìn qua, nhìn lại. Bỗng không biết từ đó, có tiếng nói vọng đến tai anh: “Bao giờ quân nó đến gần, lật lưỡi đao lên, chúng nó sẽ đứt cổ, thủng bụng”.

Anh vững dạ, cầm chắc thanh đao, mắt lăm lăm nhìn quân tiên tràn tới. Khi quân tiên còn cách mình ba bước, anh lật lưỡi đao lên, lưỡi đao phát ra một luồng ánh sáng như tia chớp. Tiên ông lại giục quân ra thêm. Nhưng quân tiên ra thêm bao nhiêu, cũng đều bị lưỡi đao thần giết chết.

Hai cha con chàng đi thẳng vào thiên cung. Quân tiên sợ trốn hết, chỉ còn cô tiên bị trói đứng đó. Chàng tiến đến cởi dây. Vợ chồng, mẹ con gặp nhau, vừa mừng vừa tủi. Cô dẫn chồng và con đến xin lỗi cha. Tiên ông hết phép, hết quân nên phải bằng lòng để cho cô tiên út trở về hạ giới. Chàng chăn trâu đưa vợ con trở lại chỗ chiếc thuyền. Chiếc thuyền bay thẳng một mạch từ thiên cung về biển, rồi từ biển vào đất liền, ngược theo một con sông trở về làng cũ.

Viên Ngọc Thần

Ngày xưa, có một người tính thật thà ngay thẳng. Thấy ai bị hà hiếp, dù thiệt cho mình, anh vẫn cố sức bênh vực. Ai thế yếu cô đơn, anh đều sẵn lòng giúp đỡ. Vì vậy, bọn nhà giàu trong vùng rất ghét anh. Chúng tìm cách lấn át, chèn ép, anh phải bỏ nhà vào núi ở, lấy nghề săn bắn làm vui. Tuy tình cảnh khốn đốn, lòng anh vẫn tốt như thường. Dù trong nhà đang thiếu ăn, anh không bao giờ bán những con thú đang chữa hay đang nuôi con. Thà vác ná về không chứ anh không bán bất cứ con gì lúc con cái con đực đi sống đôi.

Đi săn nhiều năm, anh thuộc núi rừng như thuộc các ngõ ngách trong làng, nhận ra những con hươu nai thường gặp. Trong những con vật anh thường trông thấy, có hai vợ chồng con rắn. Hai con rắn to như cây chuối, da đen như than, dài đến mấy sải, cùng ở chung trong một con hang đá rất sâu. Sáng nào vợ chồng nó cũng đưa nhau đi kiếm ăn. Mỗi khi con cái thay da, con rắn đực tha mồi về tận hang. Mùa đông năm đó, đến lượt con rắn đực thay da, nằm yên một chỗ. Bỗng con rắn cái thay lòng đổi dạ. Nhân lúc con rắn chồng ốm yếu, con rắn cái, theo con rắn đực khác, rồi định đưa con rắn ấy về hang cắn chồng.

Thấy hai con rắn kia xấu xa, anh thợ săn căm ghét, đến

ngồi rình trước cửa hang, định giết cả hai. Nhưng khi chúng nó đến, anh chỉ kịp bắn vào con rắn cái. Con rắn dục vùi chườn vào rừng. Chờ đến bữa ăn, không thấy vợ tha mồi về, con rắn dục đang thay da, bò ra cửa hang đón. Trông thấy vợ chết, mắt bị một mũi tên xuyên ngang. Con rắn dục biết người thợ săn vẫn gặp hàng ngày đã bắn vợ mình, nên chờ dịp báo thù. Khi đã thay da xong, nó bò đến cửa nhà anh thợ săn nằm chờ. Cùng tối hôm đó, anh thợ săn ngủ không ngon giấc. Mới nửa đêm anh đã tỉnh, nằm mãi không ngủ được, anh đánh thức vợ dậy, kể chuyện con rắn cái “ăn ở hai lòng” và đã bắn nó, để cứu con rắn dục đang thay da.

Con rắn dục nằm ngoài cửa nghe rõ mọi điều. Bấy giờ nó mới biết nó đã được anh thợ săn cứu thoát nạn. Nếu anh không bắn chết vợ nó, thì nó đã bị vợ cùng với con rắn dục kia cắn chết rồi! Từ trả oán sang mang ơn, con rắn cúi đầu, lách mình chui qua khe cửa nhà anh thợ săn. Nghe động, anh thợ săn choàng dậy vớ lấy cái ná. Trông thấy con rắn, anh giương ná lên toan bắn. Nhưng con rắn đã thu mình, nằm co đầu cúi xuống, không thè lưỡi. Nó gật đầu liên mấy cái, nhả ra một viên ngọc, rồi lặng lẽ chui ra. Anh thợ săn nhận ra con rắn vẫn gặp thường ngày liền đến nhặt viên ngọc lên xem. Người thợ săn rất đỗi ngạc nhiên. Cầm viên ngọc, anh nghe được tiếng của lũ muỗi nói với nhau, sợ lạc đàn. Rồi anh nghe rõ cả tiếng con rắn dục nói: “Đền ơn cứu sống, trả nghĩa công bằng”.

Một hôm, anh bắn được một con bò rừng rất to. Vợ chồng đang ra tay xẻ thịt phơi khô thì một đàn quạ bay đến xà xuống cướp. Anh gào rất cổ, mà lũ quạ cứ sấn vào. Phát cáu, anh lấy ná lấp tên, bắn một phát. Chẳng may mũi tên trúng con quạ

chúa đàn. Đàn qua cấp xác chúa và mũi tên bay đi. Chúng bay về đồng bằng; bay qua khắp các làng mạc thôn xóm, vẫn chưa tìm được có gì để báo thù người thợ săn. Khi bay qua sông, thấy xác một người chết đuối trôi tấp vào bờ, lũ quạ đem mũi tên cắm vào xác người chết. Họ hàng người này tìm được, đem cả người chết và mũi tên vào cung vua kiện. Vua truyền khắp nước, ai có ná, có tên từ núi cao, đến các làng hẻo lánh đều y lệnh vua. Anh thợ săn cũng vào châu, mang theo cả viên ngọc. Vua truyền mọi người đem tên của mình ra so với mũi tên ghim trên xác chết. Mỗi người so đến mấy lượt. Chỉ có mũi tên của anh thợ săn có viên ngọc là giống. Vua bắt anh cùm lại, chờ ngày xử tội.

Vạ giữa đang mang vào cổ, anh thợ săn nói thế nào, vua cũng không nghe. Bọn nhà giàu làng anh lại được dịp nói thêm nói bớt. Anh thợ săn đành phải chờ đến mạng người chết đuối.

Ở trong tù lao, nhớ vợ, nhớ nhà, nhớ rừng núi, anh không thể nào ngủ được. Mới nửa đêm, nhờ có viên ngọc mang theo, anh nghe đàn kiến trên tường giục nhau:

- Trời sắp lụt to rồi! Phải vào kho vua tha thóc để dành ăn. Nếu chậm chân thì đói to!

Sáng hôm sau anh lại nghe chim sẻ, chim cu mách nhau:

- Chỉ có vào kho vua mới được nhiều. Trong kho vua lắm thóc lắm.

- Đàn chuột quá mãi chơi, sợ hết phần nên giật giọng om sòm:

- Thóc trong kho vua, chim sẻ chim cu và kiến tha gần hết rồi! Không vào tranh nhau với chúng nó thì chết đói đấy! lụt

rất lớn và rất lâu ngày!

Chim cu, kiến, chuột nói anh thợ săn đều nghe rõ cả. Đến buổi, người lính canh đem cơm vào, anh thợ săn nhẩn:

- Nói cho vua hay...trời sắp lụt bão to. Thóc gạo trong kho, chim chuột....đã tha để ăn chạy lụt cả rồi!

Người lính vào tâu. Vua cười mỉa:

- Chó mà dạy hổ nhảy cao. Nếu có giỏi, nó đã chẳng xin ta cho làm quan thiên văn, địa lý, chứ đại gì đi cướp của giết người. Nó muốn tìm mưu chạy trốn đây. Hãy đóng chặt thêm chiếc cổng lại.

- Người thợ săn lại bị quân lính cùm chặt hơn. Hôm vợ anh vào thăm, anh cho vợ biết trời sắp lụt, và bảo vợ về làng cũ nói voi hàng xóm láng giềng. Tin lời vợ chồng anh thợ săn, mọi người lo gặt sớm, để lúa trên chòi cao, làm bè, làm thuyền, nắm cơm, rang gạo để sẵn. Nước lụt là kéo nhau lên núi ở.

Chỉ có bọn nhà giàu là nói gièm việc làm của vợ anh thợ săn, rồi lại vào mách vua. Vua lại kết tội vợ anh thông đồng với chồng làm loạn, sai quân lính đến bắt trói chân, trói tay không về, chờ ngày cùng đem chém.

Ngày xử án đã đến, vợ chồng anh thợ săn bị đưa ra pháp trường. Hai người vừa bị trói đứng vào hai cây cột, thì gió thổi mạnh, mây lớn vờn trên đầu, trời sập tối rồi đổ mưa. Vợ chồng anh thợ săn bị trói đứng cách xa nhau có mấy bước chân mà không trông thấy nhau. Lũ quét đã tràn về ngập cả chân núi. Lũ quan và quân lính bỏ chạy mất cả. Hai cây cột trói vợ chồng anh cũng bị trốc gốc. Anh tự cởi trói cho mình

rồi đến cõi trời cho vợ. Nước đã ngập đến cổ. Hai người đang bì bõm lội giữa vùng ngập mênh mông thì có một chiếc bè chuối ghé đến. Người trên bè nắm tay vợ chồng anh thợ săn kéo lên. Khi tỉnh dậy, vợ anh thợ săn nhận ra người đưa bè chuối đến cứu vợ chồng mình, chính là người được chị báo tin trời lụt nước.

Mưa vẫn kéo dài, gió thổi rất mạnh, cả triều đình vua chúa đều chìm nghỉm dưới đáy nước. Chiếc bè chuối của người hàng xóm tốt bụng chở vợ chồng anh thợ săn trở về làng cũ. Bọn nhà giàu, và bọn điều ngoa thóc mách không kịp chạy con lú quét đều bị chết trôi. Chỉ có những người nghèo, vì nghe lời người vợ anh thợ săn là còn sống trên những chiếc bè, trên núi chờ nước rút lại kéo nhau về quê làm ăn sinh sống!

Hằng Nga bay lên cung trăng

Sau khi Hậu Nghệ bắn rụng chín mặt trời, đất trời trở nên mưa thuận gió hoà, cây cối xanh tươi, mọi người được sống một cuộc sống yên ấm và no đủ.

Nhưng trên các vùng hoang vu hiểm trở và dưới biển sâu vẫn còn nhiều yêu ma, quái vật ngày đêm rình rập đe dọa dân lành.

Có người đến nói với Hậu Nghệ: “ở vùng rừng thiêng nước độc phương Bắc có một con quái vật chín đầu, nó ăn thịt người và phá phách mà màng!...” Hậu Nghệ nghe xong, liền quyết lên đường giết con quái vật, trừ hại cho dân lành.

Người học trò của Hậu Nghệ tên là Phùng Mông nắm chặt cán thương và tâu:

- “Thưa sư phụ! Việc này xin để con đi cho”.

Nói xong liền lao thẳng đến vùng rừng thiêng nước độc phía bắc.

Lên đến nơi, bị quái vật chín đầu phun nước, khạc lửa thét dọa. Phùng Mông vội bỏ chạy thực mạng về nhà...

Lập tức Hậu Nghệ thúc ngựa lao lên phương Bắc. Cuộc

chiến đấu giữa Hậu Nghệ và quái vật chín đầu kéo dài suốt ba ngày đêm vẫn chưa phân thắng bại.

Quái vật chín đầu tên gọi là Cửu Anh có chín cái đầu dính liền với nhau. Phải cùng một lúc chặt đứt cả chín cái đầu thì mới giết chết được nó, nếu không nó sẽ trở lên hung dữ gấp trăm lần.

Hậu Nghệ vác một cây cung thật lớn ra, lắp cả chín mũi tên và nhằm thẳng con quái vật bắn một phát. Cả chín đầu quái vật cùng lúc bị trúng tên. Một tiếng gầm rung chuyển cả núi rừng, quái vật đổ xuống chết ngay.

Trên đường về, Hậu Nghệ lại dùng mũi tên thần bắn vào bụng và mắt con chim đại phong, ác điểu bị trúng tên lao thẳng xuống biển làm mồi cho đàn cá.

Mọi quái vật đều bị Hậu Nghệ giết chết hết. Người vợ yêu quý của chàng là Hằng Nga cùng dân làng vui mừng đón Hậu Nghệ thắng lợi trở về.

Lúc này Phùng Mông đứng bên cạnh, hần vốn là kẻ rất nhỏ nhen nên ghen ghét với sự vinh quang của sư phụ mình.

Bề ngoài Phùng Mông vẫn giả vờ vô cùng tôn kính Hậu Nghệ, hần luôn luôn nịnh hót, phỉnh phờ, làm cho Hậu Nghệ dần dần trở nên kiêu căng, ngạo mạn.

Từ đó Hậu Nghệ suốt ngày uống rượu, chỉ thích đi săn bắn, chơi bời. Thấy cảnh đó, vợ chàng vô cùng đau xót, nàng đã rơi không biết bao nhiêu giọt lệ buồn bã.

Một hôm vừa sáng sớm, Hằng Nga đã khuyên Hậu Nghệ dậy luyện tập võ nghệ. Không những không ra tập. Hậu còn lớn tiếng chửi vợ mình. Nàng vô cùng đau khổ...

Hằng Nga đi tìm người học trò khác của Hậu Nghệ và mời anh ta về nhà, mong anh ta lựa lời khuyên chồng luyện võ. Đúng lúc đó, Phùng Mông xui Hậu Nghệ nấp vào góc kín, nhìn vợ mình đang đi với người học trò kia trên đường. Hậu Nghệ sinh nghi và nổi giận vì ghen tức.

Cũng lúc đó, Hậu Nghệ càng trở nên đa nghi và ngạo ngược; chàng lạnh nhạt và xa lánh Hằng Nga.

Lúc này Phùng Mông nghĩ cách giết hại Hậu Nghệ. Một hôm hắn uốn lưỡi tán tỉnh xui Hậu Nghệ lên núi Côn lân để xin Tây vương mẫu thuốc trường sinh bất lão. Thâm tâm, Phùng Mông biết là Hậu Nghệ lâu nay không luyện công nhất định sẽ bị quy ngã và chết trong khe núi.

Vì thèm được trường sinh bất lão Hậu Nghệ đã nghe theo lời tán tỉnh của Phùng Mông, quyết lên núi Côn Lôn xin bằng được thuốc quý!

Núi Côn Lôn là nơi ở của thần thiên, là vùng núi cao vực thẳm, xung quanh sông núi bao bọc và ngoài cùng là núi lửa rừng rực phun suốt ngày đêm.

Tuy đã lâu ngày không luyện công, nhưng Hậu Nghệ vốn là người tài giỏi, nên cuối cùng đã vượt qua vô vàn khó khăn hiểm trở và leo được lên đỉnh núi Côn Lôn.

Khi Hậu Nghệ đến trước cửa cung điện của Tây Vương Mẫu, con vật gác cửa nhìn thấy “người anh hùng từng bắn rụng mặt trời”, liền mở cửa cho chàng đi vào.

Tây Vương Mẫu hỏi Hậu Nghệ: “ Vì sao anh muốn uống thuốc trường sinh bất lão?”. Hậu Nghệ tâu:

- “Để được sống mãi, trừ hại cho dân lành”.

Tây Vương Mẫu xong, rất vui lòng liền sai con chim xanh ba đầu đem hồ lô thuốc “Trường sinh bất lão” đưa cho Hậu Nghệ.

Hậu Nghệ vui mừng nhận thuốc. Vương Mẫu dặn thêm: “Thuốc này được luyện từ quả của loài cây bất tử, ăn ít sẽ không bao giờ chết, nếu ăn nhiều sẽ trở thành tiên. Ta cho người khá nhiều đấy về chia cho những người anh hùng khác mỗi người một ít.

Hậu Nghệ từ biệt Tây Vương Mẫu, ôm bình thuốc vượt qua muôn núi nghìn sông trở về.

Trên đường về, sợ người khác ăn trộm thuốc quý của mình, nên Hậu Nghệ vẽ dây hình ảnh góm ghiếc và độc địa lên thành bình đựng thuốc.

Một hôm, Phùng Mông ở đứng ở đầu thôn nhìn thấy Hậu Nghệ trở về, hấn vô cùng sung sướng, nhưng nghĩ ra một kế mới.

Phùng Mông hốt hải chạy ra đón Hậu Nghệ, hấn quỳ xuống giữa đường và tâu: “Su phụ ơi! khi thấy vừa đi xa, Hằng Nga thường đi lại với người ngoài...”

Nghe thấy thế, Hậu Nghệ nổi giận lôi đình, lập tức chạy thẳng về nhà.

Hằng Nga thấy chồng trở về, vô cùng vui mừng chạy ra đón.

Ai ngờ, Hậu Nghệ mặt hầm hầm, không nói một lời, vung tay đánh Hằng Nga và bắt Hằng Nga đi gọi tình nhân tới.

Hằng Nga vô cùng uất ức, nàng không chịu nổi sự oan trái này, đã quyết định đi tìm cái chết. Nàng xông vào Hậu Nghệ

giăng lấy bình hồ lô có vẽ những hình ghê rợn, nàng nghĩ đó là thứ thuốc độc.

Nàng vừa chạy vừa uống; khi Hậu Nghệ đuổi kịp, Hằng Nga đã uống cạn bình thuốc...

Hậu Nghệ điên cuồng, vừa giơ tay lao về phía Hằng Nga, thì nàng đã từ từ bay lên khỏi mặt đất.

Hậu Nghệ nhảy lên định tóm lấy Hằng Nga, nhưng nàng đã bay lên quá cao. Hậu Nghệ chỉ nắm được một đầu thắt lưng.

Phùng Mông nấp ở sau bụi cây, nhìn thấy thế, hấn vô cùng hả hê, đắc chí cười một mình.

Lúc này Hậu Nghệ mới biết mình đã bị mắc lừa, chàng kêu gào thảm thiết, gọi tên Hằng Nga, nhưng nàng đã bay về phía mặt trăng sáng lấp lánh.

Hai mắt ngấn lệ. Hằng Nga bay thẳng vào cung trăng.

Từ đó, Hằng Nga và thỏ ngọc mãi mãi ở trong cung trăng, cô đơn và lạnh lẽo.

Nữ oa đội đá vá trời

Ngày xưa ngày xưa, trời đất là một cỏi hỗn mang. Vũ trụ giống như một quả trứng.

Trong quả trứng có một người nằm ngủ. Người xưa gọi là ông Bành Tổ.

Ông Bành Tổ ngủ ở đó hơn một vạn tám nghìn năm. Một ngày kia, ông thức dậy, bực bội vì trong quả trứng tối om và ngột ngạt.

Ông liền vung một chiếc rìu lớn lên. Và cùng với một chấn động dữ dội, quả trứng tách làm đôi.

Những mảnh vỏ trứng nhẹ từ từ bay lên cao và hoá thành bầu trời. Những phần còn lại nặng thì dần dần rơi xuống và biến thành mặt đất.

Sợ rằng trời đất sẽ hợp lại thành cỏi hỗn mang, ông Bành Tổ liền đứng trên mặt đất giơ tay đỡ lấy bầu trời. Ông đứng đó hơn một vạn tám nghìn năm và cuối cùng ông cạn kiệt sức lực, ngã xuống.

Sau khi ông Bành Tổ chết, chân tay ông hoá thành những dãy núi đồi trùng điệp. Máu ông trở thành trăm ngàn dòng sông, suối. Đôi mắt ông hóa thành mặt trời và mặt trăng. Da và tóc ông biến thành cây cối, hoa cỏ, chim muông và

muôn loài vật....

Một hôm, có một nữ thần xinh đẹp và tốt bụng bay xuống mặt đất, người xưa gọi bà là Nữ Oa. Bà Nữ Oa say sưa nghe chim hót, mãi mê ngắm nhìn những bông hoa đua nở, ngắm cảnh núi sông hùng vĩ.

Nhưng bà Nữ Oa vẫn cảm thấy nơi này còn thiếu vắng một cái gì đó! Phải rồi, cần có con người thì trái đất mới trở nên tươi đẹp và sống động.

Bà vừa đi vừa suy nghĩ như thế. Đến bên bờ suối, bà ngồi xuống nghỉ và uống một chút nước mát. Bỗng bà chợt nhìn thấy bóng mình in xuống dòng suối trong xanh.

Ồi! Con người mới đẹp làm sao! sung sướng với ý nghĩ đó, bà liền bốc một nắm đất và dùng trí tưởng tượng, với bàn tay khéo léo của mình nặn thành một con người bé nhỏ xinh xắn.

Kỳ lạ thay, bà vừa đặt nó xuống đất, nó đã chạy nhảy tung tăng và luôn mồm gọi “ Mẹ! Mẹ! ”.

Vô cùng sung sướng bà liền nặn thêm rất nhiều các con người khác, cùng nhỏ xinh và tuyệt đẹp.

Bà nặn suốt ngày suốt đêm, đến nỗi các ngón tay phồng rộp cả lên. Nhưng số người vẫn còn quá ít so với mặt đất rộng lớn này.

Chợt bà Nữ Oa nảy ra một ý định mới. Bà liền lấy một cành nho dài, nhúng đầy bùn rồi vẩy thật mạnh. Mỗi giọt bùn chạm đất lập tức biến thành một đứa trẻ khoẻ mạnh và xinh xắn.

Bà rất sung sướng vì đã tạo ra loài người. Bà đi khắp nơi, qua núi qua sông, vẩy những giọt bùn và con người xuất hiện khắp nơi trên trái đất.

Từ đó con người bắt đầu sinh sống trên trái đất. Bằng chính bàn tay lao động của mình, con người đã tạo ra của cải vật chất và cuộc sống yên vui.

Một ngày kia, gió bão nổi lên, mưa to sấm chớp kinh hoàng. Lửa bốc cao thiêu trụi cả những cánh rừng bạt ngàn. Con người và muôn loài vô cùng điêu linh.

Rồi một tiếng động làm rung chuyển cả vũ trụ. Bầu trời bị rách thủng một mảng lớn, nước từ trên trời tuôn xuống xối xả.

Hoá ra trên trời Thần lửa và Thần nước đang đánh nhau kịch liệt. Hai vị thần này đều muốn tranh quyền cai quản trái đất.

Bị Thần Lửa đuổi riết, Thần Nước vội lao thẳng xuống đáy Thiên Hà...

Ngay lập tức, hàng nghìn luồng nước xoáy, từ Thiên Hà tuôn xuống chảy tràn khắp mặt đất.

Nước ngập làng bản, ruộng vườn. Mưa xối xả không ngớt. Loài người kêu gào thảm thiết.

Bà Nữ Oa nhìn những đứa trẻ con của mình chìm trong biển nước mà lòng đau như cắt.

Để cứu loài người khỏi thảm hoạ, bà Nữ Oa liền nâng một tảng đá lớn và bay lên bầu trời lắp vào lỗ hổng.

Sức mạnh của dòng nước quá lớn, cuốn phăng cả tảng đá

và Nữ Oa xuống mặt đất.

Nữ Oa không nản lòng, bà lại nâng tảng đá bay lên lắp vào lỗ hổng. Nhưng dòng nước mạnh lại đẩy phăng tảng đá xuống.

Bà nghĩ ra cách khác vá trời. Ngày ngày bà đi khắp non cao, biển lớn chọn những hòn đá nhiều màu sắc gom lại thành đồng lớn và bà bao quanh đồng đá bằng một cầu vòng rực rỡ.

Sau đó bà đem vô vàn các bó củi chất quanh đồng đá.

Khi các bó củi đã phủ kín đồng đá, bà châm lửa đốt. Lửa bùng cháy suốt chín ngày chín đêm làm các viên đá nóng chảy, kết liền thành một khối đá lớn rực rỡ muôn màu.

Bà Nữ Oa liền nâng khối đá muôn màu bay thẳng lên trời, gắn vào lỗ thủng. Bà đứng giữ khối đá suốt bảy ngày đêm. Đến sáng thứ tám thì khối đá liền với bầu trời.

Mưa tạnh, mặt trời toả sáng muôn nơi, những đám mây nhiều màu sắc trôi trên bầu trời tuyệt đẹp. Nhưng bà Nữ Oa bị bỏng khắp người.

Bỗng nhiên nước lại ào ra từ các kẽ nứt. Nén đau, bà Nữ Oa nhổ từng bó lau sậy bịt kín kẽ nứt lại. Cuối cùng nước cũng ngừng chảy, trái đất trở lại yên vui, thanh bình.

Nhờ có bà Nữ Oa, mọi tai hoạ đã qua. Loài người sung sướng kính dâng lên và bà những của ngon vật lạ của trái đất để tỏ lòng biết ơn vô hạn.

Bà còn tạo ra nhiều nhạc cụ, kèn sáo... từ tre trúc, quả bầu. Từng đàn chim phượng, chim công đến giúp bà. Chẳng mấy chốc những nhạc cụ mang nhiều cung bậc âm thanh kì

diệu ra đời. Bà đem cho loài người để con người đàn hát, mừng cuộc sống vào các dịp lễ hội.

Người người đều say sưa làm việc, cuộc sống ấm no hạnh phúc đến mọi nhà.

Bà đã tạo ra con người và chăm lo cuộc sống của họ. Song chưa kịp nhận lấy lời cảm ơn, bà đã bay lên một cỗ xe tuyệt đẹp do con rồng xanh kéo và bay lên trời.

Bà Nữ Oa là vị thần xinh đẹp, là người mẹ bất tử của loài người. Bà vẫn sống trên trời mãi cho đến ngày nay. Bà chẳng bao giờ kể về những việc làm của mình, song loài người thì luôn nhớ mãi bà Nữ Oa và những điều tốt đẹp bà đã đem lại cho trái đất, con người và muôn loài...

MỤC LỤC

Trang

Tấm cám	7
Sự tích bánh dày, bánh chưng.....	19
Cây khế.....	23
Thánh Gióng.....	29
Sự tích Loa Thành.....	33
Sự tích chú Cuội.....	39
Cây tre trăm đốt.....	34
Sơn Tinh Thủy Tinh.....	46
Truyện dẻ trăm trứng.....	48
Sự tích trầu cau.....	53
Nàng tiên và chàng trai nghèo.....	57
Chàng rể thông minh	60
Nghè hóa cọp	70
Thuồng luồng hóa rồng.....	75
Từ Thức lên tiên.....	78
Tiêu diệt mãng xà.....	82
Văn Linh và Văn Lang.....	87

Sự tích cây huyết dụ.....	91
Ngưu lang Chức nữ	93
Quả bầu kỳ lạ	98
Hầm vàng hầm bạc.....	103
Hồn Trương ba, da hàng thịt.....	106
Cô gái thông minh.....	110
Miếng trâu kỳ diệu.....	117
Giúp bạn	121
Tục ăn trâu ngắt đuôi.....	127
Anh và em gái.....	129
Ba vật kỳ diệu	138
Bắn mặt trăng.....	144
Nàng Xuân Hương.....	148
Chiếc giày thom.....	156
Chó đá biết cười.....	160
Bốn người bạn	164
Nàng cóc	170
Ba chàng thiện nghệ	173
Ba con quỷ.....	178
Ba lá bùa.....	187
Ba thầy thuốc giỏi.....	194
Báu vật thần kỳ.....	199
Cái hũ thần thông.....	208
Con kiến kiện củ khoai.....	210

Thật thà là cha quý quái.....	214
Chiếc áo tàng hình.....	218
Tiếng hót chim họa mi	223
Con gái thần nước.....	237
Hòn ngọc ước của con quạ	240
Khổng lồ đúc chuông	243
Da Rác lấy chồng tiên	249
Lươn thần và cậu bé nghèo khổ.....	256
Chàng lùn.....	260
Mẹ rùa và nàng Lan Chi.....	270
Lọ nước thần.....	275
Bông hoa năm cánh.....	278
Nàng dâu thông minh.....	282
Thần núi Tản Viên.....	288
Cô gái lấy chồng trần.....	291
Sự tích tên, nổ, súng, đạn.....	294
Sinh con rồi mới sinh cha.....	300
Viên ngọc quý.....	302
Viên ngọc dơi.....	305
Con thỏ trên mặt trăng.....	310
Sự tích bái tiên.....	313
Chiếc thoi vàng.....	318
Chị em nhà Cóc tía.....	322
Vì dâu cây cọ có gai.....	326

Sự tích cái vỏ dao.....	331
Đức Phật Bà và vị Hoà thượng.....	334
Một điều ước.....	337
Tiếng gọi mặt trời.....	342
Gà trả ơn Vịt	346
Bộ hung dâng trí.....	348
Người cháu hiền thảo.....	351
Người bạn tình nghĩa.....	354
Nhà Sư và trái tim kẻ cướp.....	357
Hổ vằn thu mưu Thỏ.....	359
Cái trống thần	364
Chàng ngốc học khôn.....	368
Chàng cóc.....	375
Sự tích Tháp Bà.....	387
Trương chi My Nương.....	389
Tích núi Bà Đen.....	391
Quan Âm tái thế.....	394
Chiếc bầu nước của Rồng.....	396
Chàng cóc lấy vợ tiên.....	404
Anh lười lấy vợ khỉ.....	411
Sự tích cầu vồng.....	417
Kiên trì.....	420
Sự tích sấm sét.....	424
Sự tích cây lúa.....	427

Chàng đi săn và nàng thủy tiên.....	429
Mặt trời và mặt trăng.....	437
Vì sao trời vừa mưa vừa nắng.....	441
Chàng rùa đi hỏi con Vua.....	444
Lưỡi dao thần	449
Viên Ngọc Thân	454
Hàng Nga bay lên cung trăng.....	459
Nữ oa đội đá vá trời.....	464



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

Truyện Cổ Tích Việt Nam

Sưu tầm biên soạn: **HÀNG NGÀ**

Chịu trách nhiệm xuất bản
AN CHUÔNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
NGỌC LUẬT

Biên tập:

Vẽ bìa:

Trình bày:

Sửa bản in:

BÍCH HÀNG

TRUNG DŨNG

HƯƠNG GIANG

MAI THANH

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Tập chí Thanh Việt Nam
Giấy phép xuất bản số: 1564-XB-QLXB/11-VIITT
In xong nộp lưu chiểu quý III năm 2004

Sưu tầm, biên soạn: Hằng Nga

Truyện **CỔ TÍCH** **VIỆT NAM**



Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin

0103566

Giá: 48.000đ